Bộ 2 • SỐ 12 • THÁNG TƯ. 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

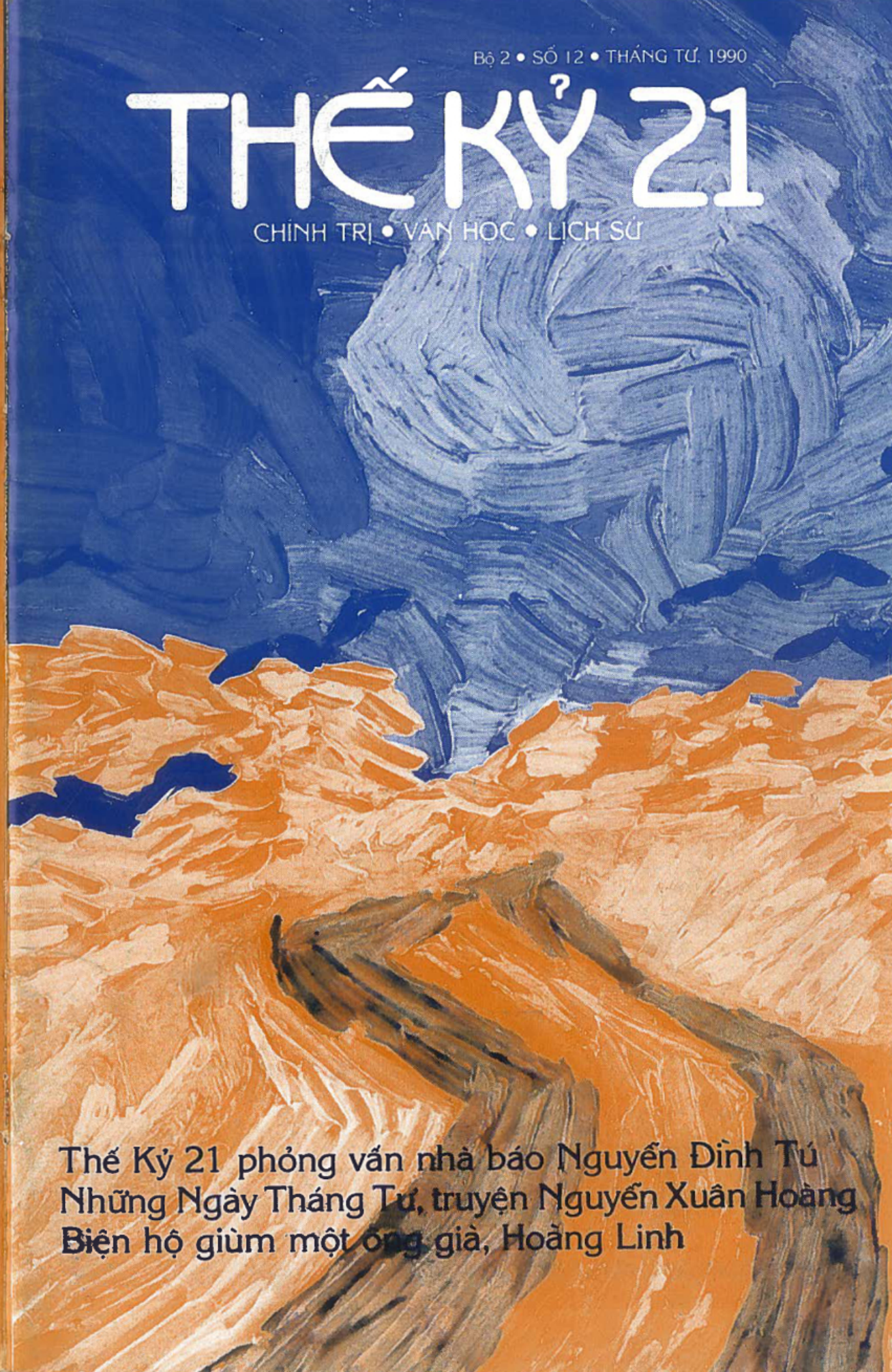

Thế Kỷ 21 phỏng vấn nhà báo Nguyễn Đình Tú

Những Ngày Tháng Tư, truyện Nguyễn Xuân Hoàng

Biện hộ giùm một ông già, Hoàng Linh

THÔNG BÁO DỜI VỀ ĐỊA CHỈ MỚI
KỂ TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 1990

CHIROPRACTIC ORTHOPEDICS

Bác Sĩ NGUYỄN THẾ THỨ, D.C., D.S.C., Ph.D.

Là Bác sĩ Việt Nam đầu tiên mở phòng mạch CHIROPRACTIC
từ năm 1981 với sự cộng tác của Bác Sĩ Nguyễn Xuân Thuyên.

Bác Sĩ NGUYỄN XUÂN THUYÊN, D.C.,

Bác Sĩ Nguyễn Thế Thứ

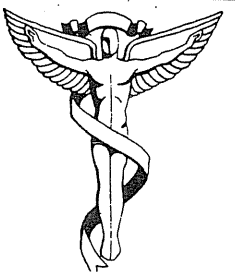

Bác Sĩ Nguyễn Xuân Thuyên

693 G. Tully Road.
San Jose, CA 95112
(Gần ngã tư Tully Rd. và Senter)

(408) 947-8684
(408) 947-8685

NHẬN BẢO HIỂM

ĐỊA CHỈ CŨ:
10244 & 10246 Westminster Ave.,
Garden Grove, CA 92643

ĐỊA CHỈ MỚI
7891 Westminster Ave.,
Westminster, CA 92683

(714) 891-2596
(714) 891-7775

VÀI HÀNG VỀ BÁC SĨ NGUYỄN THẾ THỨ

Bác sĩ NGUYỄN THẾ THỨ sinh ngày 7 tháng 7 năm 1935 tại Nam Định tốt nghiệp khóa 2 phụ Đà Lạt tháng 10 năm 1954 thuộc Binh chủng Nhảy Dù, chức vụ và cấp bậc chót là Trung Tá Quận trưởng Dĩ An Biên Hòa được giải nhiệm chức vụ Quận trưởng Dĩ An vào ngày 26 tháng 4 năm 1975. Sang Hoa Kỳ và định cư tại Daveport, Iowa. Vừa làm Janitor cho Daveport Art Gallery và vừa học được cấp bằng như sau:

* GED/High School Diplomat (Tú Tài Tráng Niên)
* Bachelor of Art degree in Biology (Cử nhân vạn vật)
* Doctor of Chiropractic
* 1981 mở phòng mạch tại Orange County. Sau đó tiếp tục học thêm.
* Doctor of Philosophy in Nutrition (Thạc Sĩ Dinh Dưỡng)
* Doctor of Chiropratic Orthopedics (Thạc sĩ Chỉnh Hình)
* Tháng 5/88 mở thêm phòng mạch thứ hai tại San Jose

Là người tìm ra phương thức chữa bệnh cụp xương sống rất hiệu nghiệm. Đã được tuyên dương trên nhiều tiểu sử danh nhân thế giới và được phong tặng tước hiệu His Excellency cùng nhiều huy chương văn hóa.

CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH:

* Cụp xương sống
* Đau thần kinh tọa
* Đau lưng, nhức đầu, đau cổ
* Sai trật các khớp xương, bả vai, khuỷu tay, đùi, chân
* Thương tích trong các tai nạn lưu thông, lao động và thể thao

PHƯƠNG THỨC TRỊ LIỆU:

* Không dùng thuốc
* Điều chỉnh hệ thống thần kinh
* Xử dụng quang tuyến X-Ray
* Dinh dưỡng trị liệu
* Xử dụng các loại máy tối tân Vật lý trị liệu của Nga Sô và Hoa Kỳ.

GIỜ KHÁM BỆNH:

— Thứ Hai tới Thứ Sáu: Sáng 10 giờ — 12 giờ trưa
Chiều: 2 giờ trưa — 7 giờ tối
— Thứ Bảy: 10 giờ sáng — 2 giờ trưa.

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại PHÁP:
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại TÂY ĐỨC:
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại CANADA:
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
(604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại Úc:
* Tòa soạn báo Việt Luận
PO Box 592
Bankstown, NSW 2200
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnamese Lang & Cult. Pub.
PO Box. 133
Pascoe Vale South
Vic. 3044 - Australia

Tại NHẬT BẢN
* Mekong Center
F140 Tokyo - To, Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262 Ichodanchi
72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại HOA KỲ:

Minnesota:
* Saigon Bookstore
1721 E. Lake St.
Minneapolis, MN 55407
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Tòa soạn tuần báo
Người Việt Tây Bắc
3111 M.L King Jr. Way
Seatle, WA 98144
Tel. (206) 722-6984

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.,
Falls Church, VA 92201
Tel. (703) 524-2011

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E Colonial Dr.
Orlando. FL. 32803
(305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa. FL 33609
(813) 874-0526

New York
* Tú Quỳnh
85 Boweris St. #8B
New York, NY-10002
(212) 925-1513

Massachusetts
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA. 02122

Colorado
* Đức Hòa
333 S. Federal Blvd. #128
Denver, CO. 80219

Louisiana
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiên Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey
LA 70058
(504) 340-4626

Missouri
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO. 64106
(816) 421-6838

New Mexico
* Kim's Cafe
1800 Central Ave.
Albuquerque, NM. 87106

Texas
* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003

* Văn Hóa Publishing
2606 Main St. #114
Houston, TX 77002

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
(713) 650-1770

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Airport Blvd.
Austin, TX 78753

California:
* Toà soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Te. (408) 971-9808

* Tây Đô
2855 F Senter Rd.
San Jose, CA 95111
Te. (408) 224-4130

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San José, CA 95100

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

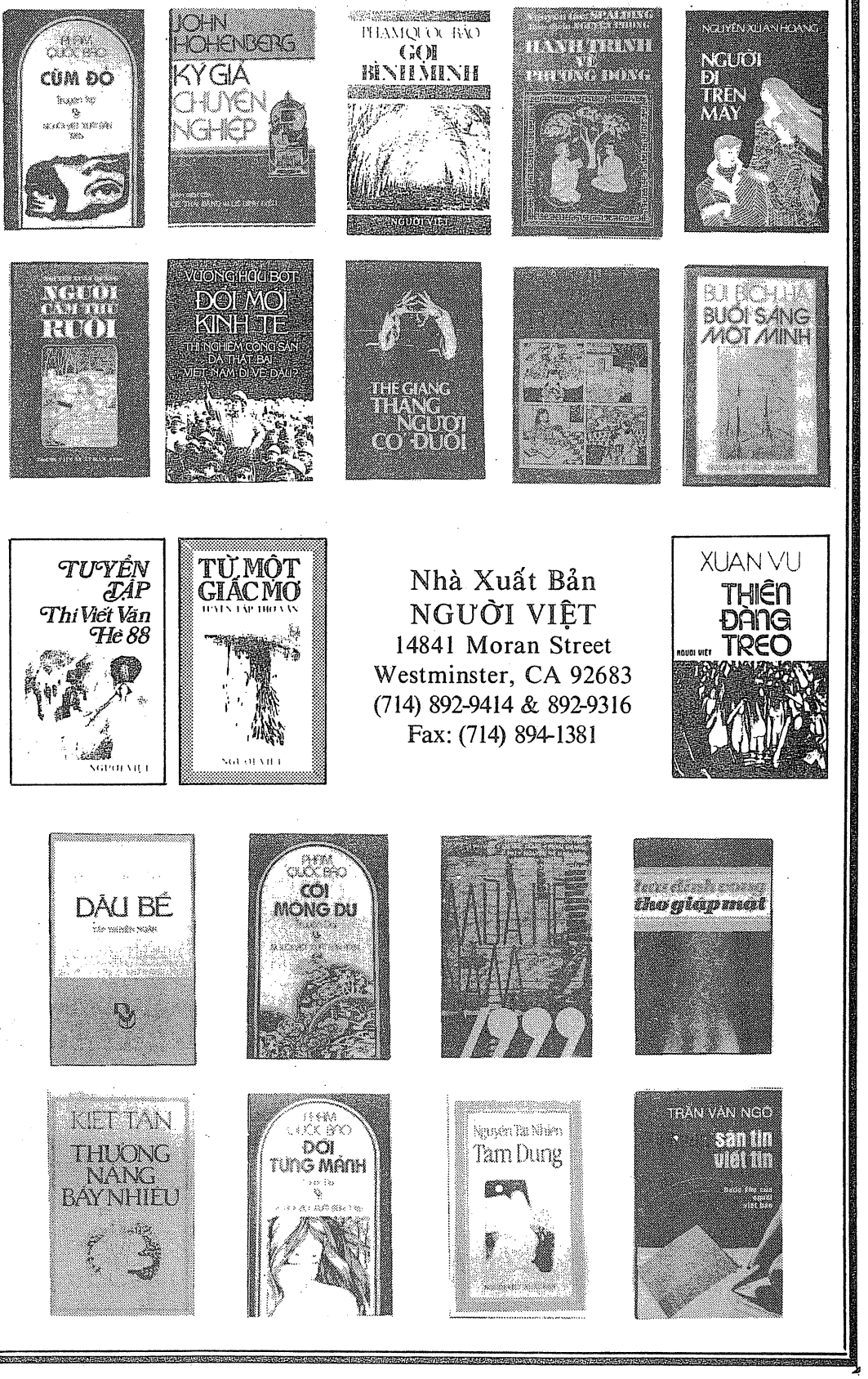

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng

Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72. First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Tháng Tư lại trở về. Một vòng quay của trời đất đã trở lại cái chu kỳ vận chuyển của nó. Đối với chúng ta, những con người Việt Nam lưu vong, vết thương mất nước tuy đã 15 năm qua vẫn không ngừng nhức nhối, nhưng với những đổi thay to lớn từ mấy tháng qua ở Đông Âu và Nga Xô, đã hé cho ta thấy chút ánh sáng hy vọng ở cuối đường hầm.

Chủ nghĩa cộng sản từ chỗ đóng vai bá đạo ở một số quốc gia nay đang từ từ từng bước tụt xuống hàng thứ yếu và gần như tan rã toàn bộ ở hầu hết các nước cộng sản.

Ngay Liên Xô, xứ sở được coi như cái nôi của chủ nghĩa cộng sản, cũng vừa từ bỏ vai trò độc tôn lãnh đạo của đảng này, chấp nhận đa đảng và mở cửa cho thị trường tự do.

Mikhail Gorbachev, mà Tây Phương coi như một khuôn mặt lớn của thế kỷ đã chọn con đường dân chủ Tây phương và chối bỏ cách gọi "đồng chí chủ tịch" để chuyển sang "Tổng thống Mikhail Gorbachev" kiểu Hoa Kỳ.

Còn ở Việt Nam thì bao giờ, cách nào,... chính quyền Cộng sản sẽ lung lay sụp đổ theo cái giòng lịch sử lớn lao này?

Khi cánh cửa của Thế Kỷ 20 đóng lại, các dân tộc trên thế giới, đặc biệt là dân tộc Việt Nam mong mỏi được thấy cả nhân loại cũng đóng luôn cái nắp hòm cho thi hài có tên là chủ nghĩa cộng sản.

Các bài viết liên quan đến các suy nghĩ nói trên, cùng với những hồi niệm về "tháng Tư đen" (của một nhà văn, một nhà báo) được coi như những đóng góp cho chủ đề của mùa khổ nạn đã thoáng bóng hy vọng.

Thế Kỷ 21 số này cũng khởi đăng, như đã hứa cùng bạn đọc trong số trước, truyện Đấu Cờ Tướng do Đỗ Quán Anh phóng tác từ một truyện vừa vô cùng đặc sắc của nhà văn lừng danh Áo quốc: Stefan Zweig, tác giả Amok, hay là Bệnh Điên Xứ Mã Lai Á. Stefan Zweig là bậc thầy về nghệ thuật phân tích tâm lý nhân vật. Đỗ Quán Anh, khi chuyển sang phần Việt ngữ sáng tác này, không những đã diễn tả được cái cốt yếu trong truyện của Zweig mà còn đưa được tính chất Việt Nam và tính chất thời đại vào trong phóng tác vô cùng sống động của mình.

Cũng qua Thư Tòa Soạn kỳ này, chúng tôi xin lỗi đã không dành chỗ cho mục Bạn Đọc Viết và Sách Báo Trong Tháng. Lý do vì vào phút chót, một số bài liên quan đến thời sự nếu không đi kịp kỳ này báo chắc sẽ bị thiu, cho nên...

Lời xin lỗi này cũng được gửi tới các bạn đọc và thân hữu đã gửi sáng tác đóng góp cho Thế Kỷ 21 mà chúng tôi không thể loan báo trên mục Tòa Soạn và Bạn Đọc. Chúng tôi đã gửi thư riêng đến các bạn. Trong số tới, các mục nói trên sẽ lại có mặt như thường lệ.

Ngoài ra, thể theo yêu cầu của nhiều độc giả, từ số tới, Thế Kỷ 21 sẽ in chữ lớn (10 pts.), để đọc đỡ mỏi mắt!

Xin cám ơn các bạn.

THẾ KỶ 21

Bức Irises giá 53.9 triệu Mỹ kim hiện nằm tại Viện Bảo tàng J.Paul Getty, Calif

6/ Năm Van Gogh. Kỷ niệm 100 năm ngày qua đời của nhà danh họa Van Gogh, Hòa Lan đã quyết định chọn năm 1990 là Năm Van Gogh. Một trong những họa phẩm của ông đã được bán ra với giá kỷ lục của một bức tranh trên thế giới: Tháng Mười Một, 1987, bức Irises của Van Gogh đã bán ra với giá 53.9 triệu Mỹ kim.

12/ Người Việt Nam lên tiếng đòi tự do dân chủ, Lê Đình Điểu. Lược qua những tuyên ngôn, tuyên cáo của người Việt Nam trước trào lưu dân chủ hóa trên thế giới. Một gợi ý của Thế Kỷ 21: phải làm gì sau khi đã đưa ra những tuyên ngôn và tuyên cáo?

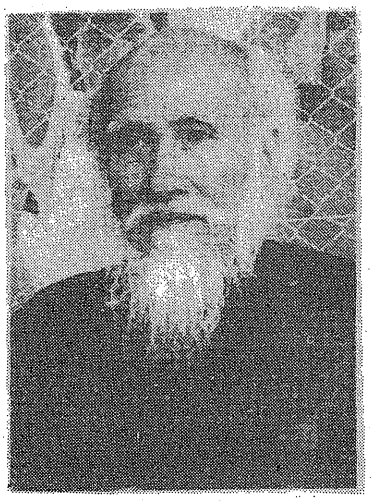

Nhà báo Nguyễn Tú tại trại tị nạn Hồng Kông Ảnh của The Correspondent

47/ "Đông Âu và Việt Nam giống nhau ở một điểm, khác nhau ở nhiều điểm." Nhà báo Nguyễn Tú vừa đến bến bờ tự do đã dành cho Thế Kỷ 21 cuộc phỏng vấn đặc biệt do Nguyễn Văn Khanh thực hiện. Một phóng viên chiến trường thượng thặng, tác giả loạt bài đăng trên nhật báo *Chính Luận* tháng Tư 1975 đã gây chấn động trên làng báo, nói với bạn đọc *Thế Kỷ 21* về những hồi ức của ông trong những ngày tháng cuối cùng của Saigon, đồng thời phát biểu những suy nghĩ của ông về báo chí hải ngoại.

53/ Những Ngày Tháng Tư, truyện của Nguyễn Xuân Hoàng. Chương thứ nhất mở đầu cuốn thứ hai của tiểu thuyết bộ ba *Người Đi Trên Mây,* lấy tên *Bụi Và Rác,* vẽ lại những ngày tháng Tư 75 của nhân vật Thăng. Những mẩu nhỏ về người, vật, cảnh đời như những *sketch* của một số tiểu đoạn tạo thành trường đoạn cho những thước phim mở đầu thời gian 10 năm của nhân vật Thăng trong một Saigon, Việt Nam đã đổi khác.

87/ Đấu Cờ Tướng, Đỗ Quán Anh phóng tác từ truyện *Sachnovele* của nhà văn Áo nổi tiếng Stefan Zweig. Tính chất hấp dẫn của câu chuyện qua nghệ thuật phóng tác của Đỗ Quán Anh lôi cuốn người đọc ngay từ trang đầu đến những dòng chữ cuối cùng của câu truyện.

Ảnh bìa
Tranh Van Gogh
(chi tiết)
"Quạ trên cánh đồng"
Trình bày
Nguyễn Thị Hợp

TRONG SỐ NÀY

Thư tòa soạn, TK21, 3 * *Năm Van Gogh,* 6 * *Thời sự tháng qua,* LÊ THỤY, 8 * *Người V.N. lên tiếng đòi tự do, dân chủ,* LÊ ĐÌNH ĐIỂU, 12 * *Lỗ xì . . . và khoảng trống,* NGUYỄN QUANG, 16 * *Thơ tôi hôm nay,* TIỂU SAN, 17 * *Trở về,* NGUYỄN HỮU CHUNG, 19 * *Biện hộ giùm một ông già,* HOÀNG LINH, 22 * *Vận hội mới VÁCLAV HAVEL,* THẠCH CHƯƠNG dịch, 26 * *Cuộc cách mạng vừa mới bắt đầu, diễn văn của VÁCLAV HAVEL đọc tại Lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ,* ĐẶNG HOÀNG dịch, 29 * *Hí họa,* GÚC, 31 * *Một vài hình ảnh trung thực về đám trí thức ngụy hòa (phần hai), STEPHEN J. MORRIS,* bản dịch NGUYỄN THIÊN ÂN, 32 * *Hí họa,* KÚM, 35 * *Chợt nặng lòng ta,* thơ ĐỊNH NGUYÊN, 38 * *Hành nước non,* thơ DU TỬ LÊ 39 * *Nguyễn Đình Thi, tiếng rên cuối cùng của con nai đen (phần 2),* XUÂN VŨ, 40* *Phỏng vấn nhà báo Nguyễn Tú,* NGUYỄN VĂN KHANH thực hiện, 47 * *Những ngày tháng Tư,* truyện NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 53 * *Căn nhà của mẹ,* THẾ UYÊN, 59 * *Cổ tích,* thơ HOÀNG XUÂN SƠN, 63 * *Đọc thơ Đỗ Kh.,* PHẠM VIỆT CƯỜNG, 66 * *Ánh trăng,* truyện KHẾ IÊM, 68 * *Trường học ở góc phố,* thơ KENNETH PATCHEN, bản dịch NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG, 70 * *Cái tiến, cái mới trong sáng tác,* THỤY KHUÊ, 72 * *Trộm tranh. Sách kết tội tướng Einsenhower. Năm cánh gia huy,* VP, 76 * *Đọc* Gió Đêm *của Trần Thị Kim Lan,* BÙI BẢO TRÚC, 80 * *Xem tranh Đinh Cường,* ĐOÀN LƯU, 82 * *Chữ và Nghĩa,* ĐỖ TỈNH phụ trách, 84 * *Trong cõi người ta,* VƯƠNG CÔNG TỬ sưu tầm, 86 * *Đấu cờ tướng,* ĐỖ QUÁN ANH phỏng tác từ Sachnovele của STEFAN ZWEIG, 87.

Hoà Lan long trọng kỷ niệm
Năm Van Gogh
(1890 - 1990)

Tự Họa, Van Gogh

Năm 1990, Hòa Lan quyết định long trọng kỷ niệm 100 năm ngày qua đời của nhà danh họa Vincent Van Gogh, với những buổi diễn thuyết, hội thảo và trưng bầy đặc biệt các tác phẩm của ông.

Để thu hút khách quốc tế, đặc biệt là giới yêu tranh Van Gogh trên khắp thế giới, chính phủ Hòa Lan và đặc biệt là Ủy ban tổ chức kỷ niệm Van Gogh, đã quyết định yểm trợ cho việc tổ chức hai cuộc trưng bầy quan trọng các tác phẩm của Van Gogh, tại hai thành phố khác nhau của Hoà Lan, trong "Năm Van Gogh" này.

Cả hai cuộc trưng bầy đều được khai mạc cùng ngày 30 tháng Ba và bế mạc vào ngày 29 tháng Bẩy (ngày 29 tháng Bẩy, năm 1890 là ngày qua đời của V.V. Gogh).

Cuộc trưng bày thứ nhất diễn ra tại Viện Bảo Tàng Vincent Van Gogh, thành phố Amsterdam và cuộc trưng bày thứ nhì tại Viện Bảo tàng Quốc Gia Kroller, thành phố Otterlo.

Cả hai viện Bảo Tàng này đều có sẵn các bức tranh sơn dầu, mầu nước gồm cả những tranh chì, sơ, phác thảo của V. Van Gogh, tuy nhiên để tăng thêm sự phong phú của các cuộc trưng bầy này, với sự yểm trợ của chính phủ Hòa Lan, các Viện bảo tàng này đã đến liên lạc với các viện bảo tàng quốc tế có trưng bầy tranh của V. Gogh, để yêu cầu vui lòng cho mượn lại các tác phẩm này, hầu bổ sung cho các cuộc trưng bầy của hai viện bảo tàng trên.

Cho đến nay các viện bảo tàng quốc tế sau đây đã cho mượn lại các tác phẩm của V. Gogh để trưng bầy là: Viện bảo tàng Pouchkine của Mạc Tư Khoa (Nga Sô), Viện bảo tàng Quốc gia và Viện bảo tàng Mỹ thuật Tate ở London (Anh Quốc), Viện bảo tàng Metropolitan ở New York (Hoa Kỳ), Viện bảo tàng Orsay, Paris (Pháp).

Ngoài ra một số nhà sưu tầm tư nhân tranh V. Gogh cũng đã bằng lòng cho mượn các tác phẩm của bộ sưu tập riêng, để đem trưng bầy trong hai cuộc triển lãm đặc biệt trên.

Đây là các cuộc trưng bầy đầy đủ nhất từ trước đến nay, về các tác phẩm của V. Van Gogh, đã tự kết liễu cuộc đời của mình, khi mới 37 tuổi.

Trong cả hai cuộc triển lãm này, sẽ có chung là 130 tranh sơn dầu và 250 tranh mầu nước, tranh chì... của V. V. Gogh, và được bảo hiểm lên đến ba tỷ Mỹ kim, cũng được coi là mức bảo hiểm kủ lục cho một cuộc triển lãm tranh từ trước đến nay.

Giá vé vào cửa của mỗi cuộc trưng bầy này là mười Mỹ kim/người, và vé phải đặt trước.

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng giá bán kỷ lục của một bức tranh trên thế giới hiện nay, vẫn do bức tranh sơn dầu "Irises" của V. Van Gogh lập nên, với giá mua đến 53.9 triệu Mỹ kim, được bán ra trong một cuộc bán đấu giá vào ngày 11 tháng Mười Một, năm 1987 tại nhà Sotherby's ở New York.

Tuy nhiên hôm 21 tháng Ba 1990, bức Irises đã được "nhượng lại" cho Viện bảo tàng J. Paul Getty ở Malibu, California (Hoa Kỳ), với một giá không được tiết lộ.

Bức "Irises" đã được V. Gogh vẽ năm 1889.

Lê Thụy

SÁU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
DO
NHÀ XUẤT BẢN **NGƯỜI VIỆT**
ẤN HÀNH

14841 MORAN ST., WESTMINSTER
CA 92683
(714) 892-9414 / 892-9316
FAX: (714) 894-1381

- GỌI BÌNH MINH
Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO
Sách dày 232 trang, giá 12.00 MK

- BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện đầu tay của BÙI BÍCH HÀ
Sách dày 195 trang, giá 12.00 MK

- ĐỔI MỚI KINH TẾ
Biên khảo của VƯƠNG HỮU BỘT
Sách dày 318 trang, giá 14.00 MK

- TUYỂN TẬP THI VIẾT VĂN HÈ 88
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 135 trang, giá 8.00 MK

- THIÊN ĐÀNG TREO
Tập truyện XHCN của XUÂN VŨ
Sách dày 286 trang, giá 14.00 MK

- TỪ MỘT GIẤC MƠ
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 259 trang, giá 12.00 MK

NHỮNG CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Thời sự tháng qua

LÊ THỤY

Cả Việt Nam chấn động về vụ phanh phui "Ổ mãi dâm hạng sang" Đường Sơn Quán

Thành phố Sàigòn cũ nói riêng và cả Việt Nam nói chung hiện nay đang còn "chấn động" về "vụ bê bối Đường Sơn Quán", thuộc huyện Thủ Đức, Sàigòn. Đây là một ổ ăn chơi trác táng của các cán bộ, viên chức gộc của Cộng Sản Việt Nam. Chuyện xảy ra từ hồi cuối tháng Hai vừa qua nhưng mãi đến đầu tháng Ba 1990, mới được tiết lộ cho... dân chúng, qua tờ "Nhân Dân", cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tờ "Nhân Dân" hôm 2 tháng Ba cho biết, "cuộc điều tra bắt đầu từ hôm 17 tháng Hai, khi các lực lượng Công An ra lệnh đóng cửa một động bán dâm lớn, ngụy trang là một quán ăn ở ngoại ô Sàigòn.

Tờ báo cho biết có đến gần một trăm cán bộ cấp chỉ huy, phần lớn là các giới chức thương mại và chính quyền từ khắp nước đổ về ăn chơi, lui tới động này, bề ngoài lấy tên là ĐƯỜNG SƠN QUÁN, vốn được mở cửa từ trước năm 1975.

Thật ra Đường Sơn Quán trước đây nằm giữa một khu rừng cao su rộng rãi, bên lề xa lộ vòng đai Đại Hàn, thuộc quận Thủ Đức -- là một quán ăn sang trọng và kín đáo, chứ không phải là ổ mãi dâm.

Đường Sơn Quáan bị đóng cửa sau tháng Tư 1975, tuy nhiên đã được nhà cầm quyền Cộng Sản cho mở cửa lại từ cuối năm 1988, do một phụ nữ đứng tên -- đó là bà Nguyễn thị Xuân Mỹ, tức Thanh Xuân -- nhưng mọi người đều biết rằng, bà ta đã được sự bỏ vốn và bao che của các giới chức chính quyền và Đảng của thành Hồ cũng như của Huyện Thủ Đức.

Theo tờ "Nhân Dân", Công An đã tịch thu được nhiều cuốn phim video "con heo" trong cuộc bố ráp này, cũng như nhiều biên nhận cho thấy những cán bộ lãnh đạo đảng tham nhũng, đã dùng cả tiền công quỹ xài cho chuyện trụy lạc, trác táng này.

Vẫn theo tờ "Nhân Dân", thì hôm 25 tháng Hai, Võ Văn Kiệt, một trong sáu phó thủ tướng của Cộng Sản Việt Nam, và cũng còn là Ủy viên Bộ Chính trị, đã đích thân đến "thanh tra" động ăn chơi vừa bị giải tán này, và cũng để "giải độc" dân chúng trong vùng, rất bất mãn vì sự ăn chơi trác táng của các cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà Nước.

Võ Văn Kiệt đã phải "xoa dịu" dân chúng bằng các lời buộc tội vu vơ như sau: - Tham nhũng, hủ hóa trong một nhóm cán bộ và đảng viên như trường hợp Đường Sơn Quán này, sẽ hủy diệt một cách nguy hiểm Đảng và nhà nước ta (?).. Các cán bộ bị bắt, dù ở cấp nào đi chăng nữa, cũng sẽ bị... thanh trừng."

Trong số hơn trăm cán bộ đảng và nhà nước bị bắt hay có liên hệ đến "vụ Đường Sơn Quán" này, tờ "Nhân Dân" một ngày sau đó (3 tháng Ba) đã chỉ chịu nêu có ba tên chủ mưu-yếm trợ tổ chức ổ điếm hạng sang này. Các tên này đã bị cất chức và bị đuổi khỏi đảng là: Nguyễn Trung Nam, Nghị viên Hội đồng Thành phố (Thành Hồ) kiêm chủ tịch huyện Thủ Đức; Ngô Thanh Hiệp, Giám đốc Sở Tài Chánh tỉnh Sông Bé (tức các tỉnh Bình Dương, Phước Long.. cũ gộp lại, cách Sàigòn vào khoảng 90 cây số), và Phan Văn Phúc, Giám đốc một xí nghiệp quốc doanh và đã gia nhập đảng Cộng Sản Việt Nam suốt... 25 năm qua.

Pháp đòi cộng sản Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền

Kết thúc ba ngày viếng thăm Việt Nam lần đầu tiên hôm 27 tháng Hai, ngoại trưởng Pháp Roland Dumas cho rằng các cải cách kinh tế Việt Nam trong vài năm gần đây theo đường lối Tây Phương, được coi là đúng hướng.

Tuy nhiên, ngoại trưởng Dumas cũng kêu gọi nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam tôn trọng nhân quyền, trong đó có cả tự do tín ngưỡng, theo chiều hướng các cuộc thay đổi quan trọng tại Đông Âu hiện nay.

Hướng dẫn một phái đoàn đông đảo gồm các nhà kỹ nghệ, đầu tư, viện trợ... của Pháp, ngoại trưởng Pháp, đã hội đàm

với Nguyễn Cơ Thạch, ngoại trưởng Cộng Sản Việt Nam cũng như các nhà lãnh đạo cao cấp khác. Ông Dumas tuyên bố: "Chúng tôi sẽ nhìn với thiện cảm các sự đổi mới diễn ra trong các lãnh vực khác.. theo đúng với các diễn biến và làn gió tự do đang thổi qua Đông Âu hiện nay."

Cùng tiếp xúc với báo chí, khi tiễn chân ngoại trưởng và phái đoàn Pháp lên đường về nước, Nguyễn Cơ Thạch, đã nói: "Công cuộc đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là hai mặt của cùng một đồng tiền."

Cuộc viếng thăm của phái đoàn cao cấp Pháp lần này tại Việt Nam, nhằm đẩy mạnh thêm các liên lạc thương mại, cùng lúc thảo luận về các sự hợp tác trong các lãnh vực viễn thông, nông nghiệp, hiện đại hóa các khách sạn, hệ thống cung cấp nước uống cũng như chăm sóc y tế.

Các liên lạc thương mại giữa Pháp và Việt Nam được ghi nhận như sau: mức xuất cảng của Pháp sang Việt Nam đã tăng lên 90 phần trăm, trong năm 1989 so với một năm trước đó (1988), để đạt đến giá trị là 586 triệu Francs Pháp.

Trong khi đó, Pháp nhập cảng từ Việt nam 153 triệu Francs Pháp, (gia tăng 117 phần trăm)

Kết thúc chuyến viếng thăm, ngoại trưởng Pháp loan báo sẽ viện trợ Cộng Sản Việt Nam 45 triệu Francs Pháp (tương đương 14,5 triệu Mỹ kim).

Trong khi đó, lần đầu tiên Hoa Kỳ (hôm 1 tháng Ba) đã khuyến cáo Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế nên bán bớt số vàng tồn trữ, trị giá 1,2 tỷ Mỹ kim, để giúp 11 nước nghèo nhất thế giới hiện nay, hầu họ có hy vọng trả nợ cũ và... vay nợ mới.

Mười một nước nghèo nhất là Việt Nam, Cam Bốt, Guyana, Honduras, Liberia, Panama, Peru, Sierra Leone, Somalia, Sudan và Zambia.

Bà Chamorro, tân tổng thống của Nicaragua

Hôm 25 tháng Hai, cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên từ một thập niên qua được tổ chức tại Nicaragua, đã đưa lãnh tụ đối lập -- được Hoa Kỳ ủng hộ -- Violeta Barrios de Chamorro, lên làm tổng thống đất nước này: Bà Chamorro đã thắng ứng cử viên Daniel Ortega, đương kim chủ tịch của phe cầm quyền tả phái Sandinista.

Cuộc bầu cử diễn ra một cách êm đẹp, trước sự chứng kiến của khoảng 3,000 quan sát viên quốc tế, trong đó có các đại diện tổ chức Liên Hiệp Quốc, tổ chức các quốc gia Mỹ Châu, cũng như từ Hoa Kỳ.

Ngay sau khi kết quả được công bố, Tổng Thống Hoa Kỳ George Bush đã ngợi khen chủ tịch Ortega là đã "tổ chức các cuộc bầu cử đứng đắn và sẵn sàng tôn trọng các kết quả đã được công bố."

Ngày 25 tháng Tư, bà góa phụ Chamorro sẽ tuyên thệ nhậm chức tổng thống Nicaragua, với lập trường giao hảo với mọi người, mọi phe, với cả Hoa Kỳ lẫn Liên Xô, và cả Cuba nữa, mặc dù đây là nước có liên hệ chặt chẽ với phe tả phái Sandinista trước đây.

Tổng Thống Bush cũng loan báo đợt đầu viện trợ cho Nicaragua là 300 triệu Mỹ kim để giúp phục hồi lại đất nước này, mà ông gọi đó là một "sự đầu tư cho dân chủ."

Ba mươi triệu Mỹ kim sẽ được trích ra từ ngân khoản tiền để định cư lại lực lượng kháng chiến Contras, song song với việc giải giới quân đội của phe cầm quyền Sandinista.

Để tránh các cuộc đụng độ, hiềm khích có thể nổ ra bất ngờ giữa hai lực lượng thù địch nhau trong suốt mười năm vừa qua, một lực lượng bảo vệ Hòa Bình của Liên Hiệp Quốc sẽ đến giám sát trong thời gian chuyển tiếp.

Lithuania tuyên bố độc lập với Liên Xô

Quốc hội Lithuania hôm 11 tháng Ba đã bỏ phiếu tự tách ra khỏi Liên Xô (Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết) và tuyên bố độc lập trở lại, sau khi nước Cộng Hòa vùng Baltique này đã mất độc lập từ 50 năm qua, do Nga Xô đơn phương sáp nhập vào Liên Bang Xô Viết.

Cuộc bỏ phiếu đã diễn ra với 124 phiếu thuận, không phiếu chống và sáu dân biểu vắng mặt.

Dân chúng Lithuania vui mừng khi được tin là Quốc hội của họ đã loan báo độc lập đối với Liên Xô, mà ngay sau đó đám đông dân chúng đã đến tháo gỡ tấm Quốc huy lớn của Liên Xô gắn ngay phía cổng của tòa nhà Quốc Hội và đập vỡ tung tóe.

Lẽ dĩ nhiên quyết định đơn phương tuyên bố độc lập một cách vội vã này, không hề được Điện Kremlin công nhận và chính Quốc hội Liên Xô đã đề cử Chủ tịch Mikhail Gorbachev để giải quyết hành động ly khai "đầy nguy hiểm" của nước Cộng Hòa Baltique này, có thể sẽ là gương xấu cho các nước Cộng Hòa lân bang như Estonia, Latvia hoặc xa hơn nữa về phía nam là Moldavia, cũng có thể đòi tách khỏi Liên Xô.

Trước đó, chủ tịch M. Gorbachev cũng đòi Lithuania phải bồi hoàn lại Liên Xô đến 34 tỷ Mỹ kim, là các khoản tiền đầu tư của Liên Xô, hay bằng cung cấp các loại nguyên, vật liệu với giá rẻ đặc biệt cho Lithuania, trong suốt nửa thế kỷ qua, nếu Lithuania thực sự muốn ly khai.

Phe Quốc gia Lithuania, đứng đầu là Vytautas Landbergis, 57 tuổi, nguyên là

chủ tịch của Phong trào quốc gia *Sajudis,* và vừa được bầu làm chủ tịch nước Cộng Hoà này, cũng là vị chủ tịch không cộng sản đầu tiên của Lithuania, cho rằng: Chính Liên Xô đã bóc lột tận tình Lithuania trong thời gian qua, và Liên Xô phải bồi thường cho Lithuania mới đúng.

Sau khi tuyên bố tách khỏi Liên Xô, Lithuania đã từ bỏ danh xưng Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Sô Viết Lithuania, mà lấy lại cái tên cũ trước đây là Cộng Hòa Lithuania, xóa bỏ luôn Quốc huy Liên Xô trên toàn lãnh thổ Lithuania.

Tuy nhiên, tưởng cũng nên biết rằng kinh tế Lithuania còn dính líu (nếu không nói lệ thuộc) vào Liên Xô rất nhiều -- chẳng hạn trên 80% xăng dầu tiêu thụ ở Lithuania hiện vẫn do Liên Xô cung cấp.

Tổng thống đầu tiên của Liên Xô

Biến cố quan trọng nhất trong tháng qua, chắc chắn phải là việc chuyển đổi của chế độ cầm quyền tại Liên Xô, tới chức Chủ tịch Nhà Nước do Đảng đề cử và Quốc hội thông qua, cho một nhiệm kỳ... tùy hứng, thì nay đã được đổi sang chế độ tổng thống, theo tổng thống chế của Hoa Kỳ, cho một nhiệm kỳ là năm năm, và do toàn dân bầu lên.

Người chủ trương sự thay đổi căn bản này chính là Chủ tịch Mikhail Gorbachev -- vừa giữ chức tổng bí thư Đảng, kiêm chủ tịch nhà nước Liên Xô, và đã cầm quyền tính tròn năm năm đến tháng Ba, 1990.

M. Gorbachev, mặc dù bao khó khăn và kể cả chống đối, đã được bầu vào chức tổng thống đầu tiên của Liên Xô hôm 15 tháng Ba, với lời hứa đầu tiên là đẩy mạnh các chương trình cải cách, giải quyết các cuộc khủng hoảng về kinh tế và chủng tộc.

Tổng Thống Mikhail Gorbachev

Quốc hội Liên Xô đã bầu ứng cử viên "duy nhất" M. Gorbachev, với 1,329 phiếu thuận và 495 phiếu chống -- một số phiếu chống quan trọng làm cho mọi người phải ngạc nhiên.

Số phiếu chống quan trọng này, phần lớn từ các phe đã bầy tỏ sự e ngại là có thể ở trong cương vị tổng thống, Gorbachev sẽ dễ đi vào con đường độc tài.

Cùng với việc nhậm chức tổng thống, Gorbachev cho biết sẽ đẩy mạnh việc tổ chức lại đảng Cộng sản, để chỉ còn là một đảng như bao đảng khác, trong một hệ thống đa đảng, chứ không còn được "xen" vào việc lãnh đạo đất nước như từ bao lâu nay.

Các phần tử cấp tiến cho rằng một nền tự do chính trị thực sự, không thể xuất hiện được trong xã hội Liên Xô, nếu các "tổ chức" của đảng Cộng Sản vẫn còn nắm giữ các chức vụ then chốt trong các cơ quan Nhà Nước, các nông trường, các đơn vị quân đội, đơn vị Công An và hầu như trong cả các cơ quan nghiên cứu, học viện, giáo dục...

Hôm 19 tháng Ba, cũng có tin là kể từ 1 tháng Bẩy tới đây, tân tổng thống Gorbachev sẽ chính thức cho áp dụng nhiều đường hướng về kinh tế của chủ nghĩa tư bản, kể cả việc gia tăng quyền tư hữu, cải tiến chế độ giá cả, cho ngoại quốc mua các cổ phần trong các xí nghiệp Liên Xô, chuyển đồng Ruble (tiền Liên Xô) thành một loại tiền hoán đổi được trên thị trường...

Việc cho áp dụng các chính sách kinh tế tư bản này, kể như kết liễu lý thuyết kinh tế Mácxít mà Liên Xô đã áp dụng suốt hơn bẩy thập niên qua.

Hệ thống kinh tế Mác xít cho thấy Liên Xô không thể sản xuất đủ thực phẩm, quần áo, xà bông, máy truyền hình và xe hơi, để đáp ứng một phần nhu cầu của 289 triệu dân Nga.

Mặt trận Cam Bốt đi vào khúc quanh mới

Sau các cuộc hòa đàm giữa các phe phái lâm chiến Cam Bốt lần lượt tan vỡ tại Paris (Pháp) và Jakarta (Nam Dương), chiến trường Cam Bốt bỗng sôi sục trở lại. Nhiều cuộc giao tranh xảy ra, mà bên nào cũng loan báo mình thắng trận.

Tuy nhiên có một sự kiện đặc biệt được ghi nhận trong tháng qua, là thái tử Norodom Sihanouk, chủ tịch liên minh kháng chiến Cam Bốt, hôm 23 tháng Hai, đã vượt biên giới Thái Lan để lần đầu tiên trở lại lãnh thổ Cam Bốt -- lẽ dĩ nhiên trong một mật khu.

Thái tử Sihanouk đã cùng với quân Khmer Đỏ rút khỏi Nam Vang, hồi cuối năm 1978, khi quân Cộng Sản Việt Nam tràn sang Cam Bốt để dựng lên chính phủ thân Hà Nội tại Nam Vang.

Thái tử Sihanouk tuyên bố: "Tất cả người dân Cam Bốt đều muốn sống và chết tại Cam Bốt. Tôi năm nay đã 68 tuổi và mỗi lúc tôi mỗi cảm thấy có thể chết bất cứ lúc nào tại xứ người, dù đó là các nước thân thiện như Trung Hoa hay Bắc Hàn."

Hôm 9 tháng Ba, trong một bản tin của phe Sihanouk, người ta được biết là các đại sứ Hoa Kỳ và Trung Cộng tại Thái Lan đã đi vào vùng giải phóng của Cam Bốt để gặp gỡ thái tử Sihanouk, trong một hành động chính thức thừa nhận chủ tịch của liên minh kháng chiến ba phe tại Cam Bốt.

Bản tin cho biết thêm là Đại sứ Hoa Kỳ Daniel O' Donahue và Đại sứ Trung Cộng Lý Thạch Xuân đã vượt qua biên giới Thái Lan vào Cam Bốt "để xúc tiến các cuộc thảo luận chính trị với thái tử Sihanouk, về tình hình tổng quát tại Cam Bốt.

Lê Thụy

Bốn nữ lãnh tụ của thế giới thứ ba

Corazon Aquino

Violeta Chamorro

Ertha Pascal-Trouillot

Benazir Bhutto

Thế giới thứ ba, bỗng dưng có nhiều... gà mái gáy.

Trước hết là Phi Luật Tân; hai năm sau đó là Hồi Quốc (Pakistan); tháng Hai, 1990 vừa rồi đến phiên Nicaragua; và đầu tháng Ba này, đến lượt Hai-ti, một đảo quốc tại biển Caribbe.

Ba lãnh tụ Corazon Aquino, Benazir Bhutto và Violeta Barrios de Chamorro, đều đã lên nắm quyền sau các kinh nghiệm chính trị đau thương -- Cory Aquino và Violeta Chamorro đều mất chồng, còn Benazir Bhutto mất cha -- và đều được dân chúng ủng hộ nhiệt liệt.

Riêng Ertha Pascal Trouillot, tân tổng thống lâm thời của Haiti, nguyên thẩm phán tòa án tối cao, đã lên nắm quyền do sự... biến chuyển của tình hình mà thôi -- giai đoạn chuyển biến giữa phe quân sự sang cho phe dân sự.

Bà Trouillot sẽ có nhiệm vụ tổ chức các cuộc bầu cử tự do tại Haiti và chuyển giao lại quyền hành cho một chính phủ mới trong một thời hạn chưa thấy công bố. Đây là một nhiệm vụ không dễ dàng gì, cũng tương tự nhiệm vụ của các nữ lãnh tụ kia, khi phe quân sự vẫn luôn rất mạnh sau bao năm củng cố quyền hành của họ.

Từ năm 1986, khi lên nắm quyền tổng thống bà Aquino đã phải đối phó với sáu âm mưu đảo chánh, cũng may là bà đều thoát khỏi.

Sau hơn hai năm cầm quyền, nữ thủ tướng Benazir Bhutto hiện cố gắng đặt phe quân đội dưới sự kiểm soát của chính phủ dân sự của bà.

Tân Tổng thống Nicaragua, Bà Chamorro (nhậm chức chính thức vào ngày 25-4) sẽ phải "bình định" cho bằng được hai đạo quân đối nghịch dưới trướng của bà, đó là đạo quân được trang bị mạnh mẽ của chính quyền tả phái cũ (Sandinista), nay trở thành lực lượng đối lập -- và phía bên kia là quân kháng chiến Contras, được Hoa Kỳ ủng hộ từ nhiều năm qua.

Bà Tổng thống lâm thời Trouillot giờ đây phải cải thiện lại tình hình của một đất nước tan hoang sau hơn 40 năm dưới sự thống trị của quân đội và mật vụ, trước hết là dưới chế độ Duvalier, cha và con, sau đó dưới sự cầm quyền của một nhóm tướng lãnh bất tài, hoặc tham nhũng, hoặc cả hai luôn.

Toàn là những nhiệm vụ khó khăn mà bốn phụ nữ can đảm này phải hoàn thành. Nhưng trước hết, họ cần phải hoà giải với tất cả, mới có thể lãnh đạo được.

Để xứng đáng là các nhà lãnh đạo gương mẫu, các nữ nhi này còn có một nhiệm vụ quan trọng khác nữa, đó là lo chăm sóc cho gia đình họ được chu đáo.

LÊ THỤY

Sau 15 năm xa quê hương
và trước trào lưu dân chủ hóa trên thế giới

Người Việt Nam lên tiếng đòi tự do, dân chủ

Lê Đình Điểu

Phong trào nhân dân đứng lên đòi tự do dân chủ ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt vùng Đông Âu, đã làm thay đổi cục diện chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao toàn cầu.

Các chế độ Cộng sản xung quanh "thành trì chủ nghĩa xã hội (tức Liên Xô)" lần lượt sụp đổ. Đòn chí tử giáng xuống đầu hệ thống đế quốc sô-viết lại do chính lãnh tụ của hệ thống này tung ra: Chủ tịch kiêm Tổng Bí Thư Đảng Liên Xô Mikhail Gorbachev, đề nghị (và Sô Viết tối cao -- tức là quốc hội -- đã phê chuẩn) dẹp bỏ độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng sản.

Suốt ba tháng đầy sôi động vừa qua, Cộng sản Việt Nam im lặng một cách đáng thương hại, vì những chỗ dựa của họ theo nhau đổ vỡ. Lúng túng giữa đống gạch vụn, xà bần của "bức tường đỏ," Cộng sản Việt Nam cô đơn và thảm hại như chưa bao giờ cô đơn thảm hại thế.

Những hơi thở cuối cùng của cuộc đời 60 năm (đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930) đang được chính các đảng viên đếm từng ngày, thậm chí từng giờ.

Cộng sản Việt Nam không thể đi ngược lại trào lưu lịch sử: trào lưu tự do dân chủ. Dân tộc Việt Nam cuối cùng sẽ chiến thắng, sẽ đứng lên và đi tới.

Nhưng, cũng đã ba tháng qua, người ta chỉ truyền cho nhau những "tin đồn" -- nghe nói Sàigòn có biến động, hình như có đảo chánh ở Hà Nội, v.v... -- chứ chưa thấy nhân dân trong nước biểu dương "sức dân" trên đường phố, như ở Ba Lan, Tiệp Khắc, Đông Đức, Lỗ Ma Ni...

Và trong cộng đồng người Việt Nam hải ngoại cũng có một sự yên lặng kéo dài đến nhức nhối.

Một vài cuộc họp mặt có tính cách "trao đổi tin tức và ý kiến" diễn ra đó đây. Như cuộc gặp gỡ của ba thành viên Hội Người Việt Tại Pháp với năm thành viên nhóm *Thông Luận* ở Paris; như cuộc gặp gỡ của nhà báo Vương Hữu Bột với các thân hữu ở Nam Cali, với thư viện Lê Quý Đôn; như cuộc thăm dò ý kiến của báo *Người Việt;* như cuộc họp mặt do nhóm *Người Dân* tổ chức... Tất cả đều công khai, đều đặt vấn đề tương lai đất nước -- nhưng giải pháp vẫn là một cái gì mù mờ, xa vắng.

Đột nhiên, từ đầu tháng Hai,những "tuyên ngôn", "tuyên cáo"... bay ra như bươm bướm mùa xuân. Riêng ở Paris, theo báo *Thông Luận,* đã có ít nhất *sáu* văn bản, với những chữ ký quen có, lạ có. Đầu tháng Ba, 90, lại có thêm văn bản thứ bẩy.

Văn bản thứ nhất: Lời Kêu Gọi Người Việt Tự Do Hãy Cùng Đứng Dậy!"

Xuất phát từ vùng Saint-Quentin-en-Yvelines.

Bản này được sự ủng hộ đầu tiên của những người gần gũi với Tổ Chức Người Việt Tự Do. Trong số 27 người ký tên ủng hộ đầu tiên có linh mục Phan Thanh Văn, bác sĩ Trần Phước Thọ, cựu Đại Tá Mai Viết Triết và giáo sư Tôn Thất Long.

"... *Chúng tôi những người Việt hải ngoại không chấp nhận chế độ cộng sản kêu gọi toàn thể đồng bào (...) hãy vì tương lai dân tộc cùng nhau đứng dậy, cùng thống nhất đường lối đấu tranh, để gấp tạo nên một hậu thuẫn để:*

1. Sẵn sàng yểm trợ kịp thời công cuộc nổi dậy đấu tranh của đồng bào quốc nội.

2. Đòi nhà cầm quyền CSVN phải: thực thi các quyền tự do căn bản, thả tức khắc tù nhân chính trị và giải tán các trại cải tạo, cải tổ chính trị, thay thế chế độ độc tài bằng thể chế đa đảng và dân chủ, tổ chức tuyển cử tự do thật sự và hủy bỏ vai trò độc quyền lãnh đạo của đảng CS trong hiến pháp.

(... Điểm 3 và điểm 4 tiếp theo kêu gọi đảng viên cộng sản tỉnh ngộ và dư luận quốc tế yểm trợ nhân dân Việt Nam...)

Văn bản thứ hai (chỉ thấy đề "Appel", không có tựa đề)

Xuất phát từ các anh em -- phần đông là trẻ -- chủ trương tập san *Bulledingue* trước đây. Chữ *Bulledingue* không thể dịch được một cách chính xác nhưng có thể tạm dịch là "Báo Điên." Lời kêu gọi này viết bằng tiếng Pháp với dự định là sẽ quyên tiền đăng trên báo *Le Monde.*

Tóm tắt (không thể trích vì không có bản tiếng Việt): *lên án gay gắt chính quyền Cộng sản, tố cáo chế độ công an kềm kẹp. Khẳng định phải chấm dứt chế độ gian ác và bất lực hiện nay để thay thế nó bằng một chế độ dân chủ đa nguyên trên tinh thần hòa giải dân tộc.*

Văn bản thứ ba (cũng chỉ thấy đề là "Appel" mà không có tựa).

Xuất phát từ nhóm Tờ-Rốt-Kýt Việt Nam tại Pháp (Cộng Sản Đệ Tứ Quốc Tế), văn bản này kêu gọi đấu tranh để: *chấm dứt chế độ độc đảng và xây dựng dân chủ đa nguyên, tuyển cử tự do để đi đến một quốc hội lập hiến với nhiệm vụ soạn thảo một hiến pháp thực sự dân chủ, phóng thích không điều kiện các chính trị phạm, phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân của chế độ Hà Nội, hủy bỏ lập tức bộ máy kềm kẹp...*

Cũng nên biết là nhóm Tờ-Trốt-Kýt chống đối mãnh liệt đảng cộng Sản Việt Nam mà họ cho là "con cháu Stalin." Họ vẫn sẵn sàng hợp tác với những người quốc gia.

Văn bản thứ tư: "Tuyên Ngôn Đòi Tự Do Dân Chủ Của Người Việt Nam ở Hải Ngoại."

Bản văn này có ghi tên chín người "để liên lạc về việc vận động xin chữ ký," gồm: Đỗ Mạnh Cương, Vũ Thiện Hân, Trần Huy Hoàn, Tôn Thất Hối, Nguyễn Gia Kiểng, Nguyễn Tấn Minh, Trịnh Văn Thảo, Nguyễn Phi Phụng, Nguyễn Hữu Thư.

Nhóm này xác định lập trường chống Cộng, nhưng "hòa giải dân tộc," với những "đòi hỏi" sau:

- Thay đổi hiến pháp, bãi bỏ vai trò độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

- Thả hết tù nhân chính trị và thiết lập các quyền tự do căn bản như tự do tín ngưỡng, tự do chính trị, tự do thông tin, tự do đi lại, tự do kinh doanh v.v...

- Thành lập một cơ cấu chính quyền thực sự đại diện toàn dân để tổ chức tuyển cử tự do, đặt nền tảng cho một chế độ dân chủ thực sự.

Văn bản thứ năm: "Tuyên bố của Phong Trào Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ Tại Việt Nam"

Xuất phát từ một cuộc họp mặt đông đảo của các hội đoàn và người Việt quốc gia tại Paris ngày 6 tháng Giêng, 1990. Lời kêu gọi này chỉ là một trong những văn kiện đã ra đời sau cuộc gặp gỡ này. Một tổ chức mới cũng được ra đời lấy tên là Phong Trào Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ tại Việt Nam với một sơ đồ tổ chức khá rõ rệt và một chương trình hành động.

Bản tuyên bố kêu gọi:

Đấu tranh cho tự do và dân chủ thật sự tại Việt Nam, cụ thể là hệ thống công an, đảng viên cộng sản đang kềm kẹp và kiểm soát mọi sinh hoạt xã hội, kinh tế, quân sự, hành chánh, văn hóa, giáo dục... phải bị giải tán, người Việt Nam phải được tự do, nhân quyền phải được tôn trọng.

2- Đấu tranh cho một thể chế dân chủ đa nguyên, đa đảng, cụ thể là chấm dứt chế độ độc tài, độc đảng và thực thi bầu cử tự do thật sự.

Không thấy phong trào kêu gọi đồng bào ký tên ủng hộ bản tuyên bố này.

Văn bản thứ sáu: Tâm thư

Xuất phát từ Hội Người Việt Nam Tại Pháp (hội này là một tổ chức lâu đời, cho tới nay vẫn ủng hộ chính quyền cộng sản. Chỉ từ một thời gian gần đây một số người lãnh đạo hội mới

bắt đầu có những lập trường khác với đảng cộng sản).

Bức tâm thư gởi những nhà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, đã đưa ra ba yêu cầu:

1- Tách rời nhà nước ra khỏi đảng.

2- Thiết lập một nền dân chủ đa nguyên, tạo điều kiện cho mọi ngươi Việt Nam, thông qua tuyển cử tự do, làm và kiểm tra việc nước.

3- Bắt đầu đối thoại với toàn thể xã hội.

Văn bản thứ bảy: Appel Việt Nam

Mới nhất và sôi nổi nhất, ở Pháp có lẽ là "Lời kêu gọi" với tên của 139 người được cậy đăng trên tờ báo lớn của Pháp -- tờ *Le Monde*, có số phát hành 600,000 mỗi ngày.

Trong số 139 người ký tên, người ta thấy những vị cao niên như BS Hồ Tá Khanh, GS Nguyễn Huy Bảo... bên cạnh các người trẻ như anh chị em sinh viên trong "Thư Viện Diên Hồng"...

Về thành phần xã hội, nếu có công nhân như Phan Văn, Lê Đình Miên, thì cũng có giảng sư đại học như Nghiêm Xuân Hải, cựu công chức như Phạm Đăng Sum, nghệ sĩ như Phương Oanh v.v...

Về khuynh hướng chính trị, những tên tuổi mà chỉ cách đây sáu tháng người ta thấy ở những "chiến tuyến" thù địch, nay đứng cạnh nhau, như BS Vũ Ngọc Bội, võ sư Võ Quang Tùng, và giáo sư Nguyễn Quang Đỗ Thống, nhà thơ Nguyễn Hồi Thủ...

"Lời kêu gọi" (1990 Appel Vietnam), có những đòi hỏi sau đây:

- Bãi bỏ vai trò lãnh đạo độc quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và thiết lập chế độ đa đảng.

- Bầu cử tự do để tiến tới soạn thảo một hiến pháp mới bảo đảm các quyền tự do căn bản của một nền dân chủ: tự do tư tưởng và tư duy, tự do báo chí, hội họp, lập hội, tín ngưỡng, đi lại, cùng mọi quyền của các nhóm thiểu số...

- Thành lập một nhà nước pháp trị.

- Trả tự do, phục hồi danh dự cho tất cả chính trị phạm và những nạn nhân của sự lạm quyền.

- Giải tán các cơ cấu kiểm soát và đàn áp chánh tri.

Ở Úc, theo tin *Việt Luận*, có cuộc "hội thảo chính trị" do Cộng Đồng Người Việt Tự Do ở New South Wales, cùng Ủy Ban Tranh Đấu Nhân Quyền Võ Đại Tôn, tổ chức.

Bản "nhận định" của các hội thảo viên đưa ra những kêu gọi nhắm vào cộng đồng người Việt hải ngoại, đại ý như sau:

1. (...) cần cấp thời chuẩn bị mọi mặt: thống nhất cơ cấu, chuẩn bị kế hoạch, chuẩn bị nhân sự để góp phần tích cực vào đại cuộc cứu nước Việt Nam.

2. Đẩy mạnh và quần chúng hóa công tác đấu tranh cho nhân quyền và dân quyền để hỗ trợ đồng bào quốc nội đứng lên giải trừ cộng sản là một nhiệm vụ quan trọng hiện nay.

3. Khẩn cấp tạo điều kiện để có một tiếng nói chung của người Việt hải ngoại trên toàn thế giới để tranh đấu chính trị với Cộng sản.

Từ trong nước và các nơi khác

Từ trong nước gửi ra (cho nhật báo *Người Việt*) -- căn cứ theo dấu bưu điện trên bì thư, có tên người gửi nhưng không có địa chỉ -- "Phong trào Tự do cho Việt Nam và Lào" lên tiếng bằng Anh ngữ, có những điểm chính:

1. Chúng tôi sẵn sàng ủng hộ bất cứ ai đang tranh đấu để thành lập một nước độc lập hoàn toàn và tự do tại Việt Nam và Lào với một Chính phủ Cộng Hòa do dân bầu lên trong một cuộc tuyển cử tự do.

2. Chúng tôi không muốn lật đổ các chính phủ hiện hữu bằng bạo lực hay nhằm tạo nên các cuộc bạo động, mà chỉ có ý tranh thủ bằng nhân tâm.

3. Chúng tôi nhiệt liệt ủng hộ và nằm trong công cuộc vận động Tự Do cho Đông Dương, buộc chế độ Hà Nội phải chấp nhận và phát triển một giải pháp để tiến đến một cuộc tuyển cử quốc gia tự do (Free National Election) *dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc.*

4. Bất cứ ai muốn tham gia Phong trào nầy đều luôn được hoan nghênh trong tinh thần bình đẳng, bất kể đến dĩ vãng trước đây ra sao.

5. Chúng tôi sẵn sàng kết thân với bất cứ ai và với tất cả các chánh phủ cùng chia sẻ các quan điểm với chúng tôi và hợp tác với chúng tôi trong mục tiêu tìm đến một giải pháp mau lẹ và thích nghi để đưa Việt Nam và Lào trở thành các quốc gia tự do, và giúp đưa đến một nền hòa bình toàn diện và vĩnh cửu tại Đông Dương.

6. Qua giai đoạn đấu tranh chính trị hiện nay, nhằm thiết lập một nền tự do chính trị tại Đông Dương, dân chúng phải được tự do để thực thi QUYỀN TỰ QUYẾT, cũng như các chính sách song song khác.

7. Đối với tất cả những người ủng hộ chúng tôi, chúng tôi xin minh định là mọi nỗ lực của chúng tôi đều được hướng về việc thành lập một hình thức chính phủ sẽ đảm bảo LUẬT PHÁP, SỰ THỊNH VƯỢNG CHUNG cho các dân tộc của chúng tôi và đảm bảo TỰ DO

cho tất cả, từ nay cho đến mãi mãi.

Ở thủ đô Hoa Kỳ (Washington D.C.) có hai tuyên ngôn. Một do luật sư Bùi Nhật Huy vận động đưa ra dưới danh nghĩa "Phong Trào Tranh Đấu Cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền tại Việt Nam," những chủ điểm sau đây (theo bản tin *QGTTX):*

- Tranh đấu nhằm lật đổ chính quyền CS hiện tại ở quê nhà ngõ hầu xây dựng một nước Việt Nam tự do, dân chủ, hòa bình và hạnh phúc.

- Yểm trợ mọi cuộc đấu tranh tại quốc nội nhằm đến cùng những mục tiêu nói trên.

- Kêu gọi quốc tế yểm trợ cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta, đặc biệt là cuộc đấu tranh do những thành phần quốc gia chủ xướng.

Cũng theo tin của *QGTTX* (của cựu Tổng giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, Nguyễn Ngọc Bích), tổ chức "Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt tại Hoa Kỳ" đã họp Hội Đồng Điều Hợp để đưa ra "tuyên ngôn" gồm năm điểm:

1. (...) Hiện đã có một sự đồng thuận rộng rãi về vấn đề này, đòi hỏi chế độ cộng sản phải được "thay thế" bằng "một thể chế dân chủ đa nguyên."

2. Hướng về quốc nội, Nghị Hội "kêu gọi đồng bào" vững tin vào sự sụp đổ tất yếu của cộng sản.

- Hướng vào nhà cầm quyền cộng sản ở quê nhà, Nghị Hội đòi hỏi họ phải "nhìn thẳng vào thực trạng Việt Nam và trào lưu quốc tế, dứt khoát đoạn tuyệt với đường lối sai lầm hiện tại, thay đổi hiến pháp, bãi bỏ chế độ cộng sản, phục hồi các quyền tự do căn bản, tổ chức tổng tuyển cử thực sự tự do, đặt nền tảng cho một thể chế dân chủ đa nguyên."

4. Hướng về thế giới, Nghị Hội "kêu gọi nhân dân yêu chuộng tự do dân chủ trên thế giới tiếp tay với nhân dân Việt Nam" để chấm dứt chế độ cộng sản ở quê nhà.

5. Và cuối cùng, Nghị Hội "nguyện sát cánh cộng tác với các tổ chức và phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ ở Việt Nam để thực hiện các mục tiêu chung."

Vùng quận Cam, vẫn được mệnh danh là "thủ đô ti nạn," đã có một tuyên ngôn ký tên 24 người do ông Hà Thế Ruyệt gửi đăng trên các báo.

Theo ghi nhận của Chử Bá Anh trong báo *Phụ Nữ Diễn Đàn* số 74, thì "Ông Hà Thế Ruyệt là một trong số những nhân vật cốt cán của chín tổ chức đảng phái quốc gia đã đồng ý kết hợp với nhau, sau một buổi họp tại Nam Cali, cách đây mấy tháng. Tổ chức này đã đưa ra một bản công bố với lập trường năm Không đối với cộng sản dù chỉ là cuộc đối thoại. Đến ngày 6 tháng Giêng, 1990, ông Hà Thế Ruyệt đã gửi đến báo chí một bản thông báo về sự ra đời của tổ chức Đấu Tranh cho Tự Do Dân Chủ tại Việt Nam. Trong bản công bố lập trường, nhóm ông Hà Thế Ruyệt đã đưa ra đường lối hoàn toàn trái ngược với chủ trương năm Không cũng chính do ông chấp thuận mấy tháng trước đó. Một số người đã chất vấn sao lại thay đổi lập trường đến 180 độ một cách nhanh chóng như vậy? Một số khác thì ngợi khen ông là người can đảm, đã dám nói lên một thực tế mà ai là người thức thời thì cũng đều phải nhận là đúng."

Ngay sau khi "Tuyên ngôn 24 người" được phổ biến, lại có một "Tuyên ngôn" do giáo sư Phạm Cao Dương gửi cho các cơ quan truyền thông, mang tên 81 người ở Bắc Mỹ và Hong Kong. "Tuyên ngôn" ghi là "của Phong Trào Tranh Đấu Cho Tự Do và Dân Chủ tại Việt Nam," có nhiều nhận định và ba đề nghị:

1. Tạo áp lực buộc tập đoàn lãnh đạo Cộng sản Việt Nam phải gấp rút từ bỏ độc quyền chính trị, trả quyền lại cho toàn dân qua các cuộc bầu cử tự do.

2. Vận động dư luận quốc tế yểm trợ phong trào tranh đấu đòi tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Liên kết với các phong trào tranh đấu tại những nước Cộng sản để trao đổi kinh nghiệm và phối hợp hành động.

3. Nghiên cứu những biện pháp ổn định tình thế và chuẩn bị kế hoạch tái kiến thiết đất nước trong giai đoạn hậu Cộng sản."

Chỉ trong vòng một tháng, phong trào "vận động chính trị" bùng lên khắp nơi như thế, quả là một hiện tượng đáng chú ý. Nhận định sơ khởi về hiện tượng này, nhật báo *Người Việt* viết:

"*... không coi việc có nhiều nhóm đưa ra nhiều tuyên ngôn, tuyên cáo là có hại cho mục tiêu đoàn kết dân tộc. Trái lại, đây là một dấu hiệu của một sinh hoạt chính trị lành mạnh -- chưa ngồi lại với nhau bao giờ, thì ai muốn nói gì cứ phát biểu. Nói xong mới biết giống nhau ở những điểm nào, khác nhau ở những điểm nào, để mà "điều chỉnh" và đi tới một hoặc những đồng thuận."*

Nhưng, sau khi đưa ra những tuyên ngôn, tuyên cáo, chúng ta phải làm gì nữa -- đó là câu hỏi chưa được trả lời.

Thế Kỷ 21 đề nghị mọi người cùng góp ý, với một số gợi ý sau đây:

1. Qua những bản văn tóm lược ở trên chúng ta đòi hỏi những gì cụ thể? Về chính trị? Về kinh tế? Về nhân quyền?

2. Liệu phong trào "lên tiếng" này có hiệu quả (và hậu quả) gì:

- đối với bà con trong nước?
- đối với bà con hải ngoại?
- đối với chính quyền Hà Nội?

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Lỗ Xì, ... và khoảng trống

Nguyễn Quang

Biến cố 1975, đưa đến việc cả triệu người Việt Nam di tản, vượt biên, chạy trốn cộng sản, sinh sống tại nhiều quốc gia tự do, đặc biệt là Hoa Kỳ. Tiếp đó, lại nảy sinh ra nhiều chương trình "đoàn tụ nhân đạo" như chương trình "Ra Đi Trong Trật Tự" (ODP), "con lai," rồi "chương trình định cư những người được tha từ trại cải tạo" (HO). Chương trình ODP Việt Cộng cho xúc tiến từ năm 1980, chương trình con lai từ năm 1984, còn chương trình HO thì mới tiến hành cuối năm 1989.

Chương trình ODP và con lai mặc dầu hoàn toàn có tính nhân đạo, nhưng Việt Cộng cũng lấy cớ này cớ khác, lúc thì đổ lỗi cho Hoa Kỳ gây trở ngại, đã bị ngưng trệ từ năm 1987, rồi đến đầu năm 1989 mới được làm lại. Còn chương trình HO thì nay còn là thời gian cao điểm, liệu rồi Việt Cộng sẽ có thái độ thế nào về việc này?

Tình trạng "người đi, người ở, người về" thật sự đã tạo ra một khung cảnh vô cùng khác lạ tại Việt Nam. Tâm trạng người dân xao xuyến. Kẻ ra đi, người ở lại dằng co níu kéo nhau. Người trở về nhìn người ra đi dưới con mắt khác lạ. Kẻ còn ở lại nhìn người trở về... với sự thèm muốn. Trước thái độ "mở cửa" của Việt Cộng, một số người lợi dụng sự dễ dàng đã tìm mọi cách để mau ra khỏi nước. Có người dè dặt không hiểu Việt Cộng hành động như vậy với ý nghĩa gì? Không kể hai chương trình ODP và con lai, chương trình HO, dành cho những người được tha từ trại cải tạo" Việt Cộng gán cho ý nghĩa "vừa nhân đạo, vừa chính trị" càng gây hoang mang trong việc lựa chọn "phải ra đi hay có thể ở lại" mà không gặp sự khó khăn nào? Trong khi đó thì chính Việt Cộng lại tỏ ra dễ dàng trong việc cấp xuất cảnh cho những ai có đủ điều kiện theo diện ODP, con lai hay HO bằng cách ủy quyền cho công an thành phố, thị trấn hay tỉnh làm công việc này, thay vì trước đây phải qua Bộ Nội Vụ ở Hà Nội, hay đại diện Bộ Nội Vụ phía Nam, đặt trụ sở tại đường Nguyễn Trãi (Võ Tánh cũ) Sài Gòn.

Con số người ra đi "chính thức" ngày gia tăng, cũng không làm giảm bớt số người vượt biên, mà có khi còn tạo ra lo ngại con số người ra khỏi nước bằng đường "không chính thức" ngày càng cao hơn! Có dư luận cho rằng Việt Cộng tỏ ra dễ dãi trong vấn đề cho người vượt biên, có khi còn cho phép những nơi nào có "cửa khẩu" tốt tự do tổ chức vượt biên, để vừa thu được nhiều vàng vừa tạo ra một tâm trạng buộc dư luận nhân đạo phải quan tâm... Tất cả những việc làm này không ngoài mục đích làm giảm sự chú ý của dư luận về những việc làm của Việt Cộng nhằm củng cố lãnh đạo trong nước.

*
* *

Ai cũng phải thừa nhận con số người Việt ở hải ngoại lên đến trên triệu người, là niềm hi vọng cho một tương lai xây dựng nước Việt Nam phồn vinh. Đa số thành phần này không nhiều thì ít đều có thân nhân kẹt lại ở Việt Nam hơn mười năm qua phần nào sống nhờ vào "viện trợ," những thùng quà, năm ba trăm đô la gửi về hàng năm cho gia đình để sống qua ngày... chờ đoàn tụ. Sự kiện này đưa đến tâm lý trông chờ, đôi khi trở nên lười biếng. Không phải chỉ về mặt kinh tế mà còn ở nhiều mặt khác nữa. Liệu hiện tượng này có biến mọi người trở nên thụ động hay không? Và chính sự thụ động của thành phần có thân nhân ở nước ngoài còn kéo theo nhiều thành phần khác cũng mang tâm trạng trông chờ tạo thành khoảng trống chính trị trong nước. Điều này cũng được bộc lộ qua một số ý kiến của một số anh em vừa đến được Mỹ ngày gần đây: Người trong nước trông chờ ở người Việt hải ngoại rất nhiều.

Thế nhưng khi tiếp xúc với nhiều giới ở hải ngoại thì thấy hải ngoại lại trông chờ quốc nội sớm có biến. Mặt khác, tình trạng "chưa ngồi lại được với nhau" xảy ra trong cộng đồng người Việt, một số người tâm huyết không khỏi lo ngại. Nhiều tổ chức, hội đoàn thành lập, nhưng chưa thống nhất mục tiêu.Trong một buổi sinh hoạt chính trị mới đây, khi được mời phát biểu ý kiến, một chính khách tỏ ý lo ngại làm cách nào để lấp đầy khoảng trống chính trị một khi có thay đổi ở Việt Nam? Theo vị này thì chắc chắn Việt Nam sẽ phải thay đổi và "ngày trở về không xa," mặc dầu "bản chất CSVN khác hẳn bản chất Cộng Sản Đông Âu," "dai như đỉa đói." Vì vậy, chờ đợi một biến chuyển nhanh chóng ở Việt Nam chưa thể có được, nhưng trước sau gì Cộng Sản Việt Nam tất nhiên phải sụp đổ. Giả thử, có đột biến ở Việt Nam như đã xảy ra ở Tiệp Khắc,

Tiểu San

Thơ tôi hôm nay

Tôi làm thơ tán em
nhưng thơ tôi bị em coi rẻ.
Đáng lẽ,
tôi nên chờ
cho đến khi em không còn trẻ.

Tôi làm thơ hiến dâng tổ quốc
nhưng tổ quốc chối từ.
Thời đại kinh tế sa lầy,
nhà nước cần đồ xuất khẩu
mà thơ tôi ra đời
như một món hàng
chẳng quảng cáo trước.

Tôi bèn làm thơ với chim muông,
cây cỏ,
với núi non, sông hồ và biển cả.
Nhưng chim muông gần tận diệt,
cây cỏ có chủ hết rồi,
núi cao dành người kháng chiến,
sông sâu tôi suýt chết đuối lần vượt
biên không thoát,
còn biển cả váng dầu che đậy xác
thuyền nhân.

Mỗi ngày tôi phải ngửa đầu
qua lỗ hổng ô-dôn nhìn ra vũ trụ
tới các thiên hà xa thở ra lời thơ.
Nếu tôi may,
không bị vệ tinh gián diệp địch
nghe lọt,

lời thơ sẽ trở về quá khứ
dội xuống từ mặt trăng
hiện hữu trên mặt đất
như thơ một tiền nhân.

Ru-ma-ni, thì khi xảy ra đột biến, cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại sẽ phản ứng ra sao? Chúng ta chưa có được một thế lực tổ chức đủ mạnh đáp ứng những đòi hỏi cấp thời trong nước, một khi "theo luật tiến hóa, Cộng Sản Việt Nam không thể cưỡng lại được," liệu chúng ta có đủ thời gian để có những đáp ứng thích đáng hay không?

*

Có một điều mà bất cứ người Việt Nam nào cũng mong muốn. Đất nước sớm đổi mới, chế độ Cộng Sản Việt Nam mau tan rã, để không những cho người Việt trong nước được hưởng không khí Tự Do Dân Chủ mà cả những người Việt hải ngoại (nếu chưa muốn trở về) cũng được chia sẻ. Dựa vào cái thế chế độ Cộng sản các nước Đông Âu sụp đổ, chế độ cộng sản Liên xô "biến dạng," người Việt Nam trong cũng như ngoài nước đều có ước muốn chung, mà cái ước muốn đó không phải là không có cơ sở, nhưng không ai có thể ước đoán được thời gian thay đổi, cũng như cách thức thay đổi ở Việt Nam sẽ xẩy ra trong giai đoạn nào và như thế nào?

Những tay cầm đầu Đảng Cộng Sản trong nước vẫn tiếp tục huênh hoang "chế độ độc đảng mãi mãi tồn tại" hoặc đừng mơ tưởng biến Việt Nam trở thành một trong những "con rồng Châu Á" vì nếu tự nhiên "Việt Nam trở thành một trong những con rồng châu Á thì chế độ Cộng Sản sẽ không còn đất sống trên đất Việt." Điều huênh hoang này hoàn toàn trái ngược với ý muốn của quần chúng, của nhân dân.

Khi đưa ra những lời tuyên bố như vậy, có phải những tay cầm đầu đảng Cộng Sản trong nước ngu muội, hay mù quáng? Cái gì đã che lấp trí khôn của họ?

Cái gì đã bịt mắt họ? Cái gì đã làm cho sức mạnh quần chúng trở nên bất lực không thể khơi dậy tình người. Trong tâm thức lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam? Quyền lợi của giai cấp (mà họ gọi là do Đảng tiên phong đại diện), hay vì quyền lợi cá nhân mà bọn lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam không chịu lựa chọn một giải pháp cho Việt Nam, vừa phù hợp với trào lưu thế giới, vừa tồn tại, lại vừa có thể đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, làm giàu cho đất nước?

*

* *

Tình hình thế giới thay đổi, không thể không ảnh hưởng tới chính tình Việt Nam. Những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam không phải không có những suy nghĩ tính toán. Sự tính toán đó không ra khỏi con đường làm cách nào cho thế giới thấy Việt Cộng có thiện chí trong vấn đề

cải cách, vừa duy trì sự tồn tại Cộng Sản Việt Nam. Sau biến cố Đông Âu, Việt Cộng không thể bưng bít được; Bộ Chính Trị Đảng đã phải vất vả, liên tiếp hội họp. Có những cuộc họp vội vàng khi thì tổ chức ở Sài Gòn, khi Hà Nội, nhằm "đánh giá," "rút kinh nghiệm." Sau mỗi biến cố tại mỗi nước, báo chí cùng những phương tiện truyền thông khác của Việt Cộng cũng không ngớt có những "phản ứng," vừa tích cực vừa tiêu cực. Khi tình hình Ba Lan thay đổi, Việt Cộng còn vớt vát bằng vài ba bài bình luận, nhằm "bày tỏ tình đoàn kết với Đảng Cộng Sản Ba Lan," liên tiếp sau đó, từ sự sụp đổ của Đảng Cộng Sản Đông Đức, Tiệp Khắc, Hung-ga-ri, đến cái chết của vợ chồng Ceaucescu, lãnh tụ Đảng Cộng sản Ru-ma-ni, kéo theo sự sụp đổ chế độ Cộng Sản tại nước này, đem đến cho đảng Cộng Sản Việt Nam sự bàng hoàng, và người ta không còn nhìn thấy một giòng chữ nào nhằm bênh vực, hay kêu gọi... đăng trên các báo nữa... Những tin tức liên quan đến các biến cố này được loan tải ngắn gọn dựa vào "nguồn tin nước ngoài."

Phản ứng của báo chí, phương tiện truyền thông đã cho thấy sự lúng túng của Việt Cộng, một mặt bộc lộ phần nào tính cách coi thường các biến cố đó, mặt khác chứng tỏ họ không muốn đáp ứng những đòi hỏi chính đáng về cải cách trong nước, phù hợp với dư luận tiến bộ thế giới. Điều này dễ nhận ra qua cung cách phát biểu của Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, cùng những vận động ngoại giao của Nguyễn Cơ Thạch tiếp tục đưa ra những "sáng kiến" vận động một số nước phương Tây, đặc biệt là Pháp, viện trợ cho Việt Nam về mặt kinh tế.

*
* *

Nhìn lại cung cách làm ăn những ngày gần đây, cho ta thấy thật sự Việt Cộng đang cố gắng tạo ra những lỗ xì... với tình hình kinh tế ngày một khó khăn, Việt Cộng đưa ra chủ trương thị trường tự do... cho phép tư nhân bỏ vốn đầu tư, làm ăn khai thác, cạnh tranh với nhà nước trên tất cả mọi lãnh vực, ngoài trừ lãnh vực quốc phòng. Hầu hết các mặt hàng tiêu dùng đều được nhập cảng, tự do sản xuất bày bán trên thị trường. Chế độ ngăn sông cấm chợ bãi bỏ. Lương thực, thực phẩm được phép lưu thông dễ dàng. Về nông nghiệp, Việt Cộng đưa ra chính sách "khoán" sản phẩm cho người nông dân, mặt khác, nhờ mưa thuận gió hòa, năm 1989, đã có một triệu tấn gạo xuất cảng.

Mấy năm về trước, ít ai nghĩ đến chuyện... Việt kiều về thăm quê. Nhưng từ năm 1988, 1989, đã có nhiều toán Việt kiều từ nhiều nước khác nhau, có người đi trước 1975, có người mới vượt biên ba bốn năm đã xuất hiện, nhất là ở Sài Gòn. Đặc biệt năm 1990, song song với việc thúc đẩy kêu gọi đầu tư, Việt Cộng đưa ra kế hoạch khai thác ngành du lịch, một loại hình thức kinh doanh, Việt Cộng gọi là "kỹ nghệ không có khói," nhưng lại có thể dễ hái ra tiền. Việt Cộng đã bỏ ra nhiều tổn phí, nhất là về mặt truyền thông, để kêu gọi tư nhân trong nước đầu tư sửa sang nhà cửa mở thêm nhà hàng để đón khách, đặc biệt là Việt kiều. Sở dĩ Việt Cộng dùng năm 1990 làm năm Du Lịch, theo giải thích của Việt Cộng là vì năm 1990, đối với họ, có nhiều ngày lễ lớn, như kỷ niệm 60 năm thành lập Đảng, 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh... nhà nước Cộng Sản Việt Nam chuẩn bị nhiều thứ nhằm hấp dẫn du khách, với chỉ tiêu 150,000 người vào Việt Nam năm 1990! Với hình thức này, phần nào Việt Cộng tạo cho một số người cảm giác có tự do ở Việt Nam.

Thực ra Cộng Sản Việt Nam vẫn còn ngoan cố. Những "đổi mới," "cởi trói" hay hô hào dân chủ hoàn toàn là hình thức. Thực chất lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam vẫn còn là một "pháo đài." Các phương tiện truyền thông Việt Cộng, nhất là báo chí luôn luôn bày tỏ mong muốn nhà nước có những việc làm cụ thể hòng lấy lại được niềm tin trong quần chúng, nhưng những hành động của Việt Cộng vẫn mang màu sắc "dối trá," chưa thể "xóa bỏ mọi nghi ngờ đố kỵ" được. Bởi lẽ, nói như một vị chính khách khi nào Cộng Sản Việt Nam còn chủ trương "chuyên chính vô sản, giai cấp đấu tranh, dân chủ tập trung" thì dù có bày vẽ ra chính sách này, đường lối nọ, vẫn không thể lừa dối được ai, và cũng đừng hòng gây tin tưởng với ai trong cũng như ngoài nước.

Vì Việt Cộng chưa từ bỏ tham vọng lãnh đạo Việt Nam, đứng trước những khó khăn hiện tại, vừa bị cô lập vừa bị lên án, Việt Cộng đang cố gắng tạo ra những lỗ xì... để giảm bớt tình hình căng thẳng trong nước, giảm nhẹ ý kiến chống đối trong mọi giới từ tôn giáo, trí thức, đến quần chúng. Những lỗ xì Việt Cộng cố tình tạo ra... có lợi cho họ. Còn những khoảng trống chính trị do chúng ta tạo ra -- trong cũng như ngoài nước -- chúng ta cần phải giải quyết. Nếu không tỉnh táo, lại tiếp tục duy trì những khoảng trống chính trị đó, thì kẻ thủ lợi không ai khác hơn là Việt Cộng. Nếu chúng ta muốn thu ngắn thời gian sụp đổ Cộng Sản Việt Nam thì chúng ta phải làm gì? Câu trả lời không phải là chỉ trông chờ một "biến động" trong nước.

Tháng Ba, 1990
NGUYỄN QUANG

Trở Về

Nguyễn Hữu Chung

"Xã hội chủ nghĩa hay là chết." "Nếu định mệnh bắt chúng ta là kẻ cuối cùng phải bảo vệ xã hội chủ nghĩa, chúng ta sẽ bảo vệ nó tới giọt máu cuối cùng." Đó là lời tuyên bố ở Cuba của Fidel Castro, cứng rắn, không lay chuyển trước những đổi thay ở Đông Âu và Nga Xô. Mấy ngày sau thì tờ báo *Moscow News* đăng một bài phóng sự nói về sự nghèo nàn khổ cực ở Cuba, vì chánh sách đàn áp dân chúng của chế độ, phê bình gắt gao Fidel Castro. Đây là lần đầu tiên người ta thấy báo Nga tấn công một nước "xã hội chủ nghĩa anh em."

Bốn tháng trước, người ta cứ tưởng rằng Nga Xô chỉ giải tán đế quốc cộng sản ở Đông Âu vì lý do kinh tế và chiến lược. Tháng rồi, Gorbachev làm cuộc cải tổ chính trị tại nước Nga làm nhiều người sững sờ. Khi nhớ tới các nước cộng sản thuộc thế giới thứ ba thì người ta nghĩ rằng Gorbachev chẳng quan tâm tới các nước nầy, để tự chúng sẽ tan rã với thời gian. Nhưng những diễn biến trong tháng cho thấy rằng Gorbachev không quá "vô tình" như vậy. Chuyện Cuba là một thí dụ. Ethiopia đã đi xa hơn Nga Xô, tuyên bố kinh tế thị trường trăm phần trăm. Mông Cổ cũng vừa đi một bước lớn: chủ tịch đảng cộng sản tuyên bố toàn thể bộ chính trị từ chức, từ bỏ độc quyền chánh trị, chấp nhận đối lập. Tại sao Nga Xô lại ép các đàn em cộng sản trong thế giới thứ ba phải cải tổ theo mình, khi mà những thay đổi ở các xứ đó không đem lại một lợi ích kinh tế hay chiến lược nào cho Nga Xô cả? Câu trả lời là *Gorbachev không thể dung dưỡng những chế độ bảo thủ, staliniste, để họ làm đồng minh với các đối thủ của ông trong nước Nga là phe bảo thủ do Ligachev cầm đầu. Gorbachev phải dẹp vòng ngoài vì nhu cầu đánh ở trong.* Vì vậy chắc chắn Hà Nội đã bị ép phải hát cùng một điệu nhạc với Moscow, vì lẽ Việt Nam là một nước yếu kém, hoàn toàn lệ thuộc vào Nga Xô, không mạnh như Tàu để có thể có một đường lối độc lập.

Trong mấy tuần vừa qua, mấy ông lãnh tụ đảng CSVN hội họp liên miên. Bộ chính trị phải đi tới một quyết định trước khi trung ương đảng họp đại hội. Đại hội nầy đáng lý đã phải họp vào tháng Hai, đã được dời sang tháng Ba. Khi tôi viết những dòng chữ nầy (13-03) thì trung ương đảng vẫn chưa họp và cũng không định rõ ngày nào sẽ họp. Phải chờ cuộc họp nầy mới biết rõ lập trường của đảng cộng sản Việt Nam. Bây giờ thì có hai giả thuyết:

1. Hà Nội bắt chước Cuba, tiếp tục con đường cứng rắn, bất cần Nga Xô. Như vậy phải coi chừng đảo chánh. Phải tìm tài nguyên thế chỗ viện trợ mấy tỷ đô la hàng năm của Nga Xô. Trở lại đi với Tàu? Tàu đã đưa tay ra một cách hữu nghị khi tuyên bố sẽ đưa một phái đoàn quan trọng sang Hà Nội để dự lễ sinh nhật Hồ Chí Minh vào tháng Năm tới.

2. Chấp nhận dân chủ.

*
* *

Chấp nhận dân chủ trong trường hợp nầy là chấp nhận miễn cưỡng và vì vậy Hà Nội sẽ tìm cách đưa ra một phương thức có lợi nhất cho họ, để họ tiếp tục cai trị. Giữa độc tài và dân chủ thật sự có nhiều hình thức dân chủ giả hiệu và dân chủ nửa vời, cũng như giữa đen và trắng có rất nhiều màu xám. Nhưng mọi sự không chỉ tùy thuộc vào thái độ của chính

quyền cộng sản mà còn tùy thuộc vào thái độ của dân chúng. *Một chế độ dân chủ ít hay nhiều tùy thuộc vào mức độ tham gia chính trị của dân chúng.*

Như tôi đã nói trong số báo vừa qua, nếu dân chúng nổi dậy lật đổ chính quyền cộng sản thì sau đó mọi chuyện dễ quá vì địch thủ đã biến mất, vấn đề còn lại chỉ là vấn đề "hậu chiến." Nhưng vì một lẻ nào đó, cho tới nay chưa có một đoàn thể hay một phong trào ở trong nước đứng lên chống chính quyền, ngoại trừ đám cựu kháng chiến Nam Bộ. Nếu ngày mai, đảng CSVN cũng làm y như đảng Cộng Sản Mông Cổ vừa làm hôm qua, là tuyên bố "bỏ độc quyền cai trị của Cộng Sản, sẽ cùng đối lập sửa đổi hiến pháp để thành lập một chế độ dân chủ, tổ chức bầu cử v.v...," thì người Việt không cộng sản ở trong và ngoài nước sẽ phải phản ứng ra sao?

Trong giới người Việt ở ngoài nước, có rất nhiều khuynh hướng được phát hiện qua những tuyên ngôn, lời tuyên bố hay những bài viết trên báo. Có khuynh hướng muốn loại trừ tất cả bọn cộng sản, bọn thân cộng, bọn hòa giải, bọn trung lập, trước khi về nước nắm chính quyền, nhưng không nói rõ ai sẽ làm cái công việc loại bỏ đó, sẽ về Hà Nội hay Sài Gòn để làm, hay làm từ Mỹ, bằng *remote control*. Có khuynh hướng muốn Hà Nội hội họp với họ ở Genève hay Paris, phải làm tất cả mọi thứ nhượng bộ, phải bảo đảm mọi thứ cho an toàn rồi mới về tham gia chính quyền hay tham dự bầu cử. Có khuynh hướng sẵn sàng bắt tay hòa hợp hòa giải với cộng sản một cách vô điều kiện vì nghĩ rằng mấy ông lãnh tụ CSVN đã thức tỉnh, đã "trở về với dân tộc." Cũng có người đang mong đợi một sự sắp xếp của Tây, của Mỹ, của Tầu.

Theo tôi, tôi nói một cách thành thật và nghiêm chỉnh, người Việt ở ngoài nước không có một vai trò quyết định trong tiến trình dân chủ ở Việt Nam, ít nhất là trong giai đoạn đầu.

Vai trò đó phải do người Việt ở trong nước đảm nhận. Người Việt ở ngoài nước sẽ đóng vai trò yểm trợ. *Mọi cuộc cách mạng đều cần phải có một phong trào quần chúng nổi dậy,* và điều tốt đẹp nhất mà chúng ta có thể làm là yểm trợ những phong trào đó. Nếu vì một lẽ nào đó mà *hôm nay* không có một phong trào quần chúng nổi dậy để lật đổ chánh quyền cộng sản và *ngày mai* chánh quyền cộng sản tự động chấp nhận dân chủ thì *ngày mốt* chúng ta vẫn phải phát động một phong trào quần chúng để vô hiệu hóa bộ máy đàn áp của cộng sản. Nếu người quốc gia không có khả năng phát động một phong trào quần chúng thì dân tộc Việt Nam sẽ tiếp tục đi trong con đường mòn chật hẹp, phải năm hay mười năm nữa mới đi ra đại lộ dân chủ, tự do, tiến bộ. Ở Nga Xô, Gorbachev và đảng cộng sản sẽ tiếp tục cai trị một thời gian nữa vì không có một phong trào quần chúng mạnh mẽ chống đối họ (phe Yeltsin đã không thành công trong việc nầy), ngoại trừ những tiểu quốc đòi độc lập vì lý do chủng tộc.

Vì vậy, những lời tuyên bố, những việc sửa đổi trên các bản văn hiến pháp hay luật pháp, những bảo đảm, những sự chia quyền v.v... chưa đủ. Đời sống dân chủ trong một xứ được đánh dấu bằng những cuộc bầu cử. Bất cứ cuộc bầu cử nào, ở xứ nào (ngay cả ở Anh, Pháp, Mỹ, Canada) cũng có những vụ gian lận, có những điều bất hợp pháp, bất thường. Hình thức gian lận tế nhị như vận động tranh cử bất hợp pháp, tiêu tiền quá mức ấn định v.v...) hay thô bạo (cướp thùng phiếu, ám sát, v.v.), mức độ gian lận lẻ tẻ (1-2% số phiếu bầu) hay ồ ạt (ngụy tạo biên bản gian lận trên 50% số phiếu) tùy ở trình độ dân trí và sự tham gia chính trị của người dân. Khi tôi nói dân trí, tôi muốn nói tới cả những cán bộ, công chức trong bộ máy hành chánh có nhiệm vụ tổ chức bầu cử, vì nếu những người nầy tỏ ra đứng đắn, nghiêm chỉnh thì các cấp chỉ huy của họ cũng khó ngụy tạo những con số đem phiếu ông A từ 30 ngàn xuống 10 ngàn, đưa phiếu ông B từ 4 ngàn lên 14 ngàn. Cá nhân tôi đã sống qua ba cuộc bầu cử quốc hội và hai cuộc bầu cử tổng thống trước 1975. Tôi nghĩ rằng hiện có ít nhất hàng chục ngàn người Việt đang sống ở ngoài nước vốn là cựu tỉnh trưởng, quận trưởng, công chức, đã từng tổ chức và tham dự các cuộc bầu cử, những vị đó cũng có những kinh nghiệm như tôi và cũng chia sẻ nỗi ưu tư của tôi vì những cuộc bầu cử, nếu có. Ai cũng biết cán bộ cộng sản gian manh tới mức thượng thừa, coi nhẹ danh dự và liêm sĩ, vậy thì ai cũng có thể tưởng tượng diễn tiến và kết quả của những cuộc bầu cử do họ tổ chức. Sự hình thành của những phong trào quần chúng lớn mạnh khắp nơi (không cần phải bạo động, cũng không phải để trả thù) có hiệu quả giải giới tinh thần bọn cán bộ ác ôn, phục hồi tinh thần của những người liêm sĩ và làm hậu thuẫn vững chắc cho những cán bộ quốc gia vận động và kiểm soát bầu cử. Trên thực tế, trong giai đoạn đầu, phe quốc gia không thể thành lập một bộ máy nhân sự bằng 10% bộ máy cầm quyền của cộng sản, dù có được yểm trợ bao nhiêu tiền đi nữa. Cũng không thể nhờ một cơ quan quốc tế nào giám sát bầu cử như ở Nicaragua vì dân Nicaragua chỉ có hai triệu

trong khi Việt Nam có hơn 60 triệu. Chỉ khi nào ta tạo được những phong trào quần chúng *để quần chúng không sợ nữa,* sẵn sàng đối đầu với cán bộ, công an, thì khi đó ta mới có một cuộc bầu cử trong sạch. Khi quần chúng nổi lên thì cường quyền thụt cổ.

Ngày hôm nay chưa có một phong trào quần chúng ở Việt Nam nhưng những điểm tập họp đã có sẵn và quần chúng cũng sẵn sàng. Khí cụ hiệu quả nhất trong việc phát động các phong trào quần chúng là truyền thông: báo chí, truyền thanh, truyền hình. Trong lãnh vực này, người Việt ở ngoài nước, với khả năng kỹ thuật và tài chánh, có thể hỗ trợ tích cực. Khi những phong trào đã được phát động thì cần một số cán bộ tối thiểu để hướng dẫn và một số tài nguyên để nuôi dưỡng. Vì vậy cần có sự yểm trợ tích cực của người Việt nước ngoài trong giai đoạn nầy. Khi tôi viết mấy dòng nầy, tôi biết có nhiều người đã sẵn sàng hy sinh, bỏ nhà cửa, gia đình, công ăn việc làm để về tranh đấu. Tôi cũng hy vọng rằng những đồng bào không thể về được cũng sẽ yểm trợ đắc lực phong trào tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam.

Về phương diện lãnh đạo, có người lo là phe quốc gia hiện không có lãnh tụ sáng giá. Tôi thấy không có gì phải lo. Chính người cộng sản phải lo hơn ta, vì sau mấy mươi năm lựa chọn và đào tạo, họ chẳng có nhân vật nào sáng giá. Cứ nhìn vào bộ chính trị và trung ương đảng CSVN thì thấy. Tôi xin miễn bàn về các nhân vật Việt Nam ở ngoài nước vì sợ gây bất hòa, tôi chỉ muốn nói rằng trong giới trẻ có rất nhiều người có khả năng, có *danh dự* và yêu nước. Về phía người Việt trong nước, tôi thấy họ không đòi những bảo đảm, không đặt những điều kiện như người ngoài nước, vì họ đang ở trong tù, những lãnh tụ trong nước sẽ xuất hiện khi cộng sản hé cửa. Chính họ là những người đầu tiên sẽ khơi động các phong trào quần chúng. Nhưng đa số sẽ là những lãnh tụ "tinh thần" hơn là những lãnh tụ chính trị. Những lãnh tụ chính trị thật sự sẽ đến sau, từ trong và ngoài nước. Tôi tin chắc rằng Việt Nam sẽ có những lãnh tụ chính trị có khả năng, được hình thành qua tiến trình tranh đấu dân chủ, lớn lên từ môi trường tranh đấu, nhưng cũng phải có học để có tầm nhìn cao và xa. Trong giai đoạn đầu, sẽ có sự liên kết của nhiều cá nhân, đoàn thể, phong trào, sẽ không có và không cần có một lãnh tụ sáng chói.

Khi viết tới đây tôi sực nhớ một điều: những hiểu biết của tôi đều nằm trong miền Nam, từ vĩ tuyến 17 trở vào, nơi tôi đã sống trước ngày 30 tháng Tư, 1975. Tôi không biết gì về miền Bắc và hơn 30 triệu đồng bào cư ngụ ở đó. Điều tôi biết là người dân quê miền Bắc chưa hề biết thế nào là sống trong tự do dân chủ, bởi vì sau thời phong kiến là đến thời thực dân, rồi sau đó lại đến cộng sản, cho tới ngày hôm nay. Họ chưa nếm thử cái không khí dân chủ. Theo nhà văn Nguyễn Tuân thì dường như cái "yếu tố để sống còn của mọi người ở ngoài đó là sợ." Vậy phải làm sao cho họ hết sợ. Chắc không phải dễ. Như tôi có bà mẹ, từ thuở nào bà có thói quen xếp cất những bao giấy hay bao nylon mỗi khi đi chợ về. Qua Canada đã 15 năm, bà vẫn tiếp tục xếp cất những cái bao (có lẽ bà đã sợ thiếu bao từ hồi chín, mười tuổi) khiến nhà bà đâu cũng có bao, nói thế nào cũng không đổi được. Cái sợ không dễ bỏ. Tôi thật sự không biết khả năng của chúng ta để phát động những phong trào quần chúng ở ngoài Bắc, làm sao để dân chúng xem thường cán bộ công an, làm xuất hiện những "lãnh tụ tự nhiên" không cộng sản để tranh đấu trong một cuộc bầu cử. Nói như thế tôi không có ý nói dân miền Nam tinh thần dân chủ đủ cao, vì nếu cao thì đã không phải sống qua hai chế độ cộng hòa "xám xịt" để rồi thua vào tay cộng sản. Nhưng tôi biết khả năng tiếp nhận của dân chúng biết phải làm gì, với ai, bằng cách nào để đánh bại cộng sản trong một cuộc bầu cử. Tôi hy vọng rằng những vị am tường miền Bắc và hiểu rõ kỹ thuật chính trị, quí vị đó sẽ đưa ra những kế hoạch đấu tranh ở miền nầy.

Có nhiều thân hữu đặt câu hỏi với tôi: có về hay không, nếu có thì khi nào về, về trong những điều kiện nào? Tôi nghĩ không có câu trả lời chung cho tất cả mọi người. Lý do là ta chưa rõ thế trận của bên kia sẽ bày ra sao. Cũng như một người đánh giặc, không có mặt trận nào giống mặt trận nào, không có một khuôn mẫu chiến thuật, không có điều kiện tiên quyết để đánh hay tránh. Tranh đấu có những cái gian nguy của nó phải chấp nhận, gian nguy nhưng không liều lĩnh vì u tối. Có điều ta phải biết là nếu ta có trở về là để góp phần tranh đấu cho nền tự do dân chủ của xứ sở chứ không phải để chia quyền hay để trả thù. Vì vậy ta không chấp nhận nguyên tắc hòa giải "anh sáu tôi bốn" để kéo dài tình trạng chậm tiến của dân tộc. Cũng không theo nguyên tắc loại trừ hết đảng viên cộng sản mới có tự do dân chủ. Giải pháp cho Việt Nam là một chế độ tự do dân chủ, trong đó mọi khuynh hướng chính trị đều có quyền có mặt, tranh đấu với nhau không bằng bạo lực. Chắc chắn là dân tộc Việt Nam sẽ lựa chọn hướng đi mà mọi dân tộc tiến bộ trên thế giới đang đi.

NGUYỄN HỮU CHUNG
Montréal 14 tháng Ba, 1990

Biện hộ giùm một ông già

Hoàng Linh

Cựu Tổng thống Ronald Reagan

Theo lời yêu cầu của luật sư bị cáo Poindexter, cựu tổng thống Reagan phải ra làm chứng trong vụ bán vũ khí cho Iran rồi lấy tiền lời chi viện cho kháng chiến quân Contras ở Nicaragua, gọi tắt là vụ Iran-Contras. Có lẽ nhờ tuổi tác và nhờ địa vị nguyên thủ quốc gia ngày trước (ngày trước? thật ra mới có hơn một năm, nhưng ta có cảm tưởng đã từ lâu lắm), Reagan được miễn đích thân ra hầu tòa trước sự dòm ngó của kẻ hiếu kỳ mà chỉ phải cung khai qua máy ghi hình VCR. Kẻ viết bài này không được xem tận mắt cuốn băng cát xét ấy nên không rõ lời lẽ và cung cách của nhân chứng Reagan ra sao. Tuy nhiên, qua báo chí và vô tuyến truyền hình, thấy các vị ký giả và xướng ngôn viên không tiếc lời mỉa mai và chỉ trích; nào là ông già này không có can đảm nhận trách nhiệm về phần mình; nào là đương sự đã tỏ ra thiếu trí nhớ một cách thảm hại, luôn luôn trả lời đại khái: "tôi không nhớ rõ nữa!", "người nầy là ai?", "bữa đó đã xẩy ra chuyện gì?" v.v.... Cùng lúc ấy, báo chí hết sức ngợi khen vai trò tích cực của cựu tổng thống Jimmy Carter trong cuộc bầu cử tổng thống ở Nicaragua và ca tụng đương kim tổng thống George Bush thật mát tay tốt phước, đã nhốt được Noriega vào ngục tối lại đẩy được Violeta Chamorro lên ngôi cao!

Trước cảnh tượng tương phản, phù thịnh miệt suy ấy, tôi cảm thấy có điều gì bực bội, bất nhẫn. Máu nghĩa hiệp "tếu" lại nổi lên như ngày nào mới khoác áo luật sư ra tòa (ngày nào? thật ra đã gần bốn chục năm rồi mà cứ tưởng mới gần đây!), tôi nhất định viết vài lời biện hộ giùm cho một ông già đã không được tòa án công luận phán xử công minh. Cao hứng thì làm vậy, chứ vị "truyền thông siêu việt" (the Great Communicator) đâu có cần đến lời bào chữa mướn của tôi!

Thiên hạ lên án Reagan và thuộc hạ như Poindexter, Oliver North về tội gì? Chẳng phải tội cướp của giết người, cũng không phải tội tư thông với ngoại bang hay biển thủ tiền công quỹ. Thuộc hạ của Reagan (và có lẽ chính cựu tổng thống Reagan nữa, tuy tòa án chưa có bằng chứng gì về điểm này) bị tố cáo là đã tri tình vi phạm tu chính án Boland, một bản quyết nghị của Quốc Hội ngăn cấm, việc viện trợ quân sự cho kháng chiến quân Contras trong thời kỳ xẩy ra vụ Iran-Contras rồi lại không khai sự thật với Quốc Hội. Không ai tin rằng các bị cáo đã vi phạm điều này vì tư lợi (tuy công tố viện cũng đã bới lông tìm vết đến mức ngờ Ollie North lợi dụng vụ Iran-Contras để lấy tiền mua tất cho vợ hay nhờ làm hàng rào quanh nhà!). Trái lại, mọi người cho rằng sở dĩ các bị cáo hành động như vậy là vì họ bất đồng chính kiến với Quốc Hội. Trái với lập trường của đa số nghị sĩ và dân biểu thời ấy, các bị cáo đã cho rằng muốn lật đổ chế độ mác xít độc tài ở Nicaragua, cần phải tích cực viện trợ cho Contras. Các bị cáo cũng cho rằng đánh đổ một chế độ mác xít thân Nga ở sát nách Hoa Kỳ là một việc làm cần thiết cho an ninh quốc gia.

Quan điểm này có thể đúng hay sai, nhưng hẳn không phải là một điều xấu xa, cần nghiêm trị.

Thành thật mà nói, kẻ viết bài này không có mấy kính

trọng đối với một Quốc Hội đã từng quyết định phản bội đồng minh, đã phủi tay rũ áo để mặc cho nhân dân Việt Nam lọt vào tay Cộng Sản. Mặc dầu vậy, tình cảm chủ quan ấy không làm mù quáng đến mức chủ trương rằng North, Poindexter và đồng bọn có quyền dẫm lên những bản văn mà Quốc Hội đã biểu quyết. Nếu quả thật họ đã vi phạm tu chính án Boland và nói dối với Quốc Hội thì, trên *bình diện đơn thuần pháp lý*, họ có tội. Và nếu cựu tổng thống Reagan đã chỉ thị hay cho phép họ hành động như thế thì, trên bình diện đơn thuần pháp lý, Reagan cũng có tội.

Tuy nhiên, ở đời này, công hay tội chỉ là những khái niệm tương đối, cần được xét theo hoàn cảnh khách quan và ý định chủ quan của đương sự. Vào thời đại La Mã cổ, cứu nước là luật tối thượng; một người vì muốn cứu quốc gia mà phải làm một việc trái với luật pháp thông thường thì hành động ấy cũng kể như vô tội. Trong hoàn cảnh kháng chiến, ở những nước bị quân thù chiếm đóng, nhiều hành động của du kích quân có thể cấu thành những tội phạm theo hình luật, nhưng sau đều được miễn cứu. Xét theo những tiêu chuẩn ấy, việc làm của North, Poindexter -- hay của thượng cấp của họ, nếu vị này đã chỉ thị hoặc cho phép -- không đáng bị coi là tội, nếu quả thực họ có lý do để nghĩ rằng sự hiện hữu của chế độ Sandinista ở Nicaragua là nguy cơ truyền nhiễm cho khắp miền Trung Mỹ -- là một đe dọa nặng nề cho nền an ninh Hoa Kỳ và vì thế cần phải loại trừ.

Vả chăng, *ngoài bình diện thuần pháp lý còn có bình diện luân lý.* Ta hãy thử để lên bàn cân: một bên là hành động của những người đã vì lập trường chống cộng, vì lòng thiết tha đến an ninh quốc gia mà bất chấp tu chính án Boland, tiếp tục viện trợ cho kháng chiến quân Contras, và bên kia là những vụ nhơ nhuốc, đếm không xuể, kể không xiết, của nhiều vị dân biểu nghị sĩ từ trường hợp ông chủ tịch Hạ Viện mượn cớ bán sách để nhận tiền đút lót, đến trường hợp năm nghị sĩ tên tuổi đi can thiệp giùm mấy ngân hàng tiết -iệm (Savings & Loans) để yêu cầu cơ quan hành chánh đừng điều tra những nghiệp vụ mờ ám của những nhà băng này, đổi lại sự ủng hộ tài chánh của họ... thử hỏi bên vào nặng, ai đáng nghiêm phạt, ai đáng khoan dung?

*
* *

Để cho sự xét xử được công bằng, ta không thể chỉ nói đến *tội* mà chẳng xét đến *công*.

Bàn về công trạng của cựu tổng thống Reagan, người viết không có ý định ngông cuồng tiếm quyền phán xét của Lịch Sử. Cũng như sự nghiệp một tư nhân chỉ khi nào đậy nắp ván thiên mới cân nhắc được, sự nghiệp của một chính khách phải chờ cho lớp bụi thời gian phủ lên, rồi mới trắc lượng được một cách vô tư. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian gần đây, lịch sử biến chuyển với một tốc độ phi thường nên ta đã có một vài cơ sở vững chắc để đánh giá thành tích của pháp nhiệm Reagan.

Nhìn chung trên thế giới, không ai chối cãi được là khối cộng sản đang trên đà xuống dốc, đang bị tan rã từng mảnh. Ở Đông Âu, hết quốc gia này đến quốc gia khác đạp đổ ách thống trị của đảng cộng sản và cố tạo dựng chế độ dân chủ đa nguyên. Ngay tại "tổ quốc của vô sản" là Liên Xô, đảng cộng sản cũng phải sửa đổi điều 6 của hiến pháp và từ khước độc quyền lãnh đạo đất nước. Quan trọng hơn nữa, trên thế giới hầu như có sự nhất trí về tính cách lạc hậu và tình trạng phá sản của chủ nghĩa Mác-Lê. Các đảng cộng sản ở Âu châu, kế tiếp nhau thay đổi danh xưng cố làm sao trút bỏ được cái "mác" cộng sản, như thể thành ngữ này bỗng nhiên trở thành xấu xí và mất cảm tình. Tượng Lê Nin bị quật ngã ở Bucarest (Ru Ma Ni) cũng như ở Oulan Bator (Ngoại Mông Cổ). Ngay trên lãnh thổ Liên Xô, nhiều tiểu bang như các quốc gia Ban Tích hoặc Moldavia, Georgia... lăm le tháo cũi xổ lồng, thoát ly khỏi cái khung (hay cái gông) Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết. Mọi người hoan nghênh thoái trào vĩ đại ấy, nhưng ít ai tự hỏi vì lý do nào có những biến cố lớn lao này, mà trước đây người ta cho là không thể nào xẩy ra được, ngoại trừ có thế chiến thứ ba?

Về điểm này, một điều đáng phàn nàn là dư luận Tây Phương đã thần tượng hóa Gorbachev, đã quá đề cao vai trò của vị lãnh tụ Liên Xô, "người của năm," "người của thập niên," "người của thế kỷ" v.v.. Ta không nên quên rằng Gorbachev chẳng phải là một chính khách thấm nhuần đạo lý dân chủ và trưởng thành trong môi trường dân chủ. Trái lại, Gorbachev là một cán bộ cộng sản kiên trì, một người đã được giáo huấn theo chủ nghĩa Mác-Lê, một người mà tất cả tư tưởng và nỗ lực đều hướng về sự bảo vệ và bành trướng của khối cộng sản (nếu không như vậy thì y đã bị các đồng chí loại bỏ từ lâu chứ chẳng thể lên được địa vị chí tôn ở Liên Xô như hiện thời). Trong hoàn cảnh ấy, vì sao Gorbachev đã phải thả lỏng cho khối Cộng sản ở Âu châu dần dần rời khỏi quỹ đạo của Liên Xô, cho đảng Cộng sản ở khắp nơi dần dần chia sẻ quyền lực với các tập thể khác?

Lý do của sự nhượng bộ ấy dĩ nhiên có nhiều: có những lý do ngoại vi, mà cũng có những lý do nội tại cho khối Cộng sản, chẳng hạn sự phá sản của kinh

tế chỉ huy, mầm xung đột giữa những dân tộc khác nhau cùng sống trên đất Liên Xô, ảnh hưởng của giáo hội; truyền thống lịch sử ở Đông Âu; sức phổ biến của tin tức hiện đại; v.v... Tuy vậy, tôi nghĩ *chỉ là công bằng nếu khẳng định rằng chính sách của Reagan đã là một nguyên nhân quan trọng trong sự suy sụp hiện thời của khối Cộng sản.*

Ta còn nhớ trong một chuyện cổ tích của Andersen có ông vua bị hai tên bợm lường gạt, vờ nhận vàng bạc, để dệt sợi may áo cho vua nhưng thật ra để bỏ túi mà chẳng may cái áo nào. Nhà vua mặc bộ đồ vàng bạc tưởng tượng ấy ra đường; triều đình và thần dân, vì đã được dậy rằng chỉ có người tài đức mới trông thấy được thứ y phục ấy, đều suýt soa khen ngợi bộ đồ thật đẹp. Chỉ có một đứa bé con ngây thơ dám kêu lớn: "Ô kìa, nhà vua cởi truồng!" Tiếng kêu thành thật ấy làm tan vỡ cả một hệ thống ảo tưởng, giả đối và khiến cho nhà vua phải bẽn lẽn rút lui vào cung.

Tôi cho rằng lời phát biểu can đảm của T.T. Reagan, nói Liên Xô là một *đế quốc tội lỗi (evil empire)* cũng không khác gì tiếng kêu của đứa trẻ trong truyện Anderson. Trước thời Reagan, các chính trị gia lão thành, các nhà bình luận chính trị nổi tiếng, các giáo sư chính trị học uyên thâm, dù yêu hay ghét chủ nghĩa cộng sản, thường có một thái độ kính nể rất khó hiểu đối với những chế độ Cộng Sản đã được thiết định. Người ta sẵn sàng mạt sát, chê bai những chế độ quân phiệt ở châu Mỹ La Tinh hoặc những chế độ độc tài cá nhân ở Phi Châu đen, nhưng mỗi khi đề cập đến Liên Xô, Trung Quốc, hoặc ngay cả đến những nước Cộng sản đàn em, lời phê phán tự nhiên trở thành dè dặt, ngập ngừng, như thể có một sự *tự kiểm duyệt tinh thần (self-censorship)* nào đó làm cho các vị chính khách, ký giả hay học giả ấy không dám mạnh dạn công kích. Dường như lớp sơn lý thuyết mác xít có khả năng làm cho cái dở bớt dở và cái xấu bớt xấu, nếu không phải là trở thành hay đẹp! Thái độ khiếp nhược tinh thần ấy rất phổ biến trong giới trí thức và chính trị Tây Phương, thậm chí những ai mạnh mẽ chỉ trích cộng sản đều bị chê là loại "chống cộng ấu trĩ và sơ đẳng." Cho đến khi Reagan lên án *Liên Xô là một đế quốc của tội lỗi...*

Reagan dĩ nhiên chẳng phải là người đầu tiên mạnh dạn lên án chế độ Cộng sản, nhưng lời phát biểu của ông đã có ảnh hưởng rất lớn vì ông ở địa vị nguyên thủ một siêu cường. Khi ở địa vị cao, các chính khách thường chỉ nói ra những lời vô thưởng vô phạt, cho rằng cần phải khôn ngoan chính trị để tránh những va chạm căng thẳng trong bang giao quốc tế. Vì thế, lời nói của Reagan cũng bất ngờ như những tiếng kêu của đứa bé trong truyện Andersen và đã phá vỡ một bầu không khí nhu nhược, nhịn nhục đối với cộng sản. Và vì sức mạnh của cộng sản phần lớn dựa vào sự khiếp hãi của đối phương, lời phát biểu "*evil empire*" có thể đã mào đầu cho giai thoại suy thoái của khối cộng sản.

Trong lãnh vực chiến lược cũng vậy. Trước thời đại Reagan, nguyên tắc cơ bản được mọi người chấp nhận như giáo điều là *nguyên tắc quân bình,* nói cho rõ hơn là nguyên tắc theo đó cả hai bên cộng sản và tự do đều có đủ khả năng vũ khí hạt nhân để hủy diệt bên kia, và hòa bình thế giới tồn tại được, là nhờ *ở thế cân bằng, trong đe dọa tiêu diệt* ấy. Một hệ luận tất yếu của nguyên tắc này là Mỹ không nên tìm cách thực hiện một tiến bộ vượt bậc nào trong địa hạt vũ trang, vì một tiến bộ như vậy sẽ xóa bỏ thế cân bằng đang có và thúc đẩy Liên Xô phát động chiến tranh để ngăn ngừa.

Điều may cho khối tự do là cựu tổng thống Reagan, chắc lúc trẻ bận đóng phim cao bồi loại B hơn là nghiên cứu những lý thuyết chiến lược cao siêu, đã không bị huyễn hoặc bởi "nguyên tắc cơ bản" ấy. Với lương tri thông thường của người ngoài đường, với lối suy xét đơn giản của kẻ không bị trói buộc bởi kinh sử, ông không thấy tại sao lại phải chấp nhận rằng đa số dân Mỹ sẽ phải chết trong trường hợp Liên Xô tấn công trước bằng vũ khí nguyên tử, ngõ hầu bảo tồn một thế cân bằng nào đó. Ông liền ra lệnh cho Bộ Quốc Phòng Mỹ nghiên cứu và thực hiện một hệ thống phòng thủ có khả năng vô hiệu hóa mọi cuộc tấn công bằng hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử của Liên Xô, dựa trên những phát minh mới nhất của khoa học và kỹ thuật Tây Phương, như điện tử, tia laser, vũ trang thu nhỏ... Đó là *Sáng Kiến Phòng Thủ Chiến Lược* (Strategic Defense Initiative hay S.D.I), thường được gọi diễu là chiến tranh các vì sao (Stars Wars), được Reagan tiến hành mặc dầu Liên Xô phản đối, Quốc Hội Mỹ công kích và giới "am hiểu chính trị" chê bai.

Rất có thể là trong canh phế quốc tế vĩ đại này, Sáng Kiến Phòng Thủ Chiến Lược của Reagan, đã là tiếng tố quyết định, vạch trần tay bài yếu kém của Liên Xô và *bắt buộc Gorbachev thay đổi hoàn toàn chính sách đối ngoại của Liên Xô,* đổi thế đối kháng và phá hoại ra thế hòa dịu và hợp tác, mưu cầu tài giảm vũ khí thật sự thay vì mưu giành lợi thế chiến lược. Thật vậy, các chuyên viên tính rằng nếu muốn chống lại Sáng Kiến Phòng Thủ Chiến Lược của Reagan bằng cách phát minh và sản xuất những vũ khí mới, có khả năng vô hiệu hóa màng lưới phòng thủ SDI, Liên Xô sẽ

phải chi thêm từ năm chục đến một trăm tỷ đô la mỗi năm trong nhiều năm; gánh nặng này, nền kinh tế gần phá sản của Liên Xô không sao cáng đáng nổi! Chính là nhờ ở chính sách hòa dịu mới, chẳng đặng đừng, của Gorbachev mà các vụ đổi thay mới đây ở Đông Âu và Liên Xô đã có thể xẩy ra được.

Một nguyên nhân gần hơn, của sự thay đổi lớn trong chính sách của Liên Xô là *thất bại quân sự ở A Phú Hãn (Afghanistan).* Gorbachev đã khôn ngoan cải trang thất bại quân sự này thành một thắng lợi chính trị, với quyết định rút hết quân lực Liên Xô khỏi lãnh thổ A Phú Hãn vào đầu năm 1989, nhưng dù khôn khéo đến đâu, ông cũng không tránh nổi những hậu quả tai hại của cuộc chiến bại này trong dư luận quần chúng và trong hàng ngũ quân cán ở Liên Xô và ở các nước chư hầu. Thất bại A Phú Hãn đã hạ thấp uy tín của điện Kremlin, đã khơi sâu những mâu thuẫn và bất mãn và nhất là đã vạch rõ giới hạn của khả năng can thiệp vũ trang của Mạc Tư Khoa. Biến cố ấy đã khích lệ những lực lượng chống đối nổi dậy, ở các quốc gia chư hầu cũng như ở nhiều cộng hòa xô viết ngoại biên.

Đã đành công đầu đánh bại Hồng Quân ở A Phú Hản là công của dân và quân khởi nghĩa A Phú Hản. Nhưng công bằng mà xét, chiến thắng ấy không thể có được nếu thiếu sự giúp đỡ tích cực của chính quyền Reagan. Những tên lửa bắn hạ máy bay Liên Xô đã là một yếu tố quyết định của chiến thắng, không kém gì lòng quả cảm của quân du kích *mujaheddins.*

Cách Kabul nửa vòng trái đất, *thất bại chính trị của chính quyền thân cộng Sandinista* ở Nicaragua chẳng phải là một ân huệ tự nguyện của Gorbachev cho nhân dân nước này, cũng chẳng do phép mầu nhiệm của bản kinh dân chủ của Jimmy Carter khiến lãnh tụ cộng sản Ortega bỗng nhiên tin tưởng vào tổng tuyển cử tự do. Chính quyền thân cộng ở Managua đã bắt buộc phải chấp nhận bầu cử tự do dưới sức ép phối hợp của đe dọa quân sự, tượng trưng bởi kháng chiến quân contras, và đe dọa kinh tế, tượng trưng bởi những biện pháp phong tỏa kinh tế của Hoa Kỳ. Người đã đề ra chính sách cương quyết chống chính quyền Sandinista là Reagan, và người đã phải trả một giá rất đắt cho sự theo đuổi chính sách cương quyết ấy cũng là Reagan và thuộc hạ. Ta còn nhớ biết bao nhiêu lần Reagan bị công kích, thóa mạ, đe dọa truất phế và đưa ra tòa án vì quyết tâm viện trợ cho Contras. Ngày nay, khi vị tổng thống dân cử của Nicaragua, bà Violeta Chamorro, sắp lên nắm chính quyền để thanh toán một tiền đồn của cộng sản ngay ở sân sau Hoa Kỳ, thiết tưởng dư luận Mỹ cũng nên công bằng hơn đối với một người đã chịu nhiều cay đắng để tạo nên thành quả ấy.

Tưởng nên minh xác rằng kẻ viết bài này không phải là một người khâm phục vô điều kiện cựu tổng thống Reagan. Ông Reagan chẳng phải thập toàn; thật ra, trong chính trị cũng như ở bất cứ lãnh vực nào khác, không có ai "mười phân vẹn mười" cả. Chính sách kinh tế của Reagan, tăng chi mà không tăng thu đến nỗi món nợ quốc gia của Hoa Kỳ lên đến một mức nguy hiểm, quả đáng dị nghị; chính sách xã hội của Reagan, không chiếu cố đúng mức đến những tệ đoan như ma túy hay ô nhiễm, không thể được tán đồng. Ở một tầm thấp hơn, tôi không ưa việc bà Reagan đi xem bói toán để định ngày lành tháng tốt cho chồng tiếp các chính khách quốc tế, mà cũng không chịu vụ cựu tổng thống nhận món tiền thù lao lớn của doanh nhân Nhật Bản để sang diễn thuyết bên Đông Kinh về những lợi ích của đầu tư Nhật trên đất Mỹ. Tuy nhiên tất cả những điểm tiêu cực ấy không thể làm phai mờ vai trò tích cực của Reagan trong thoái trào ngày nay của Cộng sản trên thế giới.

Quả vậy, trên bình diện ý thức hệ Reagan đã góp phần phá tan mặc cảm tự ti của thế giới tự do trước chủ nghĩa mác xít và chế độ Cộng sản. Trên bình diện chiến lược, ông đã giúp thay đổi hẳn so sánh lực lượng trong chiều hướng có lợi cho khối tự do, với chương trình S.D.I. Trên bình diện chiến thuật ông đã không ngần ngại đấu tranh trực diện với cộng sản ở những điểm nóng như Afghanistan hay Nicaragua với những chiến thuật của chính cộng sản như du kích chiến và vận động khuynh đảo, kết cục làm cho cộng sản nếm những thất bại đầu tiên, mở màn cho những thất bại nặng nề hơn.

Khi công luận phán xét Reagan, những sự thật ấy tưởng cần được nhắc lại.

*
* *

De Gaulle đã từng viết: "*Về già cũng chẳng khác gì đắm tầu.*" (La vieillesse est un naufrage). Thực vậy, tuổi tác cao thì tự nhiên mất mờ, chân chậm, trí nhớ có nhiều khoảng trống và lời lẽ kém phần mạch lạc. Điều này đúng với Reagan cũng như đối với bất cứ người nào. Đó là một sự trạng đáng buồn chứ không đáng cười. Đáng cười -- và đáng giận -- là thái độ của những kẻ vô ơn và thiển cận, chỉ thấy việc trước mặt mà không nhớ đến việc ngày trước và lo đến việc ngày sau.

Paris, tháng Ba, 1990
HOÀNG LINH

Paul Kolsti/Dallas Morning News

Vaclav Havel

Vận Hội Mới

Bài của Václav Havel

Bản dịch Thạch Chương

Mọi lục địa đều ngang tuổi nhau. Vậy mà người ta nói về Âu châu như "lục địa già nua." Đó là bởi vì Âu châu đã là cái nôi của một nền văn minh từng định hướng đi cho lịch sử của thế giới từ 2,000 năm nay. Những xung lực tinh thần của Thời Cổ đại, Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo, kết hợp thành một sức mạnh nung đúc cái thế giới mà ta đang biết hiện nay. Văn minh Âu châu đã khám phá, thám hiểm, chinh phục và rồi thống trị các lục địa khác, các nền văn minh khác. Nó đã đem lối suy tư, cách kinh doanh và những phát minh của người Âu tới những miền xa nhất của trái đất. Nó cũng đã đem chiến tranh, khốn cùng và bất tận khổ đau đến cho hàng triệu người tại các xứ kém may mắn hơn. Đặc biệt trong thế kỷ này, Âu châu đã trở thành trung tâm của những hệ tư tưởng cạnh tranh nhau không thương tiếc, và của hai cuộc chiến tranh thế giới làm tổn thất hàng chục triệu sinh mạng Âu châu và hàng triệu khác nữa tại những nơi khác.

Dù sao thì thế lực của Âu châu, và khả năng phóng chiếu nền văn minh của mình, cũng như sức mạnh của nó đã suy giảm. Nó không còn sức để thống trị các lục địa khác và các văn hóa khác. Những trung tâm quyền lực và tư tưởng mới đã ló dạng. Âu châu đã luống tuổi; nó đã về già trong một nghĩa khác của từ ngữ.

Thế nhưng ở một nghĩa khác nữa, Âu châu là một lục địa không hề tồn tại. Từ trên 40 năm nay, đã không chỉ có một châu Âu, mà ít nhất là hai. Một châu Âu của Tây phương, vùng đất của các nền dân chủ và tương đối thịnh vượng. Châu Âu kia của Đông phương, của chủ nghĩa chuyên chính, đã không hề bị thách thức cho đến hồi gần đây, là châu Âu nay đã thức giấc.

Tây Âu hồi trước đã thường được coi là đại diện cho toàn thể lục địa, trong khi ấy thỉnh thoảng người ta lại được nghe thấy những lời cáo phó về phương Đông. Đông Âu, hay ít ra là những dân tộc sống ở đó, cảm thấy mình cũng thuộc về châu này không kém, và đã đứng ngó với lòng ghen tị và tuyệt vọng cái nửa phần may mắn hơn kia đường như lúc nào cũng đang bay đi xa hơn. Con đường phân chia đã trở thành một khoảng trống nó còn đe dọa mở rộng thành một hố thẳm.

Nhưng Âu châu đã còn bị chia cắt theo một nghĩa khác nữa. Con đường phân chia tại quê hương tôi đã không chạy giữa những người cộng sản và những người khác, mà nó chạy giữa những gì tốt đẹp và những gì xấu xa trong trái tim mỗi

người. Cho nên, cũng vậy, con đường phân cách ở Âu châu đã chẳng đi qua giữa Đông và Tây, mà qua trái tim của lục địa.

Chủ nghĩa duy vật có thể đã thất bại tại Đông [Âu] như một hệ ý thức, nhưng nó đã rõ ràng thắng lợi lớn tại Tây [Âu] như một việc thực tiễn. Để đổi lấy triển vọng thịnh vượng và an ninh, nhiều người Âu châu đã trở nên quá ư sẵn sàng quên đi cái Âu châu lớn hơn của những giá trị tâm linh, những lý tưởng nhân bản và lòng liêm chính trí tuệ. Một thứ tiếng lóng lạ lùng của nhà báo đã phát triển: "không can thiệp" được dùng thay cho thờ ơ, và "hòa đàm" thay cho nhân nhượng vô nguyên tắc.

Thế rồi xu hướng xoay chiều, và cái quan niệm xoay chiều theo là quan niệm xưa cũ của Âu châu (và của Mỹ châu) về nhân quyền. Có lẽ hồi đầu là một phát minh chính trị, chế ra để lấy được những nhượng bộ của phe bên kia, nhưng chẳng bao lâu [quan niệm về nhân quyền] đã hóa thành một cái gì có tầm quan trọng sinh tử và có thực đối với những người ở phía Đông làn ranh chia cách.

Trong non 15 năm, cái quan niệm đơn giản đó về quyền người đã gần thành đạt những gì mà các lý thuyết về "kiềm chế" *[containment]*, "làm thoái chí" *[deterrence]* và "hỗ tương bảo đảm tiêu hủy" *[mutual assured destruction]* đã không làm được. Hãy chú ý là, không như các quan niệm vừa nói, được hậu thuẫn bởi [một] tập hợp vũ khí hùng hậu nhất mà xưa nay loài người đã từng thu thập được, nó là một quan niệm thuần túy tinh thần. Với sự yểm trợ tinh thần,thay vì hữu chất, của những người Âu khác (và người Mỹ và người Ca-na-da), cái quan niệm về quyền người này đã lát đường cho những thay đổi lớn lao tại Đông Âu mà mới đây chúng ta vừa được chứng kiến.

Những thay đổi này, và những biện pháp đưa tới việc hợp nhất tại Tây phương, giờ đây mang lại cho Âu châu cơ hội trở thành một tập thể vẹn toàn sau 40 năm sống (hay không sống) hai đời khác nhau. Và lần đầu tiên trong lịch sử, lục địa già nua này đã được cơ hội thực hiện điều đó không bằng chiến tranh, mà bằng sự đồng lòng của các quốc gia và dân tộc ở đó. Những vận hội đó chẳng xảy ra đến hai lần.

. . . Ngày hôm nay chúng tôi, những người đã từng bị khủng bố quá lâu trong cái thế giới siêu thực của chủ nghĩa xã hội hiện thực, hiểu được hầu như khá chắc chắn rằng khủng bố thì không thành công, và bất bạo động mới thành công.

VÁCLAV HAVEL

Người Âu tại phương Tây đã ngỏ ý muốn rõ ràng là sẽ vượt qua những chướng ngại dân tộc, chính trị và địa lý, và bước sang thiên niên kỷ sắp tới như một cộng đồng đơn nhất. Người Âu tại phương Đông cũng đã tỏ ý rõ ràng không kém là muốn gia nhập cộng đồng này như những quốc gia tự do.

Cái châu Âu mới này sẽ, hoặc sẽ phải, là một nơi chốn như thế nào? Những nguyên tắc nào sẽ có thể giữ nó nguyên vẹn và nó có thể đóng góp gì cho phần còn lại của thế giới?

Linh hồn của lịch sử chuyển động theo những cách lối huyền bí, và chẳng thể nào đưa ra một câu trả lời chắc chắn cho những câu hỏi ấy. Nhưng có lẽ ta có thể thấy thấp thoáng trong màn sương mờ của cái-chưa-biết một nét sơ phác của nơi chốn mà Âu châu có thể trở thành.

Trước hết, bởi lẽ Âu châu là một ý tưởng cũng nhiều ngang bằng một nơi chốn, có thể nó sẽ còn lớn hơn tổng số những phần cấu thành nó. Bất cứ một quan niệm nào về một tân Âu châu cũng sẽ phải nói đến sự hiện hữu của Hoa Kỳ và Nga Xô, và không chỉ vì những lý do chính trị mà thôi.

Hoa Kỳ, dù hoàn toàn ở ngoài châu Âu, nhưng lại không hẳn là phi-Âu châu. Nó đã thoát thai từ Âu châu trong một hành động nổi loạn chống lại nó. Liên Xô, dù chẳng hoàn toàn ở trong châu Âu, đã bị thu hút về Âu châu từ nhiều thế kỷ nay, mà không hề bao giờ đi nốt cái bước chót. Trong thế kỷ này, Hoa Kỳ và Liên Xô đã cùng dự một cuộc chiến chống lại một hệ tư tưởng chuyên chế đe dọa phá hoại ngay cả cái ý niệm về Âu châu. Thế rồi [hai xứ này] gần như đã đánh nhau về một hiện thân khác của chủ nghĩa chuyên chế. Giá như sự việc này xảy ra, thì chiến

trường hầu như chắc chắn đã lại là Âu châu một lần nữa. Cho nên cả người Mỹ lẫn người Nga, dù ở mức độ khác nhau, có thể yêu sách lòng trung thành của người Âu. Và cả hai, vì đã tranh giành quyền kiểm soát lục địa, nên đã bị người Âu ngờ vực với những độ lượng khác nhau.

Nếu Âu châu trở về một mối, thì nó sẽ chẳng cần đến người canh gác hay kẻ bảo vệ. Nhưng bao giờ cũng phải có một chỗ tại Âu châu cho Hoa Kỳ, nền dân chủ hùng cường nhất trên thế giới. Và phải có một chỗ tại Âu châu cho một Liên bang Xô viết thật sự dân chủ. Những lịch sử và định mệnh của người Âu, người Nga và người Mỹ được nối liền với nhau như những khâu xích, ở không biết bao nhiêu khía cạnh.

Đức quốc, xứ đã khởi sự cuộc thế chiến cuối cùng, đã trả nợ bằng chính căn cước của mình. Lúc Âu châu bắt tay vào việc đi tìm một căn cước mới cho chính mình, thì việc thống nhất nước Đức hầu như cũng gần kề. Khi mà những kẻ tội phạm chiến tranh Quốc Xã chót đã chết rồi hoặc đang chết, thì người Đức hiển nhiên phải có quyền bắt đầu lại, nếu như đó là ý muốn của họ. Ta chỉ đừng nên quên rằng không phải những thay đổi tại Đức đã gây ra những thay đổi tại Âu châu; mà ngược lại.

Tiến trình hòa nhập Âu châu không được ngưng ở việc thống nhất nước Đức; nó phải tiếp tục đi tới. Chỉ đến lúc ấy Âu châu mới sẽ là một nơi an toàn cho nước Đức. Chỉ đến lúc ấy nước Đức mới sẽ là một nơi an toàn cho Âu châu.

Còn chúng tôi, người phía Đông, những đứa con hoang toàng của Âu châu, có thể làm được gì để giúp cho cái mộng ước đó trở thành thực tại, và nếu có thì chúng tôi có thể đóng góp gì cho thực tại ấy?

Câu trả lời phải nằm trong cái kinh nghiệm độc nhất, dù chẳng hay ho gì, của 40 năm có dư, và trong kinh nghiệm cũng độc nhất không kém, nhưng dễ chịu hơn, về sự thức giấc của chúng tôi.

Là những người đã từng đau khổ hoặc đã nhìn thấy người khác đau khổ dưới chế độ chuyên chính, chúng tôi có thể đã phát triển một tính mẫn cảm cao độ trước những triệu chứng của lối tư duy chuyên chính trong chúng tôi và nơi người khác.

Là những người mới vừa thoát khỏi cảnh trói buộc, chúng tôi có thể đã phát triển một tính thấu cảm với tất cả những kẻ đã không được may mắn như chúng tôi. Ta nên nhớ rằng áp bức và nghèo đói tại những nước thuộc Đệ tam Thế giới (mà thực ra họ chẳng đứng thứ ba sau ai ráo trọi) lại rất thường khi sinh ra từ cái di sản do chúng ta, những người Âu châu, để lại cho họ. Chúng tôi có thể nhắc nhở Âu châu về điều đó và thúc giục họ phải trả nợ.

Là những người rốt cuộc đã được giải phóng chẳng bởi một lực lượng nào bên ngoài, mà bởi một sự căng phồng lên của hàng triệu những ý chí cá thể nhân loại, chúng tôi có thể nhắc nhở Âu châu về chính cái di sản của nó, về tầm quan trọng của tinh thần trách nhiệm cá nhân trước số phận của cộng đồng, và như thế đền đáp được nó vì đã mang cho chúng tôi cái quan niệm về Âu châu mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Là những nước đã thường bị chia rẽ và [bị xúi giục] phản bội lẫn nhau để đè bẹp nơi những dân tộc khác lòng khát vọng tự do và khát vọng cái căn cước Âu châu, chúng tôi có thể cố tìm đường trở về [với Âu châu] bằng một phong cách đường hoàng và có phối hợp thay vì chà đạp lên nhau trong cuộc đua nước rút để lấn vượt người khác. Chúng tôi có thể cho thấy rằng Âu châu có thể được hòa nhập bằng cách hòa nhập một phần nhỏ của nó trước đã.

Và sau hết, là những người đã đạt được thay đổi bằng một phong cách hòa bình, bất bạo động, chúng tôi có thể cổ xúy cho những giá trị của bất bạo động và khoan dung chẳng những như một đường lối khả dĩ mà có lẽ là đường lối duy nhất để đạt được thay đổi xã hội. Ngày hôm nay chúng tôi, những người đã từng bị khủng bố quá lâu trong cái thế giới siêu thực của chủ nghĩa xã hội hiện thực, hiểu được hầu như khá chắc chắn rằng khủng bố thì không thành công và bất bạo động mới thành công.

Như vậy thì Âu châu sẽ là một nơi như thế nào? Sau khi nói đi nói lại rồi, thì nó sẽ không trở thành một siêu cường quốc kiểu Orwell, nó sẽ không trở thành một pháo đài. Nó sẽ là một nơi nhỏ nhắn hơn nhưng có lẽ dễ thương hơn. Thế nhưng nó sẽ đủ lớn để là tổ ấm cho không những James Joyce và Marcel Proust mà còn cho cả Franz Kafka, Fyodor Dostoyevsky và William Faulkner nữa.

Chúng tôi hy vọng nó sẽ trở thành một cộng đồng của nhiều dân tộc khác nhau nhưng bình đẳng; họ sẽ chia sẻ trách nhiệm cá nhân trước an sinh của cộng đồng, và họ sẽ tỏ lòng thấu cảm và khoan dung đối với hết thảy mọi cộng đồng khác.

Âu châu là "lục địa già nua." Cái phẩm của nó vì thế phải là cái phẩm của nhiều, dù không phải tất cả, người lớn tuổi hơn: khôn ngoan, khoan hồng và thông cảm.

VACLAV HAVEL
US News & World Report
26-2-1990

Cuộc Cách Mạng vừa mới bắt đầu

Diễn văn của
Václav Havel
Bản dịch của
Đặng Hoàng

LTS. Trong khoảng thời gian 59 ngày thế giới bị đảo lộn năm ngoái, kịch tác gia phản kháng Václav Havel đã được đón ra khỏi chốn ngục tù và đưa lên chức vị tổng thống Tiệp Khắc. Ngày 21 tháng Hai vừa qua, trong chuyến công du lần đầu tại ngoại quốc, Havel đã đọc một bài diễn văn phi thường tại lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ, trình bày những suy nghĩ của riêng ông về lý tưởng dân chủ, về sự phục sinh của tâm linh nhân loại và về vai trò của Hoa Kỳ trong thời đại hậu chiến tranh lạnh. Dưới đây là bản dịch nguyên vẹn bài diễn văn ấy, đăng tải trên Tuần Báo TIME, số đề ngày tháng Ba, 1990.

Hai lần trong thế kỷ này thế giới đã bị đe dọa bởi một đại họa. Hai lần mối đại họa này đã phát sinh từ Âu châu, và hai lần người Mỹ ở quí quốc, cùng với những người khác, đã được kêu gọi tới để cứu vãn Âu châu, toàn thể thế giới, và chính cả quí vị nữa.

Trong thời gian ấy, Hoa Kỳ đã trở thành dân tộc hùng cường nhất trên trái đất, và họ cùng hiểu được cái trách nhiệm từ đó nảy ra. Nhưng còn một sự việc khác nữa cũng đã xảy tới. Liên bang Xô viết xuất hiện, trưởng thành và chuyển hóa những hy sinh lớn lao của nhân dân họ đang sống đau khổ dưới nền cai trị chuyên chế thành một sức mạnh mà, sau Thế Chiến Thứ Hai, đã làm họ trở nên quốc gia hùng cường vào bậc nhì trên thế giới.

Tạo nên một gia đình nhân loại

Tất cả những điều đó đã dạy cho ta một cái nhìn thế giới theo quan điểm lưỡng cực, như hai lực lượng khổng lồ -- một bên là kẻ bảo vệ tự do, và một bên là căn nguyên của những cơn mộng dữ. Âu châu thì trở thành cái điểm cọ xát giữa hai lực lượng này, và như thế nó biến thành một kho vũ khí và đạn dược vĩ đại duy nhất chia làm hai phần. Trong tiến trình này, nửa kho trở thành một phần của cái lực lượng ác mộng kia, và nửa kho, phần tự do, giáp giới đại dương và không hề mong được xô đẩy xuống đó, đã cùng với quí vị buộc phải xây dựng một hệ thống an ninh phức tạp mà nhờ đó có lẽ chúng tôi mới còn tồn tại.

Hệ thống chuyên chính tại Liên Xô và tại hầu hết những chư hầu của nó đang đổ vỡ, và các dân tộc chúng tôi đang tìm một con đường dẫn tới nền dân chủ và độc lập.

Việc ấy, tôi tin chắc, là một tiến trình không thể đổi ngược lại được và, hậu quả là, Âu châu sẽ lại bắt đầu đi tìm cái chân tướng của chính mình, mà thôi không còn bị buộc phải là một kho đạn chia đôi nữa. Có lẽ điều này sẽ tạo một niềm hy vọng rằng, sớm muộn, những chàng trai của dân tộc quí vị sẽ thôi không còn phải đứng canh gác bảo vệ tự do tại Âu châu nữa hoặc đến cứu chúng tôi nữa, bởi vì lúc đó Âu châu sẽ tới phiên có khả năng tự canh gác lẫn nhau.

Thế nhưng điều này chẳng phải là điều quan trọng nhất. Điều chính yếu, theo tôi nghĩ, là những thay đổi có tính chất cách mạng này sẽ cho phép chúng ta thoát ra khỏi cái áo gỗ cổ xưa trói buộc cái quan điểm lưỡng cực kia về thế giới và đã tới lúc bước vào một kỷ nguyên đa cực trong đó tất cả mọi người chúng ta, lớn và bé, tớ xưa và chủ cũ, sẽ đều có thể tạo nên cái mà vị Tổng thống Lincoln vĩ đại của quí vị đã từng gọi là "gia đình nhân loại."

Con đường đa nguyên

Hoa Kỳ ngày nay có thể giúp chúng tôi những gì? Câu trả lời của tôi cũng nghịch lý như toàn thể cuộc đời tôi đã từng nghịch lý. Quí vị có thể giúp chúng tôi nhiều nhất nếu như quí vị giúp Liên Xô trên con đường không thể đổi ngược được, nhưng cũng vô cùng phức tạp, dẫn tới dân chủ. Nó còn phức tạp hơn bội phần con đường đang mở rộng cho các nước chư hầu của nó ở Âu châu. Chính quí vị cũng biết được cách lối nào tốt đẹp nhất đặng yểm trợ, nhanh chừng nào hay chừng nấy, cuộc tiến hóa bất bạo động này của cái tập thể chính trị khổng lồ đa quốc ấy về hướng dân chủ và tự do cho toàn thể nhân dân của họ. Cho nên bất luận lời khuyên nhủ nào của tôi đem cống hiến quí vị cũng đều không thích hợp cả.

Tôi chỉ có thể nói rằng Liên Xô bắt đầu di chuyển càng sớm, càng mau và càng ôn hòa chừng nào trên con đường hướng tới chủ nghĩa đa nguyên

chính trị đích thực, tôn trọng quyền vẹn toàn lãnh thổ của các quốc gia, và một nền kinh tế có hiệu năng -- nghĩa là một nền kinh tế thị trường --, thì điều đó sẽ tốt đẹp chừng nấy chẳng những cho người Tiệp và người Slô-vắc mà còn cho toàn thể thế giới nữa.

Và rồi chính quí vị cũng có thể giảm thiểu sớm được chừng nấy cái gánh nặng ngân sách quân sự mà nhân dân Hoa Kỳ phải cáng đáng. Nói theo cách ẩn dụ, những triệu bạc quí vị đem cho Đông [Âu] ngày hôm nay sẽ sớm trở về tay quí vị dưới hình thức hàng tỷ bạc tiết kiệm được. Những người lính Mỹ đáng lẽ ra đã không phải xa cách mẹ của họ chỉ bởi vì Âu châu không đủ khả năng làm một người bảo đảm cho hòa bình thế giới, một vai trò mà chính [Âu châu] lẽ ra đã phải phụ trách đặng để ít nhất đền bù lại phần nào cái việc đã mang lại cho thế giới hai cuộc đại chiến.

Di sản của áp bức

Chừng nào con người vẫn là con người, thì dân chủ, trong cái nghĩa trọn vẹn của từ ngữ, sẽ chỉ luôn luôn không gì hơn là một lý tưởng. Trong cái nghĩa này, thì quí vị cũng chỉ đang trên đường đi tới dân chủ mà thôi. Thế nhưng quí vị có được một lợi điểm lớn: quí vị đã không ngừng đi tới dân chủ từ trên 200 năm nay rồi, và cuộc hành trình của quí vị về phía chân trời đó đã chưa bao giờ bị gián đoạn bởi một hệ thống chuyên chính.

Hệ thống chuyên chính thuộc loại cộng sản đã để lại cho hai dân tộc chúng tôi, Tiệp Khắc và Slô-vắc, cũng như cho mọi dân tộc ở Liên Xô và những xứ khác mà Liên Xô đã chinh phục được trong thời của nó, một di sản gồm vô số những xác chết, một quang phổ vô tận những suy sụp kinh tế sâu xa và, trên hết, sự làm nhục con người đến tột độ. Nó đã mang lại cho chúng tôi những cảnh khủng khiếp mà, may mắn thay, quí vị đã chưa từng biết tới.

Nó đã cho chúng tôi một cái gì tích cực, một khả năng đặc biệt để, đôi khi, nhìn được tương đối xa hơn những ai chưa từng trải qua cái kinh nghiệm đắng cay đó. Kẻ nào không thể chuyển động và [không được] sống một cuộc sống tạm cho là bình thường bởi hắn đã bị đè bẹp dưới một tảng đá lớn, thì [kẻ ấy] có được nhiều thời giờ để nghĩ đến những niềm hy vọng của mình hơn là người nào chưa từng bị sập bẫy như thế.

Điều tôi muốn nói là thế này: chúng tôi phải học hỏi nhiều thứ của quí vị, từ cách giáo dục con em ta ra sao, chọn lựa người đại diện của ta thế nào, luôn đến cả lối tổ chức cuộc đời kinh tế của ta làm sao cho đưa tới được thịnh vượng chứ không phải nghèo khốn. Thế nhưng đây không nhất thiết chỉ là sự giúp đỡ của lớp người có giáo dục tốt, có quyền thế và tiền bạc cho lớp người chẳng có gì hết và, do đó, không có gì để biếu tặng trở lại.

Chúng tôi cũng có thể biếu tặng quí vị chút nào đó: ấy là kinh nghiệm của chúng tôi và cái kiến thức đã lấy được từ đó. Cái kinh nghiệm đặc thù mà tôi đang nói đây đã cho tôi một xác tín: rằng tâm thức có trước hiện sinh, chứ không phải ngược lại, như người Mác-xít từng rêu rao. Vì lẽ ấy mà sự cứu rỗi thế gian này không nằm nơi nào khác ngoài trí tim loài người, trong cái khả năng suy nghĩ của loài người, trong cái yếu đuối của loài người và trong tinh thần trách nhiệm của loài người.

Một lối suy tư mới

Nếu không có một cuộc cách mạng toàn cầu trong phạm vi tâm thức con người, thì không có gì sẽ thay đổi được theo chiều hướng tốt đẹp hơn trong phạm vi thân phận làm người của chúng ta, và mối đại họa mà thế giới này đang đi tới -- dù là [đại họa] môi sinh, xã hội, nhân khẩu hay một sự suy sụp toàn bộ của nền văn minh -- ắt sẽ không tránh được. Nếu như ta không còn bị đe dọa nữa bởi thế chiến hoặc bởi mối nguy cơ là những ngọn núi phi lý chất đống những vũ khí hạt nhân kia có thể sẽ làm nổ tung thế giới, thì điều đó không có nghĩa là ta đã rõ ràng thắng lợi đâu.Ta vẫn chưa hiểu nổi rằng cái xương sống đích thực duy nhất của mọi hành động chúng ta, nếu như chúng muốn có được đạo đức tính, là trách nhiệm. Trách nhiệm trước những gì cao cả hơn gia đình tôi, đất nước tôi, công ty của tôi, thành công của tôi -- trách nhiệm trước ngôi tầng bản thể mà ở đó tất cả mọi hành động chúng ta được ghi lại vĩnh viễn và ở nơi đó, và chỉ ở nơi đó mà thôi, [những hành động đó] sẽ được phán xét đúng mức.

Tôi nghĩ rằng dân tộc Hoa Kỳ quí vị ắt đã hiểu được đường lối suy tưởng này rồi. Khi Thomas Jefferson viết rằng "các cơ quan cai trị được lập nên giữa loài người, nhận lãnh những quyền hành chính đáng của mình từ lòng ưng thuận của những người được cai trị," thì đó đã là một hành động đơn giản và quan trọng của tâm thức loài người. Tuy nhiên, cái gì đem lại ý nghĩa cho hành động đó đã là sự kiện rằng người viết ra câu đó đã hỗ trợ nó bằng cuộc đời mình. Đã chẳng phải chỉ là lời nói của ông ta, mà còn những việc làm của ông ta nữa.

VÁCLAV HAVEL

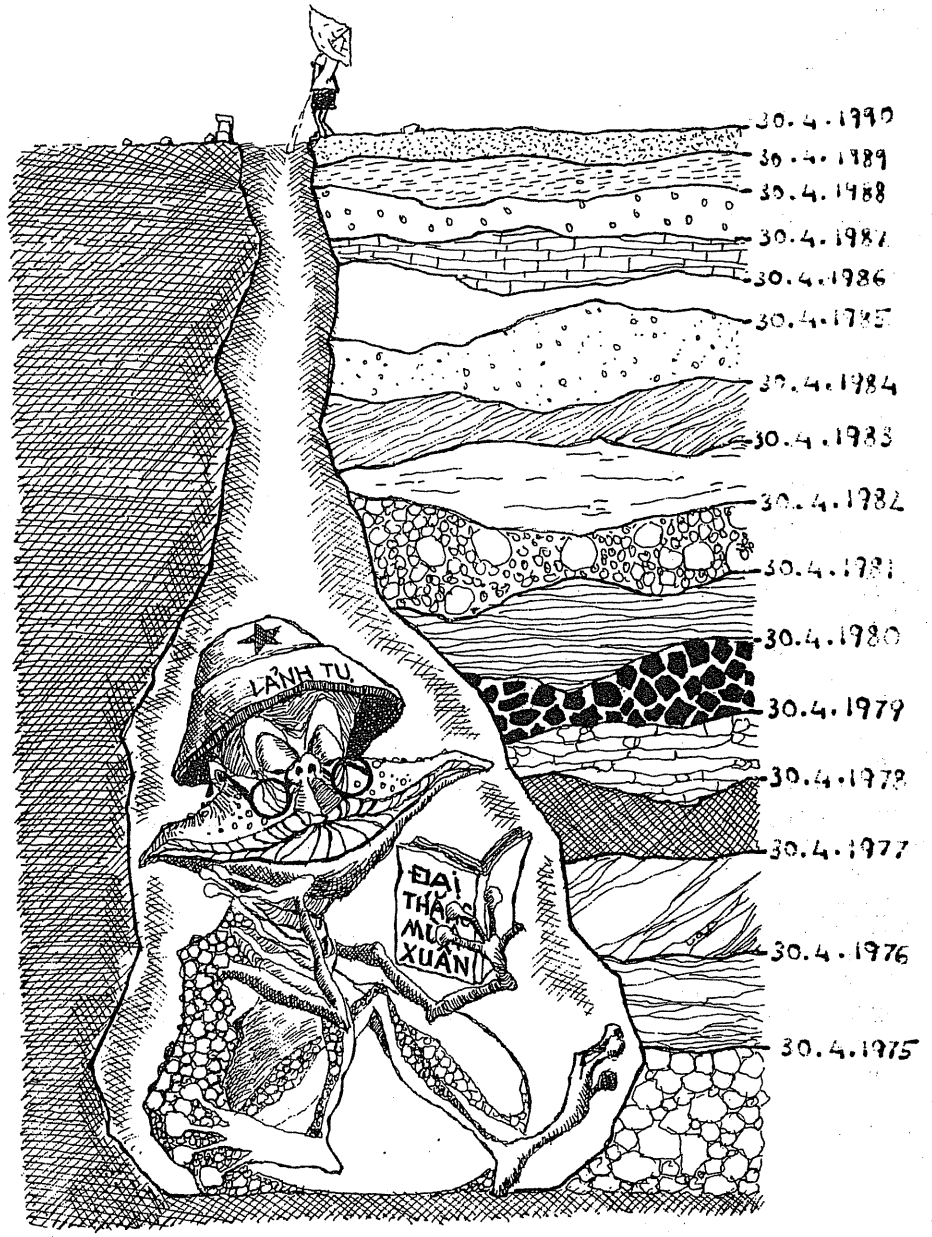

Gúc '90 THẾ KỶ 21

MỘT VÀI HÌNH ẢNH TRUNG THỰC VỀ ĐÁM TRÍ THỨC NGỤY HÒA

STEPHEN J. MORRIS
NGUYỄN THIÊN ÂN dịch

Tiếp theo và hết

LTS: Chúng ta đã từng nghe nhiều người nhận xét rằng "phe chống cộng thua cuộc chiến tranh Việt Nam tại thủ đô Washington" phần lớn là vì các thế lực phản chiến tại Hoa Kỳ mà nòng cốt là các hệ thống truyền thông đại chúng và một số các nhà trí thức khuynh tả. Ngày nay, những nhà trí thức Mỹ thuộc loại đó vẫn còn hoạt động -- mà bằng cớ là vẫn có những tổ chức văn hóa Hoa Kỳ mời các nhà văn nhà báo Cộng Sản từ Hà Nội qua Mỹ trình bày về cuộc chiến Việt Nam, tất nhiên là theo quan điểm của cộng sản. Bài sau đây, căn bản là một bài điểm sách -- tác giả là ông Stephen J. Morris, Thư ký của ban khảo cứu thuộc Naval War College (Trường Đại Học Hải Chiến Hoa Kỳ) đồng thời cũng là người làm việc trong trung tâm khảo cứu về Liên Xô và trung tâm quốc tế vụ thuộc trường Harvard -- sẽ cho thấy một phần chân tướng của thiểu số trí thức tả khuynh nầy như thế nào. Nguyên tác "Ho Chi Minh, Pol Pot and Cornell" (Hồ Chí Minh, Pol Pot và Trường Đại Học Cornell) được đăng trên tam cá nguyệt san "The National Interest" số mùa hè 1989. Vì tôn trọng nguyên tác, và cũng vì muốn người đọc nhận rõ hơn những chủ đích của người viết nên chúng tôi vẫn giữ nguyên những đoạn không liên hệ đến Việt Nam. Các tiểu tựa trong bài do tòa soạn đặt.

Nhưng vẫn còn sai lầm hơn thế nhiều

Lập luận của ông Kahin thật ra còn nhiều sai lạc nội thể hơn thế nữa. Phần chủ yếu trong lập luận đó về nguồn gốc cuộc chiến ở miền Nam VN là những điều khoản trong Hiệp Định Genève năm 1954 ấn định tổ chức tổng tuyển cử vào năm 1956. Cần nhớ là việc thảo luận về cuộc tổng tuyển cử không hề được ghi trong thỏa hiệp ngưng bắn ký kết giữa Pháp và Việt Minh. Trái lại nó chỉ được ghi trong bản tuyên ngôn cuối cùng, *không được ai ký kết gì cả*, mà chỉ được hầu hết các phe tham dự hội nghị Genève chấp thuận miệng. Sở dĩ nói "hầu hết" là vì Hoa Kỳ và chính phủ quốc gia Việt Nam đã không chấp thuận, ngay cả chỉ bằng miệng. Nhưng ông Kahin, trong mưu toan làm sống lại cái huyền thoại cho là Hà Nội chỉ gây chiến trong Nam sau khi thấy bị bịp mất cơ may thắng cử, đã táo tợn xác quyết rằng:

"Từ giữa năm 1954 cho tới giữa năm 1956, những phần tử trước kia theo Việt Minh mà ở lại trong Nam, chỉ tham gia các hoạt động chính trị hòa dịu cũng vì họ mang cùng một kỳ vọng như đồng bào họ ở miền Bắc, rằng cuộc tổng tuyển cử được hứa hẹn tại Genève, thể nào cũng được tổ chức."

Ông Kahin không hề dẫn chứng bất cứ một nguồn nào khác để chứng minh lời xác quyết ấy của ông tuy rằng thực ra đã có một nguồn tin về vấn đề nầy -- đó là ông Jeffrey Race, vốn đã được ông Kahin thường xuyên trích dẫn trong các đoạn khác của cuốn sách ông viết. Khác với ông Kahin, ông Race đã thực sự phỏng vấn các cán bộ CS cao cấp bỏ ngũ hoặc bị bắt làm tù binh trong thời gian lâm chiến. Kết luận của chính ông Race khác biệt hẳn: các cán bộ CS cao cấp, từ cấp tỉnh trở lên, *không hề* dự liệu là tổng tuyển cử sẽ được tổ chức. Ông Race đã viết:

... *"mặc dầu điều nầy đã không được thảo luận ở các cấp dưới để giữ vững tinh thần cho họ và để khỏi mâu thuẫn với lập trường công khai cho rằng Hiệp định Genève là một chiến thắng vĩ đại của đảng. Tới mùa hè năm 1955 thì mọi người đều nhận rõ điều mà các cán bộ cao cấp đã thừa biết từ lâu: ấy là sẽ không có tổng tuyển cử mà cũng không có biện pháp nào được thi hành để tiến tới chỗ mở hiệp thương thống nhất đất nước..."*

Tất nhiên ông Kahin đã đọc sách của ông Race: ông Kahin chỉ cố tình làm ngơ những kết luận nào của ông Race mà ông cho là mâu thuẫn với lập luận của mình, viện cớ là không có bằng cớ chứng tỏ ông Race đúng. Ở đây cũng như ở những nơi khác trong tác phẩm phân tích của ông, người đọc chỉ có thể kết luận được rằng những luận cứ của ông Kahin về vấn

đề quyết định chính sách Mỹ đều chỉ dựa vào những sự giả định vô căn cứ và hoàn toàn sai lầm về bản chất của đảng CSVN.

Nội chi tiết đó thôi cũng đã đủ phiền nếu ông Kahin chỉ là giáo sư tại một trong những trường đại học lớn nhất nước. Nhưng nó còn nguy hơn ở chỗ ông lại là người có trách nhiệm điều khiển công cuộc khảo cứu của phần đông các sinh viên Mỹ và ngoại quốc muốn học cao hơn hoặc muốn phát triển khả năng hiểu biết chuyên nghiệp của họ về chính trị Đông Nam Á.

Một tập hợp các nhà biện hộ không công cho Việt Cộng

Tới dạo nửa sau của thập niên 1960, chương trình Đông Nam Á của trường Cornell đã bắt đầu thu hút được nhiều sinh viên cao học muốn khảo cứu về chính trị tại Việt Nam. Nhiều người trong số đó cũng có một cái nhìn nhiều thiện cảm đối với CSVN như ông Kahin. Nhưng khác với ông nầy, và tiêu biểu cho thành phần năng động mới trong giới khuynh tả (gọi là New Left/Phe Tả Mới), họ bộc trực và hung hăng hơn khi bày tỏ các thiện cảm chính trị của họ. Nhiều người thủ đắc được một khả năng sinh ngữ liên hệ tới lãnh vực khảo cứu của họ và bắt tay thực hiện các đề án nghiên cứu nhắm mục đích bài bác những nền tảng mà dựa vào đó Hoa Kỳ đã can thiệp vào Việt Nam và nhằm chứng tỏ là CSVN có chính nghĩa trong cuộc đấu tranh của họ.

Nổi bật nhất trong thế hệ các nhà khoa bảng mới tốt nghiệp ở Cornell là ông D. Gareth Porter. Năm 1969, ông đã viết chung một bài báo đăng trên tờ Christian Century cho rằng những vụ thảm sát mà báo chí loan tin là do CS thực hiện tại Huế hồi năm 1968 đã chẳng hề thực sự xảy ra bao giờ. Bài nầy dựa trên những cuộc phỏng vấn những nguồn tin không được nêu tên. Nhưng một cuộc nghiên cứu do Don Oberdorfer thực hiện tại Huế với những người thực sự mục kích -- được hỗ trợ bởi một cuộc phân tích các tài liệu của CS, do ông Steven T. Hosmer thực hiện, và những bằng cớ được thu vào phim và phổ biến rộng rãi -- xác nhận rằng các cuộc tàn sát tập thể của CS quả đã xảy ra.

Năm 1972, ông Porter ấn hành một tập nghiên cứu chuyên đề dầy 59 trang dưới sự bảo trợ của International Relations Of East Asia Project của trường Cornell, nhan đề "The Myth Of The Bloodbath: North Vietnam's Land Reform Reconsidered" (Huyền Thoại Một Cuộc Tắm Máu: Xét Lại Cuộc Cải Cách Ruộng Đất ở Bắc Việt). Như nhan đề cho thấy, ông Porter lập luận là không hề có chính sách tàn sát tập thể nào được thi hành trong chiến dịch gọi là "cải cách ruộng đất" ở Bắc Việt. Nhưng những phương pháp được ông Porter áp dụng lại khác với những phương pháp từng được cố vấn của ông, Giáo sư Kahin, áp dụng. Ông Kahin thì cứ làm như là không hề có những lời tường thuật nào khác ngoài lời thuật của chính ông. Còn ông Porter thì nhìn nhận là có và rồi tìm cách đả phá.

Bởi vậy mà bài đúc kết, đã được rất nhiều người đọc, của ông Bernard Fall, về chiến dịch cải cách ruộng đất, đã bị ông Porter gạt bỏ, nại cớ là ông Fall không đọc được chữ Việt. (Nên ghi nhận một điểm khá lý thú ở đây là nếu ông Porter lúc nào cũng áp dụng cùng một tiêu chuẩn như thế thì ông sẽ chẳng còn cách nào khác hơn là phải gạt bỏ phần lớn các công trình của người bảo trợ cho ông, Giáo sư George McTurnan Kahin. Và rồi chính ông Porter, đúng lý ra, cũng phải từ chối viết một cuốn sách về Kămpuchia dưới thời Khmer Đỏ, thay vì cứ viết mấy năm sau đó dù ông không hề đọc hay viết được tiếng Khmer.)

Lời buộc tội không thạo sinh ngữ như vừa ghi nhất định không thể được đưa ra để bài bác những chứng từ của một người đích thân mục kích chiến dịch cải cách ruộng đất. Người ấy là ông Hoàng Văn Chí. Thay vào đó, ông Porter đã quay sang bài bác tư cách của ông Chí. Trước hết, ông Porter tố cáo rằng ông Chí, vốn là cựu địa chủ cho nên thế tất đã có những quyền lợi về kinh tế không phù hợp với việc tường thuật vô tư và khách quan. Kế đó, ông Porter cho rằng ông Chí là công chức của chính phủ VNCH sau khi vô Nam và đã nhận tiền của Congress For Cultural Freedom -- một tổ chức do CIA tài trợ -- để viết cuốn sách của ông. Và cuốn sách của ông Chí lại được xuất bản bằng tiền trợ cấp của United States Information Agency (Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ). Ông Porter kết luận là vì chính đồng tiền của Mỹ đã khiến ông Chí cầm bút và giúp ông in sách cho nên ông chẳng khác gì một người được mướn viết. Tất cả những lý do được ông Porter nêu ra để tố giác ông Chí cũng là phần chính của điều được ông Porter coi là dịch sai hoặc ngụy tạo các nguồn tin CS.

Chúng tôi không thể nào xét từng chi tiết tất cả những tố giác do ông Porter nêu ra. Nhưng nhiều tố giác trong số đó, kể cả lời tố giác ông Chí dịch sai hoặc ngụy tạo các nguồn tin CS, đã được chính ông Chí và một học giả Mỹ nói tiếng Việt, ông Robert F. Turner, trả lời trong một cuộc điều trần trước một tiểu ban đặc biệt của quốc hội Mỹ. Nhưng cái lối lập luận của ông Porter -- đả kích tư cách của một chứng nhân dựa trên sự nhờ vả về tiền bạc do chính ông Porter tố cáo chứng nhân đó -- là điều mà chúng ta cần và phải trả lời ngay ở đây.

Ông Chí quả có nhận một khoản tiền của Congress For Cultural Freedom để viết cuốn sách. Lúc đó, tổ chức nầy được CIA tài trợ một phần. Nhưng nhiều tổ chức độc lập khác -- gồm cả National lẫn World Councils Of Churches và National Students' Association -- cũng nhận tiền tài trợ của CIA vậy. Quan trọng hơn cả là việc tài trợ đó được thực hiện trong vòng bí mật, qua những tổ chức hữu danh vô thực, ngoài sự hiểu biết của hầu hết những người trong tổ chức được tài trợ và nhất định là ngoài sự hiểu biết của tất cả những cá nhân nhận được tiền tài trợ. Lời tố giác của ông Porter, rằng sự tài trợ bí mật của CIA cho Congress For Cultural Freedom, có thể ảnh hưởng đến nội dungcuốn sách ông Chí viết về cuộc cải cách ruộng đất là một lời tố giác khôi hài.

Trong khi đó thì lời thuật của chính ông Porter về những gì xảy ra trong chiến dịch cải cách ruộng đất của CS lại không hề dựa vào những ký ức riêng tư của những người tận mắt mục kích, hoặc vào những cuộc phỏng vấn trực tiếp các chứng nhân đã vô Nam. Trái lại, những gì do ông Porter viết ra chỉ hoàn toàn dựa vào các ấn phẩm chính thức của Bắc Việt, kể cả những lời tường trình chính thức của đảng CS. Những ấn phẩm đó được in ra trong thời gian Bắc Việt phát động cuộc chiến tranh chinh phục miền Nam, sau cuộc nổi dậy chống đảng của nông dân miền Bắc và sau khi tác phẩm của ông Chí đã hủy hoại uy tín của Bắc Việt ở miền Nam lẫn ngoại quốc.

Lời thuật của ông Chí thì được xác nhận trong khi lời thuật của ông Porter thì bị cuộc nghiên cứu độc lập do ông Robert T. Turner thực hiện, bác bỏ. Ông Turner phân tích dựa trên cả những cuộc phỏng vấn người tị nạn do chính ông thực hiện lẫn các ấn phẩm CS và không CS, hơn là chỉ hoàn toàn dựa vào những lời thuật chính thức của đảng CS.

Đoạn cuối những gì ông Porter viết đã bộc lộ hẳn chủ tâm về mặt ý thức hệ của ông. Đoạn đó như sau:

"Hai thế hệ người Mỹ đã bị đưa đến chỗ tin tưởng rằng các cuộc cách mạng do các ý niệm Mác Xít Lê Ni Nít hướng dẫn đều phải có tính chất cuồng tín và tàn bạo. Nhiều người Mỹ chấp nhận định kiến đó mà hoàn toàn chẳng hiểu biết gì về bản chất đích thực của cuộc cách mạng tại Việt Nam. Hậu quả là họ đã dọn đường giúp cho huyền thoại về "cuộc tắm máu" có thêm mức độ khả tín trong dân chúng và góp phần ngăn chận việc tìm kiếm sự thật. Chính định kiến vốn đã dè bỉu cả trí tuệ lẫn lòng yêu nước và nhân tính của phong trào CSVN, cũng đã khiến nhân dân Mỹ càng dễ đi tới chỗ mặc nhiên cho rằng phong trào đó không thể sánh được với sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ. Nay thì rõ ràng là Hoa Kỳ có thể trì hoãn nhưng, chung cuộc, vẫn không thể tránh được việc phải chấp nhận cuộc cách mạng Việt Nam. Từ bỏ hình ảnh bị xuyên tạc tàn bạo về CSVN -- vẫn được nhiều người tin ở Mỹ -- phải là bước đầu trong tiến trình nầy."

Chủ tâm của ông Porter về ý thức hệ cũng đồng thời là chủ tâm của các thành phần năng động và các lãnh tụ phong trào phản chiến tại Mỹ hồi năm 1972.

Sang năm 1974, ông Porter lên làm đồng giám đốc Indochina Resources Center ở Washington DC. Mục tiêu của trung tâm nầy là cung cấp tin tức và lý luận để thuyết phục các nhà lập pháp và các phương tiện truyền thông đại chúng thấy là Hoa Kỳ nên chấm dứt việc giúp đỡ các chính phủ Nam VN, Lào và Kampuchia. Ông Porter và giám đốc kia của trung tâm, ông Fred Branfman, vẫn thường được mời ra điều trần bài bác chính sách của chính phủ Mỹ. Nhưng những lý luận của phong trào gồm các thành phần phản chiến chuyên vận động các nhà lập pháp Mỹ, đã không hề công khai xác nhận việc họ tin tưởng rằng những thắng lợi của CS tại ba nước Đông Dương sẽ có lợi hơn cả cho nhân dân ba nước ấy mặc dầu chính niềm tin tưởng đó, vào dạo ấy, đã được trường Cornell in rõ trên giấy trắng mực đen và đã là một phương tiện nuôi dưỡng, về mặt ý thức hệ, cho các thành phần năng động trong phong trào phản chiến.

Khmer Đỏ cũng đáng yêu như Việt Cộng

Từ chỗ hậu thuẫn cho chủ trương tranh đấu của CSVN tới chỗ hậu thuẫn cho chủ trương tranh đấu của Khmer Đỏ chỉ là một bước ngắn. Ông Porter và ông Kahin cũng đã đi bước đó. Dạo nửa đầu năm 1975, họ đã ra điều trần trước một tiểu ban của quốc hội Mỹ bài bác việc quân viện thêm cho chính phủ Lon Nol của Kămpuchia. Những nỗi lo sợ về một cuộc tắm máu một mai Khmer Đỏ chiếm được chính quyền đã bị họ cho là vô căn cứ. Các nhà khoa bảng trường Cornell đã có cảm tình với giới lãnh đạo Khmer Đỏ khi thấy những người đó đều thuộc loại học cao cả. Đa số các thành viên trong tiểu ban đó của quốc hội đều có ấn tượng tốt đối với những lời phân tích của các nhà khoa bảng trường Cornell. Quốc hội Mỹ đã quyết định không ủng hộ ông Lon Nol nữa và thể theo nguyện vọng của những thành phần phản chiến chuyên vận động quốc hội Mỹ, nhân dân Kămpuchia đã được trao cho Pol Pot.

Các thông tín viên tây phương thừa biết về những lời thuật của người tị nạn

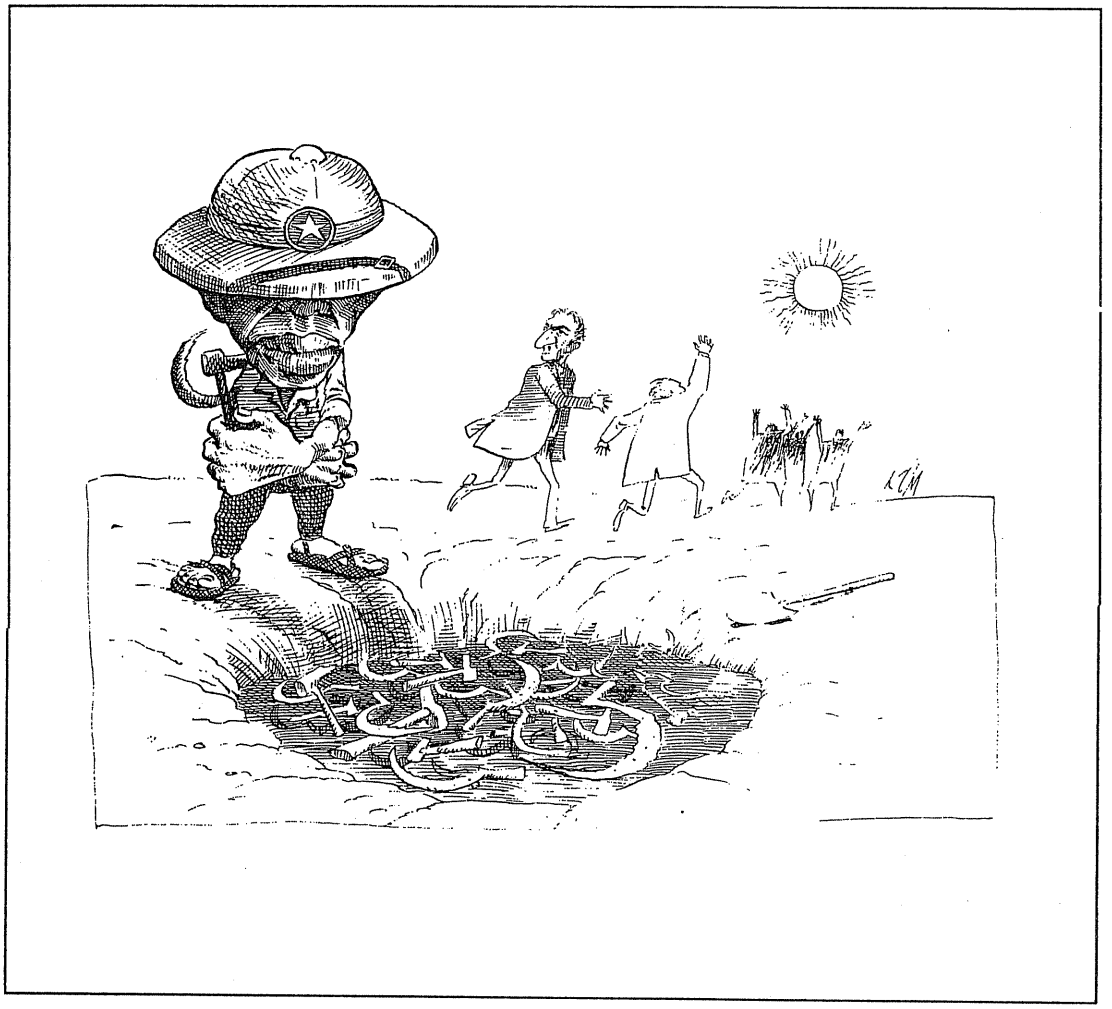

Kămpuchia về hành vi tàn bạo của quân Khmer Đỏ từ ít nhứt một năm trước khi chiến trận tại đó chấm dứt. Việc phần đông các nhà báo phương tây tại Phnom Pênh ngần ngại không đăng những tin tức đó khiến cho đã chẳng có mấy bằng cớ thẩm thấu qua tới các phương tiện truyền thông của Hoa Kỳ trước khi cuộc chiến chấm dứt.

Nhưng sau khi Khmer Đỏ chiếm quyền chẳng bao lâu thì nhiều tin tức bắt đầu xuất hiện, tỏ cho thấy một tình trạng đảo lộn đẫm máu đang diễn ra bên trong lãnh thổ mà lúc đó đã được cải danh thành Kămpuchia Dân Chủ. Sự chuyển hóa cực đoan và quái gở của Kămpuchia -- gồm cả việc dọn trống các thành phố -- đã phần nào được mô tả trên các báo khắp thế giới bởi các ký giả tây phương ở lại sau khi Khmer Đỏ chiến thắng và bị trục xuất khỏi Kămpuchia mấy tuần sau đó. Những lời kể của người tị nạn về các cuộc hành quyết tập thể bắt đầu được đăng tải trong chỉ có hơn một tuần sau khi CS chiến thắng. Những tin tức loại đó tiếp tục xuất hiện trong suốt cả năm, khi báo chí Bangkok khởi sự trích đăng những câu chuyện do những người tị nạn Kămpuchia vượt biên vào tới Thái Lan kể lại xác nhận tình trạng lao động khổ sai và các cuộc tàn sát tập thể là một phần sinh hoạt trong xã hội cách mạng mới ở đó. Các nhà báo Pháp -- ông Joel Henri của AFP và Francois Ponchaud của Le Monde -- cũng đã tường thuật với đầy đủ chi tiết về những hành vi tàn bạo của chế độ mới. Tới dạo cuối năm 1975 thì chẳng còn ai hoài nghi gì nữa về việc đã thực sự xảy ra một cuộc tắm máu ở Kămpuchia.

Khmer Đỏ: một lực lượng đầy nhân tính

Có điều là đã chẳng ai trong giới người từng bị lương tâm cắn rứt đến độ đã hè nhau chống chính sách của Mỹ tại Đông Dương bật đến một tiếng nhỏ lo lắng cho số phận của nhân dân Khmer chớ đừng nói gì đến những cuộc phản kháng rầm rộ. Thậm chí còn có nhiều

người nhứt định không tin vào những lời thuật lại của người tị nạn. Riêng ở trường Cornell thì lại còn có những người mằn mò tìm cách chứng minh là không một lời thuật nào của người tị nạn là thật cả.

Năm 1976, hai trong số các sinh viên bậc cao học thuộc chương trình đông nam á của trường, ông George Hildebrand và ông Gareth Porter, đã ấn hành cuốn sách đầu tiên bày tỏ thiện cảm đối với cuộc cách mạng do Khmer Đỏ chủ trương. Dưới nhan đề: "Cambodia: Starvation And Revolution" (Kămpuchia: Đói Kém và Cách Mạng), quyển sách đó đã được nguyệt san chuyên nghiên cứu về chủ nghĩa Mác của trường, ấn hành. Một năm sau đó, sách ấy đã được khen trong tuần báo Nation của Mỹ bởi một nhân vật nổi tiếng cực đoan trong số những người chuyên khảo về ý thức hệ, ông Noam Chomsky, và đã bị William Shawcross chỉ trích đôi chút trong đặc san chuyên điểm sách là tờ New York Review Of Books một năm sau nữa. Mục đích của cuốn sách đã được nói rõ trong phần giới thiệu mà chúng tôi xin trích như sau:

"Mặc dầu chính phủ Hoa Kỳ và các phương tiện truyền thông đã hết sức tránh đề cập chuyện chết chóc và hủy hoại do hành động can thiệp của Hoa Kỳ tại Kămpuchia gây nên, họ đã bỏ bao nhiêu công sức ra để vẽ nên hình ảnh một quốc gia bị cai trị bởi những phần tử cách mạng cực đoan thiếu nhân tính và nhứt định đưa đất nước họ trở về với thời man rợ. Khi chuyển đề tài từ những tội ác mà nước Mỹ thực sự đã phạm tại Kămpuchia sang những tội ác mà nước Mỹ tố cáo là chính quyền cách mạng Kămpuchia đã phạm, Hoa Kỳ đã đưa ra những luận cứ riêng của mình về giai đoạn kết thúc cuộc chiến tại Kămpuchia và về những bước đầu của một chính phủ mới ở đó. Tác phẩm nghiên cứu này nhắm mục đích ghi lại cho đúng sự thật về các diễn biến trọng đại ấy.

Nhưng ghi lại cho đúng sự thực trên lãnh vực nào? Câu trả lời ngắn gọn được tìm thấy trong lời tựa, của chẳng ai khác hơn là ông George McTurnan Kahin. Lấy làm phấn khởi trước "lời thuật đầy đủ và có chứng cớ rõ ràng" của hai tác giả, ông Kahin mô tả công trình của ông Hildebrand và ông Porter là "đã vẽ nên một hình ảnh trung thực và rõ ràng nhất từ trước tới nay" cho thấy rằng những khó khăn kinh tế của Kămpuchia đều phần lớn do "sự can thiệp của Mỹ" gây ra. Đó cũng đồng thời là hình ảnh rõ rệt nhất cho thấy những phương pháp được Khmer Đỏ áp dụng để giải quyết những khó khăn kinh tế ấy như thế nào. Ông Kahin tóm tắt những lời giải thích của các ông Hildebrand và Porter -- được chính ông Kahin tán đồng -- về lý do Khmer Đỏ đuổi hết dân ra khỏi các thành phố, như thế này:

"Thiếu phương tiện đưa đầy đủ lương thực vào các thành phố, chính phủ mới đã quyết định đưa người dân tới chỗ có lương thực, tới những kho chứa do chính phủ thiết lập sẵn ở các vùng nông thôn. Những cuộc di cư rầm rộ này không hề là lối áp dụng một ý thức hệ đến độ phi lý mà chỉ cho thấy những giải pháp thực tế của các nhà lãnh đạo đang phải hoàn toàn trông cậy vào các nguồn lương thực của chính Kămpuchia mà lại thiếu những phương tiện vận chuyển ngay trong nước."

Những tài liệu nào được các ông Hildebrand và Porter sử dụng mà lại làm cho ông Kahin thấy phấn khởi đến độ cho rằng chúng "đã vẽ nên một hình ảnh trung thực và rõ ràng nhất" về các chính sách của Khmer Đỏ như thế? Nhìn những chú thích của hai tác giả, mọi người đều thấy hai học trò của Giáo sư Kahin đã dựa hầu hết vào những buổi phát thanh chính thức trên đài Khmer Đỏ, những cuộc phỏng vấn các viên chức Khmer Đỏ và những ấn phẩm của các tác giả Cộng Sản Pháp (không được xác nhận rõ ràng như thế) để quyết đoán về những chuyện Khmer Đỏ đã làm và tại sao họ làm.

Trong lúc những chứng cớ do một số ít người Khmer tị nạn vào tới Thái Lan trưng dẫn tiếp tục được thu góp thì những quyển sách với đầy đủ chi tiết bắt đầu xuất hiện, trong đó tình trạng ở Kămpuchia đã được mô tả một cách chính xác là một trận tàn sát mới sau trận tàn sát người Do Thái vào thời thế chiến thứ hai. Nổi bật nhất là những cuộc khảo cứu của hai ký giả làm việc cho tờ **Reader's Digest** -- ông John Baron và ông Anthony Paul -- và một linh mục Pháp khuynh tả, ông Francois Ponchaud, thực hiện trên nhật báo **Le Monde** khi ông viết về Kămpuchia. Mặc cho không biết bao nhiêu chứng cớ hiển nhiên như thế đã được phơi bày, các nhà khoa bảng trường Cornell vẫn nhất định giữ nguyên lập trường bởi lẽ cả đời họ đã được huấn luyện để tin tưởng vào "nhân tính" của các thành phần cách mạng Mác Xít Lê Ni Nít, lẫn vào sự chân thật trong những lời tuyên bố của các thành phần ấy. Tháng 5 năm 1977, Hạ Viện Mỹ nghe những lời điều trần về nhân quyền tại Kămpuchia. Một trong những người ra điều trần là ông Gareth Porter. Trong một lời tuyên bố viết sẵn, ông Porter nói trước ủy ban của Hạ Viện Mỹ như thế này:

"Nhưng ý kiến nói rằng giới lãnh đạo nước Kămpuchia Dân Chủ đã thi hành chính sách nhắm thực sự tiêu diệt toàn bộ các tầng lớp dân chúng, loại trừ tất cả những ai từng dính dáng tới chính phủ Lon Nol hay trừng phạt toàn khối dân

thành thị bằng cách đưa họ về làm việc ở thôn quê sau "chuyến đi từ thần" ra khỏi các thành thị, chỉ là một huyền thoại mà phần chính đã được tạo ra bởi các tác giả của cuốn sách do tờ Reader's Digest ấn hành..."

Vị dân biểu đang nắm một chức vụ quan trọng tại Hạ Viện Hoa Kỳ, ông Stephen Solarz đã phẫn nộ sau khi nghe trọn lời chứng của ông Porter và đã chẳng đặng đừng so sánh lời ông Porter phân tích về Khmer Đỏ với công trình của các sử gia đương thời cho rằng Đức Quốc Xã không hề sát hại 6 triệu người Do Thái. Nhưng ông Porter đã không hiểu nổi lời so sánh đó. Y như nhiều thân hữu của ông ở trường Cornell, ông khẳng quyết tin tưởng vào nhân tính của Khmer Đỏ và khi đi tới những kết luận như thế, ông chỉ đơn thuần hành động đúng theo những phương pháp khảo cứu từng được các giáo sư bảo trợ ông ở trường đó tán đồng.

Tám tháng sau những buổi điều trần trước Hạ Viện Mỹ về vấn đề nhân quyền tại Kămpuchia, CSVN và Khmer Đỏ chính thức đoạn giao và cuộc chiến tranh biên địa Việt/Kămpuchia đã leo thang. Các thành phần tả khuynh tại tây phương từng ủng hộ cả CSVN lẫn Khmer Đỏ trong một thời gian rất lâu sau ngày hai phe đó đạt tới những thắng lợi gần như là đồng thời hồi năm 1975, đã bắt buộc phải chọn phe. Phần đông ngả theo Hà Nội. Nhưng chính quyết định đó dã làm một số trong bọn họ bẽ bàng. Đầu năm 1978, các phương tiện truyền thông của CSVN bắt đầu loan đi những tin tức về hoạt động trong nước Kămpuchia Dân Chủ, mà những tin nầy lại chẳng khác gì những điều đã được công bố trong sách "do tờ Reader's Digest xuất bản." Những thành phần trước đây từng vạch tần "những lời lẽ của đế quốc Mỹ nhằm phỉ báng cuộc cách mạng Kămpuchia" nay đã giả vờ như là họ chẳng hề đưa ra những lời tuyên bố trước kia bao giờ. Họ nghĩ rằng nếu họ có thể "quên" cả lập trường hồi trước của họ thì rồi ra có lẽ sẽ chẳng còn ai lưu tâm tới nữa. Và dường như họ đã nghĩ đúng.

Ông George McTurnan Kahin giữ trọn thanh danh của ông trong lãnh vực khảo cứu mặc dù đã từng có thành tích hậu thuẫn cho CSVN và cho Khmer Đỏ như đã dẫn. Tác phẩm mới đây của ông, cuốn "Intervention," đã được khen ngợi nức nở. Không ai đả động, chớ đừng nói gì tới đánh giá, cả một quá khứ đầy sai lầm của ông về hầu hết các biến chuyển trọng đại liên quan tới chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương.

Học trò cũ của ông, ông Gareth Porter, leo từ địa vị một chuyên viên nghiên cứu tại Institute For Policy Studies qua một loạt các chức vụ tạm tới khi lên làm phu tá cho dân biểu Clarence Long của tiểu bang Maryland. Sau đó ông đã đi làm giáo sư phụ giảng tại Johns Hopkins School Of Advanced International Studies (Trường Thâm Cứu Về Các Vấn Đề Quốc Tế thuộc Viện Đại Học Johns Hopkins). Dù tới nay ông Stephen Solarz vẫn còn coi chuyện ông Porter biện hộ cho Khmer Đỏ là chuyện quá tệ hại đến mức độ vẫn nhất định không mời ông Porter ra điều trần lại trước tiểu ban Á Châu/Thái Bình Dương, mà ông Solarz là Chủ tịch, thuộc ủy ban ngoại giao của Hạ Viện; song hồi năm 1986, ông Porter đã được mướn vào làm nhân viên cho Nghĩ sĩ John Kerry của tiểu bang Massachusetts và đã làm việc trong tư cách đó suốt 9 tháng để soạn những đề nghị liên quan đến chính sách của Mỹ tại Đông Nam Á. Mới đây ông Porter đã xin được một chỗ dạy tại School Of Foreign Service (Trường Ngoại Giao) thuộc Viện Đại Học American ở thủ đô Washington và đã viết nhiều bài đăng trên các tập san lớn như Problems Of Communism và tờ Foreign Affairs. Thay vì từ bỏ những quan niệm xưa, thỉnh thoảng ông vẫn nhắc lại những quan niệm đó. Năm 1987, ông viết một bức thư đăng trên nhật báo New York Times mà trong đó ông xác quyết là CSVN không hề nhúng tay vào các cuộc thảm sát hồi Tết Mậu Thân tại Huế.

Ông Porter không phải là người duy nhứt trong số các sinh viên cùng thế hệ, từng theo học và tốt nghiệp bậc Tiến Sĩ tại trường Cornell, có thiện cảm với CSVN và Khmer Đỏ -- hoặc có thiện cảm với một trong hai nhóm đó. Từ giữa thập niên 1960, Chương Trình Đông Nam Á của trường Cornell đã là một môi trường êm ái cho những người yêu thích các chế độ độc tài chuyên chính. Các tên tuổi như David Elliot, Christine Pelzer White, Jayne Werner, Laura Summers và Stephen Heder thuộc số những người nổi danh nhất trong hàng các sinh viên xuất thân từ chương trình đó và đã từng ủng hộ cả đảng CSVN lẫn Khmer Đỏ (mặc dù sau nầy bà Summers và ông Helder đã lần lượt thẩm định lại các quan điểm thân Khmer Đỏ và hiện nay đã kín đáo dành nhiều cảm tình cho phe không Cộng Sản ở Kămpuchia). Còn ông Gareth Porter thì đã có một chỗ đứng tách biệt khỏi các bạn đồng song ở trường Cornell của ông, chẳng phải vì các quan điểm chính trị cực đoan mà cũng chẳng phải vì những tiêu chuẩn khảo cứu quá kém của ông. Trái lại, ông tác biệt với họ chỉ vì đôi lần thành công -- y như vị thầy của ông là ông Kahin -- trong việc ấn hành các tác phẩm chuyên nghiệp lẫn trong dòng sinh hoạt chính trị của đất nước dù những quan điểm cực đoan và dù khả năng yếu kém như thế của ông.

STEPHEN J. MORRIS

Định Nguyên

Chợt nặng lòng ta

Gởi Vĩnh Bảo Richmond

Em về nằng nặng lòng ta
Tóc xanh xưa ấy sắp qua đời rồi
Em về như tuổi lên mười
Ô ăn quan với tiếng cười trẻ thơ
Dưng không. Em. Rất tình cờ
Đời hoang phế đó rộn mùa xôn xao
Em về tỉnh vẫn trầu cau
Vẫn thơm áo mới qua cầu gió bay
Vẫn dùa như lá trên cây
Vẫn đêm Chí Dị, vẫn ngày Thế Âm
Vẫn dường như lạ như quen
Nửa ca dao mẹ, nửa thềm võng đưa
Em về động giấc mơ xưa
Cho hồn ta nặng mấy mùa đao binh
Tình ta vẫn vỏ cau xanh
Tóc em còn mượt thơm chanh đầu mùa?
Em về như lệ trên thơ
Giọt hoen nét chữ, giọt mờ cuối câu
Giọt cho dời, giọt cho nhau
Giọt thương gặp lại, giọt đau bé bàng
Giọt Huyền Trân, giọt Đồ Bàn
Giọt Trương Chi vỡ chén vàng Mỵ Nương
Giọt đất khách, giọt quê hương
Chinh phu trăng giải, Nam Xương bóng gầy
Giọt tàn khuya, giọt sớm ai
Giọt trong cố nhủ giọt ngoài dừng rơi
Giọt buồn ghen với giọt vui
Giọt đau núp dưới giọt cười diêu ngoa
Giọt em gian dối giọt ta
Hai mươi năm lẻ chưa là "cố nhân"?
Em về như nắng tháng Năm
Một trời thơ cũ trổ vàng mùa xưa

Mưa

Tặng Giác vào mùa xum họp

Giọt ở trời Đông, giọt phía Tây
Giọt bay theo gió, giọt theo mây
Tha hương mắt dấu chiều dư lệ
Cố quốc tay che sớm ngậm ngùi
Anh cất nắng thừa làm kỷ niệm
Em dành thư cũ để đời vui
Xôn xao mưa ấm vai nhân thế
Riêng chỉ tình ta tạnh nụ cười.

Du Tử Lê

Hành Nước Non

một lũ ngồi so nhếch nhác buồn
giả đò quên tuốt chuyện non sông
huênh hoang đất trích (?) -- Ê hề thịt
khinh bạc quê người chuyện nhố nhăng
nào đâu đá được thân đem cống
đá được qua Hồ, như Chiêu Quân
hè nhau tháo chạy thua đàn vịt
bày đặt coi đời trò trẻ con
bán chữ người xưa, mua tớp rượu
hớp chút canh thừa, dăm vá cơm
nghênh ngang chửi đổng mà đau lấy
trời bất nhân và đất bất nhân.
vung tay quá trán. Cười hô hố
đâu biết đêm về, bóng quẩn chân
chẳng ai bó buộc ta lưu lạc
mà cũng ngồi đây thốn ruột gan
nến khô ngấn lệ làm sao chảy
như đám ma Hời chết chửa chôn
một lũ ta ôi! đầu sớm bạc
nói gì cũng muộn. Cũng không xong
nhìn nhau tổ quốc trong nhau dá
mục nát từ lâu -- phiến dá hồn
thì thôi! ghì lấy ngày tan tác
ngựa bỏ lưng đồi. Vứt kiếm cung
ma chay cũng chỉ ta và bạn
mộ lấp xong rồi. Ai chẳng quên.
thương bạn ta bày mươi bát cố
giỗ trước cho nhau. Nữa khỏi phiền.
nhớ nghe -- chữ nghĩa như dao sắc
liếm ngọt đời sau -- thịt lấn xương
lỡ mượn tiền nhân xài quá lố
trả làm sao nổi hỡi nhân gian!
còn dây sót chút tình cô tịch
chắt nốt đêm nay giọt máu hồng.

DU TỬ LÊ
Paris 10-11-89

Nguyễn Đình Thi
Tiếng rên cuối cùng của con nai đen

Xuân Vũ

Tiếp theo và hết

Cái việc mà các nhà văn tranh luận và là lý do cho ở trên ban Kim Cô cho nhà văn ba, bốn mươi năm nay chỉ gồm trong mấy chữ "nên TÔ HỒNG hay BÔI ĐEN" (chế độ). Vấn đề này nảy ra từ thời kỳ NVGP lận mà. Hồi đó có phong trào "Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng" ở Bắc Kinh và phong trào Prô-lây-Kuyn ở Liên Xô chớ gì. Nguyễn Hữu Đang có viết một bài trên báo Văn nghệ tựa là "Từ Prô Lây Kuyn đến trăm hoa đua nở" phải không? Lúc đó anh là chủ nhiệm báo này chứ ai!

Sau khi hạ độc thủ với NVGP, đảng phải điên đầu với vụ "Tô Hồng Bôi Đen" này. Tưởng đơn sơ ai dè ghê gớm quá. Nó *dài* nó *dai* và nó *dữ*. Từ cái gốc đó mà xòe ra trăm nhánh, tới năm nay không thu vén được. Cái điểm sinh là ở chỗ này:

Đảng nói THƠM; dân lắc đầu; nhà văn nói: THỐI.

Đảng bảo HỒNG; dân le lưỡi; nhà văn viết: ĐEN!

Đảng đưa nửa khúc BÁNH MÌ, cả dân lẫn nhà văn đòi đưa luôn cả cái.

Đảng nói XÃ NGHĨA LÀ THIÊN ĐÀNG, dân ào ào vượt biển, còn nhà văn thì bảo THIÊN ĐÀNG MÙ, Thiên đàng hổng có phải như vậy. Nếu là thiên đàng thiệt thì Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungari.. phá bỏ làm chi, Lithuania ly khai làm gì? Chí *có tí đó* thôi, nhưng cái đó gây nên sóng gió. Sóng gió cuốn phăng bức tường Bá Linh và rung rinh đê sông Hồng. Nhà văn là con người sống trong sóng gió của thời không thể không nổi giông gió trong tâm hồn mình. Cố nhiên cũng có những nhà văn dửng dưng hoặc muốn be bờ ngăn nước lũ, nhưng những nhà văn ấy đếm được bao nhiêu? Và dù họ có làm cái việc đó đi nữa thì chính lòng họ cũng không tin rằng sẽ không có một cuộc Vỡ Bờ.

Trong số nhà văn này, có anh không, anh Nguyễn Đình Thi?

Xin hãy "*để cho công chúng tự chọn món ăn*", một nhà văn Hà Nội nói vậy. Đúng vậy! Xin hãy để cho nhà văn làm bếp làm bồi một cách tự nguyện. Nhà văn sáng suốt hơn đảng nhiều, trong việc lựa chọn món ăn cho hợp khẩu vị của nhân dân. Anh có biết ông thủ tướng của nước Ba Lan là một nhà báo. Ông ấy bị bỏ tù mười năm chi đó và người bỏ tù ông ta chính là người mở cổng tù và nâng ông lên ghế Thủ tướng, Thủ tướng Miwiecki của nước Ba Lan 41 năm Cộng Sản ngự trị.

Nhà soạn kịch Tiệp Khắc Vaclav Havel, trước kia từng bị tù vì chống đối Cộng Sản. Ông chống từ năm ông mới 21 tuổi, đến nay tóc ông đã bạc và ông trở thành Tổng thống của nước ông: tổng thống Vaclav Havel. Nhà báo và nhà soạn kịch kể trên biết chọn món ăn cho nhân dân hơn Đảng Cộng Sản, hơn nhiều, phải không anh?

Anh viết rằng: *Nghị quyết trung ương đã nói rõ: chế độ chính trị của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nền dân chủ của chúng ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa không phải dân chủ tư sản, cũng không phải dân chủ cực đoan, vô chính phủ.*

Huyện bênh huyện, phủ bênh phủ. Ngựa tìm ngựa, trâu tìm trâu. Những chữ trên đây tôi "liếc" thấy đã hằng vạn lần rồi. Nghị quyết nào của Trung Ương mà không vĩ đại và, được anh phổ biến, nó càng vĩ đại hơn nhiều, bởi vì anh là nhà hùng biện mà. Tôi đã từng nghe anh phổ biến không biết bao nhiêu là nghị quyết mang từ số một đến số một vạn năm nghìn. Nhưng một nghị quyết có vĩ đại hay không là do kết quả do nó mang lại chứ không phải vì nó là của trung ương hay của anh công nhân chửa xe đạp. Mười lăm năm nay, chính các anh đã làm cho miền Nam vốn giàu có mỹ lệ, sụp xuống mạt rệp xác xơ, chính các anh làm cho nước Việt Nam của tôi trở thành một kỳ quan kỳ cục đứng hàng thứ ba trên hoàn cầu về mặt... kỳ cục.

Đảng lãnh đạo! Anh nói những tiếng ấy với lòng tin yêu, với niềm tự hào như thời kỳ kháng chiến giành độc lập hay anh nói chỉ "bằng môi" thôi?

Tôi hiểu anh mà anh Thi. Đi với đảng, tôi là trấu dưới gót sắt của những thằng vô học vô luân; vô hội nhà văn tôi là thằng hội viên vô kỹ luật và uống rượu nổi tiếng hơn viết văn, nhưng bỏ tất cả các tổ chức đó rồi, tôi sướng quá, tôi trở lại là TÔI.

Tôi nói, tôi nghĩ là do tôi, tôi viết cũng vì tôi muốn viết chứ không ai xúi tôi mà cũng không ai gàn cản tôi cả.

Vậy xin nói thực lòng tôi nhé. Đọc mấy chữ "đảng lãnh đạo" tôi mắc cở rùng mình. Tại sao? Tôi không biết. Nhưng tôi tự hỏi: giờ này anh còn viết nỗi những tiếng đó hay sao? Trong khi đó Vaclav Havel ở bên Tiệp Khắc đã viết, đã tuyên bố trước công chúng và được hoan nghênh bể trời: "... TIẾNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐÃ TRỞ THÀNH VÔ NGHĨA TRONG NGÔN NGỮ TIỆP KHẮC!"...

Anh hãy ngẩng nhìn lên quá trán một chút. Kìa lũ Sa Tăng râu rìa, bánh bao, ria cá chốt khoác áo bụt đã bị quét văng rồi. Bàn thờ tổ tiên của các dân tộc bị lũ ma quỉ chiếm đoạt nay đã sống lại với khói hương tranh tượng xưa. Các dân tộc ấy đã vùng lên, đang vùng lên, và sẽ còn vùng lên nữa.

Bởi vì đảng luôn luôn tự cho mình là thần thánh, cho nên ngày nay mặt Mao Chủ Tịch mới ăn hắc ín, nên có những người dân Liên Xô đòi chôn quách xác Lê Nin, cho nên ngày nay mới có vô số ca dao chửi thẳng, nhạo báng đảng không còn kể bầu cua gì nữa, cho nên "đồng chí Tổng bí thư" Honecker mới ngồi tù cùng với bảy ủy viên bộ chính trị khác, cho nên đồng chí Ceaucescu và vợ mới bị chính lính của mình xử tử chớp nhoáng, cho nên... cho nên... và cho nên ngày hôm nay ở nước ta mới có nhà văn dám nói thẳng vào mặt tổng bí thư: *"chế độ mình là phong kiến kéo dài,"* cho nên mới có nhiều nhà phê bình bảo *"văn học nước ta là nền văn học cung đình,"* hơn thế nữa, họ còn phủ nhận hoàn toàn nền văn học *"dưới sự lãnh đạo của Đảng."*

Các anh thường có thói quen "nói mà không cho cãi lại" (Trần Văn Giàu), tệ hơn nữa, còn có thói quen kết tội những người không theo hoặc chống đối các anh là phản động, phản bội, ác hơn nữa, phản quốc. Nhưng nghĩ cho cùng -- và đây là sự thực -- Cộng Sản chính là những tên phản động vì chúng đã đi ngược lại trào lưu tiến hóa của nhân loại. Cộng Sản là những tên phản bội dân tộc, xem quyền lợi quốc tế (hão, rỗm, bịp) cao hơn quyền lợi dân tộc mình, cụ thể nhất là Hồ Chí Minh. Cộng Sản là những tên phản quốc vì chúng đã mãi quốc với danh nghĩa Ái Quốc.

Khi các anh đỗ tấy cho tư bản đế quốc thói hư tật xấu gì thì chính chế độ các anh là đại lý của thói hư tật xấu đó vô tiền khoáng hậu. Có tên tư bản nào trên thế giới này lấy 51 tỷ bạc quốc gia bỏ băng Thụy Sĩ không? Nếu có thì đó là đồng chí vô sản Honecker. Của đáng tội, đồng chí ấy phải chia cho bảy đồng chí ủy viên bộ Chính trị khác hiện đang nằm chung "hô ten" của đảng. Có tên tư bản nào dùng tiền nhà nước xây cho mình một lúc ba mươi ngôi biệt thự không? Nếu có thì đó là đồng chí tư bản tổng bí thư cộng hòa xã hội chủ nghĩa Bungari Todor Zivkov. Có tên tư bản nào phá cả một khu vực rộng lớn dân cư, bắt dân phải rời khỏi trong vòng 24 tiếng đồng hồ, để dựng Hoàng Cung bằng gạch vàng và xây đường hầm bí mật ba ngánh ăn thông, Hoàng Cung -- tư dinh -- sân bay không? Nếu có thì đó là đồng chí tư bản Ceaucescu. Cho nên khi thấy anh tặng cho đế quốc mấy chữ *"cực đoan, tư sản, vô chính phủ"* của anh thì tôi nghĩ ngay -- và không sợ trật -- chính Cộng Sản là thứ vô chính phủ, cực đoan, tư sản, vô chính phủ và dơ dáy nhất trong lịch sử cầm quyền Đông Tây Kim Cổ.

Anh viết rằng: *Công việc hàng đầu của người cầm bút là phải viết lên được những tác phẩm mới... những tác phẩm làm rung động lòng người... những tác phẩm không né tránh mọi gai góc của sự thật, không tô vẽ giả tạo xã hội của chúng ta, nhưng cũng không mô tả đời sống và những con người của chúng ta thành một màu đậm đặc đen tối, không còn chút ánh sáng hi vọng*"... và "*... sự nghiệp cách mạng còn muôn vàn khó khăn nhưng đang mở ra những chân trời mới...*"

Xin vô phép hỏi anh:

"Ánh sáng đó là ánh sáng gì? Hi vọng đó bao to? Và những chân trời mới kia là những chân trời nào vậy?"

Dĩ vãng đã chứng minh cho hiện tại: 45 năm "dưới sự lãnh đạo của đảng" dân miền Bắc thấy miếng cơm trắng mà thèm. Dân miền Nam bán nhà cửa và làm tất cả để được rời bỏ quê hương yêu dấu ra đi lang thang góc bể chân trời vô định. Năm 1945 tôi là một đứa học trò, tôi "hi vọng" ghê gớm. Bỏ trường để làm tất cả, để không phải học những bài học lịch sử nước Pháp "Nos ancêtres sont des Gaulois." Bây giờ nếu tôi còn ở lại Việt Nam, con tôi sẽ phải quàng khăn đỏ và học "Nos ancêtres sont des Russes."

Ánh sáng rụi tàn. Hi vọng tan biến.

Chân trời mới? Là chân trời nào vậy anh Thi? Đảng đã cho dân ăn bánh vẽ 45 năm nay rồi, cái nào cái nấy to bằng cái nong sìa hợp tác xã Hữu Nghị. Cái bánh Độc Lập nhân thịt Việt Nam bọc bằng bột mì Bắc Kinh thì hơi khê, cái bánh xèo Tự Do đang thiếu mỡ chiên, còn chờ thây ma của thuyền nhân từ Mã Lai gởi về thắm và chờ lấy tóc của thiếu nữ Việt Nam bị hải tặc giết sau khi hãm hiếp ở bờ bể Thái Lan để làm giá, còn cái bánh Hạnh Phúc thì có rồi, có từ lâu lắm nhưng thế giới vốn nhẹ dạ cả tin, nhưng đảng nói hoài mà không chịu tin đó thôi. Cái bánh đó đang nằm trong các quầy cửa hàng Tôn Đản tại Hà Nội. Đó là tất cả những cái được anh gọi là "ánh sáng, hi vọng và chân trời mới." Đối với nhà văn được đảng tôn lên làm "kỹ sư linh hồn," chắc sẽ được đảng chia phần to gấp bội người thường.

Tôi không thích lý luận, bất cứ thứ lý luận gì. Tôi giống anh Nguyên Hồng về điểm này. Tôi nhớ có lần họp các nhà văn vừa đi thực tế về tại trụ sở hội Nhà Văn. Vấn đề thảo luận được đặt ra là "viết

sự thực như thế nào" tức là nên "Tô hồng hay Bôi đen," "có nên tránh né sự thực hay không? Thảo luận cả ngày không ngã ngũ, như đi đá gà, ôm gà đến trường, không đụng độ, gà ai nấy bồng về. Ra ngoài hành lang anh Nguyên Hồng càu nhàu, anh nói rất to, anh có tính không-sợ-ai-cả: "Thảo luận cái đéo gì thảo luận mãi thế. Không viết thế này thì viết thế khác. Cứ viết đi. Thảo với chả luận, sốt ruột quá!"

Hãy để cho nhà văn, những bạn tôi, những đồng nghiệp tôi, những bậc tiền bối tôi viết như họ muốn, như họ nghĩ. Từ những tác phẩm của họ, đảng mới mong tìm thấy "ánh sáng và chân trời mới" để, may ra còn sống sót được đôi ngày. Nếu cứ bịt, cứ chặn, cứ dọa, cứ tai nạn ô tô mãi thì chẳng còn ai viết. Có viết chỉ viết cho "cấp trên vui lòng." Thế thì bộ chính trị viết quách cho xong. Anh bảo rằng: ..."*Hoặc cho rằng ở mỗi thời đại có một thứ bá quyền văn nghệ thường mâu thuẫn với bá quyền chính trị. Hoặc ý kiến nêu lên cho nhân cách nhà văn là ở chỗ làm đối trọng với quyền lực nhà nước!*" Đó là ở các nước xã hội chủ nghĩa, chứ ở các nước tư bản làm gì có các thứ bá quyền và mâu thuẫn đó? Tôi đã sống sáu năm ở Sàigòn và mười lăm năm ở nước Mỹ tôi không nghe có vụ nào cả. Vì ở đây, ai làm công việc nấy, không có ai chõ mõm vào trang giấy của nhà văn nhất là những người không biết gì về công việc viết lách như cái gọi là bộ Chính trị của anh đó -- thì làm gì có mâu thuẫn?

Chỉ từ khi vua vô sản Lê nin tức vị mới bày ra cái vụ "lập trường vô sản, chế độ vô sản chuyên chính, giai cấp và giai cấp đấu tranh" v.v... nên mới nảy sanh ra chống đối và nhà tù nhốt những kẻ chống đối, trong đó có nhà văn. Phải rồi, ở trong một chế độ bạo ngược như chế độ Cộng Sản dưới thời Lênin (Lê Nin, tôi biết hắn, một tên hung ác dị thường -- Solzenistyne), Stalin (mười triệu người bị giết) thì một Pasternak hay một Solzenistyne phải được coi là nhân cách cao quý của nhà văn chứ sao. Nhà Cộng các anh cũng thường dạy người khác "uy vũ bất năng khuất" kia mà. Tôi nghe nói ông Solzenistyne viết hồi ký về chế độ Nga Hoàng Lê Nin tới *5000* trang (năm ngàn) đấy anh ạ.

Ngày xưa đời Đường, đứng trước một Võ Hậu cuồng dâm và say máu, không một công thần nào dám khuyên răn vì biết là mụ chẳng nghe và còn giết cả họ. Nhà thơ Trần Tử Ngang đã làm một bài thơ khuyên can. Mụ đọc xong nổi giận đùng đùng. Ai nấy thất sắc, nhà thơ vẫn điềm nhiên coi cái chết như lông hồng. May sao mụ hồi tâm. Mụ không giết nhưng cũng không nghe nhà thơ.

Đời Hán có một đại học sĩ (tôi quên ngang tên) cũng khuyên can Hạng Võ, Hạng Võ không nghe và đem luộc sống trong chão dầu. Trước khi bị hành hình, ông đại học sĩ trỏ mặt tên bạo chúa, mắng: mi là con khỉ đội mảo, dù mi có làm vua mi cũng chỉ là loài vật."

Võ Hậu và Hạng Võ (đều là Võ) đều chết thê thảm vì không nghe lời khuyên của nhà thơ và học sĩ. Gương xưa ngàn năm giở lại còn mới nguyên. Tiếc ai Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt có phải là Trần Tử Ngang của Việt Nam dưới thời bạo chúa họ Hồ?

Anh bảo: "... *Những tác phẩm không tránh né gai góc của sự thật!...*" Không có nhà văn nào coi sự thật là gai góc cả. Ngược lại, chỉ có đảng mới coi sự thật là gai góc thôi. Chính đảng là kẻ sợ sự thật, chạy trốn sự thật và muốn khỏa lấp đi sự thật bằng trăm mưu ngàn kế, trong đó có cái kế bắt nhà văn xoa bớt dùm những gai góc đó. Trong những người được đảng nhờ đó, có anh -- Nguyễn Đình Thi -- xoa dịu bằng cái bài báo con con đăng trên tờ lá cãi Nhân Dân này. Và chính anh cũng tự nhận rằng:

"*Bức tranh tôi vẽ phác sơ sài trên đây chắc chắn là thiếu sót. Đó chỉ mới là cách nhìn của tôi, và mới là cái nhìn vào cái bề nổi của đời sống văn học chúng ta vừa qua. Cái bề sâu của văn học là tác phẩm...*"

Sơ sài thì quả thật là quá sơ sài, quá lửng lơ con cá vàng. Nhưng còn "bề nổi"... thì những câu thơ những lời phê phán, oán trách của các nhà văn mà tôi vừa kể ra ở trên đây, không coi là "bề nổi." Đó là những "thâm ngôn thốt tự tâm can" đối với chế độ, đối với "sự lãnh đạo của đảng." Hỡi Trời! Tôi còn biết nói sao. Bộ Chính trị mà đọc bài này của anh xong thì chúng sẽ đi chợ Tôn Đản mua một cái bánh hạnh phúc ngoại cỡ về tự thết và cười với vợ con: "Tình hình văn nghệ vững như bàn thạch. Những ông bà văn thi sĩ có nổi khùng lên chút ít nhưng họ đã "*dần bình tĩnh lại rồi! Các ông bà ấy chỉ băn khoăn chút xíu tìm kiếm hướng đi trong văn học trong sự nghiệp lớn lao và nhiều sóng gió do Đảng lãnh đạo đó thôi. Yên chí! Yên chí!*

Vua chúa tàn bạo, Cộng Sản tàn bạo hơn vua chúa.

Vua chúa thích tung hô vạn tuế, lãnh tụ Cộng Sản thích cái sự đó còn hơn vua chúa.

Vua chúa thích nịnh thần, Cộng Sản cũng thích những lời ngon ngọt.

Chính vì thế mới có sai lầm cải cách ruộng đất! Mọi sự tác tệ là do những báo cáo tô hồng.

Tôi dám khẳng định thêm một lần nữa rằng "ý nghĩ" này của anh chẳng có tác dụng gì ngoài sự xoa bóp cấp trên như mấy viên Xuyên Tâm Liên (3) của Quốc Doanh dược phẩm, hoặc tệ hơn, thuốc quá thời hạn dán nhãn mới.

Đây xin anh đọc lời phát biểu này trước mặt ông Linh. Đây là "Bề nổi" của anh chăng? "*Người cầm bút chúng tôi khi ngồi viết, thấy nhiều nỗi sợ quá. Sợ người chung quanh, sợ cấp trên, sợ cả chính mình.*" Đố anh ai nói câu đó? Và câu này nữa.

Và đây nữa: "*Tao còn sống, còn cầm bút đến bây giờ là nhờ biết sợ!*"

Sợ! Sợ hãi hùng. Sợ bao vây. Phải biết sợ để sống mà cầm bút viết! Thì viết cái gì thưa anh? Ai đã

tạo ra nỗi sợ đó cho nhà văn? Đảng là nỗi sợ hãi cho nhà văn nhưng nhà văn cũng lại sự sợ hãi cho đảng. Nỗi sợ của AI to hơn?

Không biết nữa! Nhưng thấy đại hội nhà văn kỳ rồi có đến ba trự lớn nhất của làng Võ phu Hà Nội -- con cháu của Võ Hậu và Hạng Võ? -- đến nghiến răng mím lợi nói chuyện với nhà văn...

Trự thứ nhất, tôi biết mặt. Mặt hắn không lộ chút thông minh nào. Năm ngoái trước phong trào đòi thay đổi lãnh đạo của nhóm kháng chiến cũ, lão ta đến xin lỗi và đấm ngực thùm thụp van vỉ: "Tôi làm thừa tướng mà không tròn nhiệm vụ, các đồng chí đem bắn tôi đi!" Nói cho vui vậy thôi, chứ ai dám đụng tới hắn? Năm 1958 khi đấu Nhân Văn Giai Phẩm ở Thái Hà ấp, triều đình không còn cây búa nào hữu hiệu bằng Hoan đầu bò, bèn sai hắn đến. Lúc đó hắn mới đội mão cửu phẩm triều đình thôi nhưng ăn nói thì chỉ kém hủ lô cán đường một tí.

Kỳ này hắn lại tới với nhà văn, không biết hắn nói gì, nhưng chắc chắn là hắn có mang theo một cái Hỏa-lò-bỏ-túi... quần và vài chục còng số 8 made in Đổi Mới Tư Duy của Mốt-cu.

Gã thứ hai tôi không biết mặt nhưng có nghe. Hắn đeo gươm dài, đóng ghệt, trán lộ ba sao, miệng chắc phải có nanh. Trông tướng đi tướng đứng có vẻ nặng nhọc của hắn, người ta đoán rằng hắn có giấu một chiếc xe tăng trong lưng vừa thuê ở Thiên An Môn đem về.

Gã thứ ba cao niên nhất, đầu bạc trắng, mặt dài, nước da tai tái vì thiếu ánh nắng mặt trời. Hắn ta không bao giờ xuất hiện trước đám đông. Không huấn từ về đạo đức cộng sản cũng không viết bài về chủ nghĩa Mác trên báo Ngu Dân, hắn ít cười, nói năng nhỏ nhẹ, đi đứng khoan thai phải thế. Trong túi hắn không có còng số 8 cũng không có Hỏa lò, hắn cũng không phải cai ngục hoặc quan tòa, ấy vậy mà thiên hạ sợ hắn nhất đời: Hắn giết người bằng tay người khác, giết cả đồng chí của hắn, hắn không bỏ tù ai nhưng hắn có quyền tuyên án bất cứ ai, và cái án của hắn sẽ di hại đời ông đến đời cháu.

Hôm nay mà hắn đến thăm viếng và khuyên răn nhà văn thì đó là chuyện chẳng hèn, chẳng hèn cho nhà nước vì nhà nước đã hết nước cờ rồi phải mang con Tượng ra khỏi Cung để qua sông... bừa; còn chẳng hèn cho nhà văn vì nhà văn đã được đặt ở tình trạng báo động siêu cấp rồi đó, hoặc viết theo lối Sô lô cốp nói ở đại hội 20 Cộng Sản Liên Xô: "*Tôi viết theo chỉ thị của trái tim tôi, nhưng trái tim tôi thuộc về Đảng!*" -- một câu nói được các ông Tuyên Huấn Trung Ương đem ra nhồi nhét không biết bao nhiêu lần cho nhà văn, nhưng đến nay thì vẫn cứ "*Tôi viết theo chỉ thị của trái tim tôi, và trái tim tôi thuộc về tôi chứ không ai khác!*" Đó là cách viết hiện nay mà nhà văn Việt Nam xã nghĩa đang chọn. Do đó mới có sự chiếu cố của đến ba tên đồ tể. Tôi nói đùa vậy thôi chứ nằm đây tôi vẫn thừa biết đám đồ đệ tụng tờ nào của kinh Mác mà!

Anh Thi à, nhà văn, nhất là nhà văn Việt Nam xã nghĩa, trên răng, dưới cặp lựu đạn lép, bụng đói meo, chỉ có cây bút giắt túi, chứ có cái gì khác nữa đâu mà người ta sợ, mà người ta hằm hè quát xước dữ vậy? Cuộc đấu tố NVGP rùng rợn năm xưa đã đưa tới kết quả ngày hôm nay, một kết quả hoàn toàn trái ngược với ý muốn của đảng. Khi tôi viết đến đây thì tờ báo tiếng Anh hằng ngày đến. Tôi dỡ ra đọc ngay bài nói về Ba Lan. Bài ấy có cái tựa như sau:

Warsaw, Ba Lan -- "*Cộng sản Ba Lan chôn vùi Búa Liềm*" (Polish communist burry hammer and nickle).

Bài đó hơi dài, nên tôi chỉ xin trích mấy câu sau đây -- xin bảo đảm với anh là tôi không trích kiểu xỏ lá như đám cán bộ so Mạ Kền của Hoài Thanh trích văn chương Miền Nam:

Các đại biểu còn lại sau cuộc bầu phiếu đại bại 1,228 -- 32 trong sự triệt hạ đảng Cộng Sản đã đứng lên hát bài Quốc tế ca. Xong họ cúi đầu trong im lặng trong khi ba người trong nhóm họ lấy cờ xuống và đem ra khỏi phòng họp. Quyết định giải tán đảng Cộng Sản Ba Lan đã nêu rõ: Vô phương khôi phục lòng tin của dân dưới ngọn cờ Cộng Sản. Và đây là đảng Cộng Sản thứ hai ở Đông Âu (sau Cộng Sản Hung) tự giải tán.

Đó, cái mà anh gọi là "*một số sự việc chính trị xã hội diễn biến ở một vài nước xã hội chủ nghĩa làm cho nhà văn ta suy nghĩ!!* ở trên kia. Chẳng những suy nghĩ mà còn hành động.

Để kết đoạn này tôi xin nêu lên vài ví dụ để giúp anh xác nhận thêm tài lãnh đạo của Đảng: -- Liên tục theo đảng 40 năm, cho tới chết, Nguyễn Tuân chưa với tới *Vang Bóng Một Thời* và *Chùa Đàn*. Nguyễn Công Hoan không sờ đụng *Bước Đường Cùng* và các truyện ngắn của ông, ngược lại còn tự tụt thang một cách thảm hại. Tô Hoài là nhà văn viết nhiều nhất, đều tay nhất từ đầu kháng chiến đến 62 (khi tôi hãy còn ở Hà Nội) nhưng anh cũng không vượt nổi *Quê Người* và *Dế Mèn Phiêu Lưu Ký* là hai tác phẩm ảnh viết hồi vừa quá tuổi chơi dế (ảnh nói với tôi thế).

Ngược lại Phạm Duy về thành trong vòng hai mươi năm, Phạm Duy đã trở thành đỉnh cao nhất của âm nhạc Việt Nam ít ra là từ nửa thế kỷ nay.

Anh biết anh Phạm Duy mà. Ảnh có nhắc anh trong câu chuyện với tôi.

Anh Thi thân mến,

Bây giờ tôi lại xin thưa thêm vài ý kiến để nhận "dưới sự lãnh đạo của Đảng" trong 45 năm, đất nước ta đi đến đâu, và để hiểu tại sao nhà văn cứ vẽ lên những bức tranh *đậm đặc đen tối không có một chút ánh sáng hi vọng* như anh than thở.

Một hôm tôi nhận được tờ báo từ viên bưu tá. Khác với mọi ngày anh ta cầm tờ báo đưa tận tay tôi và nói: "Đây là tất cả đất nước của ông đây" Đó là tờ *National Geographic*, một tờ báo có số phát hành toàn thế giới. Tôi giở báo ra tại thùng thư không kịp vô nhà. Vừa đi vừa đọc, vừa liếc lên trang đầu tôi đã kêu lên một tiếng thương tâm.

Thương tâm! Phải nói là thương tâm quá đỗi.

Và xấu hổ với người phát thư Mỹ kia. Ông ta đưa tờ báo cho tôi một cách vui vẻ và nói một câu thật thà không có ý gì châm chọc hoặc mỉa mai, nhưng tôi lại thấy nhục quá. Mấy nhà nhiếp ảnh ác thật. Sao họ không chụp dinh Toàn Quyền đỏ, biệt thự các thừa tướng vô sản. Cho dù đó không phải là nhà của "nhân dân Việt Nam ta rất anh hùng," nhưng ghi chú đó là nhà của ai, của ai trông thấy cũng đỡ tủi cho dân lưu vong như tôi hơn. Đằng này các trự toàn "nháy" những "pô" thật ly kỳ. Trang bìa: ảnh một em bé gái cười, hai tay chống chiếc thuyền thúng bằng nan (không phải "Chiếc thuyền nan trên sóng to" của cụ Hồ lái hồi 1945 -- trong bài hát "Hồ Chí Minh muôn năm" của Hùng Âm và Minh Tâm). Hỡi người Việt trên toàn thế giới, hãy mua tờ báo này để đọc, không đọc nổi thì chỉ xem hình thôi, để xem tài lãnh đạo của đảng.

Càng giở vào trong tôi càng bất nhẫn tâm can. Hồi tập kết ra Hà Nội tôi đã thấy những toa tàu điện chạy ký cách quanh bờ hồ. Ba mươi lăm năm sau (1951-1989) tôi lại gặp lại nó, không còn được như hồi đó mà tả tơi, loang lổ, bể nát, hốc hác thê thảm hơn xưa nhiều, gấp chục hay trăm lần? Nhưng thê thảm quá sức tưởng tượng anh Thi ơi! Giá anh xem được tấm ảnh này.

Nghệ thuật làm cho con người nhìn rõ hơn những sự việc những cảnh vật mà hằng ngày họ trông thấy và họ ngỡ rằng họ đã trông thấy rõ rồi. Nhưng nhờ trang truyện, nhờ nét họa, hoặc tấm ảnh mà khi nhìn lại, họ giật mình: Té ra ta chưa thấy gì hết.

Đây là trường hợp tấm ảnh chụp ở trang đầu tờ báo này đối với tôi. Có lẽ trước đây tôi đã từng qua lại cái bến tàu điện này nhiều lần nhưng tôi không để ý gì hết. Bây giờ xem tấm ảnh tôi thất sá hồn kinh. Tôi thầm hỏi ai:

"Đất nước ta nghèo nàn và lạc hậu đến thế sao các đồng chí?"

"Vâng, đất nước ta nghèo nàn và lạc hậu nhất thế giới chỉ hơn có hai nước Ethiopie và Bangladesh thôi! Cái khu phố trong ảnh hãy còn là một khu phố khá đấy. Còn những khu kinh hãi hơn thế nữa kia cơ!"

"Vậy đảng không biết tới thảm cảnh này à?"

"Dạ đảng có biết nhưng đảng bận chăm sóc vợ bé, đảng bận lo hốt của dân vượt biên, vàng năm, bảy cây một đầu người, nên đảng không có thì giờ chỉnh trang ạ! Sao các tấm ván trên thành xe điện đỏ loét kia không rơi quách đi cho nó dễ coi hơn? Sao các cánh cửa lá sách không văng luôn đi cho mưa gió dễ luồn vào tấm mát hành khách mà còn dính lại chi đó cho giống những hàm răng cười nhu mếu, và để cho người trông thấy nó phải dở khóc dở cười?

Nhà nát rệu, tường đổ, hàng rào sứt từng mảng to, nóc nhà xệu xạo, ở những cánh cửa treo mắc những áo quần rao bán, đàn ông đàn bà đội nón lá rách, người lớn cởi xe đạp con nít Liên Xô, (loại xe đạp này được bán cho cán bộ hồi 60-61 rồi, nên nay tôi dễ nhận ra) một chảo con chuối chiên hay bánh khọt ở hè đường do một em bé quản lý, tro củi đổ trắng xuống đường sát vách tàu điện, mặt mũi mọi người đều bơ phờ, chỉ đôi vợ chồng trẻ là dửng dưng, cả một cái mảng xe đạp ngổn ngang chảy trôi như một giề lục bình trên sông cái Nam Bộ... Đó là những nét tôi có thể nhận được ngay thoạt đầu nhìn vào ảnh.

Giở vào trong hai thanh niên cầm hai cành đào đứng bán mà nét mặt thì căm hờn ghê gớm chẳng biết căm hờn ai. Trang kế là bốn con trâu lội dưới đầm nước mênh mông do hai người đàn ông chăn giữ, mỗi người đi trên một chiếc ghe độc mộc dài và gầy tọp như cái hợp tác xã của họ.

Ở trang kế là hoạt cảnh trên vĩa hè. Sát mép đường có người đàn bà vẻ mặt rất đàn ông, tóc bạc, áo trắng, quần xắn lên quá gối, ngồi tắm con, nước chảy tràn xuống đường. Bên cạnh là cái bể nước vuông dài có lẽ chủ nhà vừa xây để lấy nước "miễn phí" bất chấp mỹ quan thành phố (tôi đã đọc mấy bài báo mô tả cái cảnh bừa bãi này, nay thấy rõ hơn bằng hình ảnh.) Chai xà bông nước xanh phản ảnh trong lòng hồ. Có lẽ là một món hàng ngoại. Bên mép hồ nước là một cái soong to, bên cái soong to là một thau đầy quần áo ngâm sắp giặt. Bên cái thau là một đứa bé đứng nhìn xuống buồn hiu. Sau lưng đứa bé, trên thềm nhà, một người đàn bà đang móc xấp bạc trong túi quần gin để thối cho người đàn ông vừa mua món gì trong tủ kính bày hàng bán ngay trước cửa. Nước sôi nấu ở đâu không thấy, chỉ thấy trên đầu bà ta có treo một cái bảng nhỏ mang dòng chữ BÁN NƯỚC SÔI. Một người đàn ông cỡ tứ tuần quần áo xùng xình, đầu đội nón lính, mặt hơi méo qua, không biết là do thương tích ở chiến trường Cao Miên hay ông ta đang hỡi ôi cái cảnh tắm con giữa vĩa hè chắn cả lối đi.

Trang sau của cái hoạt cảnh vĩa hè là anh Văn Cao, pa-đờ-suy đen, giày đen, tóc trắng xóa, hai bàn tay chụp lên hai đầu gối, đầu cúi gục xuống chiếc dương cầm như hỏi gì những phím câm kia. (Có lẽ anh ấy hỏi: Dương Cầm ơi, ở cái xứ này, mày thử nghĩ xem làm cái vật để cho người ta xài sướng hay làm nhạc sĩ đã viết ra Quốc ca mà phải treo đàn bà mươi năm nay sướng?)

Nhìn cảnh vật trong phòng, tôi không nhận ra được đây là Viện bảo tàng Cách mạng hay nhà riêng của anh. Vì tôi biết nhà anh ở số 110 Yết

Kiêu quá trường Cao đẳng Mỹ thuật đâm xoạc tới là đụng ngõ hẽm nhà anh Tuân. Tôi có đến đây hai lần, một lần để phỏng vấn anh sau đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai. Lần thứ hai để nhờ anh vẽ cái bìa sách cho tôi. Nhà anh là một cái tiệm giặt ủi. Anh ở tầng trên. Nếu nay được nhà nước nhớ ơn, mưa móc cho anh một căn nhà khang trang thế này thì may phước cho ảnh lắm.

Phía dưới tấm ảnh "nhạc sĩ câm và dương cầm không biết nói" là tấm ảnh Hoa Hậu Hà Nội. Chao ôi! Tôi không ngó nổi tấm thân kiều diễm này. Tôi mắc cỡ quá, tôi xấu hổ quá, tôi muốn xé nát trang báo.

Dân đói trắng mắt lại lo thi đua sắc đẹp. Thằng già nằm trong hòm kính kia mà ngó thấy ắt phải nhảy mũi vỡ tung cái hòm.

Oái oăm thay ở ngay trước mặt nhà nhạc sĩ câm và hoa hậu Hà Nội là cái lồng sắt trong đó nằm chờ chết hai con chó luốc. Thịt của chúng sẽ được đem ra xào với phở. Vì đây là quán chuyên môn bán "Phở Xào" với tấm biển treo trước cửa, viết bằng phấn học trò. Tất cả đều phản ảnh một nghệ thuật cao.

Oái oăm hơn nữa là câu trả lời của ông Đại tướng Điện Biên Phủ.

"Tôi nghe có một ông tướng ba sao (thượng tướng) hồi hưu, vì nghèo quá vợ ông ta phải bán thuốc lá ở vỉa hè, xin đại tướng cho biết chuyện này có thực không"

"Vâng, có thật!" -- Ông đại tướng đáp dứt khoát như khi ông ra lệnh tấn công Điện Biên.

Những nét tôi ghi ra đây từ những tấm ảnh của một tờ báo Mỹ đã đủ để cho anh gượng gạo viết thêm mấy lần "Dưới sự lãnh đạo của đảng" nữa? Và đó là BỀ NỔI hay BỀ SÂU vậy anh?

Người Cộng sản các anh bị thâm nhiễm quá nặng về ba cái mớ học thuyết thô bạo của Mác nên không còn nhìn nhận sự vật được chính xác. Nếu có một vụ buôn lậu do một thương buôn Sàigòn cũ xoay sở thì các anh kêu ầm lên: đó là BẢN CHẤT xã hội tư bản, nhưng nếu do một trưởng ty công an có 35 tuổi đảng trực tiếp làm thì các anh chỉ nói khe khẽ: "Đó chỉ là HIỆN TƯỢNG nhỏ, bản chất chế độ ta là tốt đẹp! Vậy Honecker thuổng 51 tỷ (xin đọc kỷ 51 tỷ không phải 51 triệu), Ceaucescu bỏ túi một tỷ, Zhivkov nuốt ba mươi biệt thự v.v... đó là hiện tượng hay bản chất?

Anh là nhà triết học, anh không nên tự dối lòng mình và nhất là đừng nên hùa với lũ thằng Hồng Hà, Hà Đăng để ngu dân, lừa dân thêm nữa.

Có bề nổi nào hoàn toàn không có gốc rễ ở bề sâu không? Có lời nói bất mãn nào không xuất phát từ sự bất mãn không?

Anh không thể phủ nhận được sự thật, nhất là khi sự thật đó đã được văn chương hóa rồi. Đảng Cộng sản Bôn-sê-vít có thể viết tiểu sử của Stalin một cách, rồi cũng chính đảng đó (dưới thời Khơ rút sếp) xóa đi hoàn toàn và viết lại, cách nào đó, tôi không biết, nhưng còn tiểu thuyết của Pasternak thì không ai có thể sửa được, dù một chữ, ngoại trừ tác giả.

Văn chương không là gì cả, nhưng là tất cả, kể cả chính trị, kinh tế, sử học, v.v... và lương tâm nhà văn. Bài thơ của thi sĩ đời Đường can gián Võ Hậu và những truyện, những bài thơ của cụ Phan Khôi, Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Như Mai, Minh Hoàng... có giá trị ngang nhau trong mục đích can gián bạo Chúa, nhưng kết quả lại khác nhau.

Nhưng dù kết quả có khác nhau đến thế nào đi nữa thì những tác phẩm ấy cũng vẫn sống. Đọc lại thơ của Trần Tử Ngang, chỉ một bài thơ thôi, ta có thể thấy cả một xã hội và triều đình Võ Hậu. Cũng như đọc lại thơ văn NVGP, hậu thế sẽ hiểu thời đại Hồ Chí Minh, cái thời đại mà nhà thơ muốn "đúc thơ thành đạn bắn vào tim những kẻ cắn càn," những kẻ "ăn cắp máu dân đổi chác đồng hồ," cái thời đại mà "phân người toàn võ khoai lang tím đỏ"... (4)

Có một lần tôi ngồi bên cạnh anh, tôi ngó lên tường, thấy ảnh của Nam Cao, tôi buột miệng hỏi anh: "Tại sao mình không treo ảnh Vũ Trọng Phụng?" Anh dáp ngay: "Vũ Trọng Phụng là trốt-kít."

À, ra thế, từ đó tôi không hỏi về vụ treo ảnh treo iếc của bất cứ nhà văn tiền chiến nổi tiếng nào khác. Nhỡ ra lại có vấn đề!

Mỗi lần tôi đi ngang nghĩa trang người Hoa trên đường Hà Nội-Hà Đông tôi ngó vào một cái vì trong đó có mộ Vũ Trọng Phụng.

Trốt-kít đối với tôi thời đó có nghĩa là đại phản động. Cách mạng tháng tám đã cho không biết bao nhiêu người Việt Nam trốt-kít mò tôm.

Nhưng khi ra nước Mỹ, tôi tìm hiểu Trostky là ai. Thì ra ông ấy là cận thần của Lê-nin, gần Lê-nin hơn cả Stalin, nhưng vì Lê nin bệnh tim luôn nên không cả quyết giao quyền cho Trotsky mà Stalin chộp được và xem Trostky như tên nguy hiểm số một của ông ta...

Đó là chuyện của Thiên hạ, bây giờ xin trở lại ông trốt-kít Vũ Trọng Phụng của anh. Vũ Trọng Phụng là tác giả quyển tiểu thuyết hài hước *Số Đỏ* nổi tiếng khắp Việt Nam thập niên 40. Chính Nguyễn Công Hoan đã nói với tôi: "Hắn giỏi thật! Cái thằng Xuân tóc đỏ nó nhan nhản ở khắp Hà Nội vậy mà đếch anh nhà văn nào thấy, đợi hắn viết in rồi mới té ngửa ra!"

Giám đốc nhà xuất bản Minh Đức vì cho in sách của Tự Lực Văn Đoàn và của Vũ Trọng Phụng mà tù đến nay chưa ra. Ba mươi hai năm tù vì tội in sách Vũ Trọng Phụng và NVGP.

Thế nhưng, thế nhưng và lại... thế nhưng bây giờ đảng lại cho làm phim *Xuân Tóc Đỏ* ở hải ngoại nay để cho "tụi bồi bếp đĩ điếm" (ngôn ngữ của đảng dùng để gọi dân tị nạn) thưởng thức. Đảng khôn ngoan, khai thác khía cạnh sexy để mê hoặc đám dân bất hạnh này. Đảng lầm to! Sexy xã nghĩa so với sexy USA chỉ là đồ bỏ. Dân tị nạn

chúng tôi vẫn đọc báo sexy mút mùa nhưng vẫn căm thù quân cướp nước, và nhìn thấy cả bộ mặt quân cướp nước sau cái quần lót của các nàng tiên sexy đó anh ạ. Thực ra đàn bà con gái cởi truồng không có gì ghê gớm đến đổi phá hoại hòa bình thế giới và cũng không làm nhạt ý chí phục quốc của dân vong quốc như các nhà lý luận mác xít Việt Nam xã nghĩa tưởng.

Con chó bị nhà bác học nào đó đem ra thí nghiệm năm chục năm, cứ mỗi lần nghe gõ chuông thì nó lại thò đầu ra, rỏ dãi đòi ăn hay gật đầu như thói quen. Đến lần thứ một ngàn, nó vẫn nghe theo tiếng chuông, nhưng lần tới chưa chắc nó nghe, mà có thể nó quay lại cắn kẻ đã mang sinh mạng nó ra làm thí nghiệm. Thí nghiệm đến năm, bảy chục năm rồi, còn đợi đến bao giờ mới có kết quả?

Boris Yelstin, ủy viên trung ương đảng CSLX, đối lập với Gọc ba sép, khi đi sang thăm Mỹ, đến New York, đi vào một quán ăn, có tuyên bố: "*Chủ nghĩa Mác dạy chúng tôi những điều lếu láo về chủ nghĩa tư bản. Nó vẫn sống nhăng và khỏe mạnh!*" Anh có nghe câu nói vui vẻ và thành thật đó không?

May quá, nó vẫn SỐNG MẠNH -- nó đã dãy chết trong quyển Tư bản luận của Mác từ một thế kỷ nay. Nó cũng dãy chết trong quyển sách tên gì tôi quên mất, cán bộ rất ham đọc hồi đầu kháng chiến chống Pháp do Hội Văn Hóa cứu Quốc của anh xuất bản chớ ai. Tác giả là Như Quỳnh và Đặng Thai Mai. Đâu anh thử xem lại trong thư viện coi còn không? Tôi nhớ kỹ lắm mà. Cụ Mai đã mất nếu cụ còn, thì anh chỉ nhờ cụ nhắc lại và giải thích dùm cho anh câu này: *Chủ nghĩa tư bản là con ngựa bất kham sẽ ném chủ nó xuống vực thẳm.*" Năm nay là năm Canh Ngọ nhưng không biết con ngựa nào ném chủ nào xuống vực thẳm? Ngựa trắng, ngựa đen nay ngựa đỏ? Chỉ thấy bản tin thế giới nói là vừa rồi Liên Xô đã mua của Mỹ 480 ngàn tấn lúa mì. Ông Gọc ba sép mua nhiều quá, ăn không hết có lẽ sẽ chia lại với giá vốn cho người anh em Việt Nam đó anh ạ! Năm trước, khi tôi xem TV thấy động đất ở Arménia, tôi vụt viết một bài làm thầy bói cái chơi: "*Cuộc động đất sắp tới của Liên Xô sẽ to gấp ngàn lần!*" Quả thật, quào mu rùa bậy vậy mà đúng. Năm nay, Liên Xô bị động đất, động tới trời, động lan sang Đông Âu và nhiều nơi khác.

Bây giờ tôi thử tiếp tục bói. Anh có nghe vụ cháy kinh hồn "Imexcô mêc cậu" gì ở Sàigòn chứ? Lửa ngất trời. Một vụ cháy lớn chưa từng có ở Sàigòn. Nhưng vụ cháy này sẽ chẳng ăn thua gì so với trận cháy sắp tới đâu anh ạ. Bởi vì lửa NHÂN TẠO, có thể dập được. Nhưng lửa trong trận cháy sắp tới là LỬA DƯỚI TRO ngún từ khi ĐỜI TA CÓ ĐẢNG, lửa NHÂN TÂM, không gì dập được. Cụ Nguyễn Du nhà mình nói đã từ lâu, bây giờ sắp ứng nghiệm "LỬA TÂM CÀNG DẬP CÀNG NỒNG."

Sáu mươi triệu Thúy Kiều bị mua, bị bán, bị lừa, bị ép, bị đày, bị đọa, phải sống với lủ ôn dịch, sẽ đứng lên, mỗi nàng một giọt nước mắt, tất cả những giọt nước mắt đó sẽ làm thành biển dìm chết Mả Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, mỗi người một sợi tóc xe lại thành dây giật sập ổ điếm to nhất các thời đại để về với người tình "TRĂNG TÀN MÀ ĐẸP HƠN MƯỜI RẰM XƯA"

Anh Thi thân mến,

Thơ đến đây đã quá dài, xin tạm ngưng bút.

Xin chào anh, Nguyễn Đình Thi, người đảng viên có 1000 tuổi đảng.

Xin chào anh, tiểu thuyết gia, tác giả của một vạn pho tiểu thuyết.

Và xin chào anh, chú bé còn do dự đi bước đầu trên đường mới, nhà văn chưa viết chữ nào. Nhưng nếu chú chịu mở mắt trước ánh sáng rạng rỡ ở chân trời mới kia thì chú sẽ có ngay đôi hia ngàn dặm, cái đôi hia mà thế giới tự do không dè xẻn đối với một ai.

Xin ghi nhớ tiếng rên của chú Nai Đen chết yểu để chờ nghe tiếng ngựa hí, voi gầm.

Tôi mong mỏi ở anh.

Hãy "NHẬN lại ĐƯỜNG" (5)

Kính thư: **XUÂN VŨ**

(Vừa viết xong thì TV cho biết ban chấp hành Đảng CS Bungari từ chức)

TRƯƠNG ANH THỤY

TRƯỜNG CA

LỜI MẸ RU

A Mother's Lullaby

Bản tiếng Anh/English Adaptation
NGUYỄN NGỌC BÍCH
Minh họa/Illustrations
VÕ ĐÌNH MAI

CÀNH NAM PUBLISHERS

(1) Đoạn in chữ nghiêng là trích trong bài *15 năm Văn Học Cộng Sản* -- Nguyễn Hưng Quốc -- *Thế Kỷ 21* số Xuân Canh Ngọ.

(2) Tiểu thuyết của NĐT. 1948.

(3) Thuốc làm bằng thảo mộc nội địa "trị bá bệnh." Năm ngoái xuất hiện một loại thuốc công hiệu hơn. Đó là nước tiểu; Nhà nước đã phải xuất bản cả một quyển sách lấy tên là "Niệu Liệu" để hướng dẫn dân tự trị bịnh bằng nước tiểu.

(4) Thơ "Chống Tham Ô Lãng Phí" của Phùng Quán.

(5) NHẬN ĐƯỜNG là bài tùy bút rất hay nói về nghệ sĩ trong kháng chiến chống Pháp của NĐT đăng trên báo Văn Nghệ năm 1948 hồi còn ở chiến khu Việt Bắc, đã gây ảnh hưởng lớn trong tôi.

Thế Kỷ 21 phỏng vấn
nhà báo Nguyễn Tú

Đông Âu và Việt Nam giống nhau ở một điểm khác nhau ở nhiều điểm

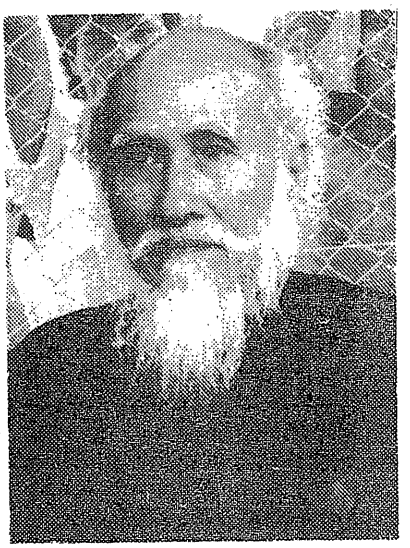

Nhà báo Nguyễn Tú
tại trại tị nạn Hồng Kông
Ảnh của The Correspondent

Nguyễn Văn Khanh
thực hiện

*** "Các ông (Thiệu, Khiêm, Viên...) có bổn phận phải lên tiếng để soi sáng một giai đoạn lịch sử đen tối nhất của miền Nam..."**

*** "Sau một giờ đồng hồ ngồi suy nghĩ, tôi bảo: phải nói, phải gửi về (bản tin về cuộc tháo chạy Cao Nguyên)."**

*** "Báo chí tư tưởng (ở hải ngoại) để thổi vào (trong nước) một luồng tư tưởng nào đó (...) vẫn chưa thấy có."**

LTS - Ký giả NGUYỄN TÚ, tức Nguyễn Đình Tú, 66 tuổi, vừa tới Mỹ định cư, sau năm tháng ở trại tị nạn Hong Kong, sau 15 năm sống (trong đó 13 năm tù) trong chế độ Cộng sản.

Có thời gian Nguyễn Tú làm giám đốc Thanh niên, thuộc Bộ Thanh niên VNCH, nhưng nghề (và nghiệp) chính của ông vẫn làm làm báo. Ông là phóng viên chiến trường thượng hạng của nhật báo Chính Luận, *tờ báo có uy tín chính trị lớn và cũng là tờ báo thành công về mặt kinh doanh, ở Saigon, trước tháng Tư, 1975. Ông cũng viết tin cho tờ* The New Yorker, *và tên tuổi của ông đã được biết đến trong làng báo quốc tế từ những thập niên 60, 70. Có lẽ nhờ đó ông được can thiệp sớm rời trại giam (dành cho người tị nạn Việt Nam) ở Hong Kong.*

Hiện định cư ở Maryland (miền Đông Hoa Kỳ), Nguyễn Tú, tuy râu tóc bạc pho, vẫn còn tráng kiện và muốn tiếp tục nghề báo. Ông đã dành cho Thế Kỷ 21 *cuộc phỏng vấn đặc biệt, nhân dịp "tháng Tư đen" -- nói về loạt bài của ông đăng trên nhật báo* Chính Luận *tháng Tư 1975 đã gây chấn động trong làng báo cũng như trong dư luận quần chúng.*

Nguyễn Văn Khanh thực hiện cuộc phỏng vấn này, ngày 16 tháng Ba, 1990, tại Washingon D.C. (TK 21)

TK21: Đúng 15 năm sau ngày theo đoàn người bỏ cao nguyên (16 tháng Ba, 1975) ông nghĩ gì về biến cố đau thương này?

NT: Cho tới nay mỗi lần nghĩ lại, tôi vẫn thấy buồn pha trộn với những ấm ức. Buồn cũng dễ hiểu vì trong một cuộc chiến võ trang như thế, chưa nổ một tiếng súng nào và cứ thế mà chạy. Trên đường đi, tôi có được dịp gặp và nghe một anh binh nhì Biệt Động Quân nói: "phải chi cứ đánh, thua cũng được còn đỡ nhục hơn tháo chạy như thế này." Câu nói của một anh binh nhì thôi xứng đáng để cho các vị tướng lãnh, các giới chức có thẩm quyền, suy ngẫm. Từ tổng thống Thiệu đã từng đeo lon Trung Tướng, tới ông đại tướng Khiêm, đại tướng Viên và nhiều vị khác nữa cần phải suy ngẫm về câu nói này.

Bảo mấy ông ấy phải suy ngẫm là tôi nói theo lối thường tình chứ đã chắc gì họ làm. Hơn nữa, nếu các ông ấy có "khả năng suy ngẫm" thật sự thì ngay lúc đó họ đã phải có biện pháp thích ứng trước cuộc tháo chạy. Tôi gọi là *tháo chạy* vì *di tản* thì phải có kế hoạch, đằng này không, mạnh ai nấy chạy. Nhục nhã nhất là chưa thấy bóng địch, chưa nghe cả một tiếng súng K54 của địch đã chạy rồi. Đó cũng là cái ấm ức của tôi, súng chưa nổ, máu chưa đổ, đã thua.

Tất cả chúng ta đều nhìn nhận trong cuộc chiến đấu chống cộng sản, chuyện đổ máu xương là chuyện bắt buộc phải xảy ra và quân đội Việt Nam Cộng Hòa trong bao nhiêu năm đã chấp nhận chuyện đó. Sau cùng, cả một quân đội hùng mạnh nhất Á châu tự dưng ngã quỵ.

Theo đoàn người từ Cao Nguyên về, dư luận ông nghe được như thế nào? Tại sao chạy? Tại sao sụp đổ nhanh như thế?

Sáng Chủ Nhật 16 tháng Ba, 1975, cuộc tháo chạy khởi sự. Lúc đầu, tôi không nghe thấy một dư luận nào cả, dân chúng ùn ùn kéo nhau đi khi thấy binh sĩ bỏ đi. Không ai có một ý niệm để tạo cho mình một nhận xét, cảm nghĩ về lý do của cuộc bỏ chạy mà chỉ tính đến chuyện cứu lấy thân, gia đình. Nhìn anh em không quân lên máy bay, bộ binh lên GMC, v.v... là dân chúng tự động tìm đủ cách, mọi phương tiện để đi theo, bỏ nhà bỏ cửa để chạy.

Tôi trực tiếp đón nhận cái gọi là "dư luận" qua ánh mắt mất thần của đoàn người hớt ha, hớt hải bỏ chạy đó. Cái dư luận mà tôi xin được gọi là "dư luận thầm lặng" này là một chứng tích rất hùng hồn, không cần phải nghe thêm bằng tai về những lời đồn đãi nào khác.

Mãi khi về tới Sàigòn, anh em báo chí gặp tôi có hỏi về dư luận của đoàn người bỏ cao nguyên, tôi cũng chỉ nhắc lại câu nói của anh binh nhì Biệt Động Quân mà tôi vừa trình bày. Thử hỏi có dư luận nào đáng chú ý nữa không?

Phải chăng ông muốn nói khi nghe cấp chỉ huy quyết định bỏ Cao Nguyên là dân chúng, binh sĩ chỉ còn cách bỏ chạy thôi?

Vâng. Khi nhìn thấy tận mắt cảnh quân đội rút trước, tôi không cần tìm hiểu xem đã có lệnh trên chưa mà đương nhiên biết nếu không lệnh trên thì làm sao binh sĩ lại rút quân. Tôi còn nhớ sáng Chủ nhật hôm đó, tôi ghé vào bộ Tư lệnh quân đoàn II, ngay chỗ tướng Phú đặt bản doanh, thấy trống trơn ngoại trừ hai người lính đứng gác bên ngoài. Mới ngày hôm trước tôi có gặp tướng Phú ở tại đây còn thấy bản đồ hành quân v.v... đủ cả. Bây giờ chỉ thấy giấy tờ vứt bừa bãi dưới đất, tan hoang hết. Mấy anh em đứng gác cho tôi biết họ không biết ông tướng đi đâu. Tôi đến tư dinh của ông Phú, thấy cửa mở chỉ nhìn thoáng qua là đủ biết tựa như một cuộc dọn nhà vội vã vậy. Đến lúc ghé qua tòa tỉnh trưởng, tôi cũng thấy cảnh tượng y hệt như thế, nét uy nghiêm của tỉnh đường mất cả, cho dù tôi có nhìn thấy ông tỉnh trưởng đứng nói chuyện với một số nhân viên thuộc cấp.

Tôi về lại chỗ trọ, ra phố tình cờ gặp một số quân nhân mà tôi quen biết. Hỏi thì họ bảo là chỉ được lệnh "chuẩn bị." Nhưng trong thâm tâm họ hiểu là đã đến lúc phải chạy rồi. Đến bốn giờ chiều ngày hôm đó, khi nhìn thấy đoàn xe này nối tiếp đoàn xe khác đi, lúc đó sự hoảng hốt mới bộc phát, kẻ giàu cũng như người nghèo lo gom góp được tí nào hay tí nấy, ùn ùn bỏ đi. Tôi chứng kiến cảnh đó cho tới mười giờ đêm mới lên đường rời Pleiku, theo đoàn người trên con đường bỏ Cao Nguyên. Đường kẹt cứng, phải chen, lách nhau mà đi cho dù tôi đi bộ trên quốc lộ 14, đằng sau là những người từ Kontum kéo về.

Tại sao ông lại có mặt ở Pleiku trong giờ phút nghiêm trọng đó? Phải chăng ông nghe được một tin tức nào mà các ký giả báo chí khác không nghe thấy?

Thật sự tôi không nghe được một tin tức gì khi rời Sàigòn cả. Anh em báo chí -- nhất là anh em trong tờ *Chính Luận* -- đều biết Tết năm nào tôi cũng có mặt ở tiền đồn, vả lại làm ký giả chiến trường thì điều này cũng không có gì đặc biệt.

Trước khi đi, tôi tham khảo tất cả những tin tức được phổ biến, cộng với những tin tức mình thu thập được. Căn cứ vào các dữ kiện tôi dự đoán là có thể sẽ xảy ra những trận đánh lớn ở vùng hai. Tôi có mặt ở Pleiku cả tháng sau câu chuyện mới xảy ra.

Ông có gặp tướng Phú trong thời gian này không?

Tôi có nhờ anh Phạm Huấn, sĩ quan tùy viên của tướng Phú, xin được gặp ông. Ông Phú rất cởi mở, tôi xin phép đã được đi quan sát hệ thống phòng thủ ở Pleiku và Kontum. Tướng Phú đồng ý ngay. Điều tôi nhận xét là hệ thống phòng thủ rất kiên cố, vũ khí đạn dược rất đầy đủ, nhân sự không thiếu, anh em Biệt Động Quân lo phòng thủ có tinh thần chiến đấu rất cao.

Mấy ngày sau đó tôi về lại Pleiku, ông Phú cho người nhắn ông muốn gặp và hỏi ý kiến tôi về hệ thống phòng thủ này. Tôi trình bày với tướng Phú là tôi thấy hệ thống này thật chặt, nhưng trải nhiều quân quá, vả lại bắt anh em Biệt Động Quân đóng đồn như thế nghịch với khả năng của họ là đơn vị lưu động. Tôi cũng có hỏi Tướng Phú ông có lực lượng trừ bị, tăng cường hay không và ông bảo có, đã dự định rồi.

Ông nghĩ sao về câu trả lời của tướng Phú?

Tôi nghĩ với số quân trải ra để phòng thủ nhiều như vậy, có lẽ lực lượng trừ bị, nếu có, cũng chẳng còn bao nhiêu.

Xin ông nói tiếp về buổi gặp gỡ với tướng Phú.

Ông Phú hỏi tôi liệu Việt Cộng có đánh Kontum, Pleiku không. Tôi trình bày là tôi nghĩ nó sẽ đánh, nhưng chỉ đánh cầm chừng, cầm

Di tản 1975

chân thôi, vì với hệ thống phòng thủ này chúng không thể nào có thể trực diện tấn công. Tôi cũng nói thêm với ông Phú là theo tôi đoán Việt Cộng sẽ đánh Ban Mê Thuột trước, và hỏi ông nghĩ sao. Tướng Phú trầm ngâm một lúc, nhưng không trả lời câu hỏi này của tôi.

Trước khi ra về tôi nhớ có đề nghị với tướng Phú là làm sao giữ được tính cơ động của hệ thống phòng thủ này, cho dù tôi biết ông có nhiều lý do để đặt một hệ thống dày phòng thủ như vậy.

Tại sao ông nghĩ Việt Cộng sẽ đánh Ban Mê Thuột?

Vì hệ thống phòng thủ ở đây không dày và chặt như ở Pleiku và Kontum, theo lời một số sĩ quan có thẩm quyền cho tôi biết. Đồng thời tôi thấy rải quân nhiều quá ở hai tỉnh vừa nói, thì chuyện thiếu hụt ở Ban Mê Thuột là chuyện đương nhiên xảy ra. Quả nhiên sau đó, bọn chúng đánh Ban Mê Thuột thật và tỉnh này thất thủ.

Ông có dịp lên Ban Mê Thuột sau đó không?

Có. Tướng Phú cho phép tôi đi theo anh em Biệt Động Quân lên Ban Mê Thuột tái chiếm lại tỉnh này, nhưng khi đổ xuống Phước An thì mọi chuyện đã xong rồi. Tôi thấy có điều gì đó trở ngại trong việc tiến quân là tôi biết Ban Mê Thuột hoàn toàn lọt vào tay cộng sản rồi. Tôi bỏ về lại Pleiku. Tôi phải nói nói thêm là lực lượng tướng Phú gửi trực thăng vận để tái chiếm Ban Mê Thuột không phải là lực lượng đủ để làm nhiệm vụ này, cho dù tinh thần anh em binh sĩ cao lắm.

Phải chăng tướng Phú không còn lực lượng nào khác nữa?

Tôi có gặp tướng Phú, nhưng không tiện hỏi ông việc đó. Tôi hiểu chuyện mất một tỉnh chiến lược như thế là chuyện làm ông đau lòng không ít. Với một người không rành quân sự như tôi nhưng chỉ căn cứ vào lịch sử quân sự Đông Dương cũng đủ thấy tầm quan trọng của tỉnh này đối với vùng Cao Nguyên. Hồi Pháp đánh nhau với Việt Minh, mất Ban Mê Thuột là họ phải tìm bằng mọi cách, mọi giá để lấy lại.

Theo ý ông, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã không làm điều này?

Tôi không biết có làm hay không. Điều này ông Thiệu, ông Khiêm, ông Viên và các ông phụ tá của họ mới có thể trả lời được. Riêng tôi, tôi nghĩ các ông ấy có bổn phận phải lên tiếng để soi sáng một giai đoạn lịch sử đen tối nhất của miền Nam, đồng thời cũng là bổn phận đối với chiến hữu của các ông ấy đã gục ngã ở dọc đường quốc lộ 14 và tỉnh lộ số 7, với bao nhiêu ngàn người dân bỏ xác trên hai con đường này. "Sự kiện Cao Nguyên," theo tôi, phải được trình bày thật rõ ràng, đầy đủ.

Ông có gặp lại tướng Phú không?

Tôi theo đoàn người từ Pleiku về tới Phú Yên, tìm đường về đến Nha Trang thì gặp lại tướng

Phú, tại bộ tư lệnh của ông ở Nha Trang. Hôm đó, có nhiều sĩ quan cũng chạy về được vào trình diện, thành ra tôi không tiện hỏi. Sau đó, anh Phạm Huấn có đưa tôi về tư dinh của ông Phú, đến nơi tôi ngồi trên cái đi-văng bên cạnh ông nói chuyện. Được chừng một vài phút thì có anh Phan Nhật Nam ghé thăm tướng Phú thành ra tôi cũng không tiện hỏi. Mãi một lúc sau, tôi mới tế nhị hỏi ông về lý do bỏ cao nguyên và ông trả lời chuyện này để thư thả, ông sẽ nói chuyện với tôi sau. Tôi đoán nếu không có mặt của ông Phan Nhật Nam có lẽ tướng Phú đã cho tôi biết ngay lúc đó.

Đó là lần cuối cùng ông gặp tướng Phú?

Vâng, khi tôi về lại Sàigòn, ít ngày sau đó tướng Phú, hoặc một người thân nào đó của ông, có gọi đến tòa soạn báo *Chính Luận* tìm tôi. Rất tiếc lúc đó tôi không có ở tòa soạn, thành thử tôi không biết đâu mà tìm.

Trước và sau ngày Ban Mê Thuột thất thủ, tướng Phú có khác nhau không? Về tinh thần? Sắc mặt?

Lúc tôi gặp ông ở Nha Trang, ông vẫn rất bình tĩnh, không có gì xao xuyến cả.

Hình ảnh nào sâm đậm nhất mà ông ghi nhận được trong chuyến đi từ Cao Nguyên về?

Theo tôi, hình ảnh nào cũng sâu đậm hết, đáng nhớ tất cả. Mỗi một hình ảnh khác nhau, nhưng không thể nào quên được. Chẳng hạn như lúc bị pháo kích khi đoàn xe, đoàn người kẹt cứng tựa như một dàn hỏa thiêu sống. Người già, người trẻ, lớn bé chết trong xe, chết trên đường. Đúng là một dàn hỏa thiêu sống. Hoặc hình ảnh bên một góc đường ở Hậu Bổn, một em bé đứng bên cạnh một đống va li khóc nức nở, cảnh cuộc chạy trốn trong rừng v.v... không thể nào tôi quên được.

Mười lăm năm sau ngày loạt bài của ông được đăng tải làm rung động, gây sôi nổi cho quốc gia và thế giới, xin ông cho biết cảm tưởng về loạt bài đó. Có điều gì ông đã viết bây giờ nghĩ mình không nên viết, hoặc không viết bây giờ muốn viết ra.

Về loạt bài của tôi viết lúc ở Pleiku cũng như khi theo đoàn người bỏ Cao Nguyên về Nha Trang, tôi không muốn thay đổi một câu nào cả. Tôi mới chỉ viết được có một phần trăm những gì mình thấy, mình biết, mình cảm nhận trong loạt bài này mà thôi. Nhưng dù chỉ một phần trăm, vẫn hoàn toàn là sự thật.

Hỏi: Thế ông có ý định viết tiếp, viết hết không?

Đáp: Quên thì tôi không quên, bây giờ nhắc lại tôi vẫn còn xúc động không khác gì mười lăm năm trước. Nhưng viết tiếp, viết nốt thì có lẽ thôi.

Tháng Ba, 1975 ông là ký giả đầu tiên và duy nhất gửi về tin Ban Mê Thuột thất thủ trong lúc mọi người đang xao động, chính phủ phải lên tiếng cải chính.

Vâng. Ngay khi Ban Mê Thuột thất thủ, tôi gửi tin về ngay. Theo anh em kể lại trong cuộc họp báo thường ngày ở Sàigòn, phát ngôn viên quân sự chỉ trích bản tin của tôi và tờ *Chính Luận* không hết lời. Phát ngôn viên cho rằng bản tin không đúng, nhất là các ký giả ngoại quốc ở Sàigòn dựa vào bản tin của tôi để chất vấn. Ngay chính ông Thiệu cũng bực mình lắm, nhưng sự thật là sự thật. Đến ngày hôm sau, chính phủ mới xác nhận là mất Ban Mê Thuột.

Sau đó, lại tới loạt bài của ông viết về cuộc tháo chạy từ Cao Nguyên, khiến mọi người xao động hơn. Tại sao ông quyết định viết loạt bài này?

Khi sự kiện Cao Nguyên xảy ra, tôi viết xong bài và giữ lại cả giờ đồng hồ sau tôi mới gửi. Tôi biết nếu gửi về, độc giả, những người ở trong và ngoài chính quyền, có thể coi là bịa đặt, thêm thắt, cường điệu, v.v... Những điều này tôi coi là không đáng kể, ngoại trừ một điều khiến cho tôi phải băn khoăn, suy nghĩ thật kỹ: liệu loạt bài của tôi về đến được Sàigòn và nếu được đăng tải có ảnh hưởng gì đến tinh thần chiến đấu của các anh em trong quân đội những nơi khác không. Tôi quả có đắn đo về chuyện đó. Sau một giờ đồng hồ suy nghĩ, tôi bảo: phải nói, phải gửi về.

Ông có thể cho biết lý do tại sao?

Tôi dự đoán trước là tòa soạn *Chính Luận* có thể nhận được loạt bài tôi gửi cũng không muốn đăng. Quả thật sau này tôi về gặp lại anh em, họ nói y như điều tôi đã đoán trước. Tôi biết nếu anh em quyết định không đăng chẳng phải vì không tin tôi, mà vì một lý do cao hơn, không muốn anh em quân nhân mất tinh thần.

Có hai lý do khiến cho tôi gửi loạt bài. Thứ nhất, có thể gọi là loạt bài của tôi có ảnh hưởng xấu tức là có thể làm giảm tinh thần chiến đấu của các anh em binh sĩ nhưng ngược lại, điều thứ hai là biết đâu với sự thật tôi đã trình bày hết có thể lại là một tác động tinh thần, khiến cho anh em binh sĩ phẫn nộ lên. Phẫn nộ đây không phải để đi đến chỗ quật ngã chế độ, mà qua loạt bài này anh em sẽ bảo chúng ta có một quá khứ hào hùng trong bao nhiêu năm, bây giờ còn giữ được những gì chúng ta sẽ giữ cho đến cùng, cho đến

Tướng Phạm Văn Phú

Tướng Nguyễn Văn Toàn

chết. Đó là ước mong của tôi và đó là lý do khiến cho tôi gửi loạt bài này về tòa soạn.

Phản ứng của tòa soạn qua loạt bài ông gửi về như thế nào?

Khi tôi về lại Sàigòn, ông Chủ nhiệm và Tổng Thư ký có cho tôi biết là nhận được loạt bài, tòa soạn đắn đo lắm trước khi quyết định đăng. Anh em tòa soạn có tinh thần trách nhiệm, nên chuyện đắn đo là chuyện rất đúng, phải nhận định xấu tốt như thế nào. Theo anh em kể lại cho tôi thì anh Thái Lân (tổng thư ký) quyết định đăng với sự đồng ý của anh Đặng Văn Sung (chủ nhiệm). Các anh em phân vân vì không rõ đã đến lúc phải trình bày sự thật hay chưa, muộn quá thì không nên, sớm quá cũng không tốt.

Theo ghi nhận của riêng ông và của tòa soạn Chính Luận lúc đó, phản ứng do bài báo gây ra như thế nào?

Thú thật tôi cũng không hỏi. Chỉ có anh em cho tôi biết khi đọc bài báo ai cũng khóc. Tôi cũng phải nói thêm là lúc chuyện xảy ra ở Cao Nguyên, tôi không có một tin tức gì ở Vùng I cả. Tôi cũng không hề nghĩ là vùng I có thể tan rã mau đến thế. Có lần tôi nói với tướng Phú về nỗi lo ngại của tôi khi mất Ban Mê Thuột sẽ ảnh hưởng đến vùng I và chính ông Phú cũng biết điều đó.

Tôi vẫn nghĩ là cho dù có gặp khó khăn vì ảnh hưởng giây chuyền qua vụ Ban Mê Thuột, vùng I với Sư Đoàn Dù, Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn 3 Bộ Binh, Sư Đoàn I Bộ Binh và nhiều lực lượng thiện chiến khác, thì cho dù cộng sản từ Ban Mê Thuột tràn xuống vùng đồng bằng Phú Yên để cắt vùng I cũng không dễ gì đánh nổi quân đội mình. Giả sử vùng I có thua đi nữa, Việt Cộng phải trả giá rất đắt. Không ngờ lúc tôi bị lôi cuốn vào cuộc tháo chạy ở Pleiku, Kontum, chuyện vùng I xảy ra nhanh quá.

Như vậy ông không hề biết gì về diễn tiến xảy ra ở vùng I?

Không. Tôi không biết gì cả. Cho tới khi về tới Sàigòn tôi mới biết. Tôi cũng xin kể thêm một chi tiết nhỏ khi về Sàigòn tôi ghé thăm Trung Tướng Lê Nguyên Khang. Tướng Khang bảo tôi ngồi chơi lát nữa cùng ông đi đón tướng Trưởng từ

vùng I về bằng tàu hải quân. Tôi đi với tướng Khang ra bến Bạch Đằng đón ông Trưởng, thấy tướng Trưởng là người đầu tiên bước xuống đã có xe chờ sẵn. Tướng Khang thấy ông Trưởng thì giơ tay chào. Tôi có nhờ ông Khang và chuẩn tướng Thân chuyển lời xin gặp tướng Trưởng. Sau này tướng Khang nói với tôi là tướng Trưởng gửi lời thăm nhưng chuyện gặp tôi thì chưa tiện. Sau đó tướng Trưởng bị quản thúc.

Với tư cách một người mới rời khỏi Việt Nam, với tư cách của một ký giả chuyên nghiệp nổi tiếng quốc tế, ông nghĩ thế nào về những thay đổi -- nếu có -- ở Việt Nam về phương diện báo chí.

Với tôi, Cộng sản lúc nào cũng là Cộng sản. Trong kỳ đại hội các nhà văn ở Hà Nội, báo chí Cộng Sản cho biết chính Nguyễn Văn Linh có đến, chịu khó ngồi nghe trong hai ngày liền sau đó mới phát biểu. Nguyên văn bài phát biểu này tôi được đọc qua tờ *Văn Nghệ*, đại ý là nhà văn, nhà báo phải tự cứu mình và đừng có bẻ cong ngòi bút nữa. Điều này có nghĩa là xưa nay, ngòi bút dưới chế độ cộng sản đã bị bẻ cong rồi. Nói chung thì có nhà văn, nhà báo nào muốn ngòi bút mình bị bẻ cong đâu.

Sau đó, các người có trách nhiệm của ba tờ *Văn Nghệ, Tuổi Trẻ* và *Sàigòn Giải Phóng* bị gạt ra ngoài chỉ vì tưởng có đổi mới thật. Ở giai đoạn cần phải sử dụng danh từ để phục vụ cho quyền lợi của họ là họ làm, chứ thật tâm họ không thay đổi. Nguyễn Văn Linh nói rồi cũng chính Nguyễn Văn Linh lật lọng chớ có ai khác đâu. Từ khởi thủy, nguyên tắc sống của con người Cộng Sản là lật lọng, thì sau họ cứ tiếp tục lật lọng để sống phù hợp với nguyên tắc "trước sau như một" do chính họ đề ra. Chuyện họ nói đổi mới là chuyện không có giá trị gì cả.

Điều tôi ghi nhận được là với áp lực của quần chúng, họ bắt buộc phải nói đến chữ đổi mới, nhưng giá trị của chuyện đổi mới không có. Đừng nghĩ Cộng Sản sẽ nhượng bộ dân chúng, chuyện đó không bao giờ xảy ra.

Ông nghĩ gì về chuyện Đông Âu và Việt Nam?

Giống nhau ở một điểm và khác nhau ở nhiều điểm. Giống nhau vì Đông Âu và Việt Nam là những quốc gia cai trị bởi Cộng sản, nhưng không vì thế mà có thể nói là chuyện đã xảy ra ở Đông Âu sẽ diễn ra ở Việt Nam. Trước hết, Đông Âu không có chiến tranh, thứ hai ở Đông Âu có sự hiện diện và chiếm đóng của quân đội Nga, thứ ba tinh thần dân chủ ở Đông Âu đã có từ lâu, trong khi chúng ta không có. Ngay chính đầu óc của con người Cộng sản Đông Âu đã có sẵn truyền thống dân chủ, trong lúc con người Cộng sản Việt Nam chỉ có ý tưởng cai trị độc đoán.

Gần đây, vụ "Câu Lạc Bộ Kháng Chiến" tạo một số sôi nổi trong dân chúng. Ông biết gì và nghe thấy gì về vụ này?

Tôi có được đọc hai số báo *Kháng Chiến* do tổ chức này phát hành. Tổ chức này quy tụ tất cả những người kháng chiến chống Pháp thời Việt Minh sau đó theo cộng sản Hà Nội tiếp tục "đánh Mỹ cứu nước." Bây giờ các ông này như gái ngồi phải cọc, ngã ngửa cả ra. Họ quy tụ lại với nhau đồng lên tiếng đòi hỏi sự đãi ngộ xứng đáng về vật chất.

Trong hai số báo tôi được đọc quy tụ toàn những tay cự phách của họ như Tô Ký, Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng v.v... viết chỉ trích đảng và nhà nước. Trong hai số này, các bài viết chỉ nói lên sự ấm ức, bực bội của họ, đồng thời đòi hỏi phải thay đổi chính sách nhưng cũng không đưa ra được một phương thức nào để canh tân đất nước, cho dù theo đường hướng Cộng sản mà các ông ấy vẫn theo đuổi. Chỉ thấy họ chỉ trích nhau, bới móc nhau, những chuyện đại loại dù các ông không khui ra người dân chúng tôi vẫn biết và chúng tôi chẳng trông mong gì ở đảng, nhà nước, ở chủ nghĩa xã hội của mấy ông ấy cả.

Báo chí trong nước có lên tiếng chỉ trích chế độ?

Có, nhưng rất sơ sài. Họ có chỉ trích ông giám đốc này, ông tổng giám đốc nọ nhưng không dám đụng tới được mấy ông ở trung ương đảng, bộ chính trị.

Ông nghĩ gì về báo chí hải ngoại?

Tôi mới sang, mới đọc được một vài số. Một cách tổng quát khi nhìn báo chí hải ngoại, tôi thấy khía cạnh kinh tế nổi bật. Về nội dung, tôi chưa đọc đủ để có thể đưa ra một nhận xét đứng đắn. Nếu chỉ dựa vào khía cạnh nổi bật về kinh tế thôi để nhận xét, tôi e ngại những khía cạnh khác trực tiếp liên quan đến tờ báo sẽ bị coi nhẹ. Và nếu như thế, tôi e ảnh hưởng của báo chí hải ngoại đối với hiện tình đất nước sẽ không có vì khía cạnh báo chí thật sự đã bị đặt nhẹ.

Một điểm khác nữa tôi muốn trình bày ở đây là ở bên nhà không được đọc báo chí ở hải ngoại, ngoại trừ mấy tờ báo của các hội Việt Kiều Yêu Nước của cộng sản gửi về. Mà giả sử có được đọc chăng nữa, thì đồng bào trong nước có lẽ cũng sẽ nhìn thấy khía cạnh nổi bật về kinh tế, còn khía cạnh mà tôi xin tạm dùng chữ "báo chí tư tưởng" để thổi vào một luồng tư tưởng nào đó cho đồng bào trong nước vẫn chưa thấy có.

NGUYỄN VĂN KHANH
thực hiện

Những ngày tháng tư

truyện

Nguyễn Xuân Hoàng

1

Những trái pháo đầu tiên từ vùng ven đô nã vào thành phố rơi trúng ngay xóm nhà lá trong khu Mã Lạng nơi tôi và Quỳnh đã dọn về sống chung từ hơn hai năm nay. Cây kim dạ quang trên chiếc đồng hồ đeo tay của tôi chỉ ba giờ rưỡi sáng.

Tôi quơ chân dưới gậm giường tìm đôi giép. Và ngay khi vừa đỡ Quỳnh đứng dậy tôi nghe thấy tiếng chân người chạy rầm rập, tiếng la khóc như rươi, tiếng gọi nhau thất thần ơi ới.

Tôi bật công tắc đèn, nhưng điện đã bị mất. Đi qua phòng khách đến cửa lớn, tôi nhấc cây đà ngang mở ra, hơi nóng của đám cháy thổi ào vào cùng với luồng khói khét mùi cao su thốc tới làm Quỳnh ho sặc sụa.

Con ngõ hẹp trước nhà tôi chật ních những người trong xóm đang tụ tập chỉ trỏ ngọn lửa đỏ hực đang liếm những mái nhà.

Quỳnh ôm cánh tay tôi, nói mệt nhọc:

"Em sợ! Em sợ quá!"

Tôi nắm bàn tay Quỳnh, trấn an:

"Không sao đâu! Không sao đâu!"

Thật ra tôi cũng đang lo sợ. Sợ lắm.

Từ một tháng nay đêm nào tôi cũng canh nghe đài BBC, đài VOA. Có khi chệch đường kim nghe đài Hà Nội, Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa nữa. Đài BBC lạnh lùng loan báo mỗi ngày miền Nam mất một thành phố và như vậy mỗi ngày bộ đội Bắc Việt mỗi tiến gần tới cửa ngõ Sài Gòn.

Từ giữa tháng Tư, Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford đã nói với Hiệp hội các chủ báo Mỹ rằng sự sụp đổ ở miền Nam Việt Nam có thể tránh được... "nếu chúng ta giữ lời hứa với các đồng minh." Tại Bình Giã, pháo binh Bắc Việt đã bắn hơn tám ngàn trái đạn vào các vị trí của sư đoàn 18. Mặc dù những trận mưa lửa trút lên đầu họ, quân của tướng Lê Minh Đảo đã chiến đấu cực kỳ dũng mãnh gây thiệt hại rất lớn cho địch quân.

Tại Xuân Lộc, những trận đánh đẫm máu vẫn tiếp tục.

Sáng thứ Sáu 25 tháng Tư, Tổng thống Trần Văn Hương tiếp đại sứ Pháp Jean-Marie Merillon, sau đó là đại sứ Hoa Kỳ Graham Martin.

Hai mươi sáu tháng Tư tin đồn Tổng thống Thiệu đã bay đi Đài Loan với mười bốn tấn hành lý sau khi đã đọc một bài diễn văn nẩy lửa lên án Mỹ một cách cực kỳ quyết liệt. Tờ *Courrier d' Extrême Orient* chạy tin *vơ đét* tám cột trang nhất: "Tổng thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing nói chuyện điện thoại với đại sứ Pháp tại Sài Gòn."

"Pháo trúng nhà Tư Chơi, cậu Thăng ơi!", chị Sáu trong xóm tay xách nách mang đứng giữa đàn con trong ngõ hẹp trước sân nhà tôi mếu máo tiếp, "nhà tôi cháy rồi!"

"Tư Chơi có sao không? Mà anh Sáu đâu?"

"Cả tuần nay Tư Chơi đi đâu không thấy về."

"Còn Anh Sáu đâu?" Tôi hỏi.

"Ảnh đang cứu hỏa."

"Ồ!" Tôi giật mình, "em ở đây với mấy bác và chị Sáu anh chạy vô trỏng phụ cứu hỏa."

"Phải đó, để cô Quỳnh ở đây với tụi tôi, cậu Thăng vào giúp một tay đi." Bà Ngô cùng các bà Tốt, Kỳ... những hàng xóm đứng trong lòng hẻm trước nhà phụ họa.

Tôi bước ra sàn nước sau nhà xách cái xô chạy về phía đám cháy. Hầu hết những người đàn ông trong xóm đang chuyền nước giập lửa nhà Tư Chơi, nhà anh Sáu...

Chúng tôi, những người không có vòi rồng trong tay, không có cả lượng nước cần thiết đủ để giập lửa, hè nhau cứu đám cháy đang thiêu đốt những căn nhà nghèo khổ nhất trong một khu xóm nghèo nàn nhất của Sài Gòn. Nghèo đến độ nếu cứ để nó cháy hết đi cũng chẳng sao, vì đâu có tài sản gì mà phải cứu ngoài những tấm tôn, tấm thiếc, đống giẻ rách và nền nhà là đám mồ mả không ai thừa nhận.

2

Sài Gòn hấp hối. Cả một thành phố hoảng hốt với giòng người ngược xuôi, xuôi ngược, quần áo xốc xếch, mặt mũi thất

thần, di động trên đường phố như những hình nộm.

Ngày hôm qua khi đứng ở đầu hẻm tôi đã thấy những người chạy ngược trên đường Võ Tánh từ rạp chiếu bóng Khải Hoàn về phía rạp cải lương Quốc Thanh đổ xuống Chợ Lớn, những người lính đã cởi áo trận, vất bỏ nón sắt, thân thể bị băng bó vội vàng, người đầy máu và bùn, những đôi mắt không còn sinh khí trên những khuôn mặt hốc hác... Họ chạy nhưng rõ ràng là không biết mình đang chạy đi đâu, về đâu. Bến Chương Dương, bến Bạch Đằng, xa cảng Miền Tây, rừng núi, chiến khu mới...

Người ta chờ đợi ông tướng hoa lan Dương Văn Minh lên tình hình sẽ thay đổi hẳn. Bởi vì tin đồn Mặt Trận Giải Phóng chỉ muốn nói chuyện với Minh Cồ. Ngoài Minh ra họ không muốn nói với nhân vật nào khác. Và nếu đúng là tướng Minh lên thật, có lẽ SàiGòn sẽ vẫn là Sài Gòn. Trận mưa bom sẽ không dội xuống đầu bốn triệu con người sống trong nỗi kinh hoàng đang bị ám ảnh trước một biển máu. Nhưng tại dinh Độc Lập sau khi run rẩy đọc bài diễn văn bàn giao trách nhiệm cho tướng Dương Văn Minh, ông giáo Hương bước xuống đã vấp chân vào một bậc thềm như một điềm gở. Và tướng Minh sau những câu trong bài diễn văn dũng cảm "*Hỡi người anh em phía bên kia, tôi thành thật muốn hòa giải, và các bạn biết rõ điều ấy...*" là những trái hỏa tiễn của "người anh em phía bên kia" đua nhau rớt xuống Saigon như một câu trả lời. Hà Nội không muốn nói chuyện với bất cứ một người nào, dù nhân vật đó là Minh Cồ.

Quỳnh suốt ngày đi ra đi vào, xem lại đống giấy tờ và hình ảnh của tôi, cái nào nghi ngờ có thể rắc rối là cô đốt bỏ vất hết vào xọt rác. Những tấm ảnh thời học quân sự chín tuần ở Quang Trung, với quần áo *treillis*, nón sắt, với khẩu M-79, chụp làm cảnh kỷ niệm cũng bị Quỳnh xé nát liệng vào cầu xí.

Tôi chịu không nổi cái cảnh bó gối ngồi trong rọ. Bao nhiêu gia đình đã tìm đường chạy khỏi Sài Gòn và đã chạy được khỏi Việt Nam. Tại sao tôi không làm như họ?

Người đại diện hãng CAL hứa cho Quỳnh hai chỗ trên chuyến bay cuối. Nhưng lời hứa như gió đã bay đi. Tôi chở Quỳnh đến tòa đại sứ Hoa Kỳ, cả một rừng người chen chúc ngoài cổng sắt. Tại bến Bạch Đằng tôi không thấy chút dấu hiệu nào có chuyến tàu sắp nhổ neo. Quỳnh thì bụng mang dạ chửa, không biết sanh nở nay mai. Tôi không thể nào đẩy Quỳnh vào cái giòng người cuồn cuộn chen lấn xô đẩy, dẫm lên nhau để tìm cái sống. Cái cảnh di tản ở miền Trung làm tôi ghê sợ quá. Tôi không muốn mình là nạn nhân của một cuộc vượt thoát lối đó. Tôi tìm những lý lẽ riêng để biện minh cho sự an toàn của bản thân nếu Hà Nội chiếm Sài Gòn.

Tôi không biết mình sẽ làm gì trong những ngày tới. Tôi lo sợ. Rồi lại tự giam mình trong nhà, tự an ủi không nên ra đường vì phải canh cho Quỳnh chờ đưa vợ đi nhà thương.

Tôi quanh quẩn ra vào trong căn nhà hẹp. Quỳnh thì lo xa kiểu đàn bà: trữ sữa, gạo, đường, muối, mắm cho cái gia đình ba người có thể sống vài tháng nếu chẳng may không còn chợ búa.

Giống như một người tử tội chờ đợi bản án thi hành, tôi lo sợ và hồi hộp. Tôi hình dung ra một tương lai đầy đe dọa và hồi tưởng một quá khứ không có đầu đuôi. Tôi rảnh rang một cách bận rộn. Tôi cố đọc sách để quên nỗi khắc khoải của một thứ thời gian không phải tâm lý mà cũng không phải vật lý, nhưng tôi hoàn toàn thất bại.

Tôi đến ở trong cái khu xóm Mã Lạng nghèo nàn này của Sài Gòn ngay sau khi Quỳnh quyết định hủy bỏ chuyến đi Âu châu do hãng hàng không CAL đài thọ. Tôi nhớ lại buổi tối sinh nhật của Uyên ở nhà ông bà Phan. Cái ngả đầu của Quỳnh trên vai tôi ngay giữa đường phố Sài Gòn trong đêm giới nghiêm sau cùng, khi chúng tôi vừa bước qua cánh cổng sắt nặng nề của nhà ông Phan như một bản hôn thú của tôi và Quỳnh. Ở căn nhà này chừng một tháng sau, tôi và Quỳnh đã có dịp đón bà Phan và Uyên đến thăm chơi, khi cả hai chuẩn bị lên đường đi Mỹ.

"Nhà cửa gì mà như cái lỗ mũi!"

Tôi nhớ bà Phan đã kêu lên như vậy.

"Tài xế phải đậu xe tuốt ngoài kia."

Bà Phan và Uyên kêu cũng phải. Họ đến thăm tôi đúng vào hôm con hẻm ngập nước mưa. Ngồi trong chiếc ghế mây ở phòng khách nhìn mực nước đục ngầu ngấp nghé tận thềm cửa, bà Phan và Uyên ngó tôi ngao ngán. Hôm đó bà đã nói với tôi điều gì? Bà tiếc rẻ chuyện tôi từ chối cái học bổng bên Mỹ. Bà cười khi nhìn thấy Quỳnh đứng sau lưng tôi mặc chiếc áo bà ba màu nâu, tóc bím đuôi sam ngắn, có gắn một chiếc hoa tí muội màu trắng. Phần Uyên, cô không nói với tôi lấy một lời. Cô đứng bên Quỳnh, cười cười nói nói với Quỳnh như hai người bạn thân lâu năm và xem tôi như thể một người chưa hề quen biết nhau bao giờ. Trước khi ra về bà Phan nói "rất tiếc nếu hôn nhân đối với cậu như một nhà tù thì cậu đang trốn từ nhà tù này tự trói tay chui vào nhà tù khác."

Bà Phan và Uyên đã đi Mỹ đúng vào sáng thứ Bảy hăm bảy tháng Giêng Bẩy Ba. Tôi

còn nhớ rõ con số ngày tháng này bởi vì hăm bảy tháng Giêng Bảy Ba là ngày chấm dứt cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ. Chấm dứt trên lý thuyết thì đúng hơn. Bởi vì trong ngày đó -- mà sau này đọc trên tờ Chính Luận tôi mới biết thêm rằng trong khi Tổng thống Nixon mở đầu bài diễn văn gửi nhân dân Mỹ bằng câu "một kỷ nguyên mới của hòa bình cho nhân loại bắt đầu;... khi mà tại căn cứ Tân Sơn Nhất các phi công Mỹ xô nhau tung mũ phi hành lên trời, vỗ vào lưng nhau, chuyền cho nhau chai rượu Cognac để tu và vừa cười vừa la lên: Chiến tranh hết rồi, chúng ta trở về nhà;... khi mà tại Sài Gòn hàng chục ngàn tín đồ Phật giáo và Thiên Chúa giáo đến chùa chiền và thánh đường cầu nguyện cho hòa bình,... thì con đường quốc lộ từ tỉnh về thủ đô Sai Gòn bị cắt trên ba chục cây số, và cả chục xe vận tải đụng phải mìn,... thì tại Tây Ninh cuộc đụng độ kéo dài ba mươi tiếng đồng hồ đã khiến quân Bắc Việt để lại trên chiến trường ba trăm xác chết,... thì tại cửa bể Sa Huỳnh, tại vùng đồng bằng gần Đồng Tháp và rừng U minh, tại đồn Ban Hét... nơi nào cũng có chạm súng. Chỉ hai ngày sau cuộc ngưng bắn chính thức được loan báo quân Cộng Sản đã mở ba trăm ba mươi bốn cuộc tấn công.

Sau ngày bà Phan và Uyên bỏ Việt Nam ra đi hơn hai năm trời nay, tôi chỉ nhận được có hai lá thư viết từ tiểu bang Virginia thuộc một thành phố có tên là McLean. Tôi không có dịp trả lời. Và sau đó tôi cũng không có dịp nhận thêm một dòng chữ nào khác.

3

Buổi sáng đầu tiên của một Sài Gòn vừa chết, cái thói quen mở *radio* đã làm tôi giật thót. Một âm điệu hoàn toàn khác lạ chói tai buốt óc vang lên. Tôi có cảm tưởng như mình đang nghe một ca khúc Trung Hoa được người Tầu hát bằng tiếng "Việt chệt." Nó lơ lớ ngọng ngọng. Nó là một bài ca của kẻ chiến thắng đòi người thua phải trả bằng máu, và xương, và thịt.

Tất cả đều đã đổi khác.

Đường phố đầy người. Tù chính trị Cộng Sản, thân Cộng, thiên Cộng đã được thả hết, nhưng cùng lúc tù hình sự cũng tuôn ra theo. Ở nhiều ngã đường những người tù hình sự có thể cúi xuống nhặt một khẩu súng. Và họ tự đeo lên cánh tay một băng vải đỏ, lấy một chiếc xe jeep nào đó nằm ở lề đường, lái nghênh ngang giữa phố bóp còi inh ỏi. Họ tự cho mình là *dân quân cách mạng* và họ cướp bóc, dọa dẫm người khác.

Thiếu người cảnh sát công lộ, các đường phố trở nên hỗn loạn, mạnh ai nấy đi. Những ngọn đèn lưu thông xanh-vàng-đỏ ở các ngã tư tắt ngúm như một người câm.

Tôi đến trường theo thông cáo loan trên đài phát thanh.

Cổng đóng kín. Nhưng bên trong lúc nhúc những người bộ đội ăn mặc xúng xính trong những bộ quần áo màu xanh, những quần áo quá mới không vừa cỡ, khiến người ta có cảm tưởng như họ được phát chỉ để mặc trong ngày này do sự chuẩn bị đã được tính toán từ trước.

Tôi không đứng một mình. Sau tôi còn một số đồng nghiệp cũng vừa kéo tới. Bác Phẩm, người cai trường, mọi khi vẫn mở cổng cho giáo sư vào, hôm nay đã biến mất. Một người bộ đội trẻ tuổi đang mang súng đứng gác.

Thấy chúng tôi tập trung trước cổng càng lúc càng đông, anh ta xốc súng đến cổng hỏi giọng trống trơn:

"Muốn gì?"

Anh Lương, giáo sư môn Công Dân, người đồng nghiệp lớn tuổi nhất trường, nói nhỏ nhẹ:

"Chúng tôi là giáo sư nhà trường. Đài phát thanh thông báo chúng tôi có buổi họp sáng nay."

"Sao không nói."

Anh ta kéo chốt hé cánh cửa hông để chúng tôi từng người một xuống dắt xe vào.

Gần như toàn thể thầy giáo của nhà trường tập trung đầy đủ ở phòng giáo sư.

Mọi người lặng lẽ ngồi xuống ghế xếp hình vòng cung quanh bàn. Tôi có cảm tưởng trong cách ăn mặc của mọi người có một điều gì như khác trước đây. Không khí trầm lắng, thiếu tiếng cười và những câu pha trò buổi sáng mà tôi vẫn thường nghe quanh ấm trà.

Giải phóng rồi
Cách mạng thành công rồi
Hòa bình rồi.
Từ nay đất nước đã sạch bóng quân thù.
Mỹ đã cút, ngụy đã nhào.
...

Một ông to béo nói giọng Nam tự giới thiệu là đại diện sở Giáo dục của cách mạng đến nói với chúng tôi bằng những từ ngữ kiểu loại đó.

Giữa những người gọi là "cách mạng" gầy yếu mỏng và nhẹ tênh, ông đại diện này có phần nặng ký. Mới đi Tiệp về, chuyên ngành giáo dục.

Và cũng trong phần nói chuyện đó, ông cán bộ béo mập trân trọng giới thiệu Lê Hiên tân hiệu trưởng nhà trường cách mạng và Trần Nguyên, giáo sư phụ trách môn Vạn Vật của nhà trường từ nhiều năm nay, sẽ là người phụ tá cho Lê Hiên.

Lê Hiên trước kia là thầy giáo dạy môn Pháp văn, nhưng sau không hiểu đã hoạt động Cộng sản từ bao giờ nên bị bắt và đưa đi Côn Đảo. Tôi không quen Hiên, anh ta bị bắt trước

khi tôi được bổ nhiệm về trường này. Lê Hiên là người vừa về từ Côn Đảo. Còn nhân vật Trần Nguyên vốn là người ít nói, ít cười, tính tình hiền lành, nghiêm nghị. Tuy vậy anh ta có dáng đi tất bật vất vả. Người anh gầy và mỏng như Lê Hiên. Và cũng giống như Lê Hiên, một con người nói năng từ tốn, chậm rãi, khoan thai, Nguy ên không có cái vẻ của một tên xu thời hùa theo tình thế để hù dọa anh em.

Lê Hiên nói đã chậm, nhưng có lẽ anh ta suy nghĩ còn chậm hơn. Nghe và nhìn Lê Hiên nói người ta có cảm tưởng như anh đo lường cân nhắc từng chữ, từng lời, từng động tác. Có những câu bị cắt nửa chừng vì chưa tìm ra được chữ thích hợp, tôi thấy Lê Hiên loay hoay với điếu thuốc: vấn, châm lửa, hít, thở khói... tìm ra chữ rồi mới nói tiếp.

"Ở Đông Đức khi cách mạng thành công," Lê Hiên nói, "người ta không cần thầy giáo giỏi. Người ta cần một người trung kiên có lý tưởng cách mạng hơn là người có chuyên môn. Tôi lấy thí dụ thế này cho dễ hiểu.

"Nếu chẳng may người giáo viên có viết chữ Bát Hồ "T" chớ không phải Bác Hồ "C" thì cũng chẳng sao. T hay C để tính sau, trung thành với cách mạng trước đã."

"Hôm nay các anh chị có thể ra về, nhưng kể từ ngày mai nhà trường sẽ vẫn mở cửa như thường lệ. Cách mạng muốn thông báo cho các anh chị em biết để yên tâm. Cách mạng sẽ xét từng trường hợp và *lưu dung* toàn bộ các anh chị."

Rời phòng họp, không về nhà ngay, tôi đi dọc hành lang vắng, nhìn sân trường không một bóng học sinh, tôi thấy mình bơ vơ. Những người bộ đội ngồi tựa lưng vào tường dãy phòng hành chánh bên phải, quân trang quân dụng đặt dưới chân. Cuối hành lang trái, tôi dừng lại. Cánh cửa lớp hé mở. Như bị một sức hút. Tôi đẩy nhẹ cửa bước vào. Trên tấm bảng màu xanh tôi thấy tên một tác phẩm của một nhà triết học Tây phương viết bằng phấn trắng. Chính là nét chữ của tôi. Tôi nhớ ra rồi. Bài giảng cuối cùng của một môn học trong những nhà trường của xứ xở tự do.

"Thưa thầy!..."

Bất ngờ tôi nghe một giọng nói từ dãy bàn cuối lớp. Tôi giật mình quay lại. Những dãy bàn trống, ánh nắng chiếu qua cửa sổ lá sách không sáng lắm nhưng tôi có thể nhận ra ngay, một học sinh đang ngồi ở đầu bàn chót. Đứng bên cửa sổ, tiện tay tôi vặn chốt mở tung cửa. Ánh sáng tràn vào trên một khuôn mặt trẻ trung ràn rụa nước mắt.

"Kiệt!"

Tôi kêu lên, nhận ra ngay người học sinh xuất sắc nhất của lớp học. Tôi đi giữa hai dãy bàn ghế. Kiệt chậm rãi đứng dậy.

"Thầy Thăng, thầy nghĩ sao?"

"Ngồi xuống đi Kiệt." Tôi ấn vai người học sinh và ngồi xuống bên anh. "Nghĩ sao là sao? Mà tại sao em khóc?"

"Ba em chết rồi!"

Kiệt chùi nước mắt, hàm răng cậu bé nghiến lại, giọng nói lạnh tanh.

"Ba em tự tử hồi tối hôm qua."

"Sao? Ba em tự tử?"

"Thưa thầy, phải. Ba em là một sĩ quan Dù, ông bất chấp lệnh ngừng bắn của ông Minh, nhất định chiến đấu tới cùng. Và bắn đến viên đạn cuối cùng ba em tự sát..."

Tôi lặng người ngồi im nghe Kiệt kể. Cái lớp học này, nơi gần như ngày nào tôi cũng có mặt, từ niên học này đến niên học khác. Cái ngôi trường này, nơi tôi đã từng mặc áo trắng quần xanh ôm sách đến bao nhiêu năm thời tuổi nhỏ. Nó là nhà của tôi, gia đình của tôi. Nó là máu thịt tôi. Bao nhiêu năm sống với nó tôi vẫn nghĩ là mình dửng dưng với nó. Bây giờ tôi mới biết không phải vậy.

"Thầy Thăng, em phải làm sao bây giờ?"

Tôi biết phải làm sao bây giờ. Chính tôi, tôi cũng không biết mình phải làm sao khi nghe tin tướng Minh bị bộ đội đẩy lên xe jeep lái tới đài phát thanh bắt đọc lời kêu gọi quân đội ngưng bắn, bởi vì giao tranh vẫn còn tiếp tục ở khắp nơi quanh bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, gần Tân Cảng, trước trung tâm truyền thông Phú Lâm, trong Chợ Lớn và ở các vùng ven đô.

Tôi choàng tay qua vai Kiệt. Tôi biết bất cứ lời nói nào của tôi trong lúc này cũng là thừa, huống chi là tôi không có lời nào để nói.

Tôi nghe miệng mình đắng chát. Tôi ứa nước mắt.

Kiệt gục đầu xuống vòng tay khoanh trên mặt bàn. Tôi thấy hai vai cậu bé rung lên bần bật.

Không lâu, tôi nghe có tiếng người gọi tên tôi. Tiếng kêu vang vang dọc dài theo hành lang.

"Thôi Kiệt về đi; chiều tôi sẽ ghé qua nhà." Tôi vỗ về Kiệt.

Tôi biết những cánh cửa vất vả và khổ nhục đang mở ra trước mặt chúng tôi. Nhưng vất vả khổ nhục như thế nào thì tôi không rõ. Phải đợi đến nửa tháng sau tôi mới biết viên thuốc độc đầu tiên họ cho và bắt chúng tôi uống là lòng hoài nghi. Nó là một thứ "sinh tử phù". Nó mở đầu cho một mùa nghi hoặc. Và nạn nhân đầu tiên chính là tôi.

4

Người ta gọi các giáo sư có họp sáng nay ra sân sau phòng Giám thị phân chia nhu yếu phẩm, gồm gạo nước mắm,

đường và thịt. Những miếng ăn đầu tiên tưởng thưởng cho những kẻ ngoan ngoãn. Tôi nhìn thấy các nữ đồng nghiệp xinh đẹp của chúng tôi đang xăng tay áo chia cắt thịt ra từng phần. Và chúng tôi, những người đàn ông không đến nỗi bệnh tật đang mở to mắt nhìn vào những thứ mà mới hôm nào chúng tôi không hề xem nó là hàng đầu của đời sống, những thứ đó đang bắt chúng tôi nghĩ rằng nó đang là hàng đầu của nỗi khổ nhục.

Túm tất cả những thứ nhu yếu phẩm kia để dưới chân xe, tôi bần thần trở về nhà. Nhưng cái hình ảnh người học sinh ngồi cô đơn trong lớp học nói về cái chết của người cha là một chiến sĩ, nó càng làm cho những thứ nước mắm, đường, tiêu, cá, thịt dưới chân tôi thối ngược lại trong thân thể và trí óc tôi sự hèn mọn. Hèn mọn? Chữ đó có đủ nghĩa chưa? Ti tiện, nhỏ nhoi, thấp kém, tầm thường, bạc nhược, khiếp nhục... có lẽ gần gũi hơn với thịt cá muối dưới chân tôi... Cái chết của người sĩ quan dù, ba của Kiệt, câu chuyện bốn người lính dù trang bị đại liên và *bazooka* đã bắn đến viên đạn cuối cùng trước khi nắm vai nhau lập thành vòng tròn tự sát bằng lựu đạn ở ngã tư Hồng Thập Tự-Lê Văn Duyệt... Những hình ảnh đẹp đẽ và hào hùng ấy tôi rất ngưỡng mộ. Nhưng tôi đã không biết cách lựa chọn. Tại sao? Có thể tôi là một người hèn nhát.

Sự hèn nhát luôn luôn có cái giá của nó.

5

Căn nhà "nhỏ như cái lỗ mũi" của tôi sau cùng không phải chỉ chứa có hai người là Quỳnh và tôi, mà còn thêm một cháu bé mới chào đời cùng với mười người nữa. Một đứa cháu trai tên Dũng là đại úy cảnh sát chưa lập gia đình, thằng Hùng, em của Dũng, là trung úy Quân tiếp vụ, Khiết, em rể, trung sĩ an ninh quân đội chạy từ Phan Thiết vô cùng với vợ và hai con, sau cùng là ông anh cả tôi, trung tá Biệt Động Quân bị thương trong một trận đánh, bán thân bất toại phải ngồi xe lăn, cùng bà chị dâu và hai cháu gái!

Chừng ấy con người chia nhau trong một căn phòng mười sáu thước vuông, nghẹt thở vì thiếu không khí giữa một thành phố cũng chẳng còn không khí đâu để thở nữa.

Một buổi sáng chủ nhật, Tuấn-Luật sư đến thăm Quỳnh. Hấn bỏ áo sơ-mi ngoài quần, chân đi dép râu, tay xách túi vải kaki. Chỉ có chiếc kính cận tròn nhỏ kiểu John Lennon là còn nguyên màu sắc Saigon trên mặt hấn, phần còn lại cho tôi thấy một Tuấn khác, rất khác với cái vẻ diêm dúa của hấn trước đây.

"Cháu tao đâu?" Hấn hỏi tôi khi mới vừa đặt chân lên thềm cửa. Và không đợi tôi trả lời, Tuấn đi thẳng vào buồng trong. Cả nhà nằm la liệt dưới đất. Lúc đó Quỳnh đang bế con ngồi trên chiếc giường độc nhất trong phòng.

"Trời đất! Nhà gì mà đông dữ vậy? Quỳnh, em có khỏe không?" Hấn hãi hùng ra mặt trước cảnh tượng nhà tôi.

"Cám ơn anh, em khỏe!" Quỳnh trả lời chậm rãi. Nhưng tôi thấy mắt cô ngó chăm vào quần áo và dép râu của Tuấn như nhìn một người từ hành tinh khác xuống.

"Anh làm cái gì vậy?" Quỳnh hỏi không kềm được ý nghĩ trong đầu.

"Tao làm cách mạng!" Hấn trả lời nhanh, gọn, tỉnh bơ như không.

"Hồi nào vậy?" Quỳnh hỏi tiếp. Tôi thấy cô cười nửa miệng.

Tuấn không trả lời. Hấn quay sang tôi:

"Thăng, mày có nghe tên ông Mười Tân không?"

"Không. Mà chi vậy?"

"Mười Tân là con ông bác tao. Ảnh làm lớn lắm. Tao làm việc cho ảnh từ hồi Hòa đàm Paris tới giờ. Sao? Mày thấy tao giống cán bộ không?"

"Giống, giống lắm!" Tôi nói cho qua chuyện.

Tuấn bỗng đập mạnh lên vai tôi, liếc mắt nhìn ông anh bà chị và đám cháu tôi ra dấu hỏi.

"Ông anh tôi và gia đình từ miền Trung mới chạy vào. Còn hai đứa cháu tôi là sĩ quan vừa mới rã ngũ." Tôi giới thiệu.

Tuấn gật gù, nói giọng lên lớp.

"Tôi khuyên các anh nên đi trình diện ngay. Cách mạng vừa ban hành chánh sách khoan hồng cho ngụy quân, ngụy quyền. Trình diện sớm, an tâm sớm. Rồi còn về nhà mà làm ăn sinh sống chớ!"

Cả nhà không ai nói tiếng nào. Mấy đứa cháu tôi nghiêm mặt lại. Ông anh tôi trở mình, đổi thế ngồi.

"Anh về nghe Quỳnh." Hấn từ giã cô em gái giọng ngọt ngào. Và trước khi bước ra khỏi phòng, hấn nói trống trơn.

"Xin chào!"

Tôi kéo chốt cổng nhường lối đi cho Tuấn, nhưng hấn không bước ra ngay.

"Mày cấp bậc gì trong quân đội?" Tuấn bất ngờ hỏi tôi.

"Chi vậy?"

"Hỏi cho biết vậy thôi!"

"Tôi chỉ là khóa sinh dự bị sĩ quan học chín tuần ở Quang Trung, rồi được biệt phái về Bộ!"

"Biệt phái?" Hấn chặc lưỡi. "Khó dữ. Sĩ quan tác chiến thì còn đỡ, chớ mà biệt phái thì gay lắm..."

"Tại sao?" Tôi hỏi.

"Sĩ quan thì chỉ biết đánh nhau thôi. Chớ còn biệt phái là dòm ngó người ta, là tình báo,

là CIA... Tao sợ mày bị qui vào thành phần có nợ máu nhân dân..."

Tôi đứng cứng người. Gần nửa tháng nay, kể từ ngày Saigon đổi chủ, tôi có nghe người này người nọ nói điều này điều kia, phần lớn là suy giải, chớ không có cái lối chĩa vào mặt như thế.

"Đừng lo, tao biết. Thứ người đi trên mây như mày thì CIA cái chó gì. CIA thứ thiệt cũng chẳng ngu gì xài mày. Thôi tao về. Bữa nào tao dẫn *đồng chí* Mười Tân tới thăm Quỳnh."

Trời ơi *đồng chí* hắn làm tôi ngộp thở.

Bước xuống hẻm, hắn cúi đầu mở khóa xe đạp rồi leo lên yên nhún nhún.

Hắn làm tôi ngạc nhiên thêm một lần nữa. Chiếc Volswagen đời 75 của hắn đã giấu biến chỗ nào. Hắn làm tôi nhớ một truyện ngắn của nhà văn Tchekov có tựa đề là Con Kỳ Nhông, con vật có khả năng đổi màu da tùy thuộc vào nơi nó ẩn nấp. Tuấn giống con kỳ nhông cách gì.

6

Nhà trường mới không biết phải cho các giáo sư triết dạy môn gì. Sau cùng người ta họp và bàn nhau có thể cho chuyển sang dạy sinh ngữ hoặc Việt văn. Nhưng giáo sư sinh ngữ quá thừa, người ta cho tôi phụ trách môn Việt văn. Chúng tôi chia tổ ra họp nhau làm giáo án trước giờ đứng lớp. Bài giảng phải có "mấy bước," "bước đầu" nói gì, làm gì, "bước kế" hỏi gì, giảng gì... Nói chung là phải chuẩn bị bài giảng như một sinh viên Sư Phạm vừa mới ra trường lần đầu tiên đứng trên bục gỗ, run rẩy không biết mình phải nói gì, nên phải có cái dàn bài cho yên tâm. Trong cuộc đời đi dạy học chưa bao giờ chúng tôi tốn nhiều giấy và mực như thế! Giáo án, đó là giấc mộng hài hước của người dạy học sau "cách mạng."

Chưa đầy một tháng sau, trường bắt đầu nhận "học sinh gái" và nhận thêm một số thầy cô giáo từ Bắc gởi vào *tăng viện*.

Giữa giờ đổi lớp sáng thứ Bảy, Lê Hiên gọi tôi lên văn phòng nhận thư. Tôi không hiểu tại sao việc nhận thư phải do ông Hiệu Trưởng cho người gọi. Trước kia thư từ của giáo sư nhà trường để trong một chiếc hộp giấy đặt ở phòng thư ký, và mỗi buổi sáng ai đi ngang qua đấy tạt vào xem có thư mình thì nhận. Hiệu trưởng không phụ trách chuyện lặt vặt này. Dù sao tôi đã lên văn phòng. Người thư ký "cũ" chỉ tôi vào phòng hiệu trưởng. Tôi gõ cửa.

"Mời vào!"

Lê Hiên ngồi ở bàn làm việc. Y trầm lặng, chững chạc, từ tốn.

"Mời anh Thăng ngồi!"

Tôi ngồi xuống nhưng chẳng hiểu gì hết.

"Tôi có chuyện muốn nói với anh. Một là anh có cái thư riêng. Đây, anh cầm lấy." Y đưa thư cho tôi, "Hai là trong việc khai báo lý lịch để lập hồ sơ *lưu dung* những giáo sư của Saigon cũ anh khai thiếu và thừa..."

Tôi cầm lá thư trên tay, chữ đề ngoài phong bì rõ nét, trau chuốt... Tôi lật sau lưng bì thư và nhìn kỹ phần trước thư không để tên người gởi. Tôi không mở thư vội. Tôi xếp đôi bỏ vào túi áo.

"Xin lỗi, anh có thể cho biết tôi khai thiếu và thừa chỗ nào?"

"Thừa là vì anh không cần phải khai cha anh đi lính Pháp, vì không cần phải khai có cha nuôi là lính Lê Dương chết ở Điện Biên Phủ, cũng không cần phải khai cha vợ trước của anh làm Tổng Giám Đốc Ngân Hàng. Mấy thứ nầy chúng tôi biết hết... Còn thiếu là vì anh không khai anh có cô em gái là Trung úy cảnh sát đã di tản đúng một tuần lễ trước ngày Sàigòn được giải phóng..." Ngừng một lát, Hiên tiếp "Vả lại tôi được biết anh có liên hệ khá nhiều với tên Phan một tay đại ngụy hiện ở Mỹ mà không thấy anh ghi trong lý lịch... Đây anh cầm lấy xấp giấy này về khai lại."

Hiên đẩy mấy tờ giấy về phía tôi, nhưng đột nhiên y kéo lại.

"Có chỗ yêu cầu này xin anh lưu ý: anh nên ghi rõ là *lưu dung* chớ không phải lưu dụng, không có dấu nặng. Cách mạng khoan hồng người của chế độ cũ lưu lại và dung tha họ, chớ không phải lưu lại và dùng họ vì tài năng gì đâu. Cám ơn anh!"

Ra khỏi phòng Lê Hiên tôi đi như một người vừa bị ai cầm dao khoét sâu vào một vết thương đang mưng mủ.

7

Ngồi một mình trong phòng giáo sư tôi bóc thư ra đọc. Thư ngắn, chữ viết nắn nót. Đại khái nói là không lâu đâu chế độ Cộng sản chắc chắn sẽ sụp đổ, cần nhất là mọi người -- cụ thể là tôi -- phải quyết tâm không hợp tác với chúng. Người nhận thư cũng nên nói với các đồng nghiệp cũ lời nhắn nhủ này. Thư không ký tên.

Tôi đọc đi đọc lại lá thư. Tôi cất vào túi áo. Rồi tôi lại lấy ra đọc. Tôi cầm trên tay, rồi nhét vào cặp. Tôi đi vào phòng vệ sinh xem lại một lần nữa. Tôi ra phòng giáo sư đúng vào lúc chuông reo đổi giờ. Tôi bỏ lá thư vào túi áo. Tôi có giờ.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Trích Bụi và Rác

Căn Nhà Của Mẹ

Thế Uyên

I. Viết cho Vu Lan 1970

Rời miền Bắc sau 1954, mang lũ chúng tôi vào Nam, bố mẹ tôi đã từ bỏ nhiều thứ trong đó có quê nội và quê ngoại, một quá khứ khá dài những vui buồn, và căn nhà đã tạo dựng bằng công khó của hai người, nhất là bằng dấu vết những bàn chân nhỏ cùng các tiếng khóc tiếng cười của đứa bé đã sinh ra và lớn lên trong đó. Tết năm ấy, tết tha hương đầu tiên, bố mẹ tôi không hề buồn bởi vì hai người chưa già và trừ người con lớn còn ở trong quân ngũ nơi xa, gia đình tôi xum họp đầy đủ trong căn nhà cũ kỹ tồi tàn không điện không nước của khu Bàn Cờ. Tết năm ấy, năm của hòa bình, hầu hết những người dân hai miền còn đầy hi vọng ở tương lai.

Rồi ngày tháng theo nhau qua. Niềm hi vọng ở tương lai của mọi người có còn nguyên vẹn như thế không, tôi không biết. Tôi chỉ biết vào một ngày cuối năm, thứ hi vọng ở tương lai của gia đình khiêm tốn của tôi đã suy giảm nhiều. Lý do thật giản dị: bố tôi, cột trụ của gia đình, đã thất mệt, đã chịu thua cuộc đời, đi vào tuổi già. Ông đã cam chịu làm một công chức nhỏ cho một cơ quan thuộc binh chủng lo làm nhà, xây cầu cho quân đội. Ông thôi không còn nói tới lo xin ra báo, mở nhà in, tái lập một thời kỳ huy hoàng của ông trong những năm còn trẻ nữa. Trong một đêm khuya đi chơi về bắt gặp ông còn thức soạn chồng giấy tờ cũ -- những tấm thiếp

Mỗi người đều cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong đời. Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra quê hương mới bằng cách này hay bằng cách khác.

mời ông dự buổi lễ này tiệc rượu nọ của cả một thời kỳ đã qua -- dưới ánh đèn dầu lù mù và trong tiếng xe chạy ào ào trên con lộ trước nhà, tôi đột nhiên cảm thấy từ thâm tâm một cái gì thúc đẩy tôi ngồi xuống đấy với ông, nói gì chưa biết, nhưng phải ngồi... Hình như đây là lần đầu tiên tôi lờ mờ ý thức được thế nào là cô đơn của một người thất bại về già bó gối chịu thua. Trong căn nhà tồi tàn này, vợ con đầy đủ có, nằm ngủ yên chung quanh, nhưng có những nỗi cô đơn tự bản chất đã là không sao chia xẻ nổi...

Tôi đã tới ngồi chiếc ghế bên này chiếc bàn mộc, vơ vẩn đọc những tấm thiếp cũ xưa ấy, nghe người già ngồi bên kia nói về cuộc đời, về tuổi trẻ, về những ước vọng vang bóng một thời. Ông nói ông đã làm thất vọng nhiều người, trong đó có mẹ tôi, con gái duy nhất của một gia đình nhiều danh tiếng về văn học cũng như về đấu tranh cách mạng. Ông đã quá rong chơi, quá phung phí tuổi trẻ, để rồi tới lúc này không còn gì. Không một danh tiếng, cũng không cả gia sản. Và vì dù sao cũng là kẻ cuối cùng của một giòng kẻ sĩ lâu đời, ông đã vừa phải khước từ một đề nghị chính trị nhiều bá đạo nhưng cũng nhiều quyền lợi của chính quyền đương thời... Như vậy ông chỉ còn một đời sống khiêm tốn để sống, cuộc đời của một công chức già và một căn nhà nhỏ mới được cơ quan cấp phát cho trong một cư xá hỗn hợp, căn nhà ông hẹn tôi mai sớm tới sở kiếm ông để cùng sang nhận. Trong khuya, không biết là vào giờ nào của đêm, ông trầm giọng: "... sau này, bố chỉ

ao ước các con làm được cho bố một căn nhà tranh ba gian hai chái trên nền đất nện, trước nhà đào một ao nhỏ có cầu ao dẫn xuống mặt nước nuôi bèo để không vớt cho xanh um, ở ven đô nào cũng được."

Tính ông chuyên đoán nên bố con ít khi nói chuyện nhiều, chưa kể có thời kỳ tôi còn ghét ông vì bị bắt phải làm những điều ông muốn và tôi không ưa. Nhưng đêm nay, lần đầu tiên từ khi lớn lên, tôi hiểu bố được một phần nào. Một thoáng nghẹn ngào lẩn khuất với tình thương mến. Tôi cất tiếng nói, nói rất nhiều. Bây giờ đến lượt ông ngồi nghe tôi nói về những ước vọng của tôi -- những ước vọng dĩ nhiên thật cao xa của một thanh niên mới lớn.

Chẳng biết ông có tin các lời đao to búa lớn ấy của tôi không, nhưng ít nhất buổi nói chuyện trong đêm cũng làm hai bố con dễ chịu với nhau hơn khi cùng đến nhận căn nhà nằm đầu dẫy của một khu nhà dành cho binh sĩ và nhân viên quân chính. Căn nhà nhìn ra bãi cỏ hoang đầy vòng kẽm gai cũ rỉ, sát vách bên là một đống khối bê-tông lớn xếp hỗn độn do đạo quân viễn chinh Pháp bỏ lại, căn nhà vào mùa mưa thì nước ngập và mùa nắng thì mái tôn hừng hực chói chang.

Gia đình tôi dọn tới ở căn nhà ấy và ở thật lâu. Mẹ tôi vốn có tài thích ứng về mọi sự và nhất là về nhà cửa ruộng vườn. Bãi cỏ hoang, mẹ tôi phát cỏ, cuốc đất lên làm thành vườn. Mẹ tôi trồng nhiều cây trứng cá vì chúng "... vừa chóng có bóng mát vừa chóng có trái cho chúng mày chọc ăn." Mẹ tôi đục thêm cửa sổ hông và khi bọn tôi kêu lên khôi hài là nhìn qua đó thấy đống đá non bộ (các khối bê-tông ấy) đẹp như thế mà thiếu hàng trúc thưa, bà đi trồng hai dặng mía vì "... đốt mía đẹp kém gì trúc mà lại ăn được." Cứ với quan niệm dung hòa mỹ thuật với thực phẩm ấy, khu vườn nhà tôi dĩ nhiên không thể thiếu vài luống sắn thân và lá thật đẹp mỗi khi trời xanh cao và nhiều nắng. Trong căn nhà nhỏ, và trong khu vườn vừa đẹp vừa ngon do mẹ tôi tạo dựng ấy, chúng tôi đã sống những ngày thật vui và nhiều hạnh phúc. Anh Lam tôi đã đưa chị dâu tôi về ngồi dưới bóng mát của các cây trứng cá nở đầy hoa trắng, đêm trăng trông như có sương đọng. Tôi đã từng đưa người yêu của tôi, người sẽ theo gót chị Lam về làm dâu thứ trong căn nhà này, đi giữa hai luống sắn, ven rặng mía dưới vòm hoa ti-gôn. Tôi đã từng bắc thang đưa nàng lên mái nhà, nơi đứa em trai đã sửa cây xếp cành thành một vùng nho nhỏ như tổ chim -- một chỗ để hôn nhau. Rồi đứa em gái kế đã hôn người yêu ngoài bờ cỏ sau bụi tre, đã khóc đã cười và đã đi lấy chồng cũng từ trong căn nhà của bố và khu vườn của mẹ...

Những năm tháng vui tươi rồi cũng qua đi, chiến tranh đã bộc phát dữ dội làm phân tán lũ con và gửi những sợi tóc đốm bạc lên mái tóc bố tôi. Từ lâu rồi, ông suy yếu nhanh vì bệnh lao. Đêm Trung thu chót, khi chúng tôi treo đèn xếp đầy vườn, trên ngọn cây sắn ẻo lả, trên cành cây, trong lùm tre và bày cỗ ăn bánh uống trà vui vẻ ngoài vườn, ông chỉ còn đủ sức ngồi thu người trên ghế, vừa hút thuốc vừa ho nhìn ra. Bởi thế, khi bước chân vào quân trường, tôi đã nghĩ không hiểu rằng khi chết, ông liệu có được bao đứa con bên giường.

Và tin ông chết trong bệnh viện Cộng Hòa, chết một mình, đến với tôi khi vừa tập trận ở một bãi xa về. Trong khi chờ đợi giấy phép bạn bè đang chạy tứ tung xin hộ, tôi ngồi ở một bệ xi-măng ven võ đình trường, nhớ tới ông trong những ngày gặp chót -- gặp thật ngắn vì thời hạn đi phép đã chẳng dài bao nhiêu, tôi lại dành hầu hết cho Thi và cho tôi. Lần phép chót, khi tôi mặc xong quân phục, cầm mũ đi ra, ông đã gọi giật lại, ngập ngừng hỏi tôi còn tiền hay không. Tôi mở ví ra còn hơn ba trăm, chia cho bố một nửa... Nước mắt tôi rớt trên cát vỡ các hình ngôi sao nâu, nhưng tôi không kìm giữ vì biết rằng tối nay, vì ở gần Sàigòn nhất, tôi sẽ là đứa con độc nhất về kịp với mẹ. Trong căn nhà, trong khu vườn, tôi cần trấn tĩnh. Còn ở đây, võ đình trường trải dài vắng ngắt trong chiều... Tôi chỉ khóc ông một lần nữa sau khi mộ đã đắp, ông đã yên nghỉ trong một nghĩa trang xa lạ, yên nghỉ vĩnh viễn trước khi tôi thực hiện nổi giấc mơ nhỏ của ông trong tuổi già, là làm một căn nhà tranh ba gian hai chái trên nền đất nện, trước nhà có một ao nhỏ thả bèo cho xanh...

Ông chết đi, sau khi tiền tử tuất đã trả, cơ quan đòi lại căn nhà đã cấp phát từ bao năm. Mẹ tôi có báo cho tôi biết, nhưng thân làm lính trấn thủ lưu đồn, tôi làm gì được. Chẳng lẽ để các con nhỏ đi ở nhờ bà con họ hàng, mẹ tôi tới cơ quan cầu xin. Chồng chết không gia sản, các con trai đã đi lính hết mỗi đứa một sư đoàn xa... Thế rồi mẹ tôi được cơ quan chấp thuận cho tạm trú ở khoảng đất ngay sát nhà. Còn căn nhà, vẫn phải trả.

Mất căn nhà nhưng còn được khu vườn mẹ tôi đi vay tiền, xin vật liệu về chất đống, nhưng chưa khởi công vì còn đợi tôi về "cất nóc" hay "thương lượng" chi đó. Tới kỳ về phép, ngồi giữa đống gỗ ngổn ngang, tôi uống trà với mẹ trong khu vườn mà sốt ruột chỉ muốn đi -- vì Thi ngồi ngay bên, trong vòng tay và bây giờ hai đứa tôi không cần "một chỗ để hôn" nữa, mà cần tìm một chỗ để yêu nhau. Xong tuần trà, mẹ tôi gọi tôi ra khởi công làm nhà. Tôi nhăn nhó vì sợ mất nhiều thì giờ, nhưng thực ra không có

gì: tôi nâng một cái sà gỗ đầu tiên cho mẹ tôi đóng. Thế là xong lễ cất nóc cho một ngôi nhà.

Nhưng căn nhà của mẹ tôi hẳn phải không giống như mọi người. Thiếu gỗ mẹ chỉ làm có ba vách, vách thứ tư là tường căn nhà cũ. Dù chỉ ba vách cũng vẫn thiếu gỗ nên cả mặt tiền chỉ làm gỗ phân nửa dưới còn nửa trên đóng lưới, trong làm màn, ngoài treo mành tre. Căn nhà trống trải đến nỗi mỗi khi có gió lớn thổi, lá khô theo các khe hở rơi lả tả đầy nhà và khi mưa lớn thì đúng là mưa gió bốn bề. Một căn nhà "gần" thiên nhiên đến mức tối đa, chim làm tổ trên đỉnh màn và đêm khuya dế kêu ri rỉ dưới gầm giường. Nhưng quả là một căn nhà kiểu liêu trai cho một hàn sĩ trẻ và tôi đã nhiều lần mời bạn văn đến uống rượu nhân dịp xuất bản những tác phẩm đầu tiên trong nơi này, trong căn nhà của mẹ và khu vườn của mẹ.

Rồi thời gian qua nữa. Sau khi phiêu bạt nhiều đơn vị của ba vùng chiến thuật, tôi mới được đổi về Sàigòn. Khi ấy cấp chỉ huy binh chủng sở hữu khu nhà quyết định dùng khoảng đất trong có khu vườn của mẹ dự trù làm bể bơi hay sân quần vợt chi đó và xe ủi đất cơ hữu của đơn vị đã tới san bằng. Khi tôi về, cứ như Từ Thức về trần, khu vườn đã biến mất không còn dấu vết. Mẹ tôi chỉ nói là đã hết sức nặn nỉ mấy người lính, mới giữ được một cây trứng cá duy nhất bây giờ đã gần như cổ thụ mọc sát vách nhà. Tôi thoáng buồn rầu khi hiểu tại sao mẹ tôi không tới năn nỉ xin các cấp chỉ huy khu đó, mà chỉ đi nói với mấy người lính lái xe. Và tôi không đủ can đảm để hỏi mẹ tôi khi năn nỉ, liệu có nói các con bà đều là lính như họ, ủi gì thì ủi, chớ ủi nhà mẹ già em nhỏ của chúng bay không...

Một thời gian sau mẹ tôi theo hai đứa em gái sau chót lên Đà lạt và tôi cùng gia đình riêng mới tạo dựng, dọn về nhà mẹ ở. Trước khi đi, mẹ dặn coi chừng là có tin đồn sắp có lệnh dỡ nhà trả đất vì cấp chỉ huy binh chủng định biến khu này thành cư xá sĩ quan. Mẹ chẳng dặn thì tôi cũng coi chừng. Làm sao nỡ để mất căn nhà của mẹ, căn nhà của cả một thời kỳ, căn nhà duy nhất bọn tôi có được kể từ khi xa miền Bắc.

Rồi lệnh dỡ nhà đến thật. Tôi làm đơn xin, viện lẽ thượng cấp đã định cấp phát lại khu này cho sĩ quan thì dù có là dân bộ binh chân lấm tay bùn tôi cũng là sĩ quan, xin được lưu cư ở khoảng đất nhỏ bé. Đất là đất chung của quân đội và huynh đệ chi binh... Nhưng một buổi sáng đẹp trời, một văn thư gửi tới cho biết phải dỡ nhà đi, và "vì tình nhân đạo, cho đương sự một thời hạn ba tháng để thi hành lệnh này." Tôi chưa chịu thua, xin đủ giấy tờ chứng tỏ là nhà có ba lính, thì lính anh lính em và lính tôi đều không có nhà, dù là nhà mình mua hay cấp phát. Tôi đã đến yêu cầu đập cửa các quan to súng ngắn, mỏi gối quì mòn các sân tướng phủ, viện đủ các lý lẽ, kể cả chế độ miền Nam nói chung cũng nên có một công bằng tối thiểu: bố chết nghèo, bắt tất cả con trai đi lính, lính thứ thật và lính phục vụ thanh liêm, tiền đâu mà mua nhà cho mẹ, xin hãy cho mẹ già chúng một khoảng đất tá túc.

Nhưng tôi đã thất bại, hoàn toàn thất bại. Lệnh dỡ nhà trục xuất khỏi cư xá được giữ nguyên và không gia hạn thêm lấy một ngày. Còn kèm thêm khẩu lệnh phụ là tới ngày không đi, sẽ cho xe bulldozer tới ủi tất và cho An ninh tới bắt. Tôi đành gọi người vào giỡ nhà bán vật liệu -- vật liệu còn bao nhiêu giá trị sau bao mùa mưa mùa nắng và nước ngập. Bán được năm ngàn đồng, gửi lên cho mẹ, mẹ lại cho trở lại để "các con lấy tiền, mà dọn nhà" Thế rồi đến ngày chót, lại một ngày đẹp trời nữa, tôi dọn nhà. Khi buổi sáng trở dậy, mặc bộ đồ trận vào, tôi thấy hơi buồn bã và chua xót. Biết bao giọt mồ hôi khổ cực của tôi, của anh em tôi đã đổ ra thấm vào những bộ quần áo như thế này, để rồi rút cục xin một khoảng đất cho mẹ có nhà ở mà còn không xong.

Rút kinh nghiệm, từ giờ bọn tôi lo kiếm đất trước đã trước khi nghĩ đến truyện làm nhà khác cho mẹ. Do một tình cờ, anh Lam tôi quen với tỉnh trưởng vùng Đà lạt. Anh liền nói với người bạn ấy cấp cho mẹ tôi một mảnh đất -- trên vùng ấy, núi đồi thiếu gì. Lời yêu cầu ấy được thỏa mãn, các con của mẹ tôi đã có dịp chế bà là "tân địa chủ" và tôi đã có cơ hội để ước mơ là khi nào chiến tranh chấm dứt, các con trai buông súng trở về cầm cưa vác búa vào rừng lấy gỗ về mà làm cho mẹ tôi, lúc đó chắc tóc đã bạc như sương, một căn nhà nhỏ ven một đồi thông nhiều gió lộng.

Trong khi chờ đợi "căn nhà viễn mơ" của mấy ông anh bao năm chỉ biết tranh đấu tới tranh đấu lui nghèo mạt rệp ra không đi đến đâu -- lời mấy đứa em gái tôi -- thì chúng ra sức làm việc để dành tiền mua nhà, một căn nhà nhỏ thôi, tồi mấy cũng được, miễn là có đất rộng một chút, để rồi "mẹ gõ cho nó mấy cái là thành nhà ở được, cuốc cho nó mấy nhát là thành vườn vừa ăn được vừa ngắm được." Mà chúng làm việc thực. Tôi và Thi lên chơi, coi chúng đi làm mà chóng mặt. Quả thực là đầu tắt mặt tối. Nhưng rồi một đứa em gái cùng chồng đã dành dụm được tiền mua một căn nhà gỗ tồi ở đầu một thung lũng nghèo. Và mẹ tôi đã vác búa vác cuốc ra, các con cháu

xúm lại, đến khi tôi lên lần nữa, căn nhà đó đã sửa xong, xinh xắn, và ngoài vườn theo đúng truyền thống của mẹ tôi, cây su-su leo hiên ngang lên cành mận, phong lan treo dưới dàn bí, rau thơm xen kẽ với cúc vàng, riềng và gừng cạnh dẫy thược dược...

Các con trai không có nhà thì nhà con gái con rể cũng là đẹp rồi. Con nào chẳng là con. Tôi tưởng thế là mẹ kể như có nhà. Nhưng tôi lầm. Trước tết năm nay một bà mợ của trong họ chết. Khi biết rõ tin tức, mẹ tôi nói: "Mợ ấy chết sau khi con cái đã thành đạt cả cũng sướng. Nhưng chết ở nhà con rể thì cũng chưa được gọi là hoàn toàn." Mẹ tôi chỉ nói thế thôi, nhưng tôi và Thi hai đứa đưa mắt nhìn nhau im lặng. Lại phải tính đến chuyện chung sức các con làm nhà cho mẹ thôi.

Tôi liền hỏi khoảng đất ngày trước mẹ được cấp phát hiện giờ ra sao... và được mẹ cho biết một vị tỉnh trưởng sau đã nhân danh một công bằng xã hội nào đó đã thu hồi lại rồi. Tôi và Thi lại im lặng nhìn nhau vì trong mấy ngày rong chơi lang thang thành phố miền núi này, hai đứa đã thấy biết bao nhà cửa chiếm đất công xây cất bừa bãi...

Thế là đến cuối năm nay, khi cả gia đình chuẩn bị ồn ào đón xuân cùng thiên hạ, thì mẹ tôi rút cục đất cũng không mà nhà cũng không. Và buổi sáng mồng một tết, nhìn mẹ tôi đứng dưới tam quan chùa Linh phong lộng gió từ dưới các thung lũng lên, tôi chợt nhận ra mái tóc mẹ tôi đã gần như bạc trắng hết dưới ánh nắng đầu xuân, bạc đã gần như sương.

II Viết lần thứ hai: 20 năm sau

Những năm 71, 72, rồi 73 tiếp tục trôi qua thật ồn ào tiếng súng tiếng bom ngoài mặt trận và đầy những khói hơi cay của những cuộc tranh chấp trong những lòng đường phố, ba anh em tôi quá chìm ngập trong mọi biến cố lớn nhỏ ấy để có thể nghĩ tới việc tạo dựng cho mẹ tôi một căn nhà.

Làm sao có thể nghĩ tới một căn nhà cho người mẹ, trong khi chính bọn tôi cũng chẳng có nhà. Anh tôi, dù đã trở thành một cấp tá vùng Đà Nẵng, cũng vẫn chỉ chuyển hết căn nhà trong trại binh này đến khu cư xá sĩ quan trong thành phố khác. Em trai tôi sau cùng được sư đoàn 23 cho biệt phái về khu cơ xưởng của tòa tỉnh Đà Lạt, cũng chỉ có một căn phòng nhỏ trong khu vực này để chung sống với vợ con. Còn tôi, sau khi được Quân đội biệt phái về trường cũ dạy học, cũng chỉ thuê được một căn nhà làm thêm trong cư xá sĩ quan Chí Hòa của Sàigòn.

Nhà chỉ có một phòng chính vuông vức, tôi mua gỗ mua bìa cứng mua đinh mua kìm búa về, và bỏ ra khá nhiều thời gian mới đóng xong một vách ngăn căn phòng làm hai. Phía trong dành cho các con, phía ngoài vừa dùng làm chỗ ăn, làm việc và tiếp khách luôn. Mỗi khi bạn bè tới hơi đông một chút, là sẽ có người phải ngồi lên chiếc giường ngủ của hai vợ chồng tôi. Chính bởi thế một lần khi mẹ tôi từ Đà lạt về chơi, khi tôi ngỏ ý mời mẹ về ở chung, mẹ tôi đã ngậm ngùi nhìn quanh một vòng rồi nói: Nhà như thế này thì còn định để mẹ vào đâu?

Rút cục với thời gian qua dần, mẹ tôi vẫn ở chung với gia đình hai đứa em gái ở Đà lạt. Dù sao ở nơi này khí hậu tốt, mẹ tôi có phòng riêng trong một căn nhà gỗ nhỏ, và chung quanh có khá nhiều đất để mẹ có thể trồng đủ loại cây, loại hoa. Mẹ tôi quả thực có lý, nhất là một lần về chơi, mẹ đã thấy tôi phải mua nhiều bao đất mùn về đổ ngay trên mặt đường trước nhà để có thể lên một luống hoa trồng hai thứ hoa: hoa móng nước và hoa cosmos. Hoa móng nước là loại hoa mẹ tôi thích, còn hoa cosmos là thứ hoa vợ chồng tôi cũng thích kể từ một ngày rất xa xưa trên thềm hiên hoàn toàn vắng lặng của một nhà thờ trên đồi cao, tôi đã trịnh trọng đeo vào tay Thi chiếc nhẫn vợ chồng, bên cạnh một luống hoa này đang nở nhiều mầu trắng và tím lung linh trong gió lạnh.

Mẹ tôi quả thực vô cùng có lý: chưa có một chỗ nào cho mẹ trong những căn nhà của cả ba đứa con trai. Anh tôi vẫn thăng quan tiến chức, nhưng nửa đời đã thanh liêm thành nếp rồi, hẳn nửa phần còn lại cũng chẳng hi vọng có nhà. Em trai tôi chỉ là một hạ sĩ quan lấy vợ là một cô sinh viên Viện Đại học Đà lạt rất hiền lành và ngoan, hẳn cũng chẳng hi vọng gì tạo dựng được một căn nhà riêng cho khang trang mà đón mẹ về. Chỉ còn có tôi.

Những năm cuối cùng trước 1975, nhờ soạn được bộ Quốc văn cho trung học đệ I cấp được các bạn đồng nghiệp sử dụng mỗi ngày một nhiều, lợi tức của tôi tăng vọt hẳn lên. Những buổi tối cuối tuần, sau khi Thi đã leo lên phía sau chiếc xe gắn máy trong y phục thời trang mới nhất -- bây giờ nàng có thể may quần áo tại bất cứ tiệm nào thích -- tôi thường hay hỏi nàng thích ăn gì và ở nơi đâu tùy ý. Với giao kèo tôi ký kết với một nhà tổng phát hành, tới cuối năm 1975 tôi sẽ đủ sức mua lại căn nhà đang ở, xây lên hai tầng. Và dĩ nhiên trong sơ đồ dự trù, sẽ có một căn phòng cho mẹ.

Nhưng trận chiến cuối cùng của năm 1975 đã tới. Cả ba anh em tôi không một đứa nào nghĩ

tới truyện tháo lon cởi áo lính ôm vợ con đào tẩu ra Đệ thất Hạm đội Mỹ. Bọn tôi đã ở lại với cơ quan đơn vị mình đến phút cuối cùng, cho đến tận khi nghe thấy lệnh ngưng chiến của vị tổng tư lệnh cuối cùng trên đài phát thanh Sàigòn. Ba đứa tôi đều được giáo dục giống nhau về điểm: Chẳng làm được anh hùng thì thôi, nhưng đã lỡ mặc chiếc áo lính, thì cũng ráng làm một người lính đàng hoàng cho đến phút cuối cùng của cuộc chiến dài đã 30 năm.

Dĩ nhiên cái giá bọn tôi phải trả cho thái độ này không hề nhẹ nhàng chút nào. Ngoại trừ đứa em trai, nhờ là hạ sĩ quan nên chỉ phải đi học tập có ba ngày tại địa phương, còn hai anh em còn lại chia nhau đi lang thang khắp cõi rừng núi, lấy các trại cải tạo làm nhà. Hai đứa tôi kể từ đó thân mình cũng chẳng còn hẳn là của mình, vợ con chẳng được nhìn thấy mặt, nhà mình chẳng được ở, tương lai mù mịt khuất trong đám cây rừng hay núi đá mây phủ đầy về mỗi mùa mưa hay mùa lạnh. Nói gì đến truyện mẹ già và một căn nhà cho mẹ...

Nhiều đêm, thật nhiều đêm nằm chen chúc giữa những anh em đồng đội trong những chiếc lán thô sơ, tôi đã thật nhiều lần nhớ tới mẹ. Mẹ bây giờ ra sao rồi, tóc đã bạc đến đâu rồi, mẹ còn vác cuốc sẻng ra làm vườn nữa không trong căn nhà của mấy đứa em gái nằm ven một thung lũng nghèo của Đà lạt... Lắm đêm tôi buồn đến muốn khóc bởi vì vợ tôi còn trẻ và con tôi còn nhỏ, tôi chắc còn được gặp lại. Nhưng còn mẹ già... Làm con, dù con có là tổng thống hay tỷ phú, cũng chẳng thể biết cha mẹ già còn sống với mình được bao nhiêu năm tháng.

Sang đến năm thứ hai của cuộc đời cải tạo, tôi đã được hưởng chế độ thân nhân lên thăm. Nhưng rừng già Katum xa quá, lộ phí quá tốn kém nên mỗi lần vợ tôi lên thăm, chỉ mang theo được một đứa con. Nói gì đến mẹ già. Quả thực chẳng lúc nào tôi nghĩ mẹ tôi có thể băng rừng lội suối mà đi thăm hai đứa con trai lớn. Lâu lâu mẹ gửi cho một bức thư trên giấy học trò, viết bằng nét chữ to quen thuộc vài giòng đã hết một trang, báo rằng mẹ rất khỏe, vẫn làm vườn, và sau cùng là dặn dò tôi ráng giữ gìn sức khỏe. "Ráng giữ gìn sức khỏe...," lời mẹ nào gửi con cũng đều có lời dặn dò như vậy, nhưng trong các trại cải tạo trải dài suốt núi rừng hai miền Nam Bắc, thì đây lại là một điều khó thực hiện nhất.

Nhưng chẳng cứ tôi, mà hầu hết các bạn đồng đội của tôi, bao giờ cũng nhắn về cho mẹ là lũ con thất trận của các bà mẹ già Việt Nam ấy, lúc nào cũng vẫn cứ rất là khỏe mạnh. Một lần, sau một trận đau nặng, bạn bè lẫn bác sĩ và y tá trong trạm xá thô sơ ở trại cải tạo Xuân Lộc đã tưởng phải cho tôi

Cổ tích

Mở cửa ra
em bé.
không,
dừng sợ hái
bước ngang qua tường thành
thăm khu vườn mới mọc
như trong chuyện cổ tích
đừng sợ hái
những ông ba bị rụng dần trái thối
oằn mình trút xuống
cây nhân sinh
dám sâu dơ bám cùng thời man dá
lả tả rơi
đám sâu biến thành cái bướm khổng lồ
chở những tên hề đi mất dạng

Trẻ con cười nắc nẻ
xem kìa vui không
những nụ cười hồng
mặt trời và tinh khôi cỏ non
làm chóa mắt láo phù thủy già
chui vào hang trốn nhủi
úm-ba-la
cất mình không nổi
cây chổi cùn
hết
linh.

HOÀNG XUÂN SƠN, *tháng Ba, 90*

ra rừng làm mồi cho mối, thì nhận được thư mẹ. Mới đau dậy, tay còn run, nhưng tôi cũng ráng nắn nót cho đẹp một trang thư trả lời mẹ, và dĩ nhiên kể rằng tôi vẫn cứ khỏe đều, vẫn cứ ăn no và ngủ kỹ!

Đa số các sĩ quan cải tạo đều có một nỗi niềm tiếc hận là sao trước 30 tháng Tư, 75, bọn tôi lại chiến đấu dở như vậy, để đến nỗi thất trận thê thảm như thế, để làm khổ vợ khổ con, làm khổ cha và nhất là khổ mẹ già. Bởi thế lắm khi bọn tôi buồn muốn khóc, và khóc thật luôn, và lắm khi đói quá, đói đến lả người, cũng chẳng ai dám viết cho mẹ già rằng: "Mẹ ơi, con đói lắm, con khổ lắm, con buồn vô cùng..." Đã làm kẻ nam nhi mà thất trận, thì cắn răng mà chịu, đâu có thể túm lấy mẹ mà than như những ngày còn nhỏ dại nữa.

Bởi thế một thời gian sau, khi được gọi ra khu tiếp tân, khi cùng bạn bè quần áo chỉnh tề sạch sẽ đi dọc theo con đường dốc đá xanh mấp mô, tôi đã xúc động đến sững người khi nhìn thấy mẹ già xa cách mới có mấy năm mà sao tóc đã bạc quá như vậy, đang đứng đón tôi trên đầu dốc. Tôi đã bước những bước cuối cùng rất nhanh để nắm lấy hai tay mẹ, và khi ôm mẹ, tôi đã cúi đầu qua vai mẹ để che dấu nước mắt đang ứa ra. Phải ráng làm "người hùng" một tí cho mẹ già yên lòng, tôi chỉ còn làm được có thế giữa cõi một bên là núi một bên là rừng này.

Thời gian lại tiếp tục qua, tôi được tha về Sàigòn. Hai đứa em gái bên kia đại dương ráng hết sức bảo lãnh cho mẹ và Đảng Cộng Sản cũng chẳng muốn giữ làm gì những người già không còn sức lao động, mẹ tôi được lên máy bay sang Mỹ đoàn tụ với các con gái và cháu ngoại. Ngày mẹ đi, tôi không tiễn mẹ ra phi trường vì biết chắc chỉ là buồn thêm mà thôi. Không cần đợi các thân nhân khác đi tiễn về kể tôi cũng đã biết mẹ đã khóc như mưa như gió ngoài đó. Làm sao mẹ không khóc cho được vì chuyến đi này của mẹ rất oái oăm: đi thì được đoàn tụ với ba con gái và bầy cháu ngoại, nhưng lại chia lìa với ba đứa con trai và bầy cháu nội. Bên này và bên kia, và Thái bình dương rộng lớn vô cùng.

Trong rất nhiều năm sau đó, nhiều lúc tôi ngậm ngùi tự hỏi rằng mẹ có được trời cho dư tuổi thọ để gặp lại ba đứa con trai nữa không, những đứa con đã chiến đấu chẳng ra gì, làm nhà cho mẹ không nên thân đã đành, mà bảo vệ cho mẹ có một quê hương Việt Nam để sống trong tuổi già cũng chẳng xong. Tôi chỉ có một điều để an ủi là ở bên kia đại dương thực phẩm tràn đầy, y khoa đầy đủ. Còn về nhà, tôi đã hiểu từ lâu những căn nhà mua trên phần đất Bắc Mỹ châu, đều là công và của của cả hai vợ chồng. Đâu có phải chỉ là căn nhà của các con rể, như mẹ tôi đã từng có lần phàn nàn một ngày đã thật xa trong quá khứ.

Những năm tháng lại tiếp tục trôi qua và trong những con trai của mẹ, tôi là đứa đầu tiên thành công trong việc mang vợ con sang Mỹ. Nhưng vì sử dụng bảo lãnh của cô em vợ, bọn tôi tới định cư bên miền Tây Bắc của Hoa Kỳ, cách nơi mẹ ở đúng một lục địa. Bọn tôi may mắn thuê được một căn nhà riêng biệt có vườn rộng bao quanh, nhưng tôi hiểu rằng nếu bọn tôi sống thật hạnh phúc nơi này với những đồ đạc tập tàng, không của chùa của nhà thờ thì cũng là của các garage sale, chưa chắc mẹ tôi đã ưng vì đã bao năm sống tiện nghi nơi nhà của những đứa em gái đã thành đạt về tài chính. Biết như thế, bọn tôi hiểu rằng chẳng hi vọng gì đón được mẹ sang đoàn tụ nơi cỏ cây tươi tốt nhưng hoang vắng này. Yêu thương mẹ, không phải là đòi hỏi mẹ sống với mình, mà mong mẹ được sống nơi nào mẹ thấy nhiều hạnh phúc nhất.

Như vậy chỉ còn một vấn đề là đi thăm mẹ mà thôi. Trợ cấp tị nạn chỉ được cấp trong có một năm, và mặc dù tiểu bang tôi định cư là một trong những nơi tử tế với người tị nạn nhất, thì những viên chức của Bộ Xã hội, khi tính toán các khoản cho trợ cấp, chẳng bao giờ dự trù một ngân khoản bay sang bờ biển phía đông của đất nước này. Tôi theo vợ theo con trở lại Đại học, sáng học, chiều làm việc ngay trong trường, lau bàn lau ghế quét hiên dọn cỏ, không việc gì không làm. Nhưng dù có cố gắng như thế, cũng chỉ đủ sống mà thôi. Cả nhà có bẩy người thì dù bẩy người đi học, làm sao mơ được đến một chuyến bay xa, dù chỉ để gặp lại mẹ già đã quá già và đã xa cách từ biết bao năm tháng.

Nhưng đến một buổi chiều cùng vợ và hai con trai từ Đại học trở về nhà trong mệt mỏi -- Đại học Mỹ đâu có tạo dựng cho những người tuổi đã trên năm mươi như tôi -- thì nhận được một bức thư của đứa em gái miền Đông kèm theo vài tấm hình mới nhất của mẹ. Hai vợ chồng nhìn hình, cùng bàng hoàng: mẹ tôi đang đứng ngoài bãi biển nào đó với vài đứa cháu, và mẹ đã thật già lắm rồi. Biết bao nhiêu năm tôi mải tả xung hữu đột, lên voi xuống chó với cuộc sống, nên đã quên mất đầu tôi còn bắt đầu bạc, thì mẹ già sao không già cho được.

Nhưng thôi, phải ưu tiên một cho việc đi thăm mẹ mà tôi. Tôi bắt đầu để dành tiền và cũng may mắn là nhà xuất bản đã tái bản những sách của tôi ở Hoa Kỳ đã thanh toán thật dễ thương tất cả tác quyền. Mặt khác những tạp chí tôi đã hợp tác đa số, đều trả nhuận bút đều đặn, trong đó có những tờ

chẳng trả nhuận bút bao giờ, nay cũng trả cho tôi chỉ vì muốn tương trợ cho người mới tới. Bởi thế sau cùng đến mùa hè năm nay hai vợ chồng cùng mua được vé máy bay đi miền đông.

Hai vợ chồng đứa em đã lập nghiệp ở miền Đông từ trước 75 đã ra đón tận phi trường. Bọn tôi đã ăn một bữa cơm đoàn tụ thật giản dị tại nhà -- mọi tiếp tân này nọ để đến những ngày hôm sau -- để rồi còn sang nhà cô em gái út gặp mẹ đang chờ đợi. Và trong căn nhà của cô em gái này, tôi đã thật xúc động khi được ôm mẹ già một lần nữa, xúc động như một ngày nào thật đã xa xôi trên cõi núi rừng ở Việt Nam, trên đầu con dốc đầy đá xanh chen lẫn với đất đỏ.

Hai vợ chồng đứa em đã xin nghỉ thường niên vào dịp này nên đã tổ chức một chuyến đi biển vài ngày. Bọn tôi đi nhiều xe với khá đông con cháu nên vừa tới thị trấn nghỉ mát Wildwood, đã thấy khó thuê được khách sạn ưng ý. Hai vợ chồng đứa em muốn tránh cho mẹ khỏi mệt nhọc trong việc chạy quanh thành phố, đã đề nghị, hai vợ chồng tôi đưa mẹ ra bãi biển ngồi chơi cho thoải mái trong khi chờ đợi. Nhưng tôi đã không làm theo lời dặn này bởi vì khi leo cầu thang dẫn lên hệ thống cầu gỗ lớn bao quanh bãi biển, vợ tôi đã phải dìu mẹ từng bước.

Tôi hiểu ngay rằng bãi cát thật dài thật xa mới dẫn tới bờ nước mặn không phải là chỗ cho mẹ nữa. Tôi lựa một quán thật mát mẻ và tương đối vắng để mẹ có thể ngồi xếp chân trên ghế mà ngắm biển. Sau khi gọi vài thức ăn, tôi ra khỏi quán và đi một mình trên bãi cát giữa những người dân địa phương đang ồn ào nô dỡn. Tôi nhúng một bàn tay xuống nước Đại Tây dương và kết luận ngay: quá lạnh để cho một dân nhiệt đới như tôi có thể lao xuống tắm. Tôi chỉ ngồi trên cát, châm thuốc hút để thưởng thức không khí an bình của nơi này.

Mẹ tôi đã khỏe hơn khi tôi trở lại quán. Một đứa cháu đã tới kiếm, thông báo đã thuê được phòng. Khi Thi lấy tiền ra trả, mẹ tôi đã ngăn lại. Mấy đứa em gái đã khôn ngoan hiểu rằng đối với những người già, bắt các cụ thay đổi y phục theo Tây phương sẽ làm các cụ khổ tâm, nên đã may cho mẹ những bộ bà ba Mỹ hoá. Mặc ra ngoài cũng không đến nỗi quá lạc lõng, nhưng cũng đủ hai túi ngoài của bà ba cổ điển, và bây giờ mẹ tôi đang lôi từ một trong những túi đó một xấp tiền không có thứ tự gì cả. Mẹ đòi để mẹ trả tiền, mẹ khoe mẹ có thiếu gì tiền già dư ra. Tôi và Thi nhìn nhau: phải chiều ý mẹ thôi. Thi lựa ra một tờ hai chục trả cho nhà hàng rồi xếp lại đống tiền, bỏ vào túi bà ba rồi cài kim băng lại cẩn thận cho mẹ. Khi còn ở Việt Nam trong muôn ngàn khó khăn, mẹ có cho một ký gạo cũng quí. Còn bây giờ, đâu còn lý do gì để nhận tiền mẹ nữa. Cũng bởi thế sau đó mẹ có đề nghị với Thi nhận một số tiền đủ để các đứa con tôi khỏi phải đi làm kiếm sống trong mùa hè này, mẹ bảo mẹ muốn các cháu nội được vui chơi và nghỉ ngơi một chút sau 12 năm vất vả ở Việt Nam, bọn tôi cũng tìm cách từ chối. Mẹ tôi và mấy đứa em gái còn phải tiếp tục lo cho gia đình đứa em trai, và nhất là gia đình anh tôi -- anh mới được tha về sau đúng 12 năm lang thang không biết bao nhiêu trại cải tạo từ nam chí bắc.

Hai vợ chồng đứa em gái chọn Wildwood vì muốn lớp trẻ đi cùng có chỗ vui chơi thật ồn ào thích hợp. Còn lớp tuổi bọn tôi thì ưa thị trấn kế cận Cap May hơn. Buổi sáng lớp lớn tuổi thích lang thang trong thị trấn đầy đường nét cổ xưa này, ăn trưa trong một quán làm nhô trên mặt sóng bạc đầu của đại dương. Buổi tối bọn tôi thích đi lang thang trong khu vực cổ cấm xe cộ của Cap May, ngắm những gian hàng những tiệm ăn đầy đường nét và phong dáng của Pháp hay Đức, gợi nhớ những quán của Sàigòn năm xưa.

Dĩ nhiên bọn tôi mang mẹ theo trong những chuyến đi dạo buổi tối ở Cap May. Em gái tôi một bên, vợ tôi một bên dìu mẹ đi. Còn tôi và người em rể cũng là bạn thân lâu đời lang thang thoải mái với những đề tài linh tinh đủ loại. Tới một lúc nào đó, tôi gặp lại cô em gái đang ồn ào lục lọi áo quần cùng vợ tôi tại một cửa hàng. Hỏi mẹ đâu rồi, trả lời mẹ kêu mỏi cẳng nên đã để mẹ ngồi nghỉ trên một ghế dài ven lộ.

Đã hơi muộn bọn tôi mới trở lại kiếm mẹ. Trong khu phố ồn ào ánh sáng muôn màu và những người da trắng, giữa con lộ ấm cúng hai bên lề lát gạch và rải rác những quán cà-phê quán ăn như Thanh Thế hay Kim Sơn của Sài Gòn, mẹ vẫn ngồi trên chiếc ghế dài có tựa cạnh một bồn hoa lớn muôn màu, hai chân mẹ vẫn xếp bằng trên ghế và nhìn dáng điệu gần như bất động, bọn tôi đoán mẹ đang chìm đắm trong một giấc ngủ nhẹ và an bình của tuổi già.

Bốn đứa chúng tôi, một dâu, một rể, một con gái và một con trai tiến đến nhẹ nhàng bao quanh mẹ trước khi dịu dàng thức mẹ dậy. Về đêm đó, trước khi trở về khách sạn, người em rể đã lái xe vòng ra đỉnh tận cùng của Cap May. Đêm tối đen không nhìn thấy gì cả, nhưng tôi nghe rõ tiếng sóng dập đều đặn vào những tảng đá ven bờ.

THẾ UYÊN, *1989*

Đọc thơ Đỗ Kh.

Phạm Việt Cường

Tràn ngập thứ ngôn ngữ tự nhiên và kỹ thuật phá bỏ, Thơ *Đỗ Kh.* có lẽ là tập thơ đầu tiên thể nghiệm cho một lối cảm nhận và diễn đạt mới trong nền thơ ca Việt Nam. Qua bài *Lời Xin Lỗi* ở đầu tập và bài *Làm Thơ Khó Bỏ Mẹ* mà nội dung gần như là một thứ tuyên ngôn hay cương lĩnh về thơ của anh, Đỗ Kh. còn muốn chú thích thêm về khuynh hướng thơ của mình qua bài *Tôi Không Cần Nhớ Gì:*

... Tôi không mang món nợ nào
Núi non sông biển
Ấu thơ niên thiếu
Sắc áo màu da
Đồng ruộng ông cha
Con tem bưu điện
Tôi không cần nhớ mùi bánh phở
Tôi không có nhớ một màu cờ
Cái gì tôi cũng trả
Tôi không cần có nhớ...

Trong chiều hướng đó, hầu hết những bài thơ của anh viết về tình cảm riêng tư, vụn vặt.... đôi khi gần giống mẩu đối thoại tầm thường giữa anh và một người bạn gái nào đó. Là một tập thơ nặng về tình cảm, thế nhưng thơ của Đỗ Kh. hình như thiếu vắng hẳn tình yêu theo kiểu thường thấy từ trước đến giờ trong thơ tình Việt Nam. Không hề có những biểu hiện bi ai yếu đuối, đau khổ khắc khoải hay ray rứt chìm đắm. Chỉ có những giây phút lãng mạn thoáng qua và thật nhiều thứ tình ái đang được ngấu nghiến, chia sẻ. Hai chữ tình yêu có lẽ chỉ mang ý nghĩa ái tình theo kiểu anh, từ lâu rồi.

... Thời niên thiếu tôi cũng có ái tình
Lẻ tiền lẻ văn nghệ lẻ thuốc lá lẻ...

Từ lúc thầm lén nhìn nhấm cô bán hàng ở quán cà phê đường Nguyễn Du rồi tối về bâng khuâng đọc thư Quang Dũng năm nào cho đến bây giờ, *Tôi phải nhìn em trần trường. Không mặc gì hết;* từ cái nỗi nhớ lãng mạn dễ thương,

... Đời có cho một lần phần thưởng
lúc chạy xe gắn máy hỏi người đi xe đạp
Đưa tay kéo không
Và được cầm bàn tay ngọt mát
giữa Sàigòn nhột nhạt mồ hôi
Một đoạn đường...

cho đến những bài như *Tôi Nhìn Em Trên Hình Tôi Không Nhận Ra, Em Nhảy Trên Giường* hay *Batwoman,* thấp thoáng một dòng đời chóng mặt cuồn cuộn chảy qua hai khung cảnh, hai thời điểm khác nhau của tuổi trẻ một người mà dường như gần suốt hai mươi năm vẫn giữ nguyên sự háo hức, tò mò, ngạc nhiên của mình. Và dù cuồng nhiệt hay lãnh đạm, cái trạng từ thời gian *bây giờ* của anh có lẽ phù hợp cả cho những gì xảy ra trong quá khứ và sẽ xảy ra trong ngày mai:

Em có lẽ bây giờ là người tôi yêu nhất
Em có lẽ bây giờ là người tôi yêu thật

Dù *em* có là ai đi nữa thì hình như những cô gái của Đỗ Kh. đều sống động, hối hả, đa tình, vô tâm. Họ đến và đi như những trận cuồng phong chứ không như những cơn gió thoảng. Những Thúy Lịch, Bội Trân, Quỳnh Như... đó, qua hiện sinh sống động mãnh liệt của họ, khi tràn vào lãnh vực thơ ca thì quả là khó lòng cho những thể thơ thất ngôn tứ tuyệt nghiêm túc đảm đương nổi nhiệm vụ mô tả họ. Sử dụng hình thức phá thể, Đỗ Kh. đã phác họa rõ nét khuôn mặt họ, dù có lẽ khiến cho các bậc trưởng thượng hay những người theo phái anti-feminism phải nhíu mày khó chịu.

PHẠM VIỆT CƯỜNG

Tôi không cần nhớ gì

Tôi không có nhớ một dòng sông
À ơi bình thản qua bờ làng
Mỗi dòng sông mỗi nơi một khác
Tôi không có nhớ những cánh vạc.

Tôi không có nhớ một con đường
Thì thầm qua chậm đăng sau lưng
Con đường nào thật ra cũng vậy
Tôi không có nhớ những tàn cây.

Tôi không có nhớ những rặng dừa
Bắt buộc ở một nơi nhất định
Những rặng dừa nào cũng như nhau
Tôi không có nhớ những hàng cau

Tôi không có nhớ những bờ đê
Tôi chưa được một lần nhìn thấy
Tôi không có nhớ những mái trường
Tôi không có nhớ màu hoa phượng.

Tôi không có nhớ quán café
Hộp đêm nhảy đầm và đánh lộn
Không nhớ những ổ chuột rầm rì
Tôi không có nhớ những động đĩ.

Tôi không mang một món nợ nào
Núi non sông biển
Áo thơ niên thiếu
Sắc áo màu da
Đồng ruộng ông cha.

Con tem bưu điện
Tôi không cần nhớ mùi bánh phở
Tôi không có nhớ một màu cờ.
Cái gì tôi cũng trả
Tôi không cần có nhớ.

Tôi không cần nhớ gì
Em là quê hương
Tôi đến từ đó
Từ đó tôi đi
Và tôi hiện ở.

Bây giờ và ở đây

Có em
Có tôi
Và có
Cách đôi.

Có chỗ tôi nằm

Bên ngoài
Giao động dòng sông
Trong em con nước
Tôi trầm mình
Chơi

Ngoài em
Chói lọi mặt trời
Trong em con nắng
Mời
Tôi phơi mình

Em co
Cái vống thân hình
Chăng tôi một chỗ
Vươn mình
Đẩy

Đưa.

ĐỖ KH.

Dạ vũ bình dân Ras-Beirut

Đôi khi cao ốc cũng buồn
Những đêm có lửa chập chờn nhảy quanh
Bước chân luân vũ chẳng rành
Ngả nghiêng nhà cửa cầm canh các bùm
Các bùm bùm
Tóc tai con phố bơm xờm
Sáng ra dưới mắt quầng thâm dạn mìn.

Ánh Trăng

Khê Iêm

Khu đất rộng, trống trơn, không một bóng người. Con đường dài mờ sáng, lẫn với ánh trăng. Người đàn ông đứng dựa vào thành tường, tay buông thõng. Mặt trăng vàng đậm giữa nền trời xanh lơ; và mây quang. Gió thổi nhẹ, lấp loáng trong vài lùm cây, lao xao, vắng ngắt. Đám người đứng rải rác, bên trong hành lang đã tối đen, im phắc. Người đàn ông đưa mắt nhìn theo con đường đất âm thầm, nằm phơi mình dưới thứ ánh sáng mông lung, những tàn ô thẫm đen, cách biệt. Trong thoáng chốc, không một vang động nào, không một nhánh cây rơi, cùng bầu trời chan hòa, rười rượi.

Đám người chuyển động rời rạc, và ở cuối những bậc thềm loáng thoáng những tia chiếu óng ánh, ngoằn ngoèo, mở ra cùng khoảng không bát ngát, những đường nét lờ mờ, tản mạn. Người đàn ông chậm rãi quay mình, lui về sau, những khuôn mặt ẩn hiện, mờ tối, từ từ cùng nhìn lại một phía. Trăng trong vắt, bao la, mùi hương dâng ngan ngát, nhẹ tẫng lẫn với hơi may loãng tan mãi tận chân trời.

Gió rộng thênh, đột ngột, từng thoáng qua, muốn vỡ ra trên dải xanh tắp, mơ hồ.

*

* *

Cô gái ngồi lặng thinh trên băng ghế, ngó mông lung lên không trung. Ga là một tòa nhà cổ, có bậc thềm hơi cao, hoang phế giữa một đồng trắng quạnh quẽ. Ở rất xa là một khu rừng thâm u và một thị trấn nhỏ, bao phủ bởi một màu sáng trắng, lửng lơ, trong sương rơi. Đám người từng lúc một, bồn chồn giữa đống hành lý ngổn ngang.

Đám người rải thành những đốm đen xê dịch, nhẹ và đều, xôn xao trong lòng nhà. Bên ngoài, bỗng có tiếng hút sâu của vài cánh chim kêu sương. Cùng một lúc, là những âm vang reo vui của một hồi còi tàu. Cơn huyên náo nổi lên, kéo theo dần dần những hình dạng mờ mờ, nối đuôi nhau ra mãi tận thềm ngoài. Một số những khuôn mặt lần lượt tắm đẫm ánh trăng. Rồi bất chợt tất cả đều ngưng lại đột ngột tựa như cùng bị dội bởi một sức vô hình, những âm thanh lắng xuống và tiêu đi một cách kỳ lạ.

Cô gái duỗi chân, một phần phơi ra ngoài ánh sáng, nhìn không ngớt một màu trắng non, hôn phớt trên nền vải đen nhẫy. Chừng một lát sau mới có tiếng lao xao, âm âm, hỗn độn. Đám người tỉnh hẳn như vừa trải qua một giây khắc huyền bí, xa xôi. Rừng xám tro, chập chờn trong lớp bụi nhuyễn. Con đường càng lúc càng tóp lại, muốn quẫy mình giữa một giòng sông tinh quái.

Đám người di chuyển về chỗ cũ, nhịp nhàng và chậm rãi. Những bước chân ngắn, không trông rõ được khoảng cách, dù rất nhỏ, giống như những vết đen trôi loãng quãng trên một bề mặt lỏng. Tới khi không còn một chuyển động nào thì tất cả cơ hồ đã nhập vào lòng một khoảng vô hạn.

Cô gái dùng dằng nửa muốn đứng dậy, nửa muốn ngồi nguyên. Mái nhà hắt bóng xuống, chiếm quá nửa hành lang, phân biệt rõ rệt giữa tranh tối và tranh sáng. Không ai lộ một cử chỉ nhỏ. Bầu trời trong, xanh thêm. Gió nhẹ đẩy, lùa lăn tăn trên sóng tóc. Quang cảnh phảng phất cái nét ngộ nghĩnh của một bức cổ phong.

Người đàn ông giật mình, ngơ ngác, bị chìm hụt trước tảng im lặng vô biên. Trong cơn thất thần hồi một, khuôn mặt co rúm, kinh tâm. Đám đông rút dần vào từng góc tối. Cô gái thẫn thờ, ngó thoáng vài chiếc lá rơi, lác đác trên bậc thềm. Trong nhà, bóng đen càng lúc càng đầy, và là đà dưới mặt đáy, những hơi thở kéo dài nặng nhọc. Trần nhà rộng và cao, chứa đựng một vũ trụ cũng vô cùng không kém. Khung cảnh lệch lạc, thản nhiên.

Rồi từ trên không trung, bất thình lình trút xuống một khối âm thanh xoáy buốt, chói tai, khoan sâu dưới lòng đất. Đám người rùng mình, nhớn nhác. Những tiếng sôi cuồn cuộn, tưởng như muốn lộn nhào mọi người ra ngoài. Người đàn ông lảo đảo, đứng không vững, hai bàn tay dán lên mặt tường. Cô gái ngã nhoài trên ghế, hai ống chân buông thõng, phất phơ, lay nhẹ.

Đám người hết hồn vía, không nhúc nhích nổi, đâu đó, tiếng ồn ào, rên siết âm ỉ. Biến cố xảy ra rất nhanh, nhưng mọi người vẫn còn chết cứng trong cùng một dáng điệu. Chỉ thấy những thanh vang dần dà lắng đọng trên những đốm đen đang trong cơn thiêm thiếp. Người đàn ông thở mệt nhọc, nhìn phớt nghiêng, xuôi theo bậc thềm có những đường kẻ sáng và sắc. Đôi mắt mờ nhạt giữa hai hốc tối. Đến một lúc khá lâu sau, đám người mới cựa mình được, ngọ nguậy không ngớt và thốt lên những tiếng như ve kêu.

Người đàn ông có mái tóc tua tủa, dài đến ngang vai, chiếc áo

ngắn để lộ hai cánh tay gầy, lòng thòng. Cô gái nằm im lìm để hở những khoảng da trắng nõn. Bầu trời rút cao, mông lung. Những đốm đen dồn gần lại thành một dợn sóng, đẩy ra ngoài hành lang. Những khuôn mặt giống nhau, nhấp nhô, chen lấn; những nếp nhăn co dãn rất đều theo một nhịp trầm bổng của những âm ba đôi khi bất ưng ngưng lại, đôi khi bất ưng ào ào tuôn chảy. Đến khi người cuối cùng đứng hẳn ra ngoài hành lang thì tất cả đều im phắc, không một cử động riêng rẽ, từ từ cùng quay về phía người đàn ông và giữ nguyên như thế.

*
* *

Người đàn ông đi lần đến bên cô gái. Những cái đầu chuyển động rất chậm, chăm chú theo những bước chân không đều, khó nhọc, hai bắp đùi luân phiên được rút lên rồi rơi xuống như hai mối dây treo bị cắt đứt hoặc như những vật mất thăng bằng bị hụt hẫng trong chân không. Đám người không một biểu lộ nhỏ, ngoài cái nhìn ở cùng một hướng.

Người đàn ông vấp té khi bước được một đoạn ngắn. Đôi chân duỗi thẳng, run lên như kẻ đã nhập vào một cơn đồng thiếp. Đám đông cùng ồ lên từng chập một. Người đàn ông cố gượng dậy và với những bước cứng, gẫy, khập khễnh cho tới khi đứng gọn gàng cạnh cô gái, thì những khuôn mặt, những đôi mắt ẩn náu đầy sinh động đều dính chặt trên mái tóc, đôi vú, hai hàng đùi gập, thản nhiên giữa cái không khí dịu dàng tỏa ra bao trùm lấy cô gái. Tất cả bất động thật lâu. Ngoài trời, vài cơn gió thoang thoảng, lùa từng mảng sương mong manh, mát rượi.

Lúc cô gái tỉnh dậy đột ngột thì đám đông cũng thình lình, với một động tác đúng lúc, cùng rút vào phía trong, thu lại từng đốm và rải ra khắp nhà. Cô gái ngồi im, không một xúc cảm tưởng đâu những biến động, cơn bất tỉnh vừa rồi như cụm mây thoảng qua, đang trôi nhanh trên nền cao thăm thẳm.

Người đàn ông thoắt chốc chìm trong một trạng thái lạ lùng, đôi mắt đục ẩm, trông lơ đãng ngoài bãi sương quạnh. Bỗng nhiên có tiếng nói thốt ra như từ đâu đâu. Người đàn ông ngó dáo dác, cô gái mấp máy môi:

"Bình minh kia."

"Không. Hoàng hôn chứ!"

"Ánh trăng đâu?"

"Ái chà! Thế còn chút hạnh phúc?"

"Tôi bỏ quên rồi thì phải. Ngẫm nghĩ cho cùng..."

Một ngọn gió nổi lên, cuốn theo một mảng mây bụi. Cái nhỏ nhoi trước khoảng không bao la, rộng suốt. Trăng đã cao, vừa đủ để che tối hết dẫy hành lang. Đám người nhập nhòa trong bóng đêm, không một dấu vết, không một tiếng kêu, nhưng dường như vẫn hàm chứa một bí mật, một sự sống không ngừng, rắc lên từng phần hạt li ti. Người đàn ông giữ nguyên bộ điệu cũ. Cô gái như mơ màng đến một gợn ráng hồng, một buổi triều dương. Mỗi người đều có riêng một cách chờ đợi, cùng lắng vào một bề mặt im lặng.

*
* *

Thế rồi một hồi còi tàu vọng lại, rõ và nhỏ. Đám người trở nên náo nhiệt, tiếng nói cất lên hỗn độn giữa những va chạm của hành lý, tiếng gót chân lê lệt sệt trên nền nhà tạo thành một mớ âm thanh quái dị. Cô gái vươn vai, biếng nhác, đứng lên, sát cạnh người đàn ông. Cả hai thẳng người, phóng mắt về phía một vòng nâu nhạt, hiện mù mù đằng chân trời.

Ngoài hành lang tối nhờ nhờ, vừa đủ để soi thấy đám đông đang chen chúc, ló dần ra khỏi khung cửa. Tiếng còi tàu đã tắt ngấm từ lúc nào, nhưng thanh âm trong trẻo có một sức lôi cuốn kỳ diệu, như vẫn còn văng vẳng ở bên tai. Gió đưa đẩy, êm ả. Trăng trắng bạch cùng với hơi nước bay.

Đám người xếp thành hàng đều đặn theo một hình khối ngay chính giữa hành lang. Người đàn ông và cô gái đứng ở một đầu góc. Tất cả hướng về con đường sắt song song, trắng xóa, uốn cong đằng trước mặt. Một cảm giác len lén xâm chiếm, mang nỗi vui buồn, xao xuyến, làm thúc đẩy nơi miền đất cô tịch cái quan hoài tê tái của khách, đang sắp sửa lên đường.

Con tàu lầm lì, hiện ra trong sương trắng. Tiếng còi rền sâu hút cùng với khói xám; tiếng nghiến siết trên đường sắt có mãnh lực lôi kéo đám người nhốp nhổm, muốn sớm rời bỏ sân ga. Ngoài bãi, cát và đá cuốn thành từng cơn lốc xoáy. Đất đột nhiên rạn vỡ. Những tiếng kêu thất thanh, rối loạn và mơ hồ. Con tàu điên cuồng, cố lướt nhanh qua cái khoảng chông chênh. Và khu rừng, cây cối, đường xá chừng như đã biến mất rất mau, chỉ còn lại dải sa mạc hoang vu, bất tận, nằm phơi mình, tan loãng vào màu trời.

Bất ngờ, một tiếng nổ rung chuyển từ lòng đất dồn lên. Đám đông run rẩy, kinh hoàng, nhìn con tàu bị bắn tung tóe. Cơn địa chấn dữ dội, xảy ra trong chớp nhoáng. Con tàu không còn nguyên dạng, tất cả đã tiêu tan, không một bóng người, không một dấu vết của sự sống, không cả chút khả nghi của sự chết.

Trong khoảng khắc, trăng vẫn rải một màu hư huyền. Và đám người đã biến hình thành một khối xám âm u.

KHẾ IÊM

Thơ

Kenneth Patchen

Trường học ở góc phố

Năm tới cỏ trên mộ sẽ phủ lấp chúng ta.
Bây giờ chúng ta vẫn đứng đây cười cợt,
Nhìn lũ con gái đi qua,
Đánh cá những con ngựa lè phè, uống gin rẻ tiền.
Chúng ta chẳng có gì để làm, chẳng có nơi nào
để tới, chẳng có ai.
Năm ngoái chỉ là một năm trước; thế thôi.
Khi ấy chúng ta không trẻ hơn; giờ đây cũng chẳng già hơn.
Chúng ta tìm cách có được nét mặt của những người trẻ tuổi;
Chúng ta chẳng cảm thấy gì sau khuôn mặt
chúng ta, dù cách này hay cách khác.
Rồi ra chắc chúng ta cũng sẽ không chết hẳn
khi chúng ta chết.
Chúng ta thực sự đã chẳng bao giờ là một thứ gì
trọn vẹn, ngay như khi là lính tráng.

Chúng ta là những kẻ bị nhục mạ, hỡi người anh
em, những thằng con trai bị đời láng quên.
Những kẻ mộng du trên một miền đất âm u và khủng khiếp,
Nơi mà cô đơn là một lưỡi dao nhớp nhúa kề cổ,
Chỉ có những vì sao lạnh nhòm ngó chúng ta,
bạn ơi,
Những vì sao lạnh và những con đượi.

Hiện tình đất nước

Xin hiểu là họ đang ngồi ở mé trong gần cửa
Nơi một chiếc bàn con với hai ly bia đầy và hai ly cạn.
Có chừng vài chục người đi tới đi lui giết
Thì giờ và say sưa bởi chẳng còn gì có nghĩa gì hết
Nữa
Ai đó nhìn một con bé và ai đó nói
Ở Tây Ban Nha đang xảy ra nhiều chuyện ghê gớm
Thế nhưng con bé chẳng buồn ngước lên, dù chỉ bằng
nửa con mắt.
Lúc đó Jack nâng ly bia của chàng và Nellie ly bia
của nàng
Và chân họ quyện vào nhau dưới gầm bàn.
Ai đó nhìn đồng hồ và ai đó nói
Ở bên Nga đang diễn ra nhiều chuyện ghê gớm
Một tên cớm với hai con đượi bước vô và hắn chỉ trả
tiền hai ly rượu
Bởi có một em mắc bệnh lậu

Không ai rõ tại sao chuyện đó đá xảy ra hoặc
Có còn xảy ra nữa thôi trên trái đất nhiều nhương này
Thế nhưng Jack đá lại nâng ly bia của chàng và Nellie
ly bia của nàng
Và, như được hiệu lệnh, một gã nhỏ con vội vá bước vào
Tiến thẳng về phía quầy rượu và nói với người chiêu
dái Hello Steve.

Ai cập

Cléo --
Mỗi tảng đá 1600 người. Xin nhắc tới
dòng Nile. Cá sấu -- Thế nhưng chuyện chậm chạp kia
lại đang diễn ra trên không.
Cây mảnh mai như ánh sáng.
Có phải Xê? -- Tôi quên mất
là ông ta đá qua đây.
Tôi chỉ nhớ cát.
Những bước chân nô lệ khập khễnh.
Hoàn cảnh *chính xác*
về cái chết của họ.
Không hiểu bằng cách nào đó chuyện hái hùng kia
lại đang diễn ra trên không.
Đêm trên đất Ai Cập thủa ấy. Trời ơi! Hẳn các vì sao
đá phải buốt giá vô cùng.

Cây mảnh mai như sự sống
và cũng vút cao
-- vậy thời phải tươi xanh! Đâu rồi những chiếc lá
của thời xa xưa ấy? Tại sao tôi lại không thể tin được rằng
những vì sao đêm nay cũng là những vì sao đêm xưa?

Nơi đâu hồn người mới có được nơi yên nghỉ?

Tôi có nên khuất phục trước ánh bạc trơ trụi ấy?

Nguyễn Đăng Thường *dịch*

Sinh năm 1911 tại Niles, tiểu bang Ohio, Kenneth Patchen theo học nhiều ngành nhưng đều dở dang. Ông làm đủ nghề, kể cả nghề phu mỏ ở Pennsylvania. Năm 1937 ông lâm trọng bệnh nơi xương sống và phải ở trong tình trạng tàn phế trong suốt mười lăm năm. Khi sức khỏe được phục hồi ông đi khắp nước Mỹ đọc thơ của mình, có dàn nhạc jazz phụ họa. Lối trình diễn mới mẻ độc đáo này khiến tên tuổi ông sáng chói.

Kenneth Patchen là một trong số vài ba nhà thơ đa dạng và dễ mến nhất của thế kỷ chúng ta. Ông có trí tưởng tượng hết sức phong phú và kỳ lạ, và ông đã sáng tác hầu hết các loại thơ: thơ siêu thực, tôn giáo, thơ ca ngợi sự phi lý, thơ bi ca và trào phúng... Ngoài ra ông còn viết văn, viết tiểu thuyết và vẽ tranh hí họa. Tranh ông được đặt ngang hàng với tranh của Thurber, Steinberg và Michaux. Tập văn xuôi Memoirs of a Shy Pornographer, 1945, đã đánh dấu cho một thời kỳ. Xin kể, trong số lượng thơ thật dồi dào của ông, vài thi tập chính: First Will and Testament, Kingdom, 1943; Red Wine & Yellow Hair, 1949; Fables and Other Little Tales, 1953; The Famous Boating Party, 1954; When We Where Together, 1947; và Hurrah for anything, 1957.

CÁI TIẾN CÁI MỚI TRONG SÁNG TÁC

Thụy Khuê

Bấy lâu nay có nhiều khuynh hướng muốn nhận định rõ ràng tính chất nền văn học hải ngoại: người chủ quan cho rằng nền văn học hải ngoại hiện nay đang cực thịnh; người yếm thế, phủ nhận hoàn toàn: chả có cái quái gì, về sáng tạo là một con số không to tướng. Nói thì dễ, nhưng muốn hiểu rõ nền văn học của chúng ta, có lẽ phải đọc trước. Ấy thế mà đọc là cả một vấn đề: đọc thế nào để hấp thụ được nhiều mà không mệt?

Võ Phiến ví đọc báo như mình lượn trực thăng rà rà, đảo qua đảo lại, chỗ nào khoái thì ngừng, chỗ nào chán thì bỏ, lượn sang khu khác. Đọc như thế phởn phơ thật: có cảm giác lâng lâng, mát rợi, như đi hóng gió: gặp tin giật gân, gió phất vào càng thêm hừng hực, bốc lửa, gặp tin bi đát, cũng đỡ buồn tình.

Proust nghiệm thấy đọc sách nên giữ cái thế đi bộ là tiện nhất. Có thì giờ thì nhẩn nha, nghiền ngẫm, lâu lâu dừng lại để thưởng thức cái hay, chỗ nào nặng nề, khó hiểu, cứ việc rảo bước cho khỏi buồn ngủ.

Trong thời đại tiền nhiều, thì giờ ít này, người ta lại thích dùng lối chạy điền kinh để nghiền ngẫm văn chương, vừa đỡ mất thì giờ, vừa có nhiều cái lợi: đọc như thế, cái gì cũng biết cả, đầy đề tài để nói chuyện đứng đắn trong các *salon* của người trí thức.

Nếu muốn đọc để hiểu rõ nền văn học của chúng ta hiện nay đang cực thịnh hay bế tắc, thì chớ có dzọt trực thăng, chạy điền kinh cũng xổ toẹt, đi bộ tà tà còn tạm được, nhưng hay nhất vẫn là nghiền kỹ, như trâu bò ăn cỏ, thỉnh thoảng nhai đi nhai lại mấy lần.

Đọc như thế, thì giờ đâu? Cho nên, nếu có ai hỏi nền văn học hải ngoại hiện nay ra sao chúng ta lâm vào chỗ bí.

Từ cuối thế kỷ trước sang đầu thế kỷ này, văn chương nói chung, đi vào những ngõ quanh co rắm rối, càng ngày con người càng đòi hỏi sự phức tạp, sự này, sự nọ. Nhà văn không còn thoải mái, ngồi phè, bịa ra một truyện có đầu, có đuôi, có tình tiết éo le, kết có hậu, như ngày trước nữa.

Sartre vật vã tự hỏi: văn chương là cái quái gì? Viết là gì? Tại sao viết? Phân tích, mổ xẻ văn chương, chữ nghĩa đến bét ra.

Samuel Beckett nói toẹt ra cái khổ ải ấy: "*Không có gì để diễn tả, không biết diễn tả với cái gì, từ cái gì; không có ý muốn diễn tả; thế mà bắt buộc phải diễn tả với những thứ đó.*" (Il n'y a rien à exprimer, rien avec quoi exprimer, rien de quoi exprimer, aucun désir d'exprimer, tout cela avec

l'obligation d'exprimer). Thử tưởng tượng nếu Nguyễn Mộng Giác ngồi trước trong giấy trắng, bần thần nghĩ thế, thì làm gì có **Mùa Biển Động?**

Họ đào bới, xới lộn mãi mà không tìm ra giải pháp thích đáng. Họ cũng bí.

Từ xưa đến nay, các trường phái trong văn thơ, triết lý, hội họa... Tây phương theo thể động, cứ nối tiếp đạp đổ nhau, đè lên nhau mà tiến. Người mới chê người cũ là hủ lậu, kém cỏi không tiếc lời. Kafka cho môn phân tâm học là một sự lầm lẫn vô phương cứu chữa, coi những lý thuyết của Freud như những nét vẽ phỏng chừng, rất thô thiển, không nhận thức được thực chất của vấn đề.

Sartre thâm thúy hơn, trong *L'Enfance d'un chef*, tả cuộc đời một công tử con xếp nhà máy. Anh chàng Lucien Fleurier lúc nào cũng lẩn thẩn nghĩ về mình, từ hồi nhỏ xíu đã có những nhận xét không trẻ con tý nào. Xét mình, anh ta khám phá ra những điều rất lạ: khi đi đái, khi đi ị, khi ngủ chung phòng với bố mẹ, khi nhìn trộm mẹ rửa ráy, Lucien còn thêm tật lúc ngủ hay đi rong (somnambule)...

Đi học bị bạn bè chế riễu là cao ngồng như đọt măng tây (asperge), anh ta cùng thêm mặc cảm. Lớn lên, Lucien nhồi nhét một đống sách triết vào đầu. Đọc những sách phân tâm học và lãnh thêm cao kiến của một tay bạn thầy đời, Lucien khám phá ra mình có cái mặc cảm *oedipe*. Gặp một tay nhà văn thầy đời khác rủ rê chung chăn chung gối, Lucien cũng chịu. Lại khám phá thêm: mình trở thành đồng tính luyến ái. Càng phục Freud, Lucien càng cho mình là đồ bỏ, đồ bệnh hoạn, bại hoại gia phong, không thể cứu vãn được. Tình cờ một hôm, Lucien gặp lại ông thầy dậy triết cũ, anh hỏi: "Thầy nghĩ sao về Freud?" Ông thầy cười khì rồi thủng thẳng xì ra một câu, đại ý: "Freud chỉ là một cái mốt, cái hay Freud cóp của Platon, còn lại toàn chuyện nhảm. Anh nên đọc Spinoza thì hơn." Thế là Lucien tỉnh ngộ, khỏi bệnh. Sau đó tiếp tục cuộc đời bình thường của một cậu công tử, học hành tử tế, thỉnh thoảng ngủ với gái, mơ sau này lấy vợ con nhà lành, còn trinh, v.v.. và là nối nghiệp cha lên làm xếp.

Truyện của Sartre luôn luôn ngụ nhiều ẩn ý, nhưng nếu chỉ xét đến khía cạnh về Freud, ta nhận thấy trong cả câu truyện, Sartre tôn Freud lên bực thầy để giải thích hiện tượng này, tâm trạng kia. Thế mà sau cùng, Sartre điềm nhiêm nhét vào miệng ông giáo sư triết một câu chết người, để xơi thầy như thế. Khiếp thật.

Bản thân Sartre rất yêu mẹ, mẹ Sartre góa chồng rất trẻ, phải bế con về ở với cha mẹ đẻ, hai mẹ con sớm tối hủ hỉ với nhau, nhiều đêm, mẹ Sartre ôm con vào lòng âu yếm thủ thỉ: "Coi chừng con, không phải nhà mình đâu."... Tình yêu của Sartre đối với mẹ, trong sáng, hồn nhiên, đẹp và không "nhảm nhí, không có gì dính líu đến cái "*complexe d'Oedipe*" của Freud. Cái "nhảm nhí" của Freud, chính ở chỗ đó.

Dù sao chăng nữa, Tây phương họ có cái lối chém nhau bằng chữ nghĩa rất dã man, tàn bạo, mà không thấy tán tận lương tâm gì cả. Lâm Ngữ Đường cho "bọn" Tây phương, nhất là các triết gia, chỉ cải láo, lý luận của họ không đi đến đâu. Ông ung dung trong thể tĩnh của Đông phương, coi bộ vững mà không bí. Văn học Pháp đi từ trường phái siêu thực (surréalisme) thập niên 20 với Gide, Proust... sang hiện sinh (existentialisme) những năm 40 với Sartre... cuối cùng, thập nên 60, nẩy sinh phong trào tiểu thuyết mới (nouveau roman) với Alain Robbe-Grillet..., kịch phi lý (théâtre de l'absurde) với Samuel Beckett... Những thập niên sau cùng, thật ra là sự tan rã của các trường phái, ngụp lặn vì bị phong trào phê bình xâm lấn, đàn áp, mổ xẻ, nẩy sinh nền văn học phê bình mới (nouvelle critique).

Thập niên 70, dường như chán chường những sự phá phách, công chúng quay lại với hình ảnh hiện thực cũ: đem con người trở lại với con người.

Năm 1980, chấm dứt một thời đại với sự ra đi của hai khuôn mặt đã đem lại cho phê bình văn học những khám phá không nhỏ: Jean Paul Sartre và Roland Barthes.

*

* *

Cái tiến của Tây phương làm chúng ta ngại. Tiến để làm gì và đi tới đâu? Công dân Mỹ tự hào: một ngày tiêu thụ năng lực hơn một trăm lần công dân xứ nhược tiểu. Anh có biết anh đang ăn vào vốn đấy! Con cháu anh sau này còn đủ năng lực để phí phạm như anh, hay lại hết xăng để chạy xe, hết điện để xài,mà cả đến rau cỏ để ăn cũng không mọc được nữa, vì anh đang ô nhiễm mảnh đất anh ở đến mức tối đa, anh đang phá hoại lớp ozone che chở cho trái đất khỏi bị mặt trời thiêu đốt. Ấy là không kể anh đang ăn lẹm phần cơm của những bé thơ chết đói ngập đường trong những xứ nhược tiểu.

Văn minh xâm lấn đến điều kiện sống còn của kẻ yếu, xứ nghèo, của thế hệ mai sau, chưa đủ, còn ăn cướp dưỡng khí của cá sấu, lợn lòi: Thung lũng miền sông Amazone mỗi ngày mỗi tàn tạ, rừng cây lùi dần, nhường chỗ cho thành thị, cho xưởng chế bom đạn, vũ khí giết người, gọi chung là kỹ nghệ của văn minh tân tiến.

*

* *

Lâu nay, chúng ta ham muốn cái tiến của Tây phương, ra khỏi xứ mình, chúng ta vùng vẫy trong cái sức sống mãnh liệt, kỳ ảo, lôi cuốn, của xã hội Tây phương mà chúng ta không có.

Chối bỏ hội nhập, chỉ là một

cách nói của những người cầm bút muốn tin ở mình. Hội nhập đã và sẽ hiện diện, vô tình hay hữu ý, trong đời sống, trên các tác phẩm. Văn học hải ngoại mang nhiều dấu vết của những cái mới mẻ ấy: hăng say, sáng tác tưng bừng, tung ngoại ngữ vào cho văn thêm "sống động," các nhà văn nở rộ, hăng hái viết, mỗi năm có thêm bao nhiêu cây bút. Một nhà văn đàn anh, anh N.T., ngậm ngùi: "Chúng ta đanglạm phát nhà văn!" Anh rõ khéo dùng chữ. Nhưng sao anh lại buồn? Đáng mừng lắm chứ, nếu các sáng tác của chúng ta cũng lạm phát chiều sâu của tư tưởng.

Anh không mừng, có lẽ vì anh nhận thấy: sáng tác thì nhiều nhưng sáng tác giá trị vẫn hiếm. *Ngoài những tác phẩm có giá trị vượt bực,* dường như, chúng ta tự gò bó trong vài công thức sẵn có về nội dung, lẫn hình thức.

Những người theo khuynh hướng cũ, viết về những chuỗi ngày đã qua, những thảm cảnh quá khứ, hay đời sống hội nhập hiện tại, xem ra vẫn còn ngập ngừng, chưa qua khỏi giai đoạn kể chuyện, để dựng nên không khí thật sự, đắm tình cảm và tâm trạng con người. Những biến chuyển vừa trải qua của đất nước, là cái nền sẵn có, cái nguồn cảm hứng mãnh liệt để tạo nên những tác phẩm sâu sắc, nhưng dường như, chúng ta vẫn đi ra ngoài, chưa nắm được thực chất, chưa lồng được vào trong các tác phẩm.

Những người theo khuynh hướng tiến bộ, có ý muốn đổi mới tiểu thuyết theo kỹ thuật của Tây phương:

Truyện có nhân vật chính ở ngôi thứ ba, thường là hắn, hắn không có tên, thích nói bâng quơ, nhiều câu trống không, vô nghĩa.

Truyện cắt ra từng khúc: hắn đang đi tắm, lại thấy hắn lảng vảng suy nghĩ vớ vẩn ở công viên. Tự dưng có một nhân vật khác - hình như không phải hắn -- nhẩy xổ vào giữa chừng.

Truyện nội tâm khắc khoải, dằn vặt, các nhân vật có vẻ bệnh hoạn, vật vã loạn lên, không biết làm gì, nghĩ gì.

Phong trào tiểu thuyết mới của Pháp (Alain Robbe-Grillet, Michel Butor, Nathalie Sarraute, Marguerite Duras và Claude Simon); chủ trương bốn tiêu: tiêu diệt nhân vật, tiêu diệt cốt truyện, tiêu diệt thứ tự thời gian, tiêu diệt ẩn dụ (métaphore)...

Xã hội vật chất đầy đủ và máy móc của Tây phương đưa đến cái gọi là angoisse (kinh hoảng).

Tính cách kỳ dị, đặc biệt, đôi khi đưa đến lập dị, bí hiểm trong những tiểu thuyết mới của Tây phương thoát thai từ sự kinh hoảng ấy: Trong văn chương, kinh hoảng cái bình thường, nhàm chán, vô vị của những điều đã nói rồi.

Thêm nữa, thực trạng xã hội, đưa đến những kinh hoảng tâm thần: Đi làm thừa tiền, không biết tiêu gì: kinh hoảng. Bạ ai cũng ngủ: kinh hoảng. Sì-ke: kinh hoảng. Buổi tối độc thân, đối diện với bốn bức tường và chai rượu: kinh hoảng. Buổi tối có gia đình, nhưng vợ chồng con cái không thích nói chuyện với nhau, thủ hiểm trong phòng riêng để khỏi "làm phiền" người khác: kinh hoảng.

Dường như chúng ta chưa mấy ai mắc phải những thứ kinh hoảng ấy, vậy chưa chắc theo họ đã là hay, có khi còn mắc nỡm nữa là khác!

Nam Cao khi viết *Chí Phèo,* Ngô Tất Tố khi viết *Tắt Đèn,* Tô Hoài khi viết *Nhà Nghèo,* nào có được nếm mùi những tác giả hiện thực Tây phương, vậy mà tác phẩm của họ có thua kém gì những tuyệt tác Tây phương đâu?

Tuy nhiên, nếu đọc những truyện của Kafka, Sartre, Faulkner,... (các tác giả mở đường cho văn học siêu thực), chúng ta sẽ thấy cái chỗ "để đời" của họ không phải chỉ ở những sự "lung tung," phá thể ấy, mà còn có những "chỗ khác" sâu sắc, thâm thúy hơn. Nếu "bắt" được những "chỗ khác" ấy, chắc chắn chúng ta tìm được nhiều điều bổ ích cho mình.

Ngẫm ra, việc đời cái gì cũng có đầu có đuôi cả (đây không có ý nói: truyện phải có đầu có đuôi): Picasso trước khi nguệch ngoạc tùm lum, ông đã là thầy trong các khuynh hướng hội họa khác: từ cổ điển sang hiện thực, rồi ấn tượng, ông đều có những bức tranh tuyệt tác. Sau này ông sáng chế thêm những món mới: lập thể, trừu tượng, siêu thực... như các món ăn chơi. Với cái tài của Picasso thì còn nói làm gì. Những bậc thiên tài trong chúng ta không kể, người bình thường thử tìm về nguồn cảm hứng có sẵn của mình, xem ra cũng khối chỗ khai thác được: Các thứ "kinh hoảng "của mình, cũng ghê gớm lắm chứ, có thua ai đâu: kinh hoảng chiến tranh, kinh hoảng hận thù, kinh hoảng chia rẻ, kinh hoảng sự tàn ác giữa người và người cùng một dân tộc, kinh hoảng sự va chạm giữa hai nền văn hóa Đông-Tây, kinh hoảng sự kỳ thị chủng tộc... và còn bao nhiêu nguồn hứng nữa, nếu mình khai thác bề sâu, hơn là vọng ngoại bề mặt, nên chăng?

*

* *

Yếu tố sau cùng, mạnh mẽ và ảnh hưởng trên văn học hải ngoại khá sâu xa, đó là khuynh hướng đấu tranh với những văn phẩm mang tính cách tuyên truyền: chúng ta tự cho mình nhiều bổn phận quá: nào phải nói lên cái hận lưu vong, cái hờn "mất nước," nào phải phanh phui bộ mặt bạo tàn của Cộng Sản. Do đó, mình dựng nên các nhân vật giả tạo y như phường tuồng, có lẽ vì viết với thực tâm thì ít, mà viết vì "sứ mệnh" thì nhiều. Nhất là những nhà văn chưa được gặp, chỉ tưởng tượng ra cán bộ cộng sản.

Thập niên đầu, vừa trải qua

thảm cảnh, người đọc thấy mới mẻ, nói trúng bụng quá, đọc mà khóc lên rưng rức, pha trò hay quá, cười chẩy nước mắt ra. Thập niên đầu, người đọc nhìn thấy tờ báo Việt là cảm động rồi. Đọc gì cũng thấy hay.

Nhưng sau quen dần, họ khó tính hơn, ăn mãi một món rồi cũng chán. Có người lẩm bẩm: "Biết rồi, khổ lắm,..."

Hơn nữa, nghệ thuật hình như không có bổn phận gì. Nghệ thuật và bổn phận không thể đi đôi với nhau. Nếu đem nghệ thuật ra để "phục vụ chính nghĩa" là hỏng bét. Đem văn chương ra "cứu nước" miễn cưỡng, e nó làm không nổi, nó quỵ.

Những người từng trải đều biết rõ điều đó. Gide nói: "*Văn chương phụng sự một cái gì là văn chương hèn hạ, cho dù nguyên nhân có cao thượng và chính đáng đến đâu chăng nữa.*" (la littérature engagée).

Gide nói thế chứ Đặng Thai Mai lại nghĩ khác:

"*Khi nhà nghệ sĩ không tuyên truyền cho tư tưởng này thì cũng tuyên truyền cho một tư tưởng khác. Giá trị chân chính của nghệ thuật, đứng về phương diện chính trị, xã hội mà nói, là ở chỗ nó phụng sự một mục đích tiến bộ, chính đại, quang minh.*"

(Tác gia lý luận phê bình nghiên cứu văn học Việt Nam 1945-1975) (Lời học giả Đặng Thai Mai khiển trách Tô Ngọc Vân, khi họa sĩ này cứ nhì nhằng đòi tự do sáng tác, không thích vẽ tranh tuyên truyền mang sứ mệnh cao cả: vận động dân chúng đồng lòng theo cách mạng, giải phóng đất nước.)

Cho dù mục đích có quang minh chính đại đến thế nào, lời dạy của nhà học giả lão thành Đặng Thai Mai vẫn có chỗ mâu thuẫn giữa câu trước và câu sau

Đành rằng người nghệ sĩ khi viết hay khi vẽ, chắc chắn trong lòng hắn có cái gì muốn xổ ra ngoài, gọi là "tư tưởng" cũng được, và hắn muốn truyền cái ấy cho người khác, lại càng đúng nữa. Nhưng những thứ họ muốn xổ ra như thế không thể giống nhau.

Nếu nhà văn A thực tâm viết những bài kích động quần chúng yêu nước với tất cả tấm lòng. Nhà văn B lại ưa dạy đời, nhà văn C khoái tâm lý trẻ con, nhà văn D thích tìm hiểu các em ca-ve, nhà văn Đ muốn nghiên cứu vấn đề đồng tính luyến ái... Thế giới có bao nhiêu nhà văn thì có bấy nhiêu thứ "tư tưởng," cứ loạn xạ lên, có ai giống ai đâu. Bây giờ bảo tất cả phải sáng tác đúng để phụng sự một mục đích tiến bộ, chính đại, quang minh, thì họ hoảng hốt ngay.

Phạm Duy nhìn rõ tình thế: 1957 Phạm Duy từ giả cách mạng về thành. Cái mệt của giáo sư Đặng Thai Mai là cả đời cứ phải định nghĩa thế nào là tiến bộ, chính đại và quang minh để mọi người theo đó mà làm. Nghệ sĩ lang bang quen rồi, bạ đâu khuấy đấy, làm sao mà đúng đường lối được: "chân lý," nói ra thì dễ nhưng làm được chắc cũng còn lâu. Thảng hoặc vì đói quá, một vài người cố gắng gò cho đúng chân lý để kiếm cơm, thì cũng chỉ nặn được những quái thai, hiểu:

Người gánh gánh của chúng tôi: là Đảng

Người gánh gánh với chúng ta: là Đảng

Người gánh ta, ta gánh người: là Đảng

Người gánh đất, người gánh trời: là Đảng.

(Gánh, Xuân Diệu)

Quanh đi, quẩn lại, Gide vẫn nhạy cảm hơn cả. Đã một thời Gide và những nhà trí thức khác như André Malraux, mơ tưởng thiên đường Nga Sô dữ lắm. Năm 1936, Gide sang Nga thăm Maxime Gorki ốm nặng. Sang muộn, ông chỉ kịp đưa ma Gorki. Tới Nga, ông mới khám phá ra: Thiên đường ưa kiểm duyệt. Bài diễn văn dự định đọc ở Léningrad, trước cử tọa đông đảo của hội nhà văn và sinh viên, được các "đồng chí" xét rằng "không đúng đường lối," không cho đọc. (Dĩ nhiên là có những câu gàn dặc như "văn chương không cần phải phụng sự cách mạng.") Gide về Pháp, đoạn tuyệt với cách mạng từ đấy. Cả thẩy Gide ở Nga có vài tháng. Hồ Chí Minh ở Nga lâu hơn nhiều. Ai cũng cho rằng mắt ông sáng lắm, thế mà ông không thấy rõ như Gide! Người làm chính trị với người văn nghệ sĩ có cái nhìn khác xa nhau! Cho nên nếu dí kẹo vào miệng con nít, bắt nó khen thơ Hồ Chí Minh hay, chắc nó cũng nhè ra. Mỗi khi chính trị lăn xả vào văn chương như thế, thật tội cho văn chương, thơ có chất thép còn gì là thơ, là xe tăng đấy. Cho nên những dòng thơ, văn "sôi sục căm thù," chứa đầy "oán hờn và chết chóc" giữa người và người, giữa người và người trong một nước, cho dù ở phía bên này hay bên kia, cũng mang tính chất giống nhau: mượn chính nghĩa để giết người, hoặc dụ kẻ khác giết người bằng chính nghĩa.

Nghệ thuật không thể nhúng tay vào những công tác hiểm nghèo như thế!

*

* *

Mỗi thế kỷ có một vài nhà văn sáng tạo: Dostoievski tìm ra những quằn quại nội tâm, Gide viết những gì không nói được trong mối giao cảm giữa người và người, Proust khám phá sự kỳ diệu của thời gian. Kafka đi từ vũ trụ phi lý biến sinh ra hữu lý. Sartre trở về với bản thể con người...

Cho đến nay, chúng ta mới có những nhà văn sáng tác, chưa có sáng tạo.

Cái tiến, cái mới, nếu có, trong sáng tác hiện nay của chúng ta, là đem nghệ thuật trở về đúng chỗ của nó: tìm hiểu thực chất của con người.

THỤY KHUÊ

VỪA XẢY RA...

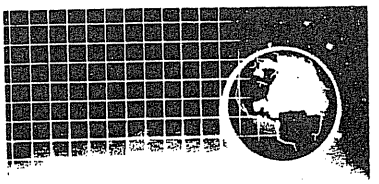

ĐANG NÓI TỚI...

Vann Phan *phụ trách*

Những tác phẩm nghệ thuật bị mất cắp tại Viện Bảo Tàng Isabella Stewart Gardner ở Boston

Boston (The Register) -- Ăn mặc như các sĩ quan cảnh sát, bọn trộm đã xâm nhập vào Viện Bảo tàng Isabella Stewart Gardner ở Boston hồi sáng sớm hôm Chủ Nhật (18-3-90), khống chế hai nhân viên an ninh và lấy đi mười hai mỹ

"Thiếu nữ và thanh niên trong y phục đen": tranh sơn dầu của Rembrandt

"Bão tố trên biển Galilee": Tranh sơn dầu của Rembrandt

Những tác phẩm bị mất khác:

Tự họa	Rembrandt
Chez Tortoni	Manet
La Sortie du Pesage	Degas
Cortege aux Environs de Florence	Degas
Three Mounted Jockeys	Degas
Chương trình cho một tối nghệ thuật	Degas
Chương trình cho một tối nghệ thuật (chưa hoàn tất)	Degas
Phong cảnh với ngọn tháp	Govaert Flinck
Buổi Hoà Nhạc	Vermeer
Chén vại bằng đồng thiếc đời nhà Thương	1200-1100 trước Tây Lịch

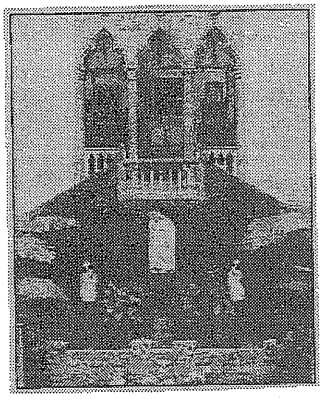

'Phòng Hòa Lan' của Viện Bảo Tàng Isabella nơi đặt tranh Rembrandt

thuật phẩm vô giá của Viện Bảo tàng, gồm những tác phẩm của Rembrandt, Vermeer, Degas và Manet.

Vụ trộm táo tợn nầy, mà theo lời của Viện Bảo tàng thì chỉ mới được phát giác khi toán dọn dẹp vệ sinh tới làm việc, là một trong những vụ trộm lớn nhất thế giới, đó là theo lời của cơ quan Điều tra Liên bang FBI và một phát ngôn viên của viện bảo tàng cho biết thế.

Trị giá của các mỹ thuật phẩm nầy được ước lượng khoảng 200 triệu Mỹ kim, nhưng theo quyền giám đốc viện bảo tàng Karen Haas thì sự ước lượng đó có phần khít khao quá chứ còn giá trị của các phẩm vật bị đánh cắp có thể lên tới "hằng mấy trăm triệu Mỹ kim."

Bà Karen Haas cho rằng các mỹ thuật phẩm đó được coi là vô giá bởi vì đã gần một thế kỷ qua các món nầy không được đem bày bán trên thị trường.

Các món vật quí bị đánh cắp gồm có các danh phẩm như bức "Buổi Hòa nhạc" của Vermeer, và hai bức họa của Rembrandts nhan đề là "Thiếu nữ và Thanh niên trong Y phục đen" và "Bão tố trên biển Galilee" là bức họa được nhiều người ưa chuộng nhất tại viện bảo tàng. Cả hai bức tranh nầy đều được vẽ năm 1633.

Cùng bị lấy đi là bức tự họa khắc bằng a-xít do Rembrandt sáng tác, nhưng một bức tự họa khác nổi tiếng hơn của ông bày trong cùng phòng đó thì vẫn còn nguyên.

Cũng bị mất cắp là một tác phẩm nhan đề "Phong cảnh với ngọn tháp" mà cho mãi đến hồi gần đây người ta vẫn cho là do Rembrandt vẽ ra, nhưng nay thì được cho là một trong các đồ đệ của ông là Govaert Flinck sáng tác. Năm tác phẩm của Edgar Degas, một bức tranh sơn dầu của Edouart Manet và một chén vại bằng đồng thiếc của triều đại nhà Thương từ năm 1200 đến 1100 trước Tây lịch bên Tàu cũng đã bị đánh cắp.

Các tác phẩm khác trong viện bảo tàng, kể cả bức danh họa được sùng bái của Titian nhan đề "Vụ hiếp dâm Europa" đã không hề hấn gì.

Đây là vụ trộm đầu tiên tại viện bảo tàng thanh lịch nầy mà người ta đã xây cất quanh một sân trồng hoa thơm cỏ lạ kể từ khi viện bảo tàng mở cửa vào năm 1925.

Thomas Hughes, một nhân viên FBI đặc trách điều tra cho biết ông không thể tiết lộ các chi tiết vây quanh vụ trộm, kể cả cách làm sao mà các hệ thống báo động an ninh và máy quay phim đã bị vô hiệu hóa.

Theo ông, mặc dù FBI tin rằng có hai tên trộm đã can dự vào vụ nầy, "nhưng rất có thể là còn nhiều người hơn thế nữa." (VP)

Một quyển sách kết tội tướng Eisenhower đã gây nên "cái chết dần mòn" của các tù binh chiến tranh

TORONTO (Knight-Ridder Newspaper) -- Được đóng gáy và bìa màu xanh ô liu nhà binh, quyển sách không mấy dày gồm 174 trang nầy kể chuyện về Tướng Eisenhower, Tên Đao Phủ.

Đây ắt hẳn là câu chuyện về mặt người khoác chiếc tạp dề đứng sau quầy thịt dưới phố, có người đã nghĩ vậy, chứ không phải là về người anh hùng của Đệ nhị Thế chiến và vị tổng thống thứ 34 đầy nhân ái như cha già của Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ.

Nhưng trong quyển "Những Tổn Thất Khác", một quyển sách thuộc loại nghiên cứu bán chạy nhất do một tiểu thuyết gia ở Toronto viết ra, Đại tướng Dwight Eisenhower được mô tả như là một kiến trúc sư của "những cái chết dần mòn" vì đói khát, dầm mưa dãi nắng và bệnh tật của "rất có thể là trên một triệu" tù binh chiến tranh Đức đã phải sống trong cảnh dơ dáy và hôi hám của các trại tù binh của Đồng minh ở Pháp và Đức.

Dựa vào các tài liệu không được ai nhắc tới trước kia của Lục quân Hoa Kỳ và vào những cuộc phỏng vấn các viên chức quốc phòng, các cựu tù binh chiến tranh và các lính gác trại giam ở Pháp và Đức, James Bacque đã viết một thiên truyện sử nổ ra như một trái bom mà nhiều người không tin nổi vì nó quá xúc phạm, nhưng lại cũng không thể nào bác bỏ nổi vì nó quấy rầy quá nhiều giới.

Sáu tháng sau khi quyển sách được xuất bản, các sử gia, các cựu tù binh chiến tranh Đức và các lính gác trại tù binh củ người Mỹ đều bị lúng túng trong những tình cảm trái ngược đối trước những tội ác bị tố cáo là đã xảy ra sau chiến tranh.

Kể từ khi sách được xuất bản thì những lời tường thuật của các cựu tù binh chiến tranh đã mô tả chi tiết về tình trạng đen tối và những cái chết quằn quại, làm nổi lên cái bóng ma của cuộc tàn sát tập thể mà 44 năm qua đã được giữ trong yên lặng.

"Lòng thù ghét dữ dội và đầy những ám ảnh của Tướng Eisenhower không những chỉ có đối với chế độ Quốc xã mà trên thực tế đã có đối với mọi thứ thuộc về người Đức... và vì thế đã sản sinh ra những trại giết người hãi hùng không có gì trong quân sử Mỹ có thể so sánh được, đó là theo lời của Ernest Fisher, một Đại tá lục quân hồi hưu và là một cựu sử gia của Lục quân, đã viết trong lời mở đầu của quyển sách.

"Những Tổn Thất Khác" là một thách thức chấn động quan niệm của mọi người đối với Eisenhower như là một nhà quán quân không mệt mỏi của

tự do và một địch thủ đáng sợ của mọi áp bức.

"Đây là một vấn đề rất dễ gây xúc động", theo lời của Peter Hoffmann, giáo sư lịch sử Đức quốc tại Viện Đại học McGill ở Montréal. "Bất cứ lúc nào mà một tội ác chiến tranh của phe Đồng Minh được nêu lên thì người ta liền kết án ngay, đó là một sự cố gắng nhằm làm cho các Lò Hỏa thiêu người (của Đức Quốc Xã) trở nên nhỏ bé hơn. Không có ai muốn bị kết tội như vậy."

"Thật là chuyện dễ dàng để chấp nhận việc Hitler đã tàn sát người Do Thái và việc Stalin đã để cho 14 triệu dân chúng phải chết. Nhưng thật cũng dễ dàng để mà quên đi hành vi của Eisenhower", đó là theo lời của Hoffmann, người từng bình luận thêm rằng ông tin vào những lời buộc tội của Bacque.

Cái từ "những tổn thất khác" là một danh mục được liệt kê trong các bản báo cáo về tù binh chiến tranh của Lục quân. Bacque và Philip Lauben, một Đại tá Lục quân hồi hưu đặc trách chuyển đổi tù binh, cho biết rằng hơn 98 phần trăm "những tổn thất khác" đó hồi Đệ nhị Thế chiến là những cái chết trong trại tù binh.

Bacque tố cáo rằng Eisenhower đã thay đổi qui chế của các tù binh chiến tranh Đức để từ chối quyền lợi của họ đã được bảo đảm bằng Công ước Geneva về tù binh chiến tranh.

Sau khi lùa họ vào các đồng cỏ bùn lầy không có mái che, thiếu áo quần và các tiện nghi vệ sinh tối thiểu vào mùa Xuân năm 1945, Eisenhower đã viện cớ thực phẩm bị khan hiếm để ra lệnh cắt giảm khẩu phần của tù binh xuống mức chết đói, Bacque viết như thế.

Ủy ban Quốc tế của Hội Hồng Thập Tự đã bị Eisenhower khước từ giấy phép mang thực phẩm cứu trợ tới, Bacque viết như vậy. Giữa khi các tù binh chết đói thì các tủ thức ăn của Lục quân (Mỹ) lại đầy ắp. Eisenhower và các sĩ quan khác của Lục quân đã

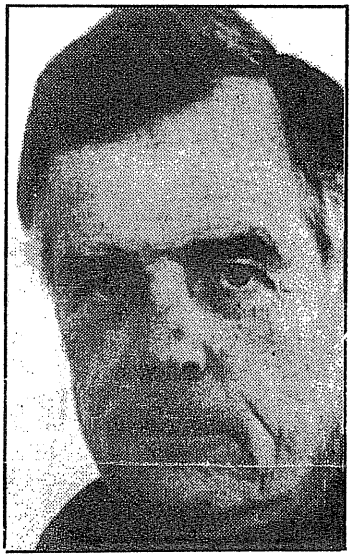

James Bacque

ngụy tạo các bằng chứng để che dấu các hành vi của họ, cũng vẫn theo lời Bacque, để ém nhẹm "những điều gian trá" từng "chồng chất nhiều lớp lên trên sự thật"....

Tuy thế, vẫn còn có nhiều câu hỏi chưa được trả lời thỏa đáng trong cuộc tranh cãi này: Lục quân (Mỹ) có oa trữ thực phẩm để cho tù nhân phải thiếu ăn không? Có phải các tài liệu đã bị giả mạo để che đậy tội ác như theo lời Bacque tố cáo không? Rồi nếu một triệu tù binh đã bỏ mạng thì thi hài của họ ở đâu? Và tại sao mà những báo cáo về những cái chết tập thể kiểu nầy lại bị chôn vùi suốt hơn bốn thập niên qua?

Sự thiếu vắng các tin tức mà quyển sách (của Bacque) đã đề cập tới tại Hoa Kỳ là điều thật rõ rệt, các sử gia đều cho biết như thế. (VP)

"Năm Cánh Gia Huy" ("The Quincunx") khiến người đọc mê mẩn

Nhan đề: "Năm Cánh GIa Huy" ("The Quincunx")

Tác giả: Charles Palliser

Nhà xuất bản: Ballantine, 788 trang, có minh họa, giá 25 Mỹ kim.

Đây là một tiểu thuyết mà nếu tuần nào độc giả cũng bỏ ra một ngày Chủ nhật để đọc thì sẽ phải mất cả năm trời mới đọc xong, đọc một cách mê mẩn.

Mê mẩn theo đúng nghĩa của nó, bởi vì câu chuyện có những lúc cực kỳ lôi cuốn đến nỗi hiện thực biến mất, và bạn cảm thấy tức giận khi có người cứ muốn bạn tạm dừng đọc để ăn tối cái đã.

Nhưng bạn cũng mê mẩn theo cái nghĩa tiêu cực nữa, bởi vì cốt truyện ngày càng trở nên phức tạp đến nỗi nếu bạn cứ cố thu xếp cho cái nào ra cái nấy thì bạn lại có cảm tưởng như đầu óc của bạn sắp nổ tung ra vậy.

"Năm Cánh Gia Huy", quyển tiểu thuyết nầy có cái tên kỳ lạ như thế đó, nói về một kiểu trang trí gồm năm mẫu sự vật đã tạo nên tấm gia huy của giòng họ nhân vật chính trong truyện.

Truyện nầy là một sáng tác của Charles Palliser, tốt nghiệp Đại học Oxford, người đã dùng 12 năm trời để khảo cứu các chi tiết của từng giai đoạn mà quyển sách đề cập đến trong bối cảnh của Luân Đôn vào hồi đầu thế kỷ 19.

Truyện gồm hơn 500,000 chữ. Trong truyện có tám bản đồ của Luân Đôn; năm tấm gia huy, năm bản gia phả mà trong đó bốn bản đã lặp lại bản đầu

tiên bằng những chi tiết ngày càng dồi dào và rắc rối; và một danh sách theo thứ tự abc của hơn 150 danh xưng được dùng để tiện theo dõi tên các nhân vật và địa danh khi nào bạn đọc bị lầm lạc, nhưng có điều là nó cũng chẳng cho biết được gì nhiều hơn là những điều mà cốt truyện đã cho biết.

Hầu như người ta không thể nào diễn tả được cốt truyện của "Năm Cánh Gia Huy" ra sao cả. Đại khái thì đây là câu chuyện về một cậu thanh niên tên là John đang ôm nhiều hy vọng tốt đẹp trong khi chờ đợi một vụ kiện đòi thừa hưởng một sản nghiệp lớn lao được xử mà phần thắng về cậu. Cái khó là cơ may của cậu lại còn tùy thuộc vào một mẩu văn tự viết trên da thú thuộc quyền sở hữu của mẹ cậu, một bản bổ chính vào di chúc mà dường như có hằng nghìn kẻ thù bí mật đang săn đuổi, tranh giành.

Nhà văn Charles Pallister The New York Times

Trong lối kể chuyện dùng ngôi thứ nhất của cậu John theo bút pháp của Dickens, những kẻ thù địch vô lương tâm nầy đã lừa phỉnh người mẹ chất phác của cậu để giành lấy món của cải vừa đủ để sinh sống của bà và buộc bà phải cùng với cậu chạy trốn khỏi một mái ấm gia đình ở miền Bắc để đi vào những khu nhà chằng chịt ở trung tâm kinh thành Luân Đôn.

Tại đó, cả hai mẹ con hễ hở ra là bị lừa phỉnh, và rồi họ lún sâu xuống, xuống tuốt dưới đáy cùng của xã hội; xuống dưới những căn nhà trọ rẽ tiền ở đó có những người lường gạt cậu John để bắt cậu làm việc cho bọn đào mả lấy của; xuống tận hố sâu của giới hạ tiện Luân Đôn; xuống nữa, xuống mãi cho đến khi cậu John tới tận cùng kiếp sống nơi cống rảnh của Luân Đôn, đi mò từng đồng xu bị vất bỏ dưới đáy bùn.

Từng hồi, nhân vật của tác giả mở miệng nói với mọi người và tiết lộ cho thấy những mánh khóe xấu xa của những kẻ âm mưu tham lam đủ loại: "Chúng ta thử tưởng tượng rằng, vào một buổi chiều lộng gió nào đó cách nay mấy năm, chúng ta đang đứng ở khu phía tây của kinh thành... Đứng bên cạnh chúng ta trên vỉa hè là một con người mặc một chiếc áo choàng tiều tụy, với chiếc vành mũ sụp xuống tận mí mắt. Hắn đang ngước nhìn lên một ngôi nhà nào đó. Chúng ta cũng thế, cũng ngước mắt lên, đảo ánh mắt từ phía cái Nghèo khó để rảo sang phía cái bóng ma của sự Giàu có, Vênh váo và Thế lực."

Như thế, liệu quyển "Năm Cánh Gia Huy" có đáng công phải đầu tư ngần ấy thời gian viết lách không?

Khi nhìn lại tác phẩm này, người ta thấy đó là một công trình nghệ thuật thời cổ, một công trình tổng hợp vĩ đại trong một tiểu thuyết thời Victoria có sự đóng góp của mọi nhà văn Anh thế kỷ 19, từ Thakeray tới Trollope cho đến Hardy. Nhưng các bạn lại chẳng ghi nhận được bất cứ cái cảm gác hoặc tâm tình nào mà quyển truyện đã gợi nên.

Các bạn nhìn thấy Luân Đôn của thế kỷ 19, đúng rồi đấy, nhưng đó là một Luân Đôn đã mặc áo, đội mũ và cho vào viện bảo tàng rồi, một Luân Đôn đã được nhồi bông và đặt cao lên để triển lãm.

Các bạn cảm nhận được cuộc tranh đấu của John, nhưng cuộc tranh đấu đó xem ra bất tận và không có hình thù rõ rệt.

Cái chính yếu mà bạn ghi nhớ về tác phẩm nầy là cảm giác bạn bị thúc bách phải đọc nó. Đây có thể là điểm then chốt và thành công của "Năm Cánh Gia Huy". Nó khiến cho các bạn cứ phải tiếp tục đọc cho kỳ hết câu chuyện mới thôi.

Bùi Bảo Trúc đọc Gió Đêm của Trần Thị Kim Lan

Đến với những chiếc cửa mở vào đời sống khác

Mỗi lần nghĩ tới Boston, bao giờ tôi cũng mường tượng ra những tòa buyn đinh xám ngoét, những dây trường xuân run rẩy bám trên những bức tường đá cổ, chút không khí lạnh dưới một bầu trời hắt hiu, u ám nặng trĩu của những trận tuyết lúc nào cũng như sắp đổ chụp xuống. Tôi có cảm tưởng không có những thứ đó, thì Boston không còn là cái thành phố của vùng Tân Anh Cát Lợi nữa. Mãi sau trong một dịp tình cờ, nghe đọc lại một bài thơ của Robert Frost, bài thơ *The Road Not Taken*, "Con Đường Không Ai Đi" của nhà thơ viết rất nhiều về những tiểu bang miền Đông Bắc Hoa Kỳ này, tôi mới hiểu rằng những hình ảnh ấy đã bám chặt vào đầu óc của mình từ khi đọc bài thơ này lần đầu. Căn nhà ẩn sau rừng cây. Cánh đồng tuyết. Bầu trời thấp, chiều âm u, tiếng nhạc ngựa đều đều, những sợi khói quằn quại vươn lên từ ống khói, chuyến đi và những hẹn ước dở dang. Đó là những ấn tượng đầu tiên của tôi về Boston đến từ một bài thơ tả cảnh mùa đông ở Tân Anh Cát Lợi.

Mở tập truyện của Trần Thị Kim Lan ra, người ta cảm được thấy ngay cái không khí xám và ướt lạnh đó, từ ngay những trang đầu cho đến cuối của cuốn sách. Những cơn mưa rơi rắc trên đường phố, trên lối về nhà, tiếng gió vật vã ngoài cửa sổ trong một đêm mùa đông. Trong cái mầu xám nhòe nhoẹt đó, dưới những thân trơ trụi lá, cây cỏ đìu hiu của mùa đông Tân Anh Cát Lợi, người đọc bỗng thấy và thấy rất rõ cái cô đơn của các nhân vật trong "Gió Đêm."

Độc giả gặp một cô giáo Việt Nam sống một mình với một cậu con trai cùng cái cảm giác "thấy mình bị từ bỏ giữa muôn người" (trang 37) trên một đất nước mà cô vẫn nghĩ muôn đời xa lạ (trang 36). Cô giáo băn khoăn giữa đám người dị chủng, một bức tường ngăn cách thật cao, thật dầy vây lấy cô, vây lấy những người sống chung quanh cô, cô "buồn, lần đầu tiên thấy mình là kẻ lạ, chẳng những khác về nhân dáng mà còn cả về phong cách" (trang 53). Một lời chào hỏi cũng chỉ làm nặng thêm cái ý nghĩa cô đơn tội nghiệp đó. Cô giáo sống âm thầm trong cái phòng ở khu chung cư, nhưng dần rồi cũng nhìn ra được

Vừa xảy ra...

Nguyễn Huy Thiệp lén gặp báo L'Actualité

Nguyệt san *L'Actualité* ở Canada vừa đăng một phóng sự về Việt Nam của ký giả Carole Beaulieu trong hai số báo liên tiếp. Giữa những trang tả cảnh nghèo khổ, chậm tiến khiến người Việt đọc thấy mắc cỡ, có một đoạn ngắn về Nguyễn Huy Thiệp.

Bà Carole Beaulieu đã hỏi nhà cầm quyền nhiều lần nhưng họ không cho phép bà gặp nhà văn này. Bà phải nhờ người quen, họ tìm người quen khác, hai, ba tầng mới có một người biết Nguyễn Huy Thiệp ở đâu. Người đó là một họa sĩ, dẫn Beaulieu về nhà mình, một gian nhà tồi tàn, để gặp nhà văn. Nhà văn không dám mời khách đến nhà mình vì nó còn chật chội, nghèo nàn hơn nữa.

Trong cuộc nói chuyện ngắn ngủi này Nguyễn Huy Thiệp tỏ ra rất bi quan, trả lời bằng những câu ngắn, mạnh, như nhát dao. "Lương tháng anh có đủ dùng không?" - "Đủ mua mấy bao thuốc lá." "Anh thấy đất nước anh không còn cái gì đẹp nữa sao?" - "Còn, phụ nữ." "Liệu chánh phủ đổi mới có hy vọng thành công không?" - "Đời là ngẫu nhiên (accidentelle), tôi gặp bà hôm nay là ngẫu nhiên. Đổi mới có kết quả hay không cũng là ngẫu nhiên."

Nhà báo tiết lộ Nguyễn Huy Thiệp có hai con, 11 và 13 tuổi. Báo *Le Temps Moderne* in một truyện dịch của Nguyễn Huy Thiệp nhưng cũng không trả tiền. Việc anh gặp nhà báo Carole Beaulieu cũng lén lút, không được phép của chính quyền.

những bàn tay thò ra, những bàn tay cũng cô đơn không kém của cô giáo, những bàn tay giống như những chiếc lá héo úa. Cô giáo bật dậy chăm chút tưới cái chậu hoa đang tàn héo đó. Chiếc lá đó là cụ già Katz gần đất xa trời tâm tính đã lẩn thẩn khi nóng khi lạnh, lúc buồn lúc vui, lúc tử tế, lúc ác độc. Cô giáo kéo bà cụ ra khỏi cái thế giới yên lặng của bà cụ để trở về tham dự cùng với cô những nhọc nhằn trong cuộc sống (trang 62). Chiếc lá đó cũng có thể là Edna, một phụ nữ lái xe bus vui tính, hồn nhiên mà cô giáo gặp, một kiểu quen nhau mấy tháng trời mà chưa-biết-tên-nàng-biết-tuổi-nàng trên con đường tới trường mỗi ngày, một cái mắt xích nối liền người phụ nữ Việt này vào những giao tình lạnh buốt của cái thành phố cô trở lại sau những năm sống cuộc đời của một du học sinh. Chiếc lá đó có thể là những đứa học trò Việt Nam ngỗ nghịch của cô giáo hay Juan, một người bạn của một người bạn, người đem lại cho cô giáo chút phấn khởi trong cuộc sống khi nhìn hạnh phúc của bạn mình. Những chiếc lá trong cái chậu hoa tàn héo đó dường như cái lá nào cũng mang ít nhiều thương tích (trang 154). Những cái lá đầy thương tích đó tìm cách sáp lại gần với nhau mà sống.

Trần Thị Kim Lan viết rất nhiều về nỗi cô quạnh ngay giữa những đám đông chung quanh. Những truyện của cô không phải là những truyện tình theo cái ý nghĩa lứa đôi, xum họp hạnh phúc. Tình yêu thì có đấy, giữa người con gái đi du học gửi về cho người mẹ ở quê nhà, giữa người mẹ và đứa con trai trong đoạn đối thoại rỉ rả một đêm lạnh ở quê người, giữa những con người với nhau, giữa những người bạn không cùng một mầu da. Thân tình thấy rõ ở trong những liên lạc đó. Rồi cũng ngừng ở đó. Trần Thị Kim Lan không nhắc tới một mối tình nào của các vai kể truyện. Chỉ có thấp thoáng mờ nhạt một hai mối tình của những người khác. Mà rồi một nhân vật của cô trong "Hành Trình Vào Đời" đã nói thẳng: "Không cần thiết phải có một người đàn ông trong đời." Các nhân vật của tập truyện chỉ cần những người bạn, những người để chia sẻ "nụ cười, nụ cười hạnh phúc của một người bất hạnh... cái lý luận của một người buồn đi góp nhặt niềm vui. Sao cũng được, bạn bè lưu tâm tới nhau là quí rồi..." những người để "mừng rỡ về sự có mặt của mình."

Kịch tác gia Vũ Khắc Khoan có lần nói với một vài người quen rằng chẳng có cuộc đời nào đáng sống cả: ông trời ấn cuộc đời vào tay mình thì mình sống vậy thôi. Những nhân vật của Trần Thị Kim Lan cho người đọc thấy một cái nhìn khác hơn về cuộc đời. Những người này không phải chỉ sống vậy thôi, và cuộc đời không bóng hạnh phúc của những nhân vật ấy vẫn không hoàn toàn là không đáng sống. Các nhân vật của tập "Gió Đêm" vẫn vươn tới, vẫn bám lấy cái hy vọng như lời bà mẹ dặn dò con gái ở xa: "Làm người Việt Nam không biết chịu đựng, không biết đợi chờ, không biết hy vọng, làm sao sống nổi con ơi." Sau những bất hạnh, sau làn mưa, các nhân vật của Trần Thị Kim Lan vẫn thấy được cái óng ánh của chiếc cầu vồng bẩy mầu rực rỡ. Như Edna mạnh dạn bước tới sau những vấp ngã của cuộc hôn nhân cũ, như chú nhỏ cấm mẹ không được nói hai chữ "tuổi già," như người tị nạn lẩn thẩn Hoàng Trí Nhân vẫn đi tìm bài thuốc uống cho người trắng trẻo, tươi đẹp, hồng hào như những người khác, như Diane, cô bạn cuối cùng tìm ra được hạnh phúc giản dị và hiền lành qua việc tình nguyện đi sang một quốc gia chậm tiến để làm việc.

Trần Thị Kim Lan là người dựng được một chiếc cầu mà phía đầu kia đã ghìm vào được một bên bờ chưa ai trong số các nhà văn Việt Nam ở hải ngoại vươn tới được. Tác giả không dừng lại ở những câu chuyện của đời sống tị nạn, mà dẫn người đọc đến với những chiếc cửa mở vào những đời sống khác hơn là những đời sống của những người Việt tại những cộng đồng ngoài Việt Nam. Trần Thị Kim Lan một tay mở những cánh cửa đi vào những khu vườn nhưng một tay kia, cô vẫn còn giữ chặt một bó hoa hái từ khu vườn cũ ở quê nhà. Hành động hội nhập mà Trần Thị Kim Lan viết trong các truyện ngắn của cô đã phá được con đường chạy quẩn quanh mà một số nhà văn Việt Nam đã chạy hết mấy vòng mà chưa thấy ai rời khỏi được cái vòng quanh quẩn đó.

Một trong những truyện ngắn trong tập "Gió Đêm" đã được Võ Phiến mô tả là một cám dỗ cho những người muốn chọn lấy những truyện hay nhất được viết ở ngoài Việt Nam trong mười lăm năm trở lại đây.

Tập "Gió Đêm" là tác phẩm đầu tay của Trần Thị Kim Lan, tập hợp mười truyện viết trong những năm sau 1986, đã đăng tải trên một số tạp chí văn học ở Bắc Mỹ. Tác giả sinh tại Cà Mâu. Lớn lên tại Bạc Liêu và Sài Gòn. Du học ngành văn chương Anh tại Hoa Kỳ, dậy Anh ngữ trong nhiều năm ở Việt Nam. Trần Thị Kim Lan rời Việt Nam năm 1984, hiện dậy học tại Boston, Massachusetts. Truyện ngắn mới nhất và hay nhất của Trần Thị Kim Lan là truyện "Nụ Cười Nghiêng" đăng trên tờ Thế Kỷ 21 số tháng Hai năm 1990.

BÙI BẢO TRÚC
Tháng Ba năm 1990

Xem tranh Đinh Cường

Một cuộc hội ngộ thơ mộng trên Đồi Gió McLean, Virginia

Đoàn Lưu

Thung lũng hoa vàng, Đinh Cường

Tôi nhận được thiệp mời dự buổi hội ngộ và thưởng ngoạn những sáng tác mới nhất của họa sĩ Đinh Cường trên ngọn đồi Gió do Nguyễn Trần Chuyên, Võ Đình, Phạm Nhuận, Trương Hồng Sơn và Phó Ngọc Văn tổ chức. Có Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy từ California lên, Quế Hương từ San José, Thu Hương từ Arizona, Trân Sa, Phạm Đình Cường từ Toronto. Và những người bạn ngày cũ của anh từ New York, từ Florida xuống. Nhà thơ Phạm Nhuận đã từ Montréal qua trước một tuần để cùng nhóm thân hữu lo cho phòng tranh sớm hoàn tất. Sáu mươi lăm bức tranh sơn dầu lớn, nhỏ chiếm hết cả một tầng dưới căn nhà với dàn đèn chụp chuyên nghiệp như một gallery. Phòng tranh chưa khai mạc, số tranh được *réservé* đã gần ba mươi bức, đến lúc khai mạc bán thêm hai mươi bức nữa. Một thành công thật hiếm có. Có nhiều bức bạn bè phải điều đình nhường lại cho nhau. Những người bạn đến chậm lại tiếc không giữ được. Tôi đã xem tranh anh từ hai mươi năm trước nay mới được gặp lại anh.

Qua một phần tư thế kỷ, Đinh Cường đã mang đến cho người yêu hội họa, qua những phòng tranh trong nước cũng như ở ngoài nước, hoặc trên sách báo, gần cả ngàn bức tranh lớn, nhỏ, minh họa. Nhớ lại những phòng tranh cũ và được xem những bức tranh mới, tôi chợt nhận thấy rằng trong Đình Cường luôn luôn có một sự trở về. Anh như mang trong mình một nỗi nhớ không nguôi đối với kỹ niệm. Trong tranh Đinh Cường không có bóng dáng của cái gọi là sự trở thành *(le devenir)*. Anh có vẻ như đang còn mãi đi tìm cái tuyệt đối trong sự tương đối được lập đi lập lại mãi của một đời người. Tìm đến thế giới tranh của Đinh Cường là tìm đến với sự yên tĩnh đầm chất thơ mộng. Dưới nét bút của anh, không có hình bóng của sự bạo hành hoặc sự nồng nhiệt đầy cuồng nộ của những tâm hồn phương Tây. Cái màu xanh lạnh được chuyển qua nhiều sắc độ khác nhau cùng màu hồng nồng nàn trong những bức tranh xưa vẫn còn tìm thấy lại trên những tấm

tranh mới. Rõ ràng Đinh Cường không muốn tìm kiếm hoặc chạy theo những trường phái mới nữa. Anh đang dừng lại trong những biên giới của chính mình để tìm kiếm qua hình thể, sắc màu, cái vẻ đẹp lung linh của một giấc mơ không nắm bắt được.

Nhìn những bức tranh anh mới vẽ tại Utah, với khung cảnh quen thuộc của núi rừng Đà Lạt, Đơn Dương, Di Linh tôi như vẫn còn nghe thấy được chút nắng vàng rơi dưới thung lũng, đốm lửa bập bùng trên những đường đèo và cả tiếng lục lạc trên cổ con ngựa trắng kéo khoang xe chở đầy trái su xanh trên vùng Lạc Lâm, Kadô ngày nào... Đà Lạt, Huế cùng những màu đất đá rêu phong là nỗi ám ảnh và cũng là nỗi nhớ triền miên của Đinh Cường qua *"Nỗi nhớ chúc ngược"*, *"Để nhớ chiều Couvent des oiseaux Đà Lạt"*...

Rất nhiều bức người xem như giành nhau để giữ: *"Trăng, nhà thờ con gà Đà Lạt,"* *"Bên hàng cây sầu đông,"* *"Huế, đêm xuân lửa,"* *"Nằm nghe thấy em là thác đổ..."* Và Đinh Cường rất thành công ở những nét tinh tế nhất trong các bức chân dung: Bùi Giáng, Doạn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Ỷ Lan, Phạm Nhuận... Họa sĩ Ngọc Dũng nói với tôi: rất thích những măng màu xám, nâu cũ của Đinh Cường và rất thích chân dung Ỷ-Lan. Họa sĩ Võ Đình thì đã giới thiệu: *"Lối vẽ Đinh Cường là lối vẽ phát bộc từ nhu cầu nội tâm, đáp ứng triền miên với những cấn rứt, xô đẩy, vuốt ve, yêu trìu của cuộc sống. Đinh Cường sống thành khẩn và vẽ như sống. Hình thể trong tranh anh không phải là trò chơi kiến trúc, là phép mà bố cục, là ảo thuật tạo hình. Tranh của anh có những đường nét "lững thững như gần như xa," những vạt màu chen lấn nhau, xa rời nhau, hòa mình với nhau và đây đó là những vùng cô tịch để dừng lại, lấy sức, hô hấp, nghỉ ngơi... Là người Việt Nam, với tấm lòng, và mối tình Việt Nam, Đinh Cường đang kiên nhẫn cấu tạo một lối vẽ, đúng hơn một lối nhìn, của riêng mình."*

Tôi còn đọc được trong sổ ghi cảm tưởng những câu thơ tặng Đinh Cường của Võ Đình:

Chim bay hoa nở trăng tròn
Tay vung một nét có còn mai sau
Bút tràn mực ứa ngầm đau
Vẽ lên chỉ mỗi cái màu hư không

Cái màu hư không trong tranh Đinh Cường những tháng đầu trên xứ lạ: *"Chiều màu trời xứ lạ,"* *"Salt Lake City nhìn từ trên U"*, *"Để nhớ Mesa"* nó cũng chìm đắm, bàng bạc một màu khói sương. Hoàng Khởi Phong đã mượn hai câu thơ của Bạch Cư Dị để ghi lại cảm tưởng:

Trời đất lâu dài còn lúc tận
Sầu này dằng dặc một mình ta.

và cảm tưởng của hai nhà thơ nữ:

Những đời sa mạc sầu gió cát
Trên những vô vàn nỗi lặng thinh...

Thanh Bình

Ánh sáng cùng đêm tối
Chớp tắt nửa môi cười

Trần Sa

Tranh Đinh Cường phiêu bồng và thơ mộng. Anh đã tạo được một cõi u tịch riêng bằng chất (matière) để rồi từ đó vở òa ra thần vệ nữ hay đêm xanh đen. Màu sắc ủ và quánh mà vẫn nhẹ nhàng reo ca như vàng kim. Tranh anh là một thế giới ủ kín lâu ngày, chợt vô tình ụp tới. Một không gian vô thức. Những Apollinaire, Max Jacob hay Chagall, P. Reverdy đã một thời kéo dài cả đời mình bay lượn giữa không gian đó. Những sinh vật nhỏ, cỏ cây, lời hót của chim, bờm ngựa trắng được gọi tên, đánh dậy, thức tỉnh trên con đường dẫn về mộng tưởng. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã có lần ghé qua Virginia, đã viết những trang thơ mộng về vùng đầy hoa anh đào này, đâu ngờ nay người họa sĩ trẻ anh mến đã theo vết chữ anh đến đây. Anh đã nhận xét thật sâu sắc về Đinh Cường:

"Tôi mến nếp sống đó lạ lùng, nếp sống Đinh Cường, nếp sống trầm lặng hiền hòa ấp ủ một niềm cô đơn rộng lượng. Có thể ngay từ thuở ấu thời rong chơi miền Bến Cát, Bình Dương, quê nhà, chú bé Đinh Cường đã bị ám ảnh bởi khúc sông vắng lặng, quảng đường heo hút, tiếng chim kêu bơ vơ giữa cái ngút ngàn của rừng cao su hoang tịch. Tất cả những cái đó có thể chỉ còn là những kỹ niệm hiu hắt, nhưng vẫn bủa vây lấy thế giới nội tâm của Đinh Cường khi anh chàng thể hiện mình thành tác phẩm, những tác phẩm. Không khí cô đơn nhưng bao dung rộng lượng tôi thấy bàng bạc trong hầu hết các bức họa của Đinh Cường, hình ảnh thường bắt gặp là một con chim bơ vơ, hay một thánh giáo đường cô tịch."
(Triển Lãm tháng Sáu, 74. Viện Đại Học Duyên Hải Nha Trang bảo trợ)

Thật vậy, tôi như nhìn thấy con chim bơ vơ có thể là một thứ hóa thân của người họa sĩ và nóc giáo đường hoang vắng miền đồi núi chực rung tiếng chuông như sự cứu rỗi của linh hồn. Vẫn còn đấy, trên những họa phẩm mới nhất của anh trên xứ lạ quê người.

ĐOÀN LƯU

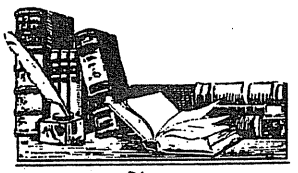

CHỮ VÀ NGHĨA

Đỗ Tỉnh *phụ trách*

Răng đen

Một độc giả rất tinh mắt và rất nhạy cảm của *Thế Kỷ 21,* đã vạch ra một chữ dùng sai trong số 7, tháng 11, 1989. Đó là hai chữ *răng đen* trong câu: "Lãnh tụ Hà Nội là bọn mặt mo, răng đen, vô học, lại xấc láo." Bạn LDS ở Huntington Beach đã than phiền tác giả câu trên lẫn lộn, coi răng đen là một tật xấu kỳ cục của riêng lãnh tụ CS Hà Nội, và vì tác giả ghét họ nên chê luôn cả bộ răng đen.

Lời phê bình đúng không cãi vào đâu được. Tác giả câu trên đã viết thư chịu lỗi, và giải thích tại sao ông mắc phải lầm lẫn tai hại trên. Thư giải thích cũng dài như thư độc giả nên chúng tôi lại chỉ xin tóm lược cái ý chính.

Không biết từ thủa nào khi nói đến cán bộ Cộng Sản Việt Nam từ thấp lên cao, người ta đã gọi họ là bọn răng đen mã tấu. Từ ngữ này xuất hiện từ thời tiền chiến, vốn dùng để chỉ những người đàn ông cục cằn, thô lỗ, và chậm tiến, không theo kịp đà đổi mới của cả xã hội. Từ ngữ đó đã trở thành của dân gian, và đã rất nhiều người dùng, mà những người dùng không hề có ý phê phán một cổ tục của dân tộc, nhuộm răng, ăn trầu, xâm mình v.v. Khi đồng bào miền Nam phải đón tiếp đạo quân chiếm đóng gồm các cán bộ Cộng Sản từ Bắc vào sau 1975 đồng bào cũng vẫn gọi họ là bọn răng đen mã tấu, với các nghĩa trên.

Nhưng nếu một tác giả thận trọng thì khi dùng các chữ đó nên để trong ngoặc kép. Sau khi xin lỗi vì sơ ý, tác giả bài báo nêu lên một từ ngữ hay bị lạm dụng nữa là chữ *cải lương.* Người ta hay nói đến hình ảnh: "thằng cha đó ăn nói cải lương quá." Nhưng khi dùng từ ngữ "cải lương" người nói cũng không có ý chê tất cả nghệ thuật sân khấu cải lương là dở, là đáng bỏ đi.

Những từ ngữ "cải lương," "răng đen mã tấu," "máy nước"... đều được dùng trong một khung cảnh xã hội và lịch sử, lâu dần thành quen, và không liên quan đến cái gốc lịch sử của chúng nữa.

Dầu sao có một độc giả kỹ tính như bạn LDS, lại có một tác giả phục thiện như NHC là một điều *Thế Kỷ 21* phải lấy làm vinh dự. Đồ Tỉnh có nhiệm vụ thông báo niềm vinh dự trên đến quý vị.

* *Thế Kỷ 21* số 7, trang 84: "Cuốn Lê Code này sẽ là *phương tiện* cho các người Việt lớn tuổi cũng như trẻ tuổi sống ở ngoại quốc có một *khí cụ sắc bén* để nói chuyện với người ngoại quốc về nền văn minh nước ta..." Nếu tác giả muốn nói rằng người Việt Nam có thể mang cuốn Le Code (Luật nhà Lê) ra nói chuyện với người ngoại quốc, thì cuốn sách đó không phải là *phương tiện,* nhất là không thể gọi nó là *khí cụ sắc bén.* Có lẽ tác giả muốn nói cuốn sách đó là một *tài liệu,* một *tư liệu,* một *chứng cớ,* người Việt có thể dùng nội dung cuốn sách *để dẫn chứng.*

* *Thế Kỷ 21* số 10, tháng Hai, 1990, trang 9 Vương Hữu Bột viết: "Đông Đức... đề nghị bãi bỏ tình trạng bao cấp, tư hữu hóa ngân hàng, bảo hiểm, điện khí..." Người đọc có thể hiểu nhầm là chánh phủ Đông Đức đề nghị bỏ tình trạng bao cấp, đề nghị bỏ tư hữu hóa ngân hàng, bỏ bảo hiểm, bỏ cả điện khí!! Chẳng qua là tác giả vừa nói vừa nuốt lời. Nếu nói chậm rãi ta sẽ nói: đề nghị bãi bỏ bao cấp, đề nghị tư hữu hóa các ngành ngân hàng, bảo hiểm, điện khí... (Nêu tên theo lời yêu cầu của tác giả).

* Tập san *Phụ Nữ,* tết Canh Ngọ (Montréal, Canada) viết: "cô nào cũng *trang diện* đẹp... cô L. *trang diện...*" (trang 52). Có lẽ tác giả đã tạo một chữ mới bằng cách ghép "trang điểm" và "trưng diện," nghe chưa quen tai. Đoạn sau tác giả viết về các nữ sinh Gia Long thường qua chùa Xá Lợi lễ Phật trước giờ học: "Các anh chàng cây si nhìn thấy con gái Gia Long vừa chăm học, vừa *ngoan đạo* như vậy..." Trong tiếng Việt từ ngữ *ngoan đạo* thường dùng cho các tín đồ thiên chúa giáo. Nói đến các Phật tử, người ta thường dùng chữ *mộ đạo, thuần thành.* Các chữ đó có nghĩa giống nhau nhưng người cẩn thận thì nên chọn chữ nào cho trường hợp đó vẫn hơn.

* Tạp chí *Thủy Triều* ở Tây Đức, số Xuân 1988, có một bài mở đầu vô cùng đặc sắc. Ít có một tờ báo nào của giới trẻ viết một bài có chiều sâu như vậy (trang 1 và 2). Nhưng tác giả viết như một người dịch văn từ tiếng ngoại quốc (có bản tiếng Đức ở trang 3, 4). Chúng tôi thành thật ca ngợi tư tưởng chín chắn và thâm sâu của người viết, nhưng đề nghị nên trau dồi thêm tiếng Việt. Thí dụ: "Còn

Trong mục *Thư Tòa soạn,* ban chủ biên có viết: "Như cái tên *Trong Cõi Người Ta* đã gợi ý, đây là một chương trình *tạp lục,* gồm..." Ý ban chủ biên muốn nói đây là một mục không giới hạn chủ đề, miễn là chủ đề đó có dính dáng một chút ít gì đó đến cuộc sống hàng ngày... Nhưng khi ban chủ biên dùng chữ *Tạp Lục* thì... quá dở! Tạp và Lục đều là hai chữ hán: Tạp là tạp nhạp, hỗn độn, lộn xộn. Chữ này có nghĩa là (nhiều thứ khác nhau) xấu, như trong chữ Tạp Kịch, có nghĩa là một tuồng hát vặt: hay là Tạp Niệm, có nghĩa là những tư tưởng tạp nhạp, không hệ thống. Còn chữ Lục thì nó chỉ có nghĩa là sao lại, viết lại. Dĩ nhiên chúng ta có thể đem những tạp lục của cuộc đời đem ra mổ xẻ... Nhưng mục đó không phải là một mục tạp lục (vả lại nếu đó là một chương trình tạp lục thì ban chủ biên còn muốn giữ quyền edit lại làm gì? Như ban chủ biên đã xin phép). Một điểm trừ cho người xài chữ đó (trong trường hợp trên).

Thế Kỷ 21, ở trang 90, phần điểm sách của Trần Vũ, có viết: "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu là tập truyện ngắn được quan tâm nhất trong năm 1990 *(mặc dù năm 1990 chỉ mới bắt đầu vào giữa tháng Hai).* Không, năm 1990 (hay bất cứ năm nào) bắt đầu vào tháng Giêng. Người viết mục nầy viết nhanh quá. Câu trên lẽ ra phải được viết (mặc dù bây giờ chỉ là giữa tháng hai).

Tiếp theo đó Thế Kỷ 21 viết: "Trong một bài trả lời phỏng vấn của tạp chí Thế Kỷ 21 *(số hiện đang có trong tay các bạn)*". Không, số (báo) không hiện có trong tay của bạn. Phải viết: (số báo bạn đang có trong tay). Có lẽ người phụ trách viết Chữ nhanh quá nên không thấy kịp Nghĩa!) (NKP, Virginia)

---

những người trẻ thì đi tìm cho mình một thứ tiếng nói thật mạnh, thật kêu để diễn tả những cảm giác đã trở thành câm nín. Nhưng cũng nhanh chóng như chúng đã được sinh ra trong tuyệt vọng, tiếng nói ấy rồi cũng sớm trở nên những ngôn từ trống rỗng." Chúng ta có thể "dịch" lại là: "Còn những người trẻ muốn mở tung (diễn tả) những tiếng nói thật mạnh, thật kêu. Nhưng các tiếng nói đó rồi cũng sớm trở thành trống rỗng nhanh chóng, như khi chúng được tạo ra trong nỗi tuyệt vọng" viết như vậy suôi, theo lối của người Việt Nam hơn.

Tần Tảo

Chúng ta thường hay dùng chữ Tần Tảo, hoặc Tảo Tần để chỉ người buôn bán chăm chỉ, nhặt nhạnh những công việc nhỏ để nuôi gia đình. Chữ này đặc biệt dùng cho phụ nữ:

Sớm khuya chăm việc tảo tần
Thờ cha kính mẹ đôi lần chẳng sai.
(Truyện nôm *Phạm Tải, Ngọc Hoa)*

Tần, Tảo là hai thứ rau. Trong *Kinh Thi* có câu: Vu dĩ thái *tần,* nam gian chi tân -- vu bỉ thái *tảo,* vu bỉ hàng lạo" (Đi hái rau tần, bên khe suối phía nam -- đi hái rau tảo, bên bờ lạch nước kia). Câu này tả cảnh chịu khó của người phụ nữ, do đó sinh ra chữ "tần tảo"

Câu: *Đã trong tần tảo lại ngoài ty ca*
(Bích Câu Kỳ Ngộ)

nghĩa là vừa chịu khó làm lụng, lại đờn ca giỏi. Phụ nữ như vậy thật là toàn bích!

Tam Bành

Chữ Tần Tảo chỉ dùng cho phụ nữ, vì xuất xứ từ câu trong *Kinh Thi* nói về phụ nữ. Không hiểu sao chữ Tam Bành cũng chỉ dùng để nói về cơn giận của phụ nữ:

Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên
(Truyện Kiều)

Theo kinh Phật có ba thứ quỷ gọi là Bành: Bành Kiêu, bành Cử và bành Chất, ở trong đầu, trong bụng và trong tim để xúi người ta làm điều xấu. Trong kinh nói nam hay nữ đều có ba con quỷ đó cả. Có lẽ người ta chỉ nói "nổi cơn tam bành" khi nói đến phụ nữ nổi giận vì ảnh hưởng của câu thơ truyện Kiều, câu đó Nguyễn Du viết về mụ Tú Bà. Nếu Nguyễn Du tả Từ Hải giận dữ bằng chữ "tam bành" thì chắc con cháu chúng ta sẽ chỉ nói các ông nổi cơn tam bành thôi!

TRONG CÕI NGƯỜI TA

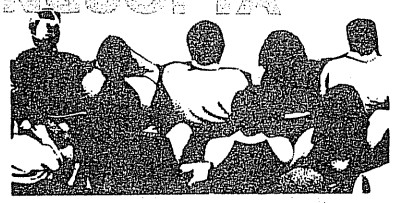

Mê gái là bí mật quốc phòng

Chu Văn là một tác giả Cộng Sản ở Việt Nam, được đảng và nhà nước rất ưu ái, tên được ghi vào từ điển văn học cũng như Lịch Văn Hóa. Trong tạp chí *Tác Phẩm Văn Học*, tháng 4, 1989, Chu Văn kể lại kinh nghiệm viết văn thiếu tự do khổ sở như thế nào.

Sau khi cuốn tiểu thuyết *Bão Biển* ra đời năm 1969 Chu Văn được một "đồng chí cao cấp" và lớn tuổi (vẫn chưa dám tiết lộ tên thật) gọi lên khen ngợi. Khen xong, đồng chí đề nghị nên sửa vài chỗ. Nên sửa nhân vật chính của chuyện. "theo ông, để cho người đảng viên đầy tài năng và nhiệt huyết này, lại đi mê gái, thì rất không nên" (sđd trang 128). Thứ hai, nhân vật nữ tên Nhân cũng phải sửa, vì nó là đứa theo địch, chống chánh quyền Cộng Sản, thì "không thể để cho nó có thể tốt được." Khi tiễn chân tác giả cuốn tiểu thuyết 900 trang ra xe, ông cao cấp còn dặn: "Nếu ta viết là anh chiến sĩ Cộng Sản kia mê đắm sắc đẹp, mất lập trường thì kẻ địch nó biết chỗ yếu của mình, nó sẽ đánh vào mặt ấy." (trang 129)

Làm thằng đàn ông thì có lúc mê gái có gì lạ đâu mà phải coi là bí mật quốc phòng? Ở miền Nam đài phát thanh hát ra rả suốt ngày "Anh là lính đa tình" và các anh em chiến sĩ Cộng Hòa vẫn sẵn sàng chờ nữ địch quân tới... đánh vào "chỗ yếu" của mình, không bị ai cấm cản gì cả, sướng thật!

Chu Văn than thở cảnh vừa viết, vừa lách, vừa chui khổ sở như vậy; rồi đến bây giờ lại bị các nhà phê bình chửi vì "còn cái tội minh họa" cho chế độ nữa! Ai bảo chăn trâu là khổ, văn công còn khổ trăm lần!

Mark Twain đi xe lửa

Mark Twain, nhà văn hài hước Mỹ nổi tiếng, cha đẻ của các nhân vật bất hủ như Tom Sawyer và Huck Finn có tật đãng trí. Một bữa ông đi xe lửa. Người kiểm soát giấy xe vô, ông lục túi tìm vé xe. Túi trên, túi dưới, tìm hoài không ra. Viên chức công ty xe lửa nói: "Thôi, ông cụ đừng lo. Lát nữa tôi quay lại, cụ đưa tôi coi cũng được. Nếu cụ không tìm ra cũng thôi, never mind."

Mark Twain kêu: "Mind chứ, lo chứ sao lại không! Phải tìm cho ra cái vé khốn nạn này, chứ không thì tôi đâu biết là tôi mua vé đi tới chỗ nào mà xuống tầu?"

Nhà ông ở Hartford, Connecticutt, có lần Mark Twain đáp xe lửa đi New York. Ông cẩn thận dặn người "xếp tanh" trên tầu: "Tôi ngủ say lắm. Lúc nào xe đến New York ông nhớ kêu tôi. Nếu tôi ngủ say quá, ông cứ kéo cổ tôi dậy, đẩy xuống sân ga."

Người xếp tanh nghe kỹ và làm đúng lời hành khách dặn dò.

Nhưng khi Mark Twain thức giấc vì xe lửa ngừng lại, thì ông thấy mình đang ở ga Washington D.C. Ông nổi giận kêu người xếp tanh đến xỉ vả, chửi bới đã đời. Viên chức hỏa xa nghe chửi một cách điềm tĩnh, rồi bảo nhà văn: "Ông cáu giận, tôi thông cảm. Nhưng ông thử nghĩ cái ông hành khách kia coi. Vì có lời ông dặn mà tôi đem lôi cổ ông ta xuống ga New York. Chắc hắn còn đang chửi tôi dữ hơn nữa!"

Giữa hút và mập

Cả thế giới đang bài trừ... bịnh hút thuốc, giống như bài trừ bịnh aids vậy (trừ Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa, có lẽ). Có nhiều người tiếp tục hút, lấy cớ bỏ hút thuốc sợ bị mập. Mập cũng sinh bịnh thật, nào bịnh tim, bịnh tiểu đường, bịnh phong thấp v.v.

Các bác sĩ ở Royal Free Hospital, London, vừa công bố kết quả cuộc nghiên cứu của họ, cho thấy mấy ông ghiền thuốc chỉ nói ẩu. Hút thuốc điếu sinh bịnh đau cuống phổi, ung thư phổi, đau tim, mạch máu, và... miệng lại hôi hám nữa. Theo báo *Economist* (20-01-1990) thì các bác sĩ trên nghiên cứu 7735 người đàn ông, tuổi từ 40 đến 59, trong hồ sơ của các bác sĩ trong 24 làng. Họ thấy người mập mạp hay bịnh thật, nhưng không nguy hiểm bằng người hút 20 điếu thuốc một ngày. (Họ chưa nghiên cứu phụ nữ)

Hút ống vố đỡ hơn, chỉ nguy hiểm... bằng mập mà thôi (Vương Hữu Bột mừng lắm). Hút xì gà cũng vậy. Vì người hút ống vố và xì gà thường nhả khói ra, không nuốt vô phổi như người hút thuốc điếu.

Liệu thi sĩ Trân Sa có nên bỏ thuốc điếu mà đổi sang ngậm ống vố hay xì gà không? Các bác sĩ bảo không. Họ nghiên cứu kỹ rồi, họ thấy ai đang hút thuốc điếu rồi chuyển ngành sang xì gà, ống vố, cũng vẫn bị nguy hiểm y như cũ. Họ đoán (có lẽ) vì người chuyển ngành rồi vẫn không bỏ được thói quen hít khói vô phổi. Thôi, thà là mập một tý, càng đẫy đà, phúc hậu, xinh gái chứ sao?

Chính phủ Canada mới làm thêm luật chống thuốc lá. Mấy hàng chữ cảnh cáo về bịnh tật phải chiếm một phần ba diện tích bao thuốc, và ở phía trên, in rõ và dễ đọc. Mở bao thuốc ra, lại có một miếng giấy cảnh cáo nữa, gỡ nó ra thì mới kéo được điếu thuốc. Ghê thật.

VƯƠNG CÔNG TỬ
Sưu tầm

Đấu cờ tướng

Truyện vừa

Đỗ Quán Anh

phóng tác

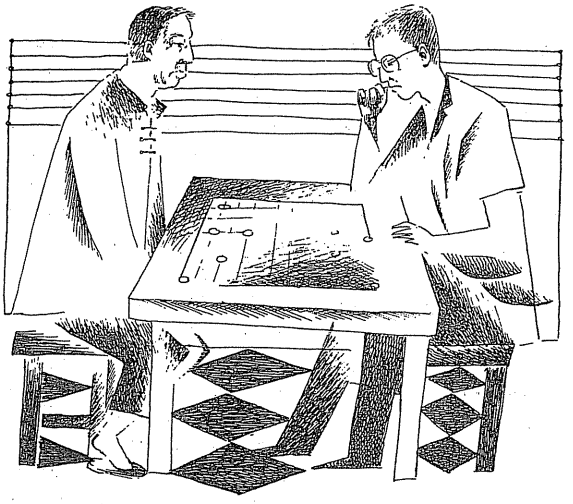

ĐẤU CỜ TƯỚNG *Câu chuyện về cuộc đấu cờ giữa tay vô địch Mã Kinh Lâm và ông Dương, phóng tác vào hoàn cảnh chúng ta năm 1976 để độc giả Việt dễ tiếp nhận và thưởng thức. Ông Dương đã bị biệt giam ở Sàigòn, bị hành hạ tinh thần đến mức muốn phát điên. Ông có được một cuốn sách cờ tướng để giải trí và cưỡng lại cơn khủng hoảng thần kinh. Liệu ông có thành công không? Những trang chót trong câu chuyện hấp dẫn của Stefan Zweig sẽ trả lời cho câu hỏi trên.*

1

Trong hành lang khách sạn Mandarin chúng ta có thể gặp đủ hạng người, đủ mọi quốc tịch. Có gặp vợ chồng người Nhật đã luống tuổi đi du lịch vòng quanh thế giới, ghé Hồng Kông trên đường về để mua thêm ít ngọc thạch làm quà cưới cho con gái. Có thương gia người Đại Hàn nghỉ chân ở đây sau chuyến thăm Trung Hoa lục địa, vừa ký kết xong một giao kèo mở xí nghiệp may quần áo. Có đôi nhân tình trẻ người Úc đi chơi với nhau trước khi quyết định có kết hôn hay không. Ở quày tiếp đón, cô thư ký lách tách đánh máy, người quản lý lúc nào cũng nở sẵn một nụ cười chiêu đãi, cả khi nói điện thoại.

Tối thứ Tư, phòng đợi của khách sạn vẫn tấp nập. Tôi đang đứng trước quày bán báo với một người bạn để chuẩn bị ra đường đi thăm Hồng Kông ban đêm thì thấy chung quanh có tiếng ồn ào nổi lên, mọi người chuyển động như cùng giạt ra về một phía, và đèn chớp nhóa như bao nhiêu cái máy hình cùng chụp một lúc. Người bạn quay nhìn rồi bảo tôi: "Chúng mình ở chung khách sạn với một nhân vật nổi tiếng!" Khi thấy tôi có vẻ chưa hiểu, anh ta chỉ tay nói tiếp: "Mã Kinh Lâm, vô địch cờ tướng Quảng Đông, vô địch cờ tướng Trung Quốc. Hắn đang ở Hồng Kông chuẩn bị đấu với tay vô địch cờ tướng ở đây. Tờ *Nam Dương Nhật Báo* tổ chức cuộc đấu này. Cả Á Châu đang chờ coi trận đấu giữa Mã Kinh Lâm với Trương Tử Kính. Mười ngày nữa mới đấu mà sao hắn đã qua đây sớm thế nhỉ? À, chàng vừa đi

đấu ở Osaka về, có lẽ nằm chờ đợi ở Hồng Kông thì tiền khách sạn rẻ hơn."

Ông bạn tôi người gốc Hoa, vẫn đọc báo Hồng Kông mỗi ngày nên biết rõ tình hình địa phương. Báo chí, đài truyền hình, đâu đâu cũng loan tin Mã Kinh Lâm đã nhận đấu với Trương Tử Kính. Tờ *Nam Dương Nhật Báo* đăng hình nhà vô địch trẻ tuổi họ Mã lên trang nhất. Các trận đấu nổi tiếng trong năm qua của Mã đã được đăng lại ở trang trong, mỗi ngày một trận. Nào lần anh ta hạ Trần Trung Lương ở Thượng Hải, nào lần anh ta thắng ba bàn liên tiếp ở Tokyo khiến cho Sotoyama, tay vô địch Nhật, thề từ nay không bao giờ chơi cờ nữa.

Mã Kinh Lâm mới nổi tiếng từ vài năm nay. Nhưng giới chơi cờ tướng từ Á Châu sang đến Mỹ Châu ai cũng biết đến anh ta. Không phải chỉ vì anh ta đánh cờ giỏi, nhưng còn vì anh ta không biết chữ. Nói không biết chữ cũng oan. Thực sự anh có thể nguệch ngoạc ký tên, và có thể đọc được thực đơn khi vào tiệm ăn. Nhưng nếu bảo anh đọc một bài báo, một cuốn sách thì anh chịu. Chắc chắn là anh ta không hề viết cái gì bao giờ. Những giao kèo thi đấu của anh phải có thư ký đọc cho nghe, và chỉ chỗ để anh ký tên.

2

Mã Kinh Lâm mồ côi từ năm lên mười. Bố mẹ anh ta chết trong một trận lụt lớn, khi cả hai cùng đi hộ đê bảo vệ Công Xã. Vì vậy họ được phong liệt sĩ, và Mã được viên bí thư huyện ủy mang về nuôi. Bố mẹ Mã vốn gốc nông dân, một chữ bẻ ba không biết. Ông bí thư huyện cũng thất vọng là thằng bé con một nhà anh hùng lao động mà học không hết bậc tiểu học. Sách vở đối với chú bé này thật là vô dụng. Chú có thể nhìn hàng giờ vào một dòng trích trong Ngữ Lục của Mao chủ tịch, đọc đi đọc lại cả trăm lần vẫn cứ vấp váp. Ngày hôm sau có đưa cho chú câu Ngữ Lục bữa hôm trước, chú ta sẽ không biết là mấy chữ vuông tròn đó là cái gì. Mười bốn tuổi chú vẫn chưa thể cộng được 4 với 5 là 9 nếu không đưa ngón tay ra đếm. Không phải là vì chú lười. Sai gì chú cũng làm tăm tắp. Ông bí thư huyện nuôi chú như đầy tớ. Gánh nước, bổ củi, quét nhà, làm bếp, rửa chén, việc gì chú cũng làm được, và làm cẩn thận, từ tốn, đến nơi đến chốn, nhưng luôn luôn từ tốn, chậm chạp.

Điều làm ông bí thư chán nhất là thằng bé lúc nào cũng có vẻ lãnh đạm với mọi chuyện ở đời. Nó không cười, không đặt câu hỏi, không chơi với trẻ con lối xóm. Làm xong việc gì rồi là nó ngồi yên chờ sai việc khác, mắt nhìn lơ đãng vào quãng không, như con trâu nằm nghỉ dưới bụi tre già. Suốt bốn năm trời, mỗi buổi tối, khi ông bí thư ngồi xuống bắt đầu đánh ba ván cờ tướng thường lệ thì chú bé cũng kéo ghế đến ngồi bên. Ông có thể sai chú đi lấy hộp quẹt để ông châm mồi ống vố, hay đi đem ấm nước pha thêm trà. Xong, chú bé lại về ngồi bên chờ đợi, mắt chăm chú ngó bàn cờ tướng.

Một bữa ông bí thư đang chơi dở ván cờ với người hàng xóm thì một người chạy đến gõ cửa một cách khẩn trương. Ở khu nhà nữ có một vụ đánh ghen đổ máu, người ta mời ông tới ngay giải quyết vì cả hai mụ đàn bà còn ghì chặt lấy tóc nhau không chịu buông. Ông bí thư đành bỏ ván cờ đi ngay. Ông hàng xóm uống nốt chén trà thiết quan âm còn dở cho khỏi phí, châm thêm một điếu thuốc, rồi cũng tính thu dọn bàn cờ ra về. Bỗng ông ngừng tay khi nhận ra thằng bé Mã Kinh Lâm đang chăm chú nhìn xuống bàn cờ, bất động như thể nó không biết ông chủ của nó vừa tất bật ra đi.

"Mày chơi tiếp được không?" ông hàng xóm nói, nghĩ rằng đứa bé này chưa chắc đã sạch nước cản, nói gì chuyện chơi cờ.

Chú bé ngẩng lên, rồi gật đầu. Nó nhẹ nhàng đứng dậy, ngồi vào chỗ của ông bí thư. Trong vòng 15 nước cờ, chú bé đã chiếu bí ông hàng xóm, khiến ông phải cười, thú nhận là mình có hơi khinh địch. Ông đòi đánh thêm một bàn nữa; và lần này thằng bé lại thắng!

Tác giả: Stefan Zweig (đọc là Xvaig) (1881-1942) nổi tiếng với nhiều thể loại văn chương: thơ, tiểu luận, truyện ngắn và viết tiểu sử. Sanh ở Vienne, Áo quốc, học ở Pháp, Anh, Đức, sống ở Salzburg (Áo Quốc). Cho đến năm 1934, ông sang Anh ở, và từ 1940 sống tại Brazil. Stefan Zweig rất chú ý đến phân tâm học của Freud, mà ông đã viết tiểu sử, nghiên cứu nghệ thuật tiểu thuyết của Balzac, Dickens, Dostoyevski, và thơ Holderlin, tư tưởng Nietzsche. Tiểu thuyết của ông nằm giữa hai loại truyện ngắn và truyện dài. *Truyện Đánh Cờ (Sachnovele)* được coi như di chúc nghệ thuật của ông, bày tỏ nỗi bi phẫn của một người thiết tha với di sản tinh thần của văn minh nhân loại, nhưng thất vọng trước cảnh chủ nghĩa Quốc Xã Đức đang hủy hoại di sản đó và hủy hoại con người trên chính quê hương Áo Quốc của ông. Cuốn truyện được xuất bản lần đầu ở Thụy Điển năm 1943, một năm sau ngày hai vợ chồng Stefan Zweig tự sát ở Brazil.

Khi ông bí thư huyện trở về, ông trợn tròn mắt kinh ngạc. Ông vỗ đầu đứa bé và nhìn ông hàng xóm, kêu lên: "Ngữ lục! Ngữ lục của Mao chủ tịch!" Ông phải giải thích cho người bạn cờ hiểu rằng có người đàn bà nhờ đọc Ngữ lục của Mao chủ tịch nên đẻ không đau, lại có hảo thủ bóng bàn nhờ đọc Ngữ lục nên trở thành vô địch. Nếu thằng bé dốt đặc cán mai này mà tự nhiên đánh cờ tài như Đế Thích, chắc chắn phải vì nó đọc đi đọc lại các câu Ngữ lục của Mao chủ tịch, dù nó không thuộc mặt chữ.

Dầu lúc đó đã gần nửa đêm, ông Bí Thư cũng không cầm lòng được, đòi đánh một ván cờ với thằng bé Lâm. Đánh được hai mươi nước thì chú bé hạ ông chủ. Nó đánh cờ chậm chạp, chắc chắn, đầu cúi chăm chú xuống bàn cờ, không chớp mắt. Nhưng rõ ràng nó là một kỳ thủ đại tài. Mấy ngày hôm sau, ông Bí thư và ông hàng xóm cùng thử sức với thằng bé, và lúc nào cũng thua nó. Ông bí thư tự hỏi không biết cái thằng bé chỉ học được chữ nhất, nhị tam, đến tứ, ngũ là mù tịt, thì làm sao nó tính được nước cờ? Phải mang nó đi thử sức với người khác coi sao. Tới cửa hàng hớt tóc mậu dịch, ông bảo người ta cạo bớt cái đầu tóc rễ tre của nó, cho nó mặc cái áo sơ mi trắng cũ của ông, rồi ông đưa nó tới câu lạc bộ công xã. Ông biết mấy tay kỳ thủ xuất chúng vẫn tụ họp ở Câu Lạc Bộ vào tối thứ Bảy, sau giờ học tập Ngữ lục của Mao chủ tịch là đấu cờ cho tới sáng.

Khi ông bí thư đưa chú bé 15 tuổi, đầu cạo trắng hếu, áo cũ màu cháo lòng rộng thùng thình, bước vào chỗ bàn cờ xin cho đấu thì ai cũng phá ra cười. Thằng bé ngượng nghịu nhìn xuống đất, rồi líu ríu để người ta dẫn nó đi tới một cái bàn cờ. Ván đầu tiên, nó thua vì địch thủ đi một lối lạ, mới vào mấy nước đã tấn mã qua sông, nó chưa thấy ở nhà ông bí thư đánh lối đó bao giờ. Đến ván thứ hai, nó thắng. Ván thứ ba, nó hạ tay cờ lão luyện nhất của câu lạc bộ, một tay vẫn tự hào đã đọc ba ngàn lần cuốn Ngữ lục của Mao chủ tịch, chỉ nghỉ có một lần khi vợ đi đẻ và một lần trong công xã có mổ heo. Sau đó chú bé Mã Kinh Lâm lần lượt hạ hết kỳ thủ này đến kỳ thủ khác.

Ngay trong đêm đó cả công xã đều biết tiếng một Đế Thích tái sinh vừa làm điên đảo quần hùng ở câu lạc bộ cờ tướng. Ngày hôm sau, người ta ăn mừng bằng một buổi học tập đại quy mô cuốn Ngữ Lục và tiếp theo là cuộc thách đấu cờ tướng hào hùng. Ban quản đốc Công Xã cho uống nước trà có cả đường, và treo giải ai thắng được thần đồng Mã Kinh Lâm sẽ được tặng một hột vịt muối xưa nay vẫn giành để xuất khẩu. Tất nhiên không ai chiếm được giải hột vịt muối này, nhờ thế chỉ tiêu xuất khẩu không hề bị hao hụt.

Tiếng tăm của Mã Kinh Lâm bắt đầu lừng lẫy. Ông Bí Thư cũng lấy làm hả hê, vinh dự vì chính ông là thày dạy võ lòng cho thần đồng Mã Kinh Lâm từ nước ghểnh mã đến nước pháo đầu. Ông cho phép chú bé được đi dự đấu ở các làng xã chung quanh, miễn là nơi nào mời cũng phải trả một khoản tiền di chuyển và tiền trà nước. Đến đâu cũng vậy, chú thần đồng lúc nào cũng im lặng, chăm chú ngó xuống bàn cờ, đi từng nước sẽ sàng như lúc chú đang rửa chén hay quét nhà ở nhà ông Bí thư. Ngay cả khi chú thắng hết người nọ đến người kia, thiên hạ vỗ tay ào ào, chú vẫn bất động. Chỉ khi có người hô to khẩu hiệu "Tư tưởng Mao chủ tịch vạn thắng" chú mới đưa tay lên hô theo: "Vạn thắng!"

Sau khi Mã Kinh Lâm đã thắng nhiều kỳ thủ rồi, câu lạc bộ Công Xã lại đề nghị chú đấu cờ song song. Phải mất thời giờ để giải thích cho chú bé nhà quê hiểu là chú sẽ đấu với nhiều địch thủ cùng một lúc, chú sẽ chạy từ bàn nọ sang bàn kia. Chú bé Lâm nhận lời. Chú lê đôi guốc mộc lốp cốp đi giữa phòng từ bàn này sang bàn khác, đấu cờ với tám tay cừ nhất Công Xã, và chú đã thắng bảy bàn.

Chi bộ đảng ở Công Xã họp nhau bàn luận. Cậu bé Mã Kinh Lâm, 15 tuổi, đọc và viết không thông, làm không nổi bốn phép tính, nhưng nhờ đọc thuộc lòng mấy câu Ngữ Lục của Mao chủ tịch mà trở nên một cao thủ cờ tướng, chuyện này rất có lợi cho đường lối đảng. Chính trị viên Công Xã đề nghị đưa chú Lâm đi biểu diễn các nơi, để làm điên đảo các tay cờ nổi tiếng toàn tỉnh Quảng Đông. Tỉnh đoàn Thanh Niên đề nghị cấp học bổng cho Mã Kinh Lâm ở lại Quảng Châu một năm, trau dồi nghệ thuật cờ tướng. Thôi, thế là bước đường vinh quang của họ Mã đã bắt đầu.

Chỉ trong vòng sáu tháng, dưới sự hướng dẫn của tay đệ nhất kỳ thủ Quảng Đông, Mã Kinh Lâm đã học hết các kỹ thuật tinh xảo của Tượng Kỳ Diệu Pháp, Quất Trung Bí, đồng thời học thuộc lòng thêm nhiều câu Ngữ Lục của Mao chỉ tịch để ứng khẩu đọc lên mỗi khi được báo chí phỏng vấn. Chẳng hạn: "Nhân dân có sức mạnh vô địch," hay là: "Khi nhân dân tiến lên, không có gì cản trở được," toàn những tư tưởng uyên áo và hơi khó hiểu đối với đầu óc của cậu nhà quê Mã Kinh Lâm.

(kỳ sau tiếp)

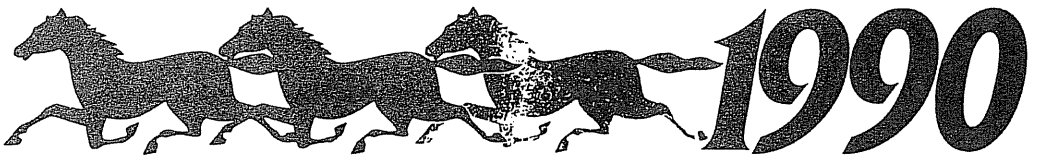

HỌC ANH-NGỮ VỚI VIDEO

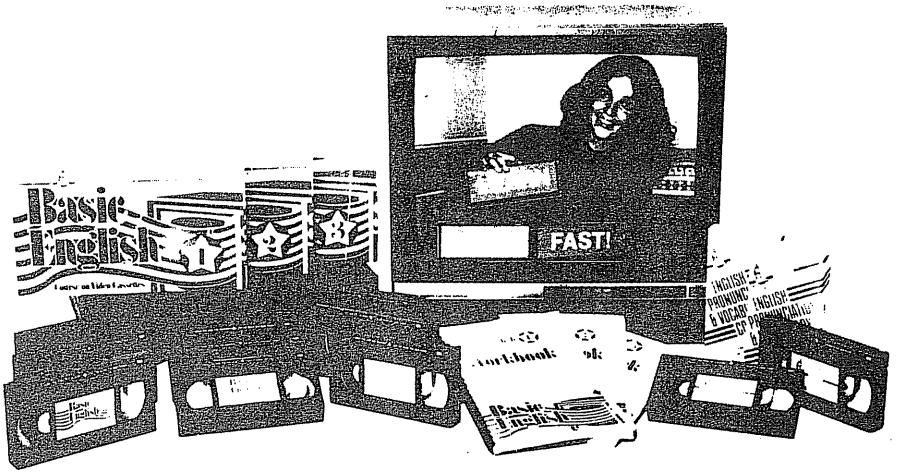

Năm Canh Ngọ...1990...
Một biểu tượng cho quyền hành và sức mạnh của thời xưa...
Ngày nay, hơn bao giờ hết, quyền hành và sức mạnh
là do kiến thức mà ra.
Việc nói giỏi tiếng Anh sẽ cho bạn một kiến thức đặc biệt
mà bạn không thể không có trong thập niên 1990...
Giờ đây, để đón mừng năm Canh Ngọ, Viện Ngữ Học American Video Language Institute đang giảm giá đặc biệt cho khóa Anh Ngữ Căn Bản trên băng Video của Viện.
Đây là khóa học mà bạn từng đã nghe qua; khóa học thật mau, thật vui và thật hiệu nghiệm!
Hãy học nói tiếng Anh như một người bản xứ!

Muốn biết thêm chi tiết về
khóa Anh Ngữ Căn Bản hoặc khóa Phát Âm Và Ngữ Vựng
của Viện Ngữ Học American Video Language Institute

Xin gọi

Cô HOÀNG PHAN hoặc Cô DIỆU LÊ

1-800-553-8282

AMERICAN
VIDEO LANGUAGE INSTITUTE, INC.

VHS
BETA

3909 N.E. 163rd Street, Suite 308
North Miami Beach, FL 33160 U.S.A.

XUÂN VŨ

THIÊN ĐÀNG TREO

NGƯỜI VIỆT

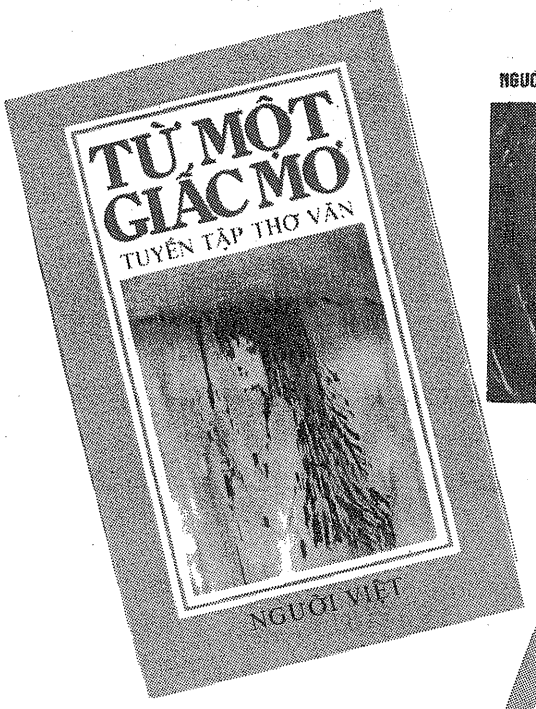

Đã phát hành khắp nơi
Ba ấn phẩm đặc sắc
của nhà xuất bản
Người Việt

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

THẾ KỶ 21
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

Kèm theo đây là check/money order Ngày _____

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Các nước khác
6 số báo	$ 12	$ 18	US$ 20	US$ 21
12 số báo	$ 24	$ 36	US$ 40	US$ 42
24 số báo	$ 48	$ 72	US$ 80	US$ 84
36 số báo	$ 72	$ 120	US$ 120	US$ 126

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

✻ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

THẦY HAI CHÂU GIANG

VỚI TIỀM LỰC THẦN BÍ VÀ SIÊU NHIÊN

1.- Cho quý vị chứng kiến sự hiện tình của người bạn không thấy mặt, hoặc không biết mặt, còn sống hay chết, hành vi của họ trong quá khứ và hiện tại.
2.- Đem người bỏ đi trở về
3.- Trừ ma quỉ và sự rối loạn tâm thần do quỉ ma ám ảnh
4.- Cho phép hộ thân, giải tai nạn và thù oán
5.- Xem địa lý, sắp đặt ngày khai trương, tân gia để được phát đạt
6.- Chỉnh hướng địa trạch, làm hồi sinh những cơ sở thương mại đang xuống dốc

Liên lạc để lấy hẹn

(714) 441-1813

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

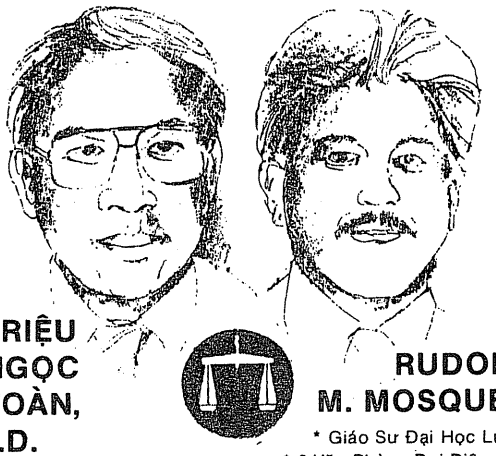

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH
  - * Vì Xe Cộ:
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - * Trượt Ngã Siêu Thị
  - * Sơ Xuất Y Tế
- HÌNH LUẬT
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- LUẬT ĐỊA ỐC:
- DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:
- LUẬT THƯƠNG MẠI:
- KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:
- LUẬT GIA ĐÌNH:
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- DI CHÚC THỪA KẾ

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ 2-7: 10AM-7PM
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683
(Cạnh Siêu Thị 99)

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra cỡ chữ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

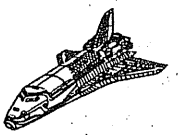

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Đầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

HẸN NHAU Ở

BI/DA sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN
để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI
để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU
để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

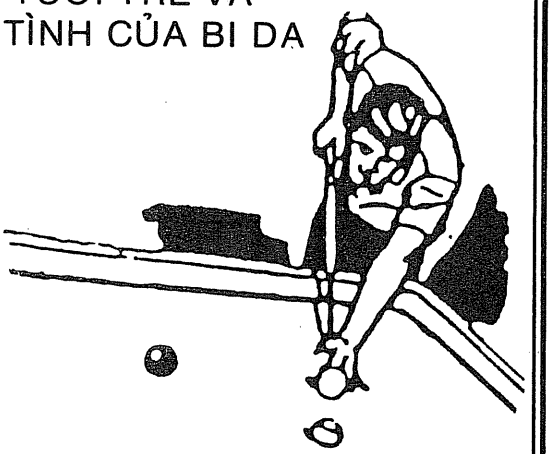

NHỚ CHỢ BẾN THÀNH — KHÔNG CẦN ĐI ĐÂU XA

LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

小西貢超級市場

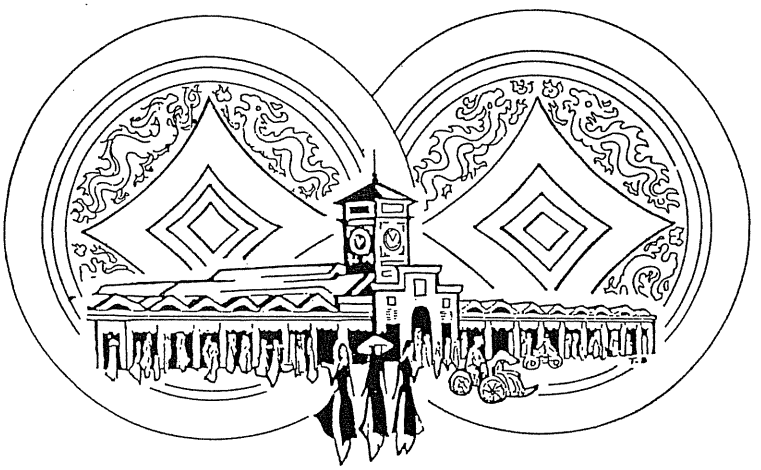

9822 Bolsa Ave., Westminster,
CA 92683 (góc Bolsa và Brookhurst)

714-531-7272

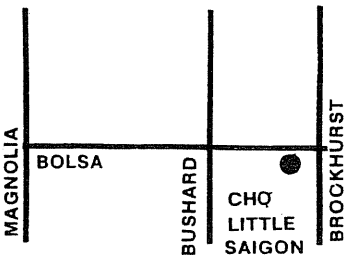

LUÔN LUÔN CÓ HÀNG SALE
...và hàng trăm mặt hàng nhu yếu phẩm do chính chủ nhân tự nhập cảng:

BÁN DƯỚI GIÁ SỈ

SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT
TẠI TRUNG TÂM LITTLE SAIGON

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD C. REID
2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648
(714) 536-4014
KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ
TAI NẠN

Xin liên lạc
Văn Phòng Chính:
CÔ NHƯ LAN
(714) 536-4014

- Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
- Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
- Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF
EDWARD C. REID
Specializing In Insurance Law With Emphasis On:
PERSONAL INJURY
ACCIDENT * ALL TYPES

- AUTO ACCIDENTS
- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- SPORTS INJURIES
- INSURANCE CLAIMS
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION **NO RECOVERY — NO FEE**

Giá $2.50 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00 MK